



BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH

TÂN ƯỚC LƯỢC KHẢO
MA-THI-Ơ – KHẢI HUYỀN

BOB UTLEY
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH
(CHÚ GIẢI KINH THÁNH)

BIBLE LESSONS INTERNATIONAL, MARSHALL, TEXAS
2000 (Hiệu Đính 2007)

MỤC LỤC

Hướng dẫn cách đọc Kinh thánh hiệu quả: xác nhận chân lý một cách cá nhân	i
Lời mở đầu	1
Giới thiệu Ma-thi-ơ	3
Giới thiệu Mác	9
Giới thiệu Lu-ca	15
Giới thiệu Giăng	22
Giới thiệu Công Vụ Các Sứ Đồ	30
Giới thiệu Rô-ma	39
Giới thiệu 1 Cô-rinh-tô	44
Giới thiệu 2 Cô-rinh-tô	52
Giới thiệu Ga-la-ti	58
Giới thiệu Ê-phê-sô	63
Giới thiệu Phi-líp	72
Giới thiệu Cô-lô-se	78
Giới thiệu những thư tín gửi đến Tê-sa-lô-ni-ca	87
Giới thiệu những thư tín mục vụ: 1 và 2 Ti-mô-thê và Tít	96
Giới thiệu Tít	104
Giới thiệu Phi-lê-môn	106
Giới thiệu Hê-bơ-rơ	109
Giới thiệu Gia-cơ	115
Giới thiệu 1 Phi-e-rơ	120
Giới thiệu 2 Phi-e-rơ	128
Giới thiệu 1 Giăng	133
Giới thiệu 2 và 3 Giăng	139
Giới thiệu Giu-đe	142
Giới thiệu Lời Tiên Tri Cựu Ước	146
Giới thiệu Khải Huyền	151
Phụ Lục 1	169
Phụ Lục 2	178
Phụ Lục 3	181

HƯỚNG DẪN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ:

CUỘC TÌM KIẾM LỄ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lễ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11).

Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu hỏi xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lễ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu Ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ-đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giận xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

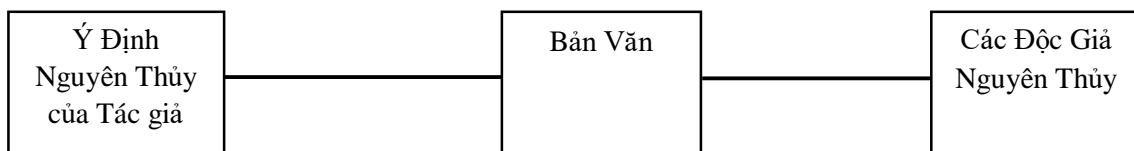
Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để anh chị em, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:

1. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
2. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
3. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
4. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thân cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 - (a) Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 - (b) Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 - (c) Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 - (d) Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 - (e) Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
 - (f) Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

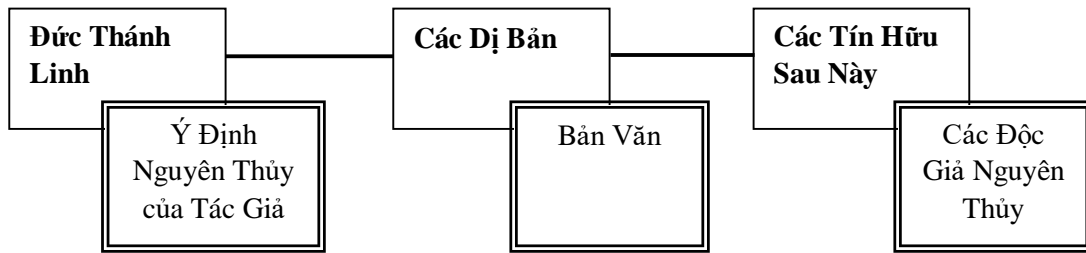
Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất cần phải tránh:

1. Phớt lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
2. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
3. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ-đốc nhân ngày nay.
4. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
5. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lối giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

Trong ánh sáng của những kỹ thuật đọc không đúng đắn này, vậy một vài cách tiếp cận và giải nghĩa Kinh Thánh cách đúng đắn đem lại mức độ xác minh và tính nhất quán cao?

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khản nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

- (1) bối cảnh lịch sử
- (2) ngữ cảnh văn học
- (3) cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)
- (4) cách sử dụng từ lúc đương thời
- (5) những phân đoạn tương đồng có liên quan

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ-độc nhân thường bắt đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau:

(1) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất

(a) Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác

- (i) sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
- (ii) tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
- (iii) theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible)

(b) Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.

(c) Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.

(d) Xác định thể loại văn chương chủ yếu

(i) Cựu Ước

- 1) Văn tường thuật Hy bá lai
- 2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
- 3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)

- 4) Các luật lệ
 - (ii) Tân Ước
 - 1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - 2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - 3) Bức thư/ thư tín
 - 4) Văn Chương Khải thị
- (2) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
 - (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
 - (b) Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
 - (c) Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- (3) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
 - (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
 - (b) Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - (i) tác giả
 - (ii) thời điểm
 - (iii) người nhận
 - (iv) lý do cụ thể viết sách này
 - (v) các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - (c) Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà anh chị em sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp anh chị em theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
 - (d) Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- (4) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
 - (a) Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - (b) Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - (i) các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêso 1:6, 12, 13
 - (ii) các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
 - (iii) các khái niệm tương phản
 - (c) Liệt kê những mục sau đây
 - (i) các từ ngữ quan trọng
 - (ii) các từ ngữ bất thường
 - (iii) các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
 - (iv) các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
 - (d) Tìm các phân đoạn song song tương đương
 - (i) tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề anh chị em đang nghiên cứu
 - a) các sách “thần học hệ thống”
 - b) Các Kinh thánh đối chiếu
 - c) Kinh thánh phù dẫn
 - (ii) Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề anh chị em nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì Toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
 - (iii) Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
 - (e) Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của anh chị em về bối cảnh lịch sử và tùy trường hợp
 - (i) Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - (ii) Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cảm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - (iii) Các sách nhập môn Kinh thánh

- (iv) Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của anh chị em đến thời điểm này, anh chị em nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của anh chị em).

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Anh chị em đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ anh chị em phải áp dụng nó trong cuộc sống của anh chị em, văn hóa của anh chị em. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của anh chị em và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho anh chị em. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Đê có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- (1) Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- (2) Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- (3) Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- (4) Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của anh chị em ngay lập tức
- (5) Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- (1) Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:

“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ-đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ-đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiểu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

- (2) Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:

Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh như là lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tâm lòng nơi cửa miệng, với sự hờn hờ trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cầu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải

là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”

(3) Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:

“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về trí thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp anh chị em trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

1. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi anh chị em đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” anh chị em nên kiểm tra lại thông tin này.
2. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp anh chị em thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
3. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
 - a. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hội UBS⁴)
 - b. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
 - c. Bản New King James Version (NKJV)
 - d. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
 - e. Bản Today’s English Version (TEV)
 - f. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lễ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgích về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

4. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
 - a. bối cảnh ngữ văn
 - b. các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
 - c. các thông tin ngữ pháp
 - d. các nghiên cứu theo từ
 - e. các đoạn Kinh thánh tương ứng
5. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
 - a. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
 - b. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
 - c. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today’s English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.

- d. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
6. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
- các dị bản
 - cách sử dụng từ
 - các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
 - các bản văn không rõ ý
- Dẫu các bản văn tiếng Anh không thể giải quyết hết mọi vấn đề, chúng có mục tiêu là đề cho việc nghiên cứu cẩn trọng hơn và sâu sắc hơn.
7. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó

Những Tài Liệu Nghiên Cứu Chú Giải Kinh những tập đã có sẵn:

Tập. 0	Hội Thảo “Bạn Có Thể Hiểu Kinh Thánh”
Tập. 1	Sự Vững Chắc của Cơ Đốc Nhân Đầu Tiên: Ma-thi-o
Tập. 2	Phúc Âm theo Phi-e-rơ: Mác, 1 và 2 Phi-e-rơ
Tập. 3A	Sử Gia Lu-ca: Phúc Âm Lu-ca
Tập. 3B	Sử Gia Lu-ca: Sách Công Vụ Các Sứ Đồ
Tập. 4	Hội Kỵ và Các Thư Tín của Môn Đồ Được Yêu: Phúc Âm của Giăng và 1,2 và 3 Giăng
Tập. 5	Phúc Âm theo Phao-lô: Rô-ma
Tập. 6	Các Thư Tín của Phao-lô gửi cho hội thánh có vấn đề, 1 và 2 Cô-rinh-tô
Tập. 7	Các Thư Tín Đầu Tiên của Phao-lô: Ga-la-ti và 1,2 Tê-sa-lô-ni-ca
Tập. 8	Các Thư Tín Trong Tù: Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-lê-môn và Phi-líp
Tập. 9	Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư của Phao-lô: 1 Ti-mô-thê, Tít và 2 Ti-mô-thê
Tập. 10	Sự Siêu Việt của Giao Ước Mới: Hê-bơ-rơ
Tập. 11	Anh em trên đất của Chúa Giê-su: Gia-cơ và Giu-đe
Tập. 12	Hy Vọng Trong Thời Kỳ Khó Khăn: Khải Huyền

Các Tập Cựu Ước:

Tập. 1AOT	Mọi Vật Bắt Đầu Như Thế Nào: Sáng Thế Ký 1-11
Tập. 8OT	Thời Kỳ Hậu-Lưu Đày: Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi và Ê-xơ-tê
Tập. 10OT	Các Nhà Tiên Tri Thế Kỷ Thứ Tám: A-mốt, Ô-sê, Giô-na và Mi-chê
Tập. 14OT	Khải Thị Cựu Ước: Đa-ni-ên và Xa-cha-ri

LỜI MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA NHỮNG THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG

A. DANH XƯNG CỦA CÁC THẦN

1. Chúa (YHWH/ Kurios)
2. Đức Chúa Trời (E-lô-him/ Theos)
3. Con Người
4. Con của Đức Chúa Trời
5. Đấng Cứu Thế
6. Chúa Giê-su
7. Đấng Christ

B. TÊN CÁC BẢN VĂN VÀ BẢN DỊCH

1. Bản Ma-sô-rê-tíc
2. Bản Bảy Mươi
3. Bản Targum
4. Bản La-tin Phổ Thông (Vulgate)
5. Bản Peshitta
6. Cuộn Biển Chết

C. TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ (Xem PHỤ LỤC 1)

D. PHÊ BÌNH BẢN VĂN (Xem PHỤ LỤC 2)

E. CẦU TRÚC NGỮ PHÁP HY LẠP ẢNH HƯỞNG VIỆC GIẢI KINH (Xem PHỤ LỤC 3)

II. DÒNG THỜI GIAN CƠ BẢN CỦA TÂN ƯỚC

III. BẢN ĐỒ CƠ BẢN THỂ GIỚI ĐỊA TRUNG HẢI VÀO THẾ KỶ THỨ NHẤT

A. Phần biển

- | | |
|-----------------------|------------------|
| 1. Biển Địa Trung Hải | 4. Biển Aegen |
| 2. Biển Đen | 5. Sông Nin |
| 3. Biển Adriatic | 6. Sông Giô-đanh |

B. Những quốc gia được đề cập trong Tân Ước

- | | |
|-------------|---------------|
| 1. Ai-Cập | 4. Ê-cô-pô-ly |
| 2. Giu-đa | 5. Ga-li-lê |
| 3. Sa-ma-ri | 6. Sy-ri |

7. Phê-ni-xi
8. Si-li-si
9. Cáp-pa-đốc
10. Ga-la-ti
11. Pam-phi-li
12. Ly-si-a
13. A-si-a

14. Bi-thi-ni
15. Pông
16. A-chai
17. Mê-xa-đoan
18. I-ly-ri
19. Ý (Y-ta-li)

C. Các Đảo Được Đề Cập Trong Tân Ước

1. Síp
2. Cờ-rét
3. Pát-mô
4. Si-li-si
5. Man-ta

D. Các Thành Phố Lớn

1. A-léc-xan-đờ-ri-a
2. Mem-phi
3. Giê-ru-sa-lem
4. An-ti-ôt
5. Tạt-sơ
6. Ê-phê-sô
7. Pẹt-găm
8. Cô-rinh-tô
9. A-thên
10. Rô-ma
11. Tê-sa-lô-ni-ca

GIỚI THIỆU MA-THI-Ơ

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Mãi cho đến thời kỳ Phục Hưng/Cải Chánh thì Phúc Âm Ma-thi-ơ vẫn được xem là Phúc Âm đầu tiên được viết (và ngày nay Giáo Hội Công Giáo La Mã vẫn nghĩ vậy).
- B. Nó là bản được co-py nhiều nhất, trích dẫn nhiều nhất và là Phúc Âm được sử dụng nhiều nhất trong giáo lý và những nghi lễ đầu tiên của giáo hội trong suốt hai thế kỷ đầu tiên.
- C. William Barclay trong *Ba Sách Phúc Âm Đầu Tiên (the First Three Gospels)* trang.19 viết, “Khi quay về với Ma-thi-ơ, là chúng ta quay về với sách được gọi là tài liệu quan trọng nhất của đức tin Cơ Đốc, bởi trong nó chúng ta có bài tường thuật đầy đủ nhất về cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su.”
Bởi vì sách khai triển sự dạy dỗ của Chúa Giê-su theo chủ đề. Nó được dùng để dạy người mới cải đạo (cả người Do Thái và người Ngoại) về cuộc đời và thông điệp của Chúa Giê-su người Na-xa-rét, Đấng Christ.
- D. Nó xây một chiếc cầu vững chắc giữa Giao Ước Cựu và Giao Ước Mới, giữa tín hữu Do Thái và tín hữu người Ngoại. Nó sử dụng Cựu Ước như những lời hứa/sự ứng nghiệm giống như những bài giảng đầu tiên trong sách Công Vụ, được gọi là *kerygma*. Cựu Ước được trích hơn 50 lần và ám chỉ rất nhiều lần. Và những danh hiệu và ngụ ngôn được sử dụng trong Cựu Ước cũng hàm chỉ về Chúa Giê-su.
- E. Vậy nên, mục đích của Phúc Âm Theo Ma-thi-ơ là truyền giao và môn đồ hóa, hai cặp song sinh này là hai khía cạnh của Đại Mạng Lệnh (Mat.28:19-20)
 - 1. Chúng giúp người Do Thái cải đạo qua việc xác chứng với họ về cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su
 - 2. Chúng môn đồ hóa cả người Do Thái và người Ngoại làm cách nào để sống như một Cơ Đốc Nhân.

II. TÁC GIẢ

- A. Dẫu những bản co-py Tân Ước tiếng Hy Lạp đầu tiên (200-400 SCN) chỉ định “theo Ma-thi-ơ”, tác giả của sách là ẩn danh.
- B. Hiệp hội truyền thống của hội thánh đầu tiên cho rằng Ma-thi-ơ là người đã viết Phúc Âm này (người còn được biết đến với cái tên là Lê-vi, Mác.2:14; Lu-ca.5:27-29), người thu thuế (Mat.9:9; 10:3) và là môn đồ của Chúa Giê-su.
- C. Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca có những điểm rất tương đồng:
 - 1. chúng thường đồng ý vào những câu trích trong Cựu Ước dẫu những câu trích đó không có trong cả bản Ma-sô-ra-tíc và Bản Bảy Mươi,
 - 2. chúng thường trích những câu nói bất thường về ngữ pháp của Chúa Giê-su, thậm chí sử dụng các từ Hy Lạp hiếm hoi được dùng,
 - 3. chúng dùng chính xác những câu và cụm từ như tiếng Hy Lạp,
 - 4. hiển nhiên là chuyện vai mượn văn học đã xảy ra.
- D. Có nhiều lý thuyết được thảo luận có liên quan đến mối quan hệ giữa Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca (các Sách Tin Lành Cộng Quan)
 - 1. Hiệp hội truyền thống của hội thánh đầu tiên cho rằng Ma-thi-ơ (Lê-vi) người thu thuế và là môn đồ của Chúa Giê-su đã viết sách Phúc Âm này. Sứ Đồ Ma-thi-ơ đã bị ẩn danh cho đến thời kỳ Phục Hưng/ Cải Chánh mới được xác nhận.

2. Khoảng năm 1766, A.E. Lessing (và sau này Gieseler năm 1818), đã lý thuyết hóa giai đoạn truyền miệng để phát triển Tin Lành Công Quan (“cùng nhìn”). Ông khẳng định cả ba đều phụ thuộc vào truyền thống truyền miệng thời kỳ đầu tiên mà tác giả phải sửa đổi nội dung để phù hợp với độc giả mà họ nhắm đến:
 - a. Ma-thi-ơ: viết cho người Do Thái
 - b. Mác: viết cho người La-mã
 - c. Lu-ca: viết cho người Ngoại
 Mỗi tác phẩm đều liên quan đến trung tâm địa lý khác nhau của Cơ Đốc Giáo.
 - a. Ma-thi-ơ: An-ti-ốt, Sy-ri
 - b. Mác: Rô-ma, Ý
 - c. Lu-ca: Sê-sa-rê gần Biển, Pa-lét-tin
 - d. Giảng: Ê-phê-sô, Tiểu Á
3. Vào đầu thế kỷ 19, J.J Griesbach cho rằng Ma-thi-ơ và Lu-ca tương tự thuật cuộc đời Chúa Giê-su hai phần hoàn toàn tách biệt nhau, hoàn toàn độc lập với nhau. Mác viết ngắn gọn trong Phúc Âm của ông và cố gắng suy xét qua lại giữa hai tường thuật của Ma-thi-ơ và Lu-ca.
4. Vào đầu thế kỷ 20, H.J Holtzmann cho rằng Mác là sách Phúc Âm được viết đầu tiên và cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng cấu trúc Phúc Âm của Mác và thêm những phần tài liệu khác về những lời nói của Chúa Giê-su được gọi là nguồn Q (tiếng Đức *quelle* hay “nguồn”). Đây là lý thuyết về hai nguồn tài liệu (và cũng được ông Fredrick Schleiermacher chứng thực vào năm 1832).
5. Sau đó, B.H. Streeter chỉnh sửa và cho rằng “hai nguồn” tài liệu đó là “bốn nguồn” tài liệu, trong đó có cả “Lu-ca đầu tiên - proto Luke” cộng thêm Mác và thêm Q.
6. Những giả thuyết thông tin trên về Sách Tin Lành Công Quan chỉ là sự suy đoán. Không có một bản thảo chính xác hay bằng chứng lịch sử nào cho thấy có nguồn “Q” hay nguồn “Lu-ca đầu tiên”.

Học giả hiện đại đơn giản là không biết làm thế nào các Sách Phúc Âm được phát triển, ai là người viết chúng (các sách Luật Pháp Cựu Ước và các Sách Tiên Tri đầu tiên cũng vậy). Tuy nhiên, việc thiếu thông tin không hề thay đổi quan điểm của Hội Thánh về sự thần cảm và đáng tin cậy của các sách phúc âm này, chúng là những tài liệu lịch sử cũng như tài liệu về đức tin.

7. Hiển nhiên có những sự tương đồng trong cấu trúc, ngôn từ giữa các Sách Tin Lành Công Quan, nhưng cũng có rất nhiều sự khác biệt. Sự khác biệt thường ở những tường thuật chứng kiến tận mắt. Hội thánh đầu tiên không hề bận tâm về sự khác biệt của ba người chứng kiến về cuộc đời của Chúa Giê-su.

Có thể là do đối tượng độc giả khác nhau, phong cách của tác giả và ngôn từ cũng khác nhau (tiếng A-ram và Hy Lạp) khiến cho các tường thuật dường như chênh lệch. Quả hẳn, các tác giả được thần cảm, người biên tập và người biên soạn có quyền tự do để lựa chọn, sắp xếp và chấp nhận và tóm tắt những sự kiện và sự dạy dỗ trong cuộc đời của Chúa Giê-su (*Làm Thế Nào để Đọc Kinh Thánh Như Đúng Giá Trị của Nó – How to Read the Bible for All Its Worth* tác giả Fee và Stuart, trang.113-148).

- E. Truyền thống của hội thánh đầu tiên ở Papias, giám mục của Hierapolis (130 SCN) được ghi lại bởi sử gia Eusebius trong *Lịch sử Giáo Hội* 3:3916, rằng Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm của ông trong tiếng A-ram. Tuy nhiên, học giả hiện đại đã khước từ giả truyền thống này bởi

1. tiếng Hy Lạp của Ma-thi-ơ không mang đặc tính của một bản dịch từ tiếng A-ram
2. có sử dụng chơi chữ tiếng Hy Lạp (6:16; 21:41; 24:30)
3. phần lớn các câu trích Cựu Ước là từ bản Bảy Mươi (LXX) không phải bản văn Ma-sô-re-tíc tiếng Hê-bơ-rơ.

Có khả năng 10:3 là manh mối của quyền tác giả Ma-thi-ơ. Tại đây “người thu thuế” được thêm vào sau tên của ông. Đây là lời làm sáng tỏ cá nhân mà trong sách Mác không có. Ma-thi-ơ cũng không phải là người nổi tiếng trong Tân Ước và hội thánh đầu tiên. Vậy, tại sao truyền thống lại khai triển quá nhiều về tên tuổi của ông và cho rằng đây là Phúc Âm được viết đầu tiên?

III. THỜI GIAN

- A. Trong nhiều cách thì thời gian viết Phúc Âm có liên quan đến vấn đề Sách Tin Lành Công Quan. Phúc Âm nào được viết trước và ai đã mượn tài liệu của ai?
1. Eusebius, trong *Lịch Sử Giáo Hội*, 3:39:15 cho rằng Ma-thi-ơ đã sử dụng Mác như một hướng dẫn về cấu trúc
 2. Tuy nhiên, Augustin gọi Mác là “người theo dõi sau” và là người viết tắt của Ma-thi-ơ
- B. Cách tiếp cận tốt nhất là cố gắng xác định khoảng thời gian có thể
1. Viết trước 96 hay 115 SCN
 - a. Clement ở Rô-ma (96 SCN) ám chỉ đến Phúc Âm Ma-thi-ơ trong lá thư của ông gửi đến người Cô-rinh-tô.
 - b. Ignatius (110-115 SCN), Giám Mục tại thành An-ti-ốt, trích Mat.3:15 trong lá thư của ông gửi đến người *Sy-mec-nơ*, 1:1
 2. Câu hỏi khó hơn là sách được viết sớm hơn bao nhiêu?
 - a. rõ ràng là sau những sự kiện được ghi lại, có thể là giữa những năm 30
 - b. phải mất một thời gian cho nhu cầu, thành phần và lưu thông của nó
 - c. đoạn 24 có mối quan hệ gì với sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem 70 SCN? Những phần trong Ma-thi-ơ hàm ý hệ thống sinh tể vẫn còn được thực hiện trong đền thờ (5:23-24; 12:5-7; 17:24-27; 26:60-61). Điều này có nghĩa nó được viết trước 70 SCN.
 - d. nếu Ma-thi-ơ và Mác được viết trong thời gian chức vụ của Phao-lô (48-68 SCN) tại sao ông không đề cập đến chúng? Irenaeus trích trong *Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius 5:8:2, đề cho rằng Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm của ông trong khi Phi-e-rơ và Phao-lô ở tại Rô-ma. Cả Phi-e-rơ và Phao-lô bị giết vào cuối thời kỳ Nê-rô trị vì vào năm 68 SCN
 - e. học giả hiện đại đoán là vào năm 50 SCN
- C. Nhiều học giả tin rằng bốn sách Phúc Âm liên quan nhiều hơn về trung tâm địa lý của Cơ Đốc Giáo hơn là các tác giả truyền thống. Có lẽ, Ma-thi-ơ viết tại thành An-ti-ốt xứ Sy-ri, bởi những vấn đề của hội thánh người Do Thái/người Ngoại, khoảng năm 60 SCN hay trễ nhất là trước 70 SCN.

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Vì tác giả và thời gian viết sách là không chắc chắn, nên người nhận cũng vậy. Dường như liên quan đến những tín hữu cả người Do Thái lẫn người Ngoại. Hội Thánh tại An-ti-ốt xứ Sy-ri vào thế kỷ đầu tiên là phù hợp nhất.
- B. Origen trích từ Eusebius trong *Lịch Sử Giáo Hội* 6:25:4, nó được viết cho người tín hữu Do Thái.

V. CẤU TRÚC BỐ CỤC

- A. Phúc Âm này được cấu trúc như thế nào? Cách tốt nhất có thể tìm thấy ý định ban đầu của tác giả được thàn cảm là phân tích cấu trúc của toàn bộ cuốn sách.
- B. Các học giả đã gợi ý nhiều cấu trúc sau
1. sự di chuyển theo địa lý của Chúa Giê-su
 - a. Ga-li-lê
 - b. bắc Ga-li-lê
 - c. Bê-rê và Giu-đê (trong khi di chuyển đến Giê-ru-sa-lem)
 - d. trong Giê-ru-sa-lem
 2. Năm đơn vị văn học theo chủ đề của Ma-thi-ơ. Chúng được xác định bởi cụm từ thường xuyên “Và khi Đức Chúa Giê-su phán những lời ấy xong” (7:28; 11:1; 13:53; 19:1; 26:1). Nhiều học giả cho rằng mỗi đơn vị chủ đề này là dụ ngôn về mỗi sách trong năm sách của Môi-se (Sáng, Xuất, Lê-vi, Dân Số, Phục Truyền)
 - a. cấu trúc giao thoa xen kẽ với kể chuyện văn xuôi và nghị luận

- b. một dạng thần học/tiểu sử được nhận biết bởi cụm từ “từ lúc ấy, Đức Chúa Giê-su bắt đầu...” (4:17; 16:21) và nó giúp chia sách ra làm 3 phần (1:1-4:16; 4:17-16:20; và 16:21-28:29)
- c. Ma-thi-ơ nhấn mạnh về những phân đoạn lời tiên tri Cựu Ước bằng việc sử dụng từ “ứng nghiệm” (1:22; 2:15,17,23; 4:14; 8:17; 12:17; 13:35; 21:4; 27:9 và 27:35)

C. Các “phúc âm” là thể loại văn học độc nhất. Chúng không phải là tiểu sử. Chúng không phải là chuyện kể lịch sử. Chúng là thể loại văn học theo cấu trúc và có sự lựa chọn thần học. Mỗi tác giả của Phúc Âm chọn những sự kiện cuộc đời và dạy dỗ của Chúa Giê-su cách độc nhất để trình bày Ngài cho người đọc được nhắm đến. Các sách Phúc Âm là truyền đạo đơn.

VI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. Mê-si-a, 1:1
2. Đồng trình, 1:23,25
3. Em-ma-nu-ên, 1:23
4. Thầy thuốc, 2:1
5. Na-xa-rét, 2:23
6. Ăn năn, 3:2
7. Xung tội, 3:6
8. Pha-ri-si, 3:7
9. Sa-đu-sê, 3:7
10. “xách giày Ngài”, 3:11
11. “Đây là Con yêu dấu của Ta”, 3:17
12. “nóc đền thờ”, 4:5
13. “Luật Pháp hay lời Tiên Tri”, 5:17
14. “giấy ly hôn”, 5:31
15. “bê chân của Ngài”, 5:35
16. nhà hội, 6:2
17. “cửa hẹp”, 7:13
18. thầy thông giáo, 8:19
19. “người bị quỳ ám”, 8:28
20. “đương ngôi tựa tại bàn ăn” 9:10
21. bầu da, 9:17
22. phường thổi sáo, 9:23
23. sứ đồ, 10:2
24. ách, 11:29,30
25. “đời này hay đời sau”, 12:32
26. ngụ ngôn, 13:3
27. cò lưng, 13:25
28. “truyền thống của cổ nhân”, 15:2
29. âm phủ, 16:18
30. hóa hình, 17:2
31. kính phong, 17:15
32. “người thu thuế đền thờ”, 17:24
33. đơ-ni-ê, 20:2,9
34. Hô-sa-na theo nghĩa đen “cứu chúng tội bây giờ”, tiếng A-ram “quyền lực hoàng gia đê”, 21:9
35. “con đau chuyển dạ” 24:8
36. “sự góm ghiết” 26:64
37. ta-lăng, 25:60
38. “toàn thể Hội Đồng”, 26:64
39. “ngự trên mây trời mà đến”, 26:64
40. “Ruộng Máu”, 27:8

41. công đường, 27:27
42. “Gô-gô-tha”, 27:33
43. “nhưng còn một vài người nghi ngờ”, 28:17

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ NHÂN VẬT

1. Xô-rô-ba-bên, 1:12
2. Hê-rôt, 2:13
3. Con Vua Đa-vít, 9:27
4. Con Người, 10:23
5. Đầy tớ Ta, 12:18
6. Bê-ên-xê-bun, 12:24
7. Hê-rô-đia, 14:6
8. Si-môn con Giô-na, 16:17
9. “các thầy tế lễ và các trưởng lão”, 21:23
10. người theo phe Hê-rôt, 14:6
11. Ra-bi, 23:7
12. Cai-phe, 26:3
13. Phi-lát, 27:2
14. Ba-ra-ba, 27:16
15. Ma-ri Ma-đơ-len, 27:56
16. Giô-sép A-ri-ma-thê, 27:57

VIII. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Bết-lê-hem, 2:1
2. hoang mạc Giu-đê, 3:1
3. Ga-li-lê, 3:13
4. Na-xa-rét, 4:13
5. Ca-pê-na-um, 4:13
6. Sô-đôm và Gô-mơ-rơ, 10:15
7. Bết-sai-đã, 11:21
8. Si-đôn, 15:21
9. Sê-sa-rê Phi-líp, 16:13
10. Núi Ô-liu, 21:2
11. Ghết-sê-ma-nê, 26:36

IX. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao gia phả trong Ma-thi-ơ và Lu-ca lại khác nhau?
2. Ta-ma, Ra-háp và Ru-tơ có điểm chung gì?
3. Ê-li và Giăng Báp-tít có điểm chung gì?
4. “Vương quốc thiên đàng” là gì?
5. Sa-tan cám dỗ Chúa Giê-su trong đồng vắng chính xác là gì?
6. Giải thích 5:17 trong ngôn từ của bạn.
7. Giải thích 5:48 trong ngôn từ của bạn.
8. Giải thích 7:6 trong ngôn từ của bạn.
9. Tại sao 8:5-13 rất không bình thường và quan trọng?
10. Giải thích 10:38 trong ngôn từ của bạn.
11. Giải thích 10:19 trong ngôn từ của bạn.
12. Tại sao Chúa Giê-su chữa bệnh trong ngày Sa-bát?
13. Nói phạm thượng đến Đức Thánh Linh là gì? (12:31-32)
14. Nảy mầm có liên quan đến sự kết quả như thế nào trong ngụ ngôn của người gieo giống? (13)

15. Giải thích 13:44 trong ngôn từ của bạn.
16. Giải thích 15:11 trong ngôn từ của bạn.
17. Giải thích 16:20 trong ngôn từ của bạn.
18. Giải thích 18:8 trong ngôn từ của bạn.
19. Mọi Cơ Đốc Nhân đều có thiên sứ bảo vệ phải không?
20. Giải thích 19:17 trong sự mặc khải Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.
21. Giải thích 21:18-19 trong ngôn từ của bạn.
22. Tại sao Chúa Giê-su nói chuyện cách khắt nghiệt với thầy dạy luật và người Pha-ri-si ở đoạn 23?
23. Tầm quan trọng của 24:26 là gì?

GIỚI THIỆU MÁC

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Hội thánh đầu tiên thường bỏ qua việc sao chép, nghiên cứu và dạy sách Mác trong khi ưu tiên cho Ma-thi-ơ và Lu-ca bởi họ cho rằng Mác là phiên bản “tiêu hóa của người đọc” (tức là phúc âm rút gọn), đây là quan điểm được nêu ra cách cụ thể bởi Augustine.
- B. Mác thường không được trích dẫn và sử dụng bởi các giáo phụ hội thánh Hy Lạp đầu tiên và thế hệ sứ đồ thứ hai (những người bảo vệ đức tin).
- C. Khi sự giải nghĩa kinh thánh theo phương cách tiếp cận lịch sử - ngữ pháp hiện đại được phát triển, Phúc Âm của Mác có một tầm quan trọng mới bởi vì nó được cho là Phúc Âm được viết đầu tiên. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng Mác để trình bày cuộc đời và tầm quan trọng của Chúa Giê-su. Do đó, sách Mác trở thành tài liệu nền tảng của hội thánh, tài liệu đầu tiên chính thức về cuộc đời Chúa Giê-su.

II. THỂ LOẠI

- A. Các sách Phúc Âm không phải thể loại tiểu sử hay lịch hiện đại. Chúng là những tác phẩm thần học có chọn lọc được sử dụng để giới thiệu Chúa Giê-su cho nhiều nhóm đọc giả khác nhau và hướng họ đến đức tin nơi Ngài. Chúng là “tin tốt lành” về câu chuyện cuộc đời Chúa Giê-su với mục đích truyền giảng (Giăng.20:30-31)
- B. Sách Mác nhắm đến 4 bối cảnh lịch sử và 4 mục đích thần học cách riêng biệt
 1. cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su
 2. cuộc đời và chức vụ của Phi-e-rơ
 3. nhu cầu của hội thánh đầu tiên
 4. mục đích truyền giáo của Giảng Mác
- C. Bốn sách Phúc Âm là độc nhất trong văn học Cận Đông và Hy Lạp-La Mã. Những tác giả được thần cảm bởi Đức Thánh Linh để chọn lựa những phần dạy dỗ và hành động của Chúa Giê-su trình bày một cách rõ ràng nhất về đặc tánh và/ hay mục đích của Ngài.

Các phúc âm này sắp xếp từ và hành động trong những cách khác nhau. Một ví dụ có thể so sánh là Bài Giảng Trên Núi trong Ma-thi-ơ (Mat.5-7) và Bài Giảng nơi Đồng Bằng trong Lu-ca. Rõ ràng, trong Ma-thi-ơ, ông chủ ý tập hợp tất cả sự dạy dỗ của Chúa Giê-su thành một bài giảng dài trong khi Lu-ca dàn trải sự giảng dạy của Ngài xuyên suốt Phúc Âm của ông. Cũng như vậy, Ma-thi-ơ đặt những phép màu của Chúa Giê-su chung với nhau, trong khi Lu-ca trải đều phép lạ của Ngài khắp Phúc Âm của ông.

Điều này không chỉ cho thấy khả năng sắp xếp và chọn lọc của các tác giả về sự dạy dỗ của Chúa Giê-su, mà còn cho thấy mục đích thần học của mỗi người (đọc *Làm Thế Nào để Đọc Kinh Thánh như Tất Cả Giá Trị của nó – How to Read the Bible For All Its Worth* của Fee và Stuart, trang.113-134). Khi đọc các sách Phúc Âm, người đọc nên liên tục hỏi, điểm thần học mà tác giả đang cố gắng trình bày ở đây là gì. Tại sao cần phải có sự kiện, phép lạ và bài học cụ thể này ở đây?
- D. Phúc Âm Mác là một ví dụ tốt về nhóm người sử dụng tiếng Hy Lạp Phổ Thông như là ngôn ngữ thứ hai của họ trong thế giới Địa Trung Hải. Tiếng mẹ đẻ của Mác là A-ram (cũng là ngôn ngữ của Chúa Giê-su và tất cả những người Do Thái trong thế kỷ đầu tiên của Pa-lét-tin). Hương vị trộn lẫn ngôn ngữ là một nét đặc trưng của Phúc Âm Mác.

III. TÁC GIẢ

- A. Giảng Mác được truyền thống nhận định là ông với Sứ Đồ Phi-e-rơ trong việc viết sách Phúc Âm này. Chính tác phẩm này (cũng giống như tất cả các Phúc Âm khác) là ẩn danh.
- B. Câu chuyện tận mắt chứng kiến của Phi-e-rơ là một bằng chứng bởi trong thực tế Mác đã không tường thuật lại 3 sự kiện đặc biệt trải nghiệm cá nhân của Phi-e-rơ
1. đi trên mặt nước (Mat.14:28-33)
 2. ông là người phát ngôn cho đức tin của Mười Hai Môn Đồ tại Sê-sa-rê Phi-líp (Mat.16:13-20), trong Mác chỉ 8:27-30 và phân đoạn “trên vầng đá này” và “chìa khóa thiên đàng” bị loại bỏ.
 3. ông câu cá để trả thuế đền thờ cho chính ông và Chúa Giê-su (Mat.17:24-27)
- Có thể sự khiêm nhường của Phi-e-rơ đã khiến ông không nhấn mạnh những sự kiện này.
- C. Truyền thống hội thánh đầu tiên
1. I Clements, được viết từ Rô-ma khoảng 95 SCN, cho rằng Mác (*Người Chăn Bầy của Hermes – Shepherd of Hermes* cũng vậy).
 2. Papias, giám mục của Hierapolis (275-339 SCN) trong *Lịch Sử Giáo Hội* của ông trang.3.39.15. Ông khẳng định Mác là thông dịch viên của Phi-e-rơ, người đã ghi lại cách chính xác những ký ức của Phi-e-rơ về Chúa Giê-su nhưng không theo thứ tự dòng thời gian. Có vẻ như, Mác đã lấy và tiếp nhận những bài giảng của Phi-e-rơ và sắp xếp chúng lại trong cách trình bày Phúc Âm của ông. Papias khẳng định ông có được thông tin này từ “trưởng lão”, hàm ý đến Sứ Đồ Giảng.
 3. Justin Martyr (150 SCN) trích Mác.3:17, sự thêm vào này là ký ức của Phi-e-rơ.
 4. Lời mở đầu trong tác phẩm Anti-Marcionite được viết vào khoảng 180 SCN, nhận định Phi-e-rơ là nhân chứng sống trong Phúc Âm Mác. Nó cũng cho biết Mác viết Phúc Âm này tại Ý (Y-ta-li) sau cái chết của Phi-e-rơ (truyền thống cho rằng được viết tại Rô-ma khoảng sau năm 65 SCN)
 5. Irenaeus, được viết khoảng 180 SCN, đề cập Giảng Mác như là thông dịch viên của Phi-e-rơ và là người biên soạn những hồi ức của Phi-e-rơ sau khi ông qua đời (*Contra Haereses* 3:1:2).
 6. Clement của Alexanderia (195 SCN) khẳng định rằng những người nghe Phi-e-rơ giảng tại Rô-ma yêu cầu Mác ghi lại những bài giảng của Phi-e-rơ.
 7. Muratorian Fragment (trong điện kinh – canon), được viết khoảng 200 SCN tại Rô-ma, dấu bản văn dường như không hoàn thiện, nhưng khẳng định rằng Giảng Mác ghi lại bài giảng của Phi-e-rơ.
 8. Tertullian (200 SCN) trong tác phẩm *Chống Marcion-Against Marcion* (4:5) nói Mác đã xuất bản ký ức của Phi-e-rơ.
 9. Trong *Chú Giải Kinh Thánh của Expositor - The Expositor's Bible Commentary*, Tập.8, trang 606, Walter Wessel đã đưa ra một lời bình luận thú vị về những truyền thống hội thánh đầu tiên ở trên, liên quan đến sự toàn cầu về địa lý của trung tâm hội thánh
 - a. Papias ở Tiểu Á
 - b. Lời mở đầu Anti-Marcion và Muratorian Fragment đều ở Rô-ma
 - c. Irenaeus (*Adv.Haer.* 3.1.1) ở Lyons – Pháp. Truyền thống của Irenaeus cũng được tìm thấy ở Tertullian (*Adv. Marc.*4.5) từ bắc Châu Phi và Clement của Alexandria, Ai Cập (*Hypotyposesis* 6 được trích bởi Eusebius, *Lịch sử Giáo hội* 2.15.1-2; 3.24.5-8; 6:14:6-7). Sự phủ khắp về địa lý đã tạo lòng tin cho sách Mác về sự đáng tin cậy của nó bởi vì sự chấp nhận diện rộng của truyền thống trong Cơ Đốc Giáo đầu tiên.
 10. Theo *Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius. 4:25, Origen (230 SCN) trong *Chú Giải Kinh Ma-thi-ơ* (không có chú giải nào về Mác cho đến thế kỷ thứ năm) cho rằng Mác viết Phúc Âm Mác khi Phi-e-rơ giải thích cho ông.
 11. Chính Eusebius thảo luận Phúc Âm của Mác trong *Lịch Sử Giáo Hội* 2.15 cho rằng Mác đã ghi lại các bài giảng của Phi-e-rơ để những người nghe giảng có thể đọc nó trong tất cả hội thánh. Eusebius đặt cơ sở này trên các tác phẩm của Clement tại Alexandria.
- D. Chúng ta biết gì về Giảng Mác
1. Mẹ của ông nổi tiếng giữa vòng tín hữu tại Giê-ru-sa-lem trong vòng những hội thánh tư gia (có

khả năng tại bữa Tiệc Thánh của Chúa, Mác. 14:14-15; Công.1:13-14; Công.12:12). Có lẽ ông là người không được biết tên bỏ chạy khỏi vườn Ghết-sê-ma-nê (Mác. 14:51-52).

2. Ông đồng hành cùng Ba-na-ba (Côl.4:10) và đồng hành cùng Phao-lô từ Giê-ru-sa-lem về An-ti-ôt (Công.12:25)
 3. Ông là bạn đồng hành của Ba-na-ba và Phao-lô trong hành trình truyền giáo thứ nhất (Công. 13:5) nhưng đột nhiên bỏ về (Công.13:13)
 4. Sau này, Ba-na-ba muốn dẫn Mác đi trong hành trình truyền giáo thứ hai, nhưng điều này đã khiến một sự bất hòa dữ dội giữa Ba-na-ba và Phao-lô (Công.15:37-40)
 5. Sau đó, ông lại kết hợp với Phao-lô và trở nên người bạn, người đồng công với Phao-lô (Côl.4:10; 2Tim.4:11; Phi.24).
 6. Ông là người đồng hành và người đồng công với Phi-e-rơ (1 Phi.5:13) có thể là ở tại Rô-ma.
- E. Kiến thức cá nhân của Mác về cuộc đời của Chúa Giê-su dường như được khẳng định trong 14:51-52, chàng trai trẻ trần truồng bỏ chạy tại vườn Ghết-sê-ma-nê ngay khi Chúa Giê-su bị bắt. Chi tiết bất thường và hoàn toàn không được mong đợi này chỉ tìm thấy trong Mác phản chiếu kinh nghiệm cá nhân của Mác.

IV. THỜI GIAN

- A. Phúc Âm này là câu chuyện tận mắt chứng kiến và là sự giải nghĩa về cuộc đời, hành động và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su được lấy từ những bài giảng của Phi-e-rơ. Chúng được biên soạn, thu thập và phân bố sau khi ông qua đời, Lời Mở Đầu của Anti-Marcionite và Irenaeus cũng đồng ý như vậy (và họ còn thêm dữ liệu là sau cái chết của Phao-lô). Cả Phi-e-rơ và Phao-lô bị tử vì đạo dưới thời Nê-rô (54-68 SCN) tại thành Rô-ma (theo truyền thống hội thánh). Thời gian viết sách là không chắc chắn, nhưng nếu dữ liệu này là sự thật, thì có lẽ thời gian viết sách Mác là khoảng giữa những năm 60.
- B. Có khả năng Lời Mở Đầu của Anti-Marcionite và Irenaeus không hàm chỉ đến cái chết của Phi-e-rơ, nhưng ông bị trục xuất khỏi Rô-ma (như xuất ê-díp-tô). Một vài bằng chứng truyền thống (Justin và Hippolytus) cho rằng Phi-e-rơ đã thăm Rô-ma trong thời trị vì của Cơ-lốt (Claudius - 41-54 SCN), (*Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius. 2.14.6).
- C. Dường như Lu-ca hoàn thành Công Vụ Các Sứ Đồ với Phao-lô khi ông còn ở trong tù những năm đầu 60. Nếu sự thật là Lu-ca đã sử dụng Mác làm tài liệu cho Phúc Âm Lu-ca, thì sách Mác phải được viết trước Công Vụ, và do đó sách được viết sớm hơn những năm đầu 60.
- D. Tác giả và thời gian viết sách Mác không ảnh hưởng gì đến những lễ thật về lịch sử/ thần học/ truyền giáo trong Phúc Âm này hay bất kỳ phúc âm khác. Chúa Giê-su không phải là tác giả con người, người là nhân vật máu chót!
- E. Thật ngạc nhiên khi không một Phúc Âm nào (thậm chí là Giảng, được viết 95-96 SCN) cũng không nhắc đến sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem (Mat.24, Mác.13, Lu-ca.21) vào năm 70 SCN thời tổng tư lệnh La-mã, sau này là Hoàng Đế Titus. Mác có thể được viết trước sự kiện này. Ngay cả khả năng Ma-thi-ơ và Lu-ca được viết trước sự phán phạt chính này trên Do Thái Giáo. Chỉ đơn giản có thể nói rằng thời gian cấu thành các sách Tin Lành Cộng Quan là không chắc chắn (cũng như mối quan hệ văn học lẫn nhau giữa các sách).

V. NGƯỜI NHẬN

- A. Mác được gắn kết với La-Mã bởi nhiều tác giả hội thánh đầu tiên
 1. 1 Phi-e-rơ 5:13
 2. Lời Mở Đầu Anti-Marcionite (Ý)
 3. Irenaeus (Rô-ma, *Adv. Haer.* 3.1.2)
 4. Clement ở Alexandria (Rô-ma, *Lịch Sử Giáo Hội* củ Eusebius. 4.14.6-7; 6.14.5-7)

- B. Mác không cụ thể trình bày mục đích viết Phúc Âm này. Nên có nhiều giả thuyết.
1. là một truyền đạo đơn (1:1) được viết đặc biệt cho người La-Mã (1:15; 10:45)
 - a. các yếu tố Do Thái được giải thích (7:3-4; 14:12; 15:42)
 - b. các từ A-ram được dịch (3:17; 5:41; 7:1,34; 10:46; 14:36; 15:22,34)
 - c. sử dụng nhiều từ La-tin (đạo phủ, 6:27; truyền thống người xưa 7:4; điều tra dân số, 12:14; một phần tư xu, 12:42; dinh tổng đốc, 15:16; viên đội trưởng, 15:39; chuẩn bị, 15:42)
 - d. ngôn ngữ rất độc đáo khi liên quan đến Chúa Giê-su
 - (1) ngôn ngữ độc đáo liên đến những ai sống tại Pa-lét-tin (1:5,28,33,39; 2:13; 4:1; 6:33,39,41,55)
 - (2) ngôn ngữ bao quát liên quan đến mọi người (13:10)
 2. sự bắt bớ khởi đầu từ trận hỏa hoạn thành Rô-ma vào năm 64 SCN, mà Nê-rô đổ thừa cho Cơ Đốc Nhân, khởi xướng một trận sóng bắt bớ tàn ác trên các tín hữu. Mác thường đề cập đến sự bắt bớ (sự chịu khổ của Chúa Giê-su 8:31; 9:39; 10:33-34,45 và sự chịu khổ của các môn đồ 8:34-38; 10:21,30,35-44).
 3. Sự Tái Lâm bị trì hoãn
 4. những nhân chứng về Chúa Giê-su qua đời, đặc biệt là các Sứ Đồ
 5. sự nổi lên của các dị giáo giữa vòng các hội thánh Cơ Đốc lan rộng
 - a. người theo Do Thái Giáo (Ga-la-ti)
 - b. Trí Huệ Giáo (1 Giăng)
 - c. sự trộn lẫn giữa 2 giáo phái trên a và b (Cô-lô-se và Ê-phê-sô; 2 Phi.2)

VI. CẤU TRÚC BỐ CỤC

- A. Mác được cấu trúc theo cách khá đặc biệt rằng tuần cuối cùng của cuộc đời Chúa Giê-su được tập trung và chiếm 1/3 sách. Tâm quan trọng thần học của Tuần Lễ Thương Khó được nhấn mạnh.
- B. Theo truyền thống hội thánh đầu tiên, thì Mác lấy từ những bài giảng của Phi-e-rơ (có khả năng ở Rô-ma) nên những câu chuyện giảng sinh không được kể đến. Mác mở bài là khi Phi-e-rơ bắt đầu kinh nghiệm Chúa Giê-su khi ông đã trưởng thành, và theo mặt thần học thì nó có liên quan đến sứ điệp của Giảng Báp-tít về sự ăn năn và đức tin trong việc chuẩn bị cho Đấng Mê-si-a.
 Những bài giảng của Phi-e-rơ phải chứa những khái niệm về “Con Người” và “Con Đấng Chúa Trời”. Phúc Âm này phản chiếu thần học của Phi-e-rơ về thân vị của Chúa Giê-su. Trước hết, Ngài vừa là người thầy, Đấng chữa lành đại tài, nhưng Ngài còn là Đấng Mê-si-a! Đấng Mê-si-a này không được mong đợi để chiến thắng chính quyền qua quân đội, nhưng Ngài là một Đấng Chịu Khổ (Ê-sai.53)
- C. Cấu trúc bố cục sách Mác theo vị trí địa lý căn bản khá tương đồng với các sách Tin Lành Cộng Quan khác (Ma-thi-ơ và Luca)
1. chức vụ tại miền Ga-li-lê (1:14-6:13)
 2. chức vụ ngoài vùng Ga-li-lê (6:14-8:30)
 3. hành trình đến Giê-ru-sa-lem (8:31-10:52)
 4. tuần lễ cuối cùng trong thành Giê-ru-sa-lem (11:1-16:8)
- D. Thậm chí có khả năng cấu trúc của sách Mác có thể bắt chước những khuôn mẫu căn bản của những bài giảng đầu tiên của các Sứ Đồ (Công. 10:37-43, *Nghiên Cứu Tân Ước* của C.H. Dodd, trang.1-11). Nếu điều này là sự thật thì Phúc Âm này là đỉnh cao của truyền thống truyền khẩu (*kerygma*). Do Thái Giáo cho rằng giảng dạy bằng miệng vượt trội hơn bản văn viết.
- E. Mác được nhận biết bởi những câu chuyện di chuyển nhanh (vd. “ngay lập tức”, 1:10) về cuộc đời của Chúa Giê-su. Mác không ghi lại những bài dạy đồ dài, nhưng di chuyển cách nhanh chóng hết sự kiện này đến sự kiện khác (từ “ngay lập tức” được lặp lại rất nhiều). Phúc Âm của Mác mạc khải Chúa Giê-su qua hành động của Ngài. Tuy nhiên, câu chuyện diễn biến nhanh này được lấy từ chứng nhân tận mắt chứng kiến cách sống động và chi tiết (đó là Phi-e-rơ).

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. báp-tem của sự ăn năn, 1:4
2. mặt đồ bằng lông lạc đà, 1:5
3. như chim bồ câu, 1:10
4. bốn mươi ngày, 1:13
5. vương quốc của Đức Chúa Trời đã đến gần, 1:15
6. nhà hội, 1:23
7. nói phạm thượng, 2:7
8. thầy dạy luật, 2:6
9. bầu da, 2:22
10. ngụ ngôn 4:2
11. vạt áo, 5:27
12. men của người Pha-ri-si, 8:15
13. hãy lui ra đằng sau Ta, hỡi Satan, 8:33
14. hóa hình, 9:2
15. hỏa ngục (Gehenna), 9:47
16. nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc, 11:17
17. đơ-ni-ên, 12:15
18. Lễ Vượt Qua, 14:1
19. người phong hủi, 14:3
20. chén này, 14:36
21. giờ đã đến, 14:41
22. Ngày Chuẩn Bị, 15:42
23. ngày thứ nhất trong tuần lễ, 16:2

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ NHÂN VẬT

1. Si-môn, 1:16
2. Xê-bê-đê, 1:20
3. uế linh, 1:23
4. Lê-vi, 2:14
5. A-bi-tha, 2:26
6. người Ca-na-nê-an, 3:18
7. Bên-xê-bun, 3:22
8. Quân đoàn, 5:9
9. vua Hê-rốt, 6:14
10. Hê-rô-đia, 6:17
11. Sy-rô-phê-ni-xi, 7:26
12. Ba-ti-mê, 10:46
13. Sê-sa, 12:14
14. sự góm ghiết của bỏ hoang, 13:14
15. người được chọn, 13:20
16. kẻ giả danh Đấng Christ, 13:22
17. thầy tế lễ cả, 14:1
18. A-ba, 14:36
19. Hội Đồng Công Luận, 14:55
20. Ba-ra-ba, 15:7, 11
21. Si-môn người Sy-ren, 15:21
22. Sa-lô-mê, 15:40
23. viên đội trưởng, 15:45

IX. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Giu-đe, 1:4
2. Giê-ru-sa-lem, 1:4
3. Sông Giô-đanh, 1:5
4. Na-xa-rét, 1:9
5. Ga-li-lê, 1:9
6. Ca-pê-na-um, 1:21
7. miền Y-đu-mê, 3:8
8. Ty-rơ, 3:8
9. Si-đôn, 3:8
10. Giê-ra-sê, 5:1
11. Đê-ca-pô-lơ, 5:20
12. Bết-sai-đã, 6:45
13. Đa-ma-nu-tha, 8:10
14. Giê-ri-cô, 10:46
15. Núi Ô-liu, 11:1
16. Ghết-sê-ma-nê, 14:32

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Báp-tem bằng Đức Thánh Linh là gì? (1:8)
2. Những yêu cầu cần thiết của giao ước mới là gì? (1:15)
3. Tại sao những người nghe Chúa Giê-su là ngạc nhiên về sự dạy dỗ của Ngài? (1:22)
4. Tại sao Chúa Giê-su không cho phép quý nói? (1:34)
5. Tại sao Chúa Giê-su không cho phép người được lành kể cho bất kỳ ai về việc này? (1:43)
6. Tại sao Chúa Giê-su bị cáo buộc là phạm thượng trong đoạn 2?
7. Giải thích 2:17 trong ngôn từ của bạn.
8. Tại sao Chúa Giê-su lại thường chữa bệnh trong ngày Sa-bát?
9. Tại sao Chúa Giê-su dạy dỗ qua ngụ ngôn? (3:10-13)
10. Giải thích câu chuyện ngụ ngôn về các loại đất trong ngôn từ của bạn (4:3-9).
11. Tại sao Chúa Giê-su không thể làm thêm phép lạ nào tại quê hương Minh? (6:4-6)
12. Tại sao Chúa Giê-su đi trên mặt biển trong đoạn 6?
13. Giải thích lời tiên tri của Ê-sai trong 7:6-7
14. Giải thích 7:15 trong ngôn từ của bạn.
15. Tại sao Mác trích dẫn câu nói tiếng A-ram của Chúa Giê-su?
16. Giải thích 8:38 trong ngôn từ của bạn.
17. Tại sao người Pha-ri-si hỏi Chúa Giê-su về việc ly hôn trong đoạn 10?
18. Tại sao các môn đồ lại ngạc nhiên (10:26) khi Chúa Giê-su nói 10:25?
19. Tại sao Chúa Giê-su cưới con lừa con trong đoạn 11?
20. Tại sao Chúa Giê-su dẹp sạch đền thờ trong đoạn 11?
21. Tại sao câu hỏi 11:28 là câu hỏi quan trọng?
22. Tại sao ngụ ngôn ở đầu đoạn 12 đầy năng quyền cho nhóm người mà nó nhắm đến?
23. Mệnh lệnh lớn nhất trong Cựu Ước là gì?
24. Tại sao 13:30 lại khó giải nghĩa?
25. Giải thích 15:34 trong ngôn từ của bạn.

GIỚI THIỆU LU-CA

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Luca là Phúc Âm dài nhất. Luca-Công Vụ (nếu ai đó không đồng ý rằng Hê-bơ-rơ là của Phao-lô) có số lượng trang nhiều nhất so với tất cả các tác giả trong Tân Ước và ông là người Ngoại và là thế hệ thứ hai Cơ Đốc Nhân!
- B. Luca viết tiếng Hy Lạp Phổ Thông tốt nhất so với các tác giả Tân Ước do đó có khả thi ông là tác giả ngoại lệ của Hê-bơ-rơ. Hy Lạp là tiếng mẹ đẻ của ông. Ông được giáo dục cao và là một thầy thuốc (Côl.4:14)
- C. Luca nhân mạnh tình yêu thương, quan tâm của Chúa Giê-su cho những người mà ngay cả người Do Thái không hề để ý:
1. những người phụ nữ (Ma-ri, Ê-li-sa-bét, An-ne, Ma-ri và Ma-thê, vv..)
 2. người nghèo (nét đẹp của Luca, Lu.6:20-23 và sự dạy dỗ về sự giàu có, 12:13-21; 16:9-13, 19-31)
 3. bị tẩy chay về mặt xã hội, chủng tộc và tôn giáo
 - a. người đàn bà vô luân (7:36-50)
 - b. người Sa-ma-ri (9:51-56; 10:29-37; 17:11-16)
 - c. người phung hủi (17:11-19)
 - d. người thu thuế (3:12-13; 18:9-14; 19:1-10)
 - e. tội phạm (23:35-43)
- D. Luca ghi lại những ký ức tận mắt chứng kiến của Ma-ri (hai đoạn đầu của Công Vụ) và gia phả theo Ma-ri (3:23-38). Phúc Âm của Luca ghi lại Chúa Giê-su quan tâm cả người Do Thái và người Ngoại.

II. TÁC GIẢ

- A. Sự nhất trí của truyền thống hội thánh đầu tiên
1. Irenaeus (175-195 SCN, *Chống Dị Giáo*, 3.1.1; 3.14.10) cho rằng Luca viết lại phúc âm này qua sự giảng đạo của Phao-lô.
 2. Lời Mở Đầu của Anti-Marcion (175 SCN) nói Luca là tác giả của Phúc Âm này.
 3. Tertullian (150-160-220/240 SCN, trong *Chống lại Marcion* 4:2,3; 4:5,3) nói Luca viết phúc âm đã tiêu hóa của Phao-lô.
 4. Muratorian Fragment (180-200 SCN) gọi Luca là tác giả và là thầy thuốc đồng hành của Phao-lô. Ngoài ra, có người cho rằng ông đã viết tường thuật này qua việc nghe-thấy (có nghĩa là ông phỏng vấn những nhân chứng trực tiếp).
 5. Origen, được trích bởi Eusebius trong chú giải kinh sách Ma-thi-ơ (*Lịch Sử Giáo Hội*. 6.25.6) khẳng định Luca là tác giả của Phúc Âm.
 6. Eusebius (*Lịch Sử Giáo Hội*. 3.4.2,6-7) cũng khẳng định quyền tác giả của Luca cả Phúc Âm Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ.
- B. Nội chứng về quyền tác giả của Luca
1. Phúc âm này, giống như những tác phẩm trong kinh thánh khác, ẩn danh.
 2. Nếu Luca-Công Vụ là một bộ gồm 2 tập, có khả năng rất đúng bởi phần mở đầu của hai sách khá giống nhau, sau đó phần “chúng ta” trong Công Vụ (16:10-17; 20:5-16; 21:1-18; 27:1-28:16) hàm ý tận mắt chứng kiến câu chuyện và hoạt động trong hành trình truyền giáo của Phao-lô.
 3. Phần giới thiệu sách Luca (1:1-4) khẳng định Luca nghiên cứu từ những người tận-mắt chứng kiến để viết phúc âm này theo dòng thời gian về cuộc đời của Chúa Giê-su cho thấy ông là thế hệ tín hữu thứ hai. Phần giới thiệu trong Luca cũng hơi giống trong Công Vụ. Luca và Công Vụ đôi khi trùng lặp nhau về thời gian (những sự kiện sau phục sinh).

III. LUCA, NGƯỜI ĐÀN ÔNG

- A. Lời Mở Đầu Anti-Marcion đối với Luca (175 SCN)
1. người bản xứ tại An-ti-ốt xứ Sy-ri
 2. thầy thuốc
 3. độc thân
 4. người đồng hành với Phao-lô
 5. viết sách tại A-chai
 6. qua đời lúc 84 tuổi tại Boeotia
- B. Eusebius tại Sê-sa-rê (275-339 SCN) trong *Lịch Sử Giáo Hội*.III.4.2
1. từ An-ti-ốt
 2. người đi cùng trong hành trình truyền giao của Phao-lô
 3. viết Phúc Âm Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ
- C. Jerome (346-420 SCN tại *Migna* XXVI.18)
1. viết sách từ A-chai
 2. chết tại Boeotia
- D. Ông là người có học thức cao
1. ngữ pháp tiếng Hy Lạp Phổ Thông tốt
 2. vốn từ vựng nhiều (đặc biệt là thuật ngữ y học và hàng hải)
 3. những phương pháp nghiên cứu (1:1-4)
 4. có khả năng ông là thầy thuốc (Côl. 4:14). Những bình luận tiêu cực của Mác về thầy thuốc trong Mác. 5:26 đã bị loại bỏ trong ngụ ngôn trong Luca.8:43. Luca sử dụng những thuật ngữ liên quan đến y dược, chữa lành, bệnh tật, vv.. ít nhất hơn 300 lần (W. K. Hobart, *Thuật ngữ y học của Luca - The Medical Language of Luke*, hay tác phẩm hay hơn là, A. Harnack, *Luca người Thầy Thuốc - Luke the Physician*)
- E. Ông là người Ngoại
1. Phao-lô dường như phân loại những người giúp đỡ cho ông trong danh sách Côl.4:10-11 (“trong những người chịu cắt bì”) và những người giúp đỡ khác (Ê-pháp-ra, Lu-ca và Đê-ma).
 2. Trong Công.1:9, Luca nói “trong ngôn ngữ của họ”, khi có liên quan đến tiếng A-ram hàm ý đây không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của ông.
 3. Trong Phúc Âm Luca ông loại bỏ tất cả những tranh cãi với người Pha-ri-si có liên quan đến Luật Truyền Khẩu Do Thái.
- F. Trong các tác giả Tân Ước thì ông là người viết Phúc Âm dài nhất, cộng với sách Công Vụ, thì ông là người viết nhiều nhất trong Tân Ước, khá bất ngờ khi biết điều này, một người không tận mắt chứng kiến (không phải là các Sứ Đồ) một người Ngoại được chọn. Thế mà, đây là điều nhất trí của truyền thống hội thánh đầu tiên, không có ai bất đồng ý kiến!

IV. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Người ta không bao giờ biết mối quan hệ chính xác giữa (1) những ghi chú nghiên cứu gốc của Luca (có thể được viết trong khi Phao-lô bị tù tại Sê-sa-rê [Công.23-26 và đặc biệt là 24:27]); (2) bản thảo cuối cùng (Phúc Âm của Luca như chúng ta biết ông sử dụng Mác và “Q” làm nguồn tài liệu); và (3) mối tương thông của Luca – Công Vụ Các Sứ Đồ (hay giữa Luca và Thi-ô-phi-ơ).
- B. Trước năm 95 SCN nếu IClement đã trích và sử dụng minh họa trong Công Vụ và Công Vụ Các Sứ Đồ là tập tiếp theo của phúc âm
1. Công.13:22 – IClement, 18:1

2. Công.20:36 – I Clement, 2:1

- C. Công Vụ phải được viết trước sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem (70 SCN) bởi tướng La-mã, Titus
1. không đề cập đến cái chết của
 - a. Sứ Đồ Gia-cơ (62 SCN)
 - b. Sứ Đồ Phao-lô (64-67 SCN)
 2. bài giảng của Ê-tiên trong Công Vụ 7 không đề cập đến sự sụp đổ Đền Thờ là dẫn chứng minh họa mạnh mẽ về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trên Do Thái Giáo.
 3. Phao-lô thăm thành Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 21 và Luca, nếu ông viết sau 70 SCN chắc ông đã đề cập đến sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem trong Phúc Âm của ông.
- D. Nếu Luca sử dụng Phúc Âm của Mác như một dàn bài và/hay Luca viết gần thời điểm ông nghiên cứu tại Pa-lét-tin, thì sách này được viết cuối những năm 50 hay đầu những năm 60 (với sách Công Vụ Các Sứ Đồ được viết khá sớm sau khi Phao-lô bị tù tại Rô-ma, 62-63 SCN)

V. NGƯỜI NHẬN

- A. Viết gửi đến Thi-ô-phi-lơ (Luca.1:1-4; Công.1:1). Có nhiều giả thuyết như xác định ông là ai:
1. là một công chức chính quyền La-mã vì Luca gọi ông là “quý nhân” trong Luca.1:3 và danh xưng này cũng được dùng cho Phê-lít (Công.23:26; 24:3) và Phê-tu (Công.26:25)
 2. là một người giàu có (Thi-ô-phi-lơ là tên khá phổ biến giữa vòng người Do Thái và Hy Lạp) ông đã trả mọi chi phí cho việc viết, sao chép và phân phối sách Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ.
 3. tên của ông có nghĩa “Đức Chúa Trời yêu”, “người yêu mến Đức Chúa Trời”, do đó nó có thể được hiểu tên ông là hàm ý chỉ đến nhóm người Cơ Đốc Nhân.
- B. Phúc Âm của Luca nhắm đến người Ngoại
1. nó giải thích tập tục của người Do Thái
 2. phúc âm cho mọi người (2:10)
 3. trích những lời tiên tri có liên quan đến “mọi loài xác thịt” (3:5-6 được trích trong Ê-sai 40)
 4. gia phả truy ngược đến A-đam (tất cả loài người, 3:38)
 5. nhiều câu chuyện về tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho người Ngoại (Luca mở rộng ranh giới những người được mời trong tiệc cưới Mê-si-a 13:29)
 6. những ví dụ Cựu Ước, thông báo tình yêu của Đức Chúa Trời cho người Ngoại (2:32; 4:25-77)
 7. Đại Mạng Lệnh trong Luca – sự tha thứ được rao báo cho mọi dân tộc (24:47)

VI. MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH CỦA LUCA

- A. Tất cả các sách Phúc Âm được viết với mục đích truyền giáo đặt biệt cho một nhóm người cụ thể (Giăng.20:30-31)
1. Ma-thi-ơ viết cho người Do Thái
 2. Mác viết cho người La Mã
 3. Luca viết cho người Ngoại
 4. Giăng viết cho người Ngoại
- Luca là người độc nhất đề cập đến việc sai phái 70 môn đồ vào sứ mạng (10:1-24). Đối với những thầy ra-bi, 70 là con số hàm chỉ đến mọi ngôn ngữ trên thế giới (Sáng.10). Thời Chúa Giê-su sai phái 70 môn đồ ra đi giảng đạo tin lành, điều này có lẽ là phúc âm là dành cho mọi người.
- B. Những mục đích khác
1. hướng dẫn về Ngày Tái Lâm
 - a. Luca 21 khá giống nhưng cũng có một chút khác biệt với Mat.24, Mác.13 khi nói về sự trở lại của Đấng Christ và ngày tận thế.
 - b. Tuy nhiên, Luca trình bày vấn đề trong ngôn từ truyền giảng cho thế giới khiến mất nhiều thời gian cho hội thánh để hoàn thành (24:47)

- c. Luca cũng vậy (giống Phao-lô) nhấn mạnh Vương Quốc của Đức Chúa Trời là ở đây và bây giờ (10:9, 11; 10:20; 17:21) cũng như là trong tương lai.
 - d. Một bảng tóm tắt ngắn gọn về những ý kiến và thảo luận của những học giả kinh thánh được tìm thấy trong Kinh Thánh Anchor - The Anchor Bible, tập 28, trang. 231-235.
2. giải thích về Cơ Đốc Giáo cho các công chức chính quyền La Mã (và Công Vụ cũng vậy)
- a. danh hiệu “quý nhân” trong lời giới thiệu
 - b. Luca 23 ghi lại Phi-lát nói 3 lần “Ta không thấy người này có tội gì” (23:4, 14-15, 22)
 - c. các công chức chính quyền trong sách Công Vụ được miêu tả tốt và Phao-lô muốn trình bày duyên cớ của ông trước công chức La-Mã cách tôn trọng và họ cũng ứng xử cách hòa nhã với Phao-lô (Công.26:31-32)
 - d. viên đội trưởng La Mã, tại thời điểm đóng đinh cũng đưa ra lời chứng tích cực về Chúa Giê-su (Luca.23:47)
- C. Những chủ đề thần học độc đáo giữa vai trò chủ đạo trong mục đích viết sách của Luca
1. Luca cho thấy những quan tâm đặc biệt đối cùng những nhóm người cụ thể
 - a. người nghèo với người giàu (Nét Đẹp của Luca, Luca.6:20-23)
 - b. người bị bỏ rơi
 - (1) người đàn bà vô luân (Luca.7:36-50)
 - (2) người Sa-ma-ri (Luca.9:51-56; 10:29-37)
 - (3) người con trai hoang đàng (Luca.15:11-32)
 - (4) người thu thuế (Luca. 19:1-10)
 - (5) người phung hủi (Luca.17:11-19)
 - (6) tội phạm (Luca. 23:39-43)
 2. Luca đề cập Đền Thờ trong Giê-ru-sa-lem. Phúc Âm này mở đầu với người Do Thái và Kinh Thánh của họ (Chúa Giê-su ứng nghiệm lời tiên tri Cựu Ước), nhưng họ khước từ Ngài (11:14-36) và Ngài trở thành Đấng Cứu Rỗi cho toàn nhân loại (10:1-24) và thay thế đền thờ của họ bằng chính Ngài.

VII. NGUỒN TÀI LIỆU CHO PHÚC ÂM CỦA LUCA

- A. Có nhiều giả thuyết mở rộng có liên quan đến mối quan hệ giữa Ma-thi-ơ, Mác và Luca (các sách Tin Lành Cộng Quan)
1. Hiệp hội truyền thống của hội thánh đầu tiên cho rằng Luca, thầy thuốc người Ngoại và là người đồng hành cùng Sứ Đồ Phao-lô trong hành trình truyền giáo, viết Phúc Âm
 2. Khoảng năm 1766, A.E.Lessing (và sau này Gieseler năm 1818), đã lý thuyết hóa giai đoạn truyền miệng để phát triển Tin Lành Cộng Quan (“cùng nhìn”). Ông khẳng định cả ba đều phụ thuộc vào truyền thống truyền miệng thời kỳ đầu tiên mà tác giả phải sửa đổi nội dung để phù hợp với độc giả mà họ nhắm đến:
 - a. Ma-thi-ơ: viết cho người Do Thái
 - b. Mác: viết cho người La-mã
 - c. Lu-ca: viết cho người Ngoại
 Mỗi tác phẩm đều liên quan đến trung tâm địa lý khác nhau của Cơ Đốc Giáo.
 - e. Ma-thi-ơ: An-ti-ôt, Sy-ri
 - f. Mác: Rô-ma, Ý
 - g. Lu-ca: Sê-sa-rê gần Biển, Pa-lét-tin
 - h. Giảng: Ê-phê-sô, Tiểu Á
 3. Vào đầu thế kỷ 19, J.J Griesbach cho rằng Ma-thi-ơ và Lu-ca tương tự thuật cuộc đời Chúa Giê-su hai phần hoàn toàn tách biệt nhau, hoàn toàn độc lập với nhau. Mác viết ngắn gọn trong Phúc Âm của ông và cố gắng suy xét qua lại giữa hai tường thuật của Ma-thi-ơ và Lu-ca.
 4. Vào đầu thế kỷ 20, H.J Holtzmann cho rằng Mác là sách Phúc Âm được viết đầu tiên và cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng cấu trúc Phúc Âm của Mác và thêm những phần tài liệu khác về những

lời nói của Chúa Giê-su được gọi là nguồn Q (tiếng Đức *quelle* hay “nguồn”). Đây là lý thuyết về hai nguồn tài liệu (và cũng được ông Fredrick Schleiermacher chứng thực vào năm 1832).

Một vài suy đoán danh sách này được trích từ Chúa Giê-su, cấu trúc giống văn học khôn ngoan Cựu Ước, có lẽ Papias cho rằng Ma-thi-ơ viết. Vấn đề là không phải là một bản sao của danh sách những câu nói này còn tồn tại. Nếu hội thánh rất trân trọng các sách Phúc Âm, làm sao họ có thể mất một danh sách những câu nói của Người Sáng Lập Đức tin được cả Ma-thi-ơ và Luca sử dụng?

5. Sau đó, B.H. Streeter chỉnh sửa và cho rằng “hai nguồn” tài liệu đó là “bốn nguồn” tài liệu, trong đó có cả “Lu-ca đầu tiên - proto Luke” cộng thêm Mác và thêm Q.
6. Những giả thuyết thông tin trên về Sách Tin Lành Cộng Quan chỉ là sự suy đoán. Không có một bản thảo chính xác hay bằng chứng lịch sử nào cho thấy có nguồn “Q” hay nguồn “Lu-ca đầu tiên”.

Học giả hiện đại đơn giản là không biết làm thế nào các Sách Phúc Âm được phát triển, ai là người viết chúng (các sách Luật Pháp Cựu Ước và các Sách Tiên Tri đầu tiên cũng vậy). Tuy nhiên, việc thiếu thông tin không hề thay đổi quan điểm của Hội Thánh về sự thần cảm và đáng tin cậy của các sách phúc âm này, chúng là những tài liệu lịch sử cũng như tài liệu về đức tin.

7. Hiển nhiên có những sự tương đồng trong cấu trúc, ngôn từ giữa các Sách Tin Lành Cộng Quan, nhưng cũng có rất nhiều sự khác biệt. Sự khác biệt thường ở những tường thuật chứng kiến tận mắt. Hội thánh đầu tiên không hề bận tâm về sự khác biệt của ba người chứng kiến về cuộc đời của Chúa Giê-su.

Có thể là do đối tượng đọc giả khác nhau, phong cách của tác giả và ngôn từ cũng khác nhau (tiếng A-ram và Hy Lạp) khiến cho các tường thuật dường như chênh lệch. Quả hẳn, các tác giả được thần cảm, người biên tập và người biên soạn có quyền tự do để lựa chọn, sắp xếp và chấp nhận và tóm tắt những sự kiện và sự dạy dỗ trong cuộc đời của Chúa Giê-su (*Làm Thế Nào để Đọc Kinh Thánh Như Đúng Giá Trị của Nó – How to Read the Bible for All Its Worth* tác giả Fee và Stuart, trang.113-148).

- B. Đặc biệt Luca công bố rằng ông đã nghiên cứu (Luca 1:1-4) với những người đã từng tận mắt chứng kiến cuộc đời của Chúa Giê-su. Sự cầm tù của Phao-lô tại Sê-sa-rê cạnh Biển Pa-lét-tin đã cho phép Luca có thời gian và cơ hội với những con người này. Đoạn 1-2 phản chiếu ký ức của Ma-ri (Sir William Ramsay, *Đấng Christ Thật Sinh Ra Tại Bết-lê-hem? - Was Christ Born at Bethlehem?*) và gia phả đoạn 3 cũng vậy.
- C. Nhiều nguồn tài liệu của hội thánh đầu tiên cho rằng Luca là người đồng hành cùng Sứ Đồ Phao-lô trong hành trình truyền giáo của ông. Một vài nguồn này cũng khẳng định Phúc Âm của Luca bị ảnh hưởng theo phong cách giảng của Phao-lô. Không thể khước từ sứ mạng truyền giáo thế giới được nhận định rõ ràng là lời tiên tri được ứng nghiệm trong Luca, Công Vụ Các Sứ Đồ và các tác phẩm của Phao-lô.

VIII. NÉT ĐỘC NHẤT CỦA LUCA

- A. Hai đoạn đầu tiên là nét đặt trưng riêng của Luca và có thể đến từ Ma-ri, gia phả 3:23-28 cũng vậy.
- B. Những phép lạ độc nhất của Luca
 1. con trai người đàn bà góa ở thành Na-in hồi sinh, 7:12-17
 2. người đàn bà trong nhà hội được chữa lành trong ngày Sa-bát, 13:10-17
 3. người đàn ông phù thủy trong nhà hội được chữa lành trong ngày Sa-bát, 14:16
 4. mười người phung được lành, chỉ 1 người Sa-ma-ri trở lại và tạ ơn, 17:11-18
- C. Những ngụ ngôn độc nhất trong Luca
 1. người Sa-ma-ri nhân lành, 10:25-37
 2. người bạn kiên trì, 11:5-13
 3. người giàu đại dốt, 12:13-21
 4. đồng tiền lạc mất, 15:8-10

5. hai con trai, 15:11-32
6. người quản gia bất chính, 16:1-8
7. người giàu và La-xa-rô, 16:19-31
8. quan tòa bất chính, 18:1-8
9. người Pha-ri-si và người thu thuế, 18:9-14

D. Những ngụ ngôn trong Luca cũng được viết cách khác trong Ma-thi-ơ

1. 12:39-46 (Mat. 24:43-44)
2. 14:16-24 (Mat. 22:2-14)
3. 19:11-27 (Mat. 25:14-30)

E. Những tường thuật độc nhất khác

1. những sự kiện trong 2 đoạn đầu tiên
2. người thu thuế Xa-cha-ri, 19:1-10
3. Chúa Giê-su bị gửi đến Hê-rôt bởi Phi-lát để xét xử, 23:8-12
4. hai người trên đường Em-ma-út, 24:13-32

F. Những yếu tố độc đáo nhất trong Luca được tìm thấy trong 9:51-18:14. Ở đây, Luca không dựa trên nguồn của Mác hay “Q” (những lời nói của Chúa Giê-su được viết bởi Ma-thi-ơ). Thậm chí, những sự kiện và dạy dỗ tương tự cũng được đặt trong một dạng khác. Chủ đề thống nhất của phần này là “trên đường đến Giê-ru-sa-lem” (9:51; 13:22, 33; 17:11; 18:31; 19:11,28) cũng là hành trình lên thập tự giá của Ngài.

IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. hiếm muộn, 1:7
2. sự cứu chuộc, 1:6,8
3. sùng cứu rồi, 1:69
4. kiểm tra dân số, 2:1
5. Xê-lốt, 6:15
6. vương quốc của Đức Chúa Trời, 6:20
7. phường thổi sáo, 7:32
8. viên quản lý nhà hội, 8:49
9. Con Người phải chịu khổ, 9:22
10. người Sa-ma-ri, 10:33
11. Khốn cho các ngươi! 11:42, 43, 44, 47, 52
12. ăn năn, 13:3,5
13. cửa hẹp, 13:24
14. vác thập giá mình, 14:27
15. ma môn, 16:11
16. Luật Pháp và những Lời Tiên Tri, 16:16
17. lòng của Áp-ra-ham, 16:22
18. cối đá, 17:2
19. cho đến khi các thời kỳ dân Ngoại được chọn, 21:24
20. Hội Đồng Công Luận của các trưởng lão, 22:66
21. Pa-ra-đi, 23:43

X. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Thi-ô-phi-lơ, 1:3
2. Xa-cha-ri, 1:5
3. thiên sứ của Đức Chúa Trời, 1:11; 2:9
4. Gáp-ri-ên, 1:26

5. Qui-ri-ni-u, 2:2
6. An-ne, 2:36
7. Ti-be-rơ, 3:1
8. Hê-rốt làm vua chư hầu, 3:1, 19
9. Cai-phe, 3:2
10. Na-a-man, 4:2
11. Hoàng hậu phương nam, 11:31
12. Xa-cha-ri, 10:51
13. La-xa-rơ, 16:23
14. Xa-chê, 19:2
15. Giô-sép, 23:50
16. Cờ-lê-ô-pa, 24:1

XI. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Ga-li-lê, 1:26
2. Na-xa-rét, 1:4
3. Bết-lê-hem, 1:4
4. Y-tu-rê, 3:1
5. Bết-sai-đa, 9:10
6. Cô-ra-xin, 10:13
7. Ty-rơ, 10:13
8. Ca-pê-na-um, 10:15
9. Sa-ma-ri, 17:11
10. Sô-đôm, 17:29
11. Giê-ri-cô, 19:1
12. Em-ma-út, 24:13
13. Bết-tha-ni, 24:50

XII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Việc Đức Chúa Trời mặc khải sự giáng sinh của Chúa Giê-su cho các mục đồng trước có tầm quan trọng gì?
2. Câu nói 2:29 của Chúa Giê-su có tầm quan trọng gì?
3. Tại sao gia phả trong Luca lại truy ngược về tận A-đam?
4. Các môn đồ đã phạm luật trong 6:1-5 như thế nào? Họ phạm luật gì?
5. Giải thích lời của Chúa Giê-su trong 6:46
6. Tại sao Giảng nghi ngờ Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a được ứng nghiệm trong 17:18-23?
7. Tại sao người Gê-ra-sê lại muốn Chúa Giê-su rời khỏi thành?
8. Giải thích trong ngôn từ của bạn về hàm ý của 9:62.
9. Satan bị sa ngã khỏi thiên đàng khi nào? (10:18)
10. Tại sao người Do Thái ghét người Sa-ma-ri?
11. 12:14-48 hàm ý có nhiều mức độ trừng phạt trong địa ngục phải không?
12. Giải thích 13:28-30 trong ngôn từ của bạn.
13. Mục đích của ngụ ngôn người con trai hoang đàng 15:11-32 là gì?
14. Giải thích 16:18 trong ngôn từ của bạn nhưng phải đảm bảo là giải nghĩa nó trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử.
15. 17:34-35 hỗ trợ ý sự cất lên cách bí mật không? Tại sao có và tại sao không?
16. Tại sao câu hỏi 20:2 quan trọng?
17. Ai là người trông nho trong 20:10?
18. Giu-đa là người có trách nhiệm với hành động của ông trong 22:3 phải không?
19. Tại sao 23:20 là câu quan trọng khiến Luca ghi lại?

GIỚI THIỆU GIẢNG

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Ma-thi-ơ và Lu-ca mở đầu bằng câu chuyện giáng sinh của Chúa Giê-su, Mác mở đầu bằng phép báp-tem của Ngài, nhưng Giảng mở đầu bằng trước sự tạo hóa.
- B. Giảng trình bày sự đầy trọn thần tánh của Chúa Giê-su thành Na-xa-rét từ câu đầu của đoạn đầu và cứ tiếp tục chủ đề này xuyên Phúc Âm. Các sách Tin Lành Cộng Quan vén màn sự thật này cho đến khi chúng được trình bày (“Bí Mật về Đấng Mê-si-a”)
- C. Rõ ràng Giảng khai triển Phúc Âm của ông trong ánh sáng sự chắc chắn của các sách Tin Lành Cộng Quan. Ông cố gắng bổ sung và giải thích cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su theo nhu cầu của hội thánh đầu tiên (cuối thế kỷ thứ nhất).
- D. Giảng dường như cấu trúc và trình bày Chúa Giê-su xung quanh chủ đề Đấng Mê-si-a
1. 7 phép lạ/dấu kỳ và sự giải nghĩa của chúng
 2. 27 phỏng vấn và/ hay những cuộc đàm thoại cá nhân
 3. những ngày thờ phượng và lễ
 - a. Sa-bát
 - b. lễ Vượt Qua (đoạn 5-6)
 - c. lễ Lều Tạm (đoạn 7-10)
 - d. Hanukkah (10:22-29)
 4. các câu nói “Ta Là”
 - a. liên quan đến danh thần tánh (YHWH)
 - 1) Ta là Đấng Ấy (4:26; 8:24,28; 13:19; 18:5-6)
 - 2) trước Áp-ra-ham đã có Ta (8:54-59)
 - b. với những đề cử về chính Ngài
 - 1) Ta là bánh hằng sống (6:35, 41, 48, 51)
 - 2) Ta là ánh sáng của thế gian (8:12)
 - 3) Ta là cánh cửa của chuồng chiên (10:7,9)
 - 4) Ta là người chăn hiền lành (10:11, 14)
 - 5) Ta là sự sống lại và là sự sống (11:25)
 - 6) Ta là đường đi, lễ thật và sự sống (14:6)
 - 7) Ta là gốc nho thật (15:1,5)
- E. Sự khác biệt giữa Giảng và các Phúc Âm khác
1. Dẫu sự thật mục đích chính của Giảng là thần học, nhưng ông sử dụng lịch sử và địa lý cực kỳ chính xác và chi tiết. Vậy nguyên nhân chính các cho những sự khác biệt giữa Tin Lành Cộng Quan và Giảng là vô định.
 - a. chức vụ tại vùng Giu-đa đầu tiên (sự dẹp sạch Đền Thờ lần thứ nhất)
 - b. theo thứ tự thời gian và ngày của tuần lễ cuối cùng của cuộc đời Chúa Giê-su
 2. Thật hữu ích khi dành một chút thời gian để thảo luận sự khác biệt giữa Giảng và các sách Tin Lành Cộng Quan. Tôi xin trích từ George Eldon Ladd trong sách *Thần Học của Tân Ước - A Theology of the New Testament* về những sự khác nhau:
 - a. “Phúc Âm Thứ Tư rất khác biệt so với các sách Tin Lành Cộng Quan đến nỗi phải thành thật đối mặt với câu hỏi liệu Giảng có tường thuật chính xác những lời dạy của Chúa Giê-su hay đức tin Cơ Đốc hình thành là do việc sửa đổi truyền thống mà lịch sử bị nuốt chửng trong giải nghĩa thần học” (tr.215)
 - b. “Giải pháp gần tầm tay nhất là những lời dạy của Chúa Giê-su được thể hiện trong thành ngữ Johannine. Nếu đây là giải pháp chính xác, và nếu chúng ta phải kết luận rằng Phúc Âm Thứ Tư được trình bày trong thành ngữ Johannine, thì câu hỏi quan trọng được đặt ra

là: Đến mức độ nào Thần học của Phúc Âm Thứ Tư là của Giảng chứ không phải của Chúa Giê-su? Đến mức độ nào sự dạy dỗ của Chúa Giê-su bị đồng hóa trong tâm trí Giảng và những gì chúng ta có là sự giải nghĩa của Johannine chứ không phải là sự dạy dỗ chính xác của Chúa Giê-su? (trang 215).

- c. Ladd cũng trích của W. F. Albright từ “Những Khám Phá Gần Đây tại Pa-lét-tin và Phúc Âm của Giảng - Recent Discoveries in Palestine and the Gospel of John” trong tác phẩm *Bối Cảnh của Tân Ước và Khảo Cổ Học của Nó - The Background of the New Testament and Its Eschatology* được hiệu đính bởi W. D. Davies và D. Daube

“Không có sự khác biệt cơ bản trong giảng dạy giữa Giảng và các sách Tin Lành Cộng Quan; sự tương phản nằm ở sự tập trung của truyền thống và những khía cạnh dạy dỗ của Đấng Christ, đặc biệt là những điều dường như giống với giáo huấn của Essenes nhất.

Hoàn toàn không có bất kỳ lời dạy nào của Chúa Giê-su bị bóp méo hoặc bị làm sai lệch, hoặc một yếu tố mới quan trọng đã được thêm vào. Dẫu nhu cầu của Hội Thánh đầu tiên ảnh hưởng đến việc lựa chọn các mục để đưa vào Phúc Âm mà chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, nhưng không vì lý do đó mà Hội Thánh phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự sáng chế hay thêm thắc nào có ý nghĩa thần học quan trọng.

Một trong những giả thuyết kỳ lạ nhất của các học giả phê bình và nhà thần học Tân Ước là tâm trí của Chúa Giê-su bị giới hạn đến mức bất kỳ sự tương phản rõ ràng nào giữa Giảng và các sách Tin Lành Cộng Quan là do sự khác biệt giữa các nhà thần học Cơ Đốc đầu tiên. Mỗi suy nghĩ và mỗi bản tấu khác nhau sẽ giải nghĩa khác nhau bởi những người bạn và người nghe khác nhau, họ sẽ chọn những gì phù hợp hoặc hữu ích nhất từ những gì họ đã thấy và nghe” (tr.170-17)

- d. Lại trích từ George E. Ladd:

“Sự khác nhau giữa các phúc âm không phải Giảng mang chất thần học và những phúc âm khác thì không, mà tất cả đều là thần học theo những cách khác nhau. Giải nghĩa lịch sử có thể trình bày vấn đề cách thực tế hơn là ghi lại những sự kiện xảy ra theo thứ tự thời gian, mà Giảng tin rằng nó đã xảy ra trong lịch sử. Đây hiển nhiên không phải là ý định của các sách Tin Lành Cộng Quan để đưa ra một báo cáo *ipsissima verba* (các từ chính xác) của Chúa Giê-su cũng không phải là tiểu sử về các sự kiện cuộc đời Ngài. Chúng là chân dung của Chúa Giê-su và là bản tóm tắt sự giảng dạy của Ngài. Trong sự tự do, Ma-thi-ơ và Luca cảm thấy tự do sắp xếp lại tài liệu của Mác và tường thuật việc giảng dạy của Chúa Giê-su. Nếu Giảng sử dụng nhiều sự tự do hơn Ma-thi-ơ và Luca, đó là vì ông muốn đưa ra một bức chân dung tuyệt đối sâu sắc hơn và chân thực hơn về Chúa Giê-su” (trang 221-222).

II. TÁC GIẢ

- A. Phúc Âm ẩn danh tác giả nhưng vẫn có các manh mối về quyền tác giả của Giảng
1. tác giả tận mắt chứng kiến (19:35)
 2. cụm từ “môn đồ yêu dấu” (cả Polycrates và Irenaeus khẳng định chính là Sứ Đồ Giảng)
 3. Giảng, con trai của Xê-bê-đê, không hề được nhắc tên
- B. Bối cảnh lịch sử từ trong chính Phúc Âm quá rõ ràng, nên quyền tác giả không còn là yếu tố quan trọng trong việc giải kinh. Sự khẳng định của tác giả được thần cảm là chính yếu!
- Tác giả và thời gian viết Phúc Âm Giảng không ảnh hưởng đến nguồn cảm hứng, nhưng cách giải nghĩa. Các nhà chú giải kinh tìm bối cảnh lịch sử, và nguyên nhân khiến sách được ra đời. Có nên so sánh thuyết nhị nguyên của Giảng với (1) người Do Thái hai thời đại; (2) giáo viên Qumran dạy sự công chính; (3) Tôn giáo Zoroastrian; (4) Tư tưởng Trí Huệ Giáo; hoặc (5) quan điểm độc đáo của Chúa Giê-su?
- C. Quan điểm truyền thống đầu tiên cho rằng Sứ Đồ Giảng, con trai của Xê-bê-đê, là người tận mắt chứng

kiến. Điều này phải được làm rõ vì các nguồn bên ngoài vào thế kỷ thứ hai dường như liên kết với những nguồn khác để tạo ra Phúc Âm này

1. Những tín hữu và trưởng lão tại Ê-phê-sô kích lệ những Sứ Đồ cao tuổi viết lại lời chứng của họ (Eusebius trích từ Clement của Alexandria)
2. Sứ Đồ đồng thời, An-rê (Muratorian Fragment, 180-200 SCN, từ Rô-ma)

D. Một vài học giả hiện đại có những giả định khác về quyền tác giả dựa trên một vài giả định về văn phong và chủ đề quan trọng của Phúc Âm. Nhiều giả định thời gian viết sách là đầu thế kỷ thứ hai (trước 115 SCN)

1. được viết bởi các môn đồ của Giảng (Johannine vòng tròn ảnh hưởng) người nhớ những sự dạy dỗ của ông (J. Weiss, B. Lightfoot, C. H. Dodd, O. Cullmann, R. A. Culpepper, C. K. Barrett)
2. được viết bởi “trưởng lão Giảng” (một trong những loạt trưởng lão đầu tiên ở Asia được ảnh hưởng bởi thần học và sự giảng dạy của Sứ Đồ Giảng) bắt nguồn từ một đoạn văn mơ hồ ở Papias (70-146 SCN) được trích bởi Eusebius (280-339 SCN)

E. Bằng chứng chính Giảng là nguồn chính yếu cho tài liệu của Phúc Âm

1. nội chứng

- a. tác giả biết nghi lễ và sự dạy dỗ của Do Thái và có cùng thế giới quan về Cựu Ước
- b. tác giả biết tình hình của Pa-lét-tin và Giê-ru-sa-lem trong những năm trước-70 SCN
- c. tác giả công bố tận mắt chứng kiến
 - 1) 1:14
 - 2) 19:35
 - 3) 21:24
- d. tác giả là thành viên trong nhóm sứ đồ, bởi ông quen thuộc với
 - 1) những chi tiết về thời gian và địa điểm (đêm khổ nạn)
 - 2) những chi tiết về con số (nước thành rượu 2:6 và cá 21:11)
 - 3) chi tiết các nhân vật
 - 4) tác giả biết chi tiết những sự kiện và phản ứng của họ
 - 5) tác giả dường như được cho rằng là “môn đồ yêu dấu”
 - a) 13:23,25
 - b) 19:26-27, 34-35
 - c) 20:2-5,8
 - d) 21:7, 20-24
 - 6) tác giả dường như là thành viên của nhóm thân cận có cả Phi-e-rơ
 - a) 13:24
 - b) 20:2
 - c) 21:7
 - 7) tên Giảng, con trai Xê-bê-đê, không hề xuất hiện trong Phúc Âm này, điều này dường như bất thường bởi ông là thành viên trong nhóm Sứ Đồ thân cận

e. Ngoại chứng

1) Phúc Âm được biết bởi

- a) Irenaeus (120-202SCN) kết hợp với Polycarp, biết Sứ Đồ Giảng (trong *Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius 5:20:6-7) – “Giảng là môn đồ của Chúa người đã dựa trên ngực Ngài và chính ông là người viết Phúc Âm này tại Ê-phê-sô ở Asia” (*Haer*, 3:1:1, được trích dẫn trong *Lịch sử Giáo hội* của Eusebius. 5:8:4).
- b) Clement tại Alexandria (1153-217 SCN) = “Giảng được thúc giục bởi bạn bè và sự vận hành thiên thượng bởi Đức Thánh Linh, để viết và biên soạn Phúc Âm thiêng liêng này” (*Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius 6:14:7)
- c) Justin Maryr (110-165 SCN) trong *Đối Thoại với Trypho - Dialogue with Trypho* 81:4
- d) Tertullian (145-220 SCN)

2) Quyền tác giả của Giảng được khẳng định rất sớm bởi các nhân chứng

- a) Polycarp (70-156 SCN, được ghi lại bởi Irenaeus), người là giám mục của Smyrna (155 SCN)
 - b) Papias (70-146 SCN, được ghi lại bởi Lôi Mỗ Đầu Anti-Marconite từ Rô-ma và Eusebius), là giám mục của Hierapolis ở Phy-gi và được báo cáo là môn đệ của Sứ Đồ Giảng
- F. Những lý do khiến nghi ngờ truyền thống về quyền tác giả
- 1. Sự liên kết của Phúc Âm với chủ đề trí huệ giáo
 - 2. phần phụ lục rõ ràng của đoạn 21
 - 3. những khác biệt về trình tự thời gian với các sách Tin Lành Cộng Quan
 - 4. Giảng sẽ không nói chính ông là “môn đồ được yêu”
 - 5. Chúa Giê-su trong Giảng sử dụng vốn từ và thể loại văn khác với Tin Lành Cộng Quan
- G. Nếu chúng ta cho rằng tác giả là Sứ Đồ Giảng thì từ con người chúng ta có giả định gì?
- 1. Ông viết tại Ê-phê-sô (Irenaeus nói “xuất bản Phúc Âm tại Ê-phê-sô”)
 - 2. Ông viết phúc âm khi đã cao tuổi (Irenaeus nói ông sống đến thời trị vì của Trajan, 98-117 SCN)

III. THỜI GIAN

- A. Nếu chúng ta giả định là Sứ Đồ Giảng
- 1. trước 70 SCN, khi Giê-ru-sa-lem bị sụp đổ bởi tướng La-mã (sau này là Hoàng Đế), Titus
 - a. trong Giảng.5:2 “Bấy giờ tại Giê-ru-sa-lem, gần cửa Chiên, có một cái ao tiếng Hê-bơ-ro gọi là Bê-tết-đa, xung quanh ao có 5 cái vòm cửa...”
 - b. từ “môn đồ” được lặp lại nhiều lần để chỉ nhóm sứ đồ
 - c. chống lại những yếu tố trí huệ giáo giờ được tìm thấy trong Cuộn Biển Chết, cho thấy chúng là một phần của biệt ngữ thần học của thế kỷ thứ nhất
 - d. không đề cập đến sự sụp đổ Đền Thờ và thành phố Giê-ru-sa-lem vào 70 SCN
 - e. khảo cổ gia nổi tiếng người Mỹ W. F. Albright khẳng định thời gian viết Phúc Âm là cuối những năm 70 và đầu những năm 80
 - 2. cuối thế kỷ thứ nhất
 - a. thần học được phát triển của Giảng
 - b. sự sụp đổ Giê-ru-sa-lem không được đề cập bởi nó xảy ra khoảng 20 năm trước
 - c. Giảng sử dụng cụm từ và nhấn mạnh theo kiểu-trí huệ giáo
 - d. truyền thống hội thánh đầu tiên
 - 1) Irenaeus
 - 2) Eusebius
- B. Nếu chúng ta giả định “trưởng lão Giảng” là tác giả thì thời gian viết sách có thể là đầu hay giữa thế kỷ thứ hai. Lý thuyết này bắt đầu với sự từ chối của Dionysius về quyền tác giả của Sứ Đồ Giảng (vì lý do văn học). Eusebius, đã khước từ quyền tác giả của Sứ Đồ Giảng cho sách Khải Huyền vì lý do thần học, ông cảm nhận đã tìm thấy một “Giảng” khác vào đúng thời điểm và đúng chỗ trong trích dẫn của Papias, (trong *Lịch Sử Giáo Hội* 3:39:5,6), trong danh sách có 2 “Giảng” (1) Sứ Đồ và (2) Trưởng Lão (hệ phái trưởng lão)

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Ban đầu nó được viết cho các hội thánh của tỉnh La Mã ở Tiểu Á, đặc biệt là Ê-phê-sô.
- B. Vì sự đơn giản sâu sắc và chiều sâu của tường thuật về cuộc đời và con người của Chúa Giê-su, người Na-xa-rét, nó đã trở thành một Phúc Âm được yêu thích cho tín hữu Hy Lạp người Ngoại và người theo trí huệ giáo.

V. MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH

- A. Chính Phúc Âm khẳng định mục đích truyền giáo của nó, 20:30-31
1. cho người đọc Do Thái
 2. cho người đọc dân Ngoại
 3. cho người đọc thời mới bắt đầu trí huệ giáo
- B. Dường như có sự thúc đẩy bởi các sứ đồ
1. chống lại những tín đồ cực đoan của Giảng Báp-tít
 2. chống lại các giáo sư giả của trí huệ giáo (đặc biệt là Lời mở đầu); sự giảng dạy sai trật của trí huệ giáo cũng tạo bối cảnh lịch sử của các sách Tân Ước khác:
 - a. Ê-phê-sô
 - b. Cô-lô-se
 - c. các thư tín mục vụ (I Ti-mô-thê, Tít, II Ti-mô-thê)
 - d. 1 Giảng (1Giăng có chức năng như một lá thư mở đầu cho Phúc Âm)
- C. Có khả năng mục đích được viết trong 20:31 được dùng như là lời khích lệ cho giáo lý về sự kiên trì giữ vững đức tin và việc truyền giáo bởi sự nhất quán trong việc sử dụng THỈ HIỆN TẠI để mô tả sự cứu rỗi. Theo ý nghĩa này, thì Giảng giống như Gia-cơ, để cân bằng sự nhấn mạnh quá mức của thần học Phao-lô bởi một số nhóm người ở Tiểu Á (xem II Phi-e-rơ 3: 15-16). Điều đáng ngạc nhiên là truyền thống giáo hội đầu tiên xác định Giảng với Ê-phê-sô, không phải Phao-lô (*Phi-e-rơ, Ê-tiên, Gia-cơ và Giảng: Những Nghiên Cứu Cơ Đốc Giáo Không theo Thư Tín Phao-lô - Peter, Stephen, James and John: Studies in Non-Pauline Christianity* của F. F. Bruce, trang 120-121).
- D. Phần kết (đoạn 21) dường như trả lời các câu hỏi cụ thể của Hội thánh đầu tiên
1. Giảng bổ sung thêm các câu chuyện của các sách Tin Lành Cộng Quan. Tuy nhiên, ông tập trung vào chức vụ ở Giu-đa, đặc biệt là Giê-ru-sa-lem
 2. Hai câu hỏi được trả lời trong Phụ Lục, đoạn 21
 - a. sự khôi phục Phi-e-rơ
 - b. Tuổi thọ của Giảng
 - c. Chúa Giê-su trì hoãn trở lại
- E. Một số người cho rằng Giảng đã không nhấn mạnh chủ nghĩa bí tích bằng cách cố tình lờ đi và không ghi lại hoặc thảo luận các quy định cho dù có các cơ hội hoàn hảo trong đoạn 3 (cho bí tích rửa tội – báp-tem) và đoạn 6 (dành cho Bí tích Thánh Thể hoặc Bữa tiệc của Chúa – Tiệc Thánh)

VI. BỐ CỤC DỰA TRÊN

- A. Lời mở đầu triết học / thần học (1:1-18) và Lời kết thực tế (đoạn 21)
- B. Bảy phép màu dấu hiệu cho chức vụ công khai của Chúa Giê-su (đoạn 2-12) và cách giải kinh:
1. hóa nước thành rượu trong tiệc cưới ở Ca-na (2:1-11)
 2. chữa lành cho con trai của quan thị vệ tại Ca-pê-na-um (4:46-54)
 3. chữa lành người què tại hồ Bê-tết-đa ở Giê-ru-sa-lem (5:1-18)
 4. hóa bánh cho khoảng 5.000 ăn ở Ga-li-lê (6:1-15)
 5. đi bộ trên Biển hồ Ga-li-lê (6:16-21)
 6. chữa lành người mù bẩm sinh ở Giê-ru-sa-lem (9:1-41)
 7. khiến La-xa-rơ ở Bethany sống lại (11:1-57)
- C. Phỏng vấn và đối thoại với cá nhân
1. Giảng Báp-tít (1:19-34; 3: 22-36)
 2. các môn đồ
 - a. Anh-rê và Ph-e-rơ (1:35-42)
 - b. Phi-líp và Na-tha-na-ê (1:43-51)
 3. Ni-cô-đem (3:1-21)

4. người đàn bà Sa-ma-ri (4:1-45)
5. Người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem (5:10-47)
6. đám đông ở Ga-li-lê (6:22-66)
7. Phi-e-rơ và các môn đồ (6:67-71)
8. Anh em của Chúa Giê-su (7:1-13)
9. Người Do Thái ở Giêrusalem (7:14-8: 59; 10:1-42)
10. môn đồ ở trên phòng cao (13:1-17:26)
11. bắt và xét xử bởi người Do Thái (18:1-27)
12. Phiên tòa La Mã (18:28-19:16)
13. cuộc trò chuyện sau-phụ sinh, 20:11-29
 - a. với Mary
 - b. với mười Sứ Đồ
 - c. với Tô-ma
14. kết thúc với cuộc đối thoại với Phi-e-rơ, 21:1-25
15. (7:53-8:11, câu chuyện về người đàn bà ngoại tình, ban đầu không phải là một phần của Phúc âm Giảng!)

D. Những ngày lễ/ thờ phượng

1. ngày Sa-bát (5: 9; 7:22; 9:14; 19:31)
2. Lễ Vượt Qua (2:13; 6: 4; 11:55; 18:28)
3. Lễ Lều Tạm (đoạn 8-9)
4. Hanukkah (lễ hội ánh sáng, xem 10:22)

E. Các câu nói “Ta Là”

1. “Ta là ‘Đấng Ấy’” (4:26; 8:24,28; 13:19; 18:5-6,8)
2. “Ta là bánh hằng sống” (6:35, 41, 48, 51)
3. “Ta là ánh sáng của thế gian” (8:12)
4. “Ta là cánh cửa của chuồng chiên” (10:7,9)
5. “Ta là người chăn hiền lành” (10:11, 14)
6. “Ta là sự sống lại và là sự sống” (11:25)
7. “Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống” (14:6)
8. “Ta là gốc nho thật” (15:1,5)

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. Ngôi Lời, 1:1
2. tin, 1:7
3. “thế gian được làm nên bởi Ngài”, 1:10
4. “Ngôi Lời đã trở nên xác thịt”, 1:14
5. lẽ thật, 1:17
6. Tiên tri, 1:21
7. “Chiên Con của Đức Chúa Trời,” 1:29
8. “như chim bồ câu”, 1:32
9. ra-bi, 1:38
10. “Quả thật, quả thật” 1:51
11. “các thiên sứ của Đức Chúa Trời lên xuống”, 1:51
12. “6 cái chén đá”, 2: 6
13. “người lãnh đạo dân Do Thái”, 3: 1
14. “sinh lại”, 3: 3
15. “Con Người cũng phải bị treo lên”, 3:14; 12:34
16. “sự sống đời đời”, 3:16
17. “Ta là bánh sự sống”, 6:35,48
18. “Lễ Lều Tạm”, 7: 2

19. “ông bị quỷ ám rồi”, 7:20; 8:48; 10:20
20. kiêu bào (diaspora), 7:35
21. “Chúa Giê-su chưa được tôn vinh”, 7:39
22. “trước khi Áp-ra-ham ra đời, đã có Ta”, 8:58
23. “bị khai trừ ra khỏi nhà hội”, 9:22
24. “cửa chiên”, 10:7
25. “Lễ Kỷ Niệm Cung Hiến Đền Thờ”, 10:22
26. phạm thượng, 10:36
27. “tìm một con lừa con, ngồi trên nó”, 12:14
28. “giờ”, 12:23
29. “thì Satan nhập vào lòng anh ta”, 13:27
30. “điều răn mới”, 13:34
31. “chỗ ở”, 14:2
32. “ở trong Ta”, 15:4
33. “ngước mắt lên trời”, 17:1
34. “Đức Chúa Trời là duy nhất và chân thật”, 17: 3
35. “từ trước khi sáng thế”, 17:24
36. đánh đòn, 19:1
37. Ga-ba-tha, 19:13
38. Gô-gô-tha, 19:17
39. “yêu cầu Phi-lát cho đánh gãy ống chân như những người ấy”, 19:31
40. “ngày Chuẩn Bị của người Do Thái”, 19:42

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Giảng, 1:6
2. Con của Đức Chúa Trời, 1:34
3. Mê-si-a, 1:41
4. Cai-phe, 1:42
5. Ni-cô-đem, 3:1
6. Tiên Tri, 7:40
7. La-xa-rơ, 11:2
8. Đi-đim, 11:16
9. Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, 13:2
10. Đáng Giúp Đỡ, 18:10
11. An-ne, 18:24
12. Ma-ri vợ của Co-lê-ô-pa, 19:25

IX. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Ga-li-lê, 1:43
2. Na-xa-rét, 1:45
3. Ca-na, 2:1
4. Ca-bê-na-um, 2:12
5. A-t-nôn gần Sa-lim, 3:23
6. Sa-ma-ri, 4:4
7. Ti-bê-ri-át, 6:1
8. Bết-lê-hem, 7:42
9. Bết-tha-ny, 11:1
10. Két-rôn, 18:1
11. Biển Ti-bê-ri-át, 21:1

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao Giảng 1:1 rất quan trọng?
2. Tại sao phép báp-tem của Giảng không bình thường?
3. Sinh lại có nghĩa gì?
4. Tại sao “tin” và “vâng lời” có liên quan trong 3:35?
5. 4:24 có nghĩa gì?
6. Tại sao Giảng. 5:4 lại ở trong ngoặc đơn?
7. 9:2 có hàm ý về sự tái nhập thể không? Nếu không, giải thích tại sao không?
8. Giải thích sự chiêm biếm của 9:41
9. Giải thích 10:34-35 trong ngôn từ của bạn.
10. Tại sao Chúa Giê-su lại rửa chân cho các môn đồ trong đoạn 13? Bối cảnh của đoạn 13-17 là gì?
11. Tại sao Giảng 14:6 rất quan trọng?
12. Tại sao Giảng 14:23 rất quan trọng?
13. Giải thích Giảng 15:16
14. Giảng 17 được gọi là “Bài Cầu Nguyện của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Chúa Giê-su”. Ngài cầu nguyện cho ba nhóm người, xin liệt kê chúng.
15. Giải thích sự luân phiên giữa Chúa Giê-su và Phi-lát trong Giảng 18:33-38?
16. Các môn đồ đã nhận Đức Thánh Linh trong 20:22 hay tại Lễ Ngũ Tuần trong Công.1?
17. Tại sao Giảng 20:31 quan trọng?

GIỚI THIỆU CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Công Vụ Các Sứ Đồ tạo mối liên kết không thể thiếu giữa các tường thuật về cuộc đời của Chúa Giê-su (các sách Phúc Âm), sự rao giảng của họ trong Công Vụ, sự giải nghĩa của họ và áp dụng trong các Thư Tín của các Sứ Đồ trong Tân Ước.
- B. Hội thánh đầu tiên đã phát triển và lưu hành hai bộ sưu tập các tác phẩm Tân Ước: (1) Phúc Âm (bốn sách Phúc Âm) và (2) Sứ đồ (tức là các thư tín của Phao-lô). Tuy nhiên, với những dị giáo Cơ Đốc đầu tiên của thế kỷ thứ hai, giá trị của sách Công Vụ trở nên rõ ràng. Công Vụ trình bày nội dung và mục đích của việc rao giảng của các sứ đồ (*kerygma*) và kết quả tuyệt vời của phúc âm.
- C. Tính chính xác về lịch sử của Công Vụ đã được nhấn mạnh và xác nhận bởi những khám phá khảo cổ học hiện đại, đặc biệt là liên quan đến chức danh các quan chức chính phủ La Mã (ví dụ, *stratēgoi*, 16: 20, 22, 35, 36 [cũng được sử dụng bởi các đội trưởng của đền thờ, Lu-ca 22: 4, 52; Công vụ 4: 1; 5: 24-26]; *chính trị gia - politarchas*, 17: 6, 8; và *prōtō*, Công. 28: 7, xem A. N. Sherwin-White, *Xã hội La Mã và Luật La Mã trong Tân Ước - Roman Society and Roman Law in the New Testament*). Luca ghi lại những căng thẳng trong hội thánh đầu tiên, thậm chí là cuộc chiến giữa Phao-lô và Ba-na-ba (xem Công vụ 15:39). Điều này phản ánh đây là một nghiên cứu lịch sử / thần học công bằng, cân xứng.
- D. Trong các bản văn cổ tiếng Hy Lạp thì tựa đề của sách được tìm thấy trong các hình thức hơi khác:
1. Bản thảo κ (Sinaiticus), Tertullian, Didymus, Eusebius có xuất hiện chữ “Công Vụ” (ASV, NIV)
 2. Bản thảo B (tức là, Vaticanus), D (tức là Bezae) trong vài tài liệu, Irenaeus, Tertullian, Cyrian, Athanaius có chữ “Công Vụ của các Sứ Đồ” (KJV, RSV, NEB)
 3. Bản thảo A^2 (tức là, bản sửa lần đầu tiên của Alexandrinus), E, G, Chrysostom có chữ “Công Vụ của các Sứ Đồ Thánh”

Có khả năng từ Hy Lạp *praxeis*, *praxis* (có nghĩa là công việc, hành vi, cách thức, hành động, thực hành) phản ánh một thể loại văn học Địa Trung Hải cổ đại, trình bày cuộc sống và hành động của những nổi tiếng có tầm ảnh hưởng (như Giăng, Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phi-líp và Phao-lô). Có lẽ ban đầu sách này không có tựa đề (cũng giống như Phúc Âm Luca).

- E. Có hai bản văn truyền thống riêng biệt của Công Vụ. Cái ngắn hơn là Alexandrian (MSS P⁴⁵, P⁷⁴, κ , A, B, C). Nhóm gia đình bản thảo phương Tây (P²⁹, P³⁸, P⁴⁸ và D) dường như chứa nhiều chi tiết hơn. Không rõ những chi tiết này xuất thân từ tác giả hay được chèn vào bởi các thầy chép kinh sau này, dựa vào truyền thống hội thánh đầu tiên. Hầu hết các học giả bản văn tin rằng các bản thảo phương Tây có bổ sung sau này vì (1) họ viết trôi chảy hoặc cố gắng sửa các văn bản bất thường, khó hiểu; (2) bổ sung thêm các chi tiết; (3) thêm các cụm từ cụ thể để làm nổi bật Chúa Giê-su là Đấng Christ; và (4) không được trích dẫn bởi bất kỳ các tác giả Cơ Đốc đầu tiên khoảng trong ba thế kỷ đầu tiên (F. F. Bruce, Công vụ: *Văn bản Tiếng Hy Lạp*, trang. 69-80). Để chi tiết hơn xin tham khảo *Chú Giải Kinh Bản Văn Tân Ước tiếng Hy Lạp - Textual Commentary on the Greek New Testament* của Bruce M. Metzger, được xuất bản bởi Hiệp Hội Kinh Thánh Hoa Kỳ, trang 259-272.

Bởi vì số lượng thêm vào sau là rất lớn, nên chú giải kinh này sẽ không giải quyết được tất cả các bản văn tùy chọn. Chỉ có những biến thể bản văn nào là rất quan trọng để giải nghĩa, chỉ và chỉ khi đó nó sẽ được xử lý với trong tập chú giải kinh này.

II. TÁC GIẢ

- A. Sách ẩn danh, nhưng Luca được ngụ ý mạnh mẽ về chính mình trong sách.
1. Các phân đoạn “chúng ta” được xuất hiện cách độc đáo và đáng ngạc nhiên, 16:10-17 (hành trình truyền giáo thứ hai tại thành Phi-líp); 20:5-15; 21:1-18 (cuối hành trình truyền giáo thứ ba) và 27:1-28:16 (Phao-lô bị gửi như là tù nhân đến Rô-ma) ngụ ý mạnh mẽ Luca là tác giả.

2. Mọi liên hệ rõ ràng giữa Phúc Âm thứ ba và Công Vụ khi so sánh Lu-ca 1:1-4 với Công.1:1-2.
3. Lu-ca, một thầy thuốc người Ngoại, được đề cập trong Cô-lô-se 4:10-14, Phi-lê-môn 24 và II Ti-mô-thê 4:11 như một người bạn đồng hành với Phao-lô. Luca là nhà văn người Ngoại duy nhất trong Tân Ước.
4. Các chứng nhân của hội thánh đầu tiên nhất trí Luca là tác giả.
 - a. Fragment Muratorian (180-200 SCN từ Rô-ma viết, “được biên soạn bởi thầy thuốc Luca”)
 - b. các tác phẩm của Irenaeus (130-200 SCN)
 - c. các tác phẩm của Clement của Alexandria (156-215 SCN)
 - d. các tác phẩm của Tertullian (160-200 SCN)
 - e. các tác phẩm của Origen (185-254 SCN)
5. Các nội chứng về từ vựng và văn phong (đặt biệt là những thuật ngữ y học) khẳng định Luca là tác giả (Sir William Ramsay và A. Harnack)

B. Chúng ta có ba nguồn thông tin về Luca

1. Ba phân đoạn trong Tân Ước (Cô-lô-se 4: 10-4; Phi-lê-môn 24; II Ti-mô-thê 4:11) và chính sách Công Vụ)
2. Lời mở đầu Anti-Marcion thế kỷ thứ hai cho rằng Luca (160-180 SCN)
3. Sử gia đầu tiên của thế kỷ thứ tư, Eusebius, trong *Lịch sử Giáo hội* của ông, 3: 4, viết, “Luca, theo chủng tộc, người gốc An-ti-ốt, theo nghề nghiệp, một thầy thuốc, có mối quan hệ mật thiết với Phao-lô và đã đồng hành với các sứ đồ còn lại, ông đã để lại cho chúng ta những tấm gương về sự chữa lành linh hồn mà ông có được từ họ trong hai cuốn sách đầy cảm hứng này, Phúc Âm của Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ.
4. Đây là một hồ sơ tổng hợp của Luca.
 - a. người Ngoại (được liệt kê trong danh sách người giúp đỡ Cô-lô-se 4:12-14 với Ê-pháp-ra và Ê-đê-ma; chứ không nằm trong danh sách người giúp đỡ Do Thái)
 - b. xuất thân tại An-ti-ốt của Sy-ri (nếu Phần mở đầu của Anti-Marcion cho Luca) hoặc Phi-líp của Ma-xê-đoan (quý ông William Ramsay trong Công.16:19)
 - c. một thầy thuốc (xem Cô-lô-se 4:14, hoặc ít nhất là một người có học thức)
 - d. cải đạo khi ông ở tuổi trưởng thành giữa sau khi hội thánh được bắt đầu tại An-ti-ốt (phần mở đầu Anti-Marcion)
 - e. người đồng hành với Phao-lô trong hành trình truyền giáo (các phần “chúng tôi” trong Công Vụ)
 - f. chưa kết hôn
 - g. đã viết Phúc Âm thứ ba và Công Vụ (hai phần giới thiệu, phong cách và từ vựng tương tự nhau)
 - h. qua đời ở tuổi 84 tại Boeotia

C. Những thách thức về quyền tác giả của Luca

1. tại A-thên, Phao-lô giảng trên núi Mars Hill sử dụng các phạm trù triết học và thuật ngữ Hy Lạp để tạo một nền tảng chung (xem Công vụ 17), nhưng Phao-lô, trong Rô-ma. 1-2, dường như không liên quan gì đến nền tảng chúng nào (về bản chất, đạo đức bên trong của nhân chứng).
2. Phao-lô giảng và bình luận trong Công Vụ mô tả ông là một Cơ Đốc Nhân Do Thái, người nghiêm túc tuân thủ Luật Môi-se, nhưng thư tín của Phao-lô lại phản đối Luật pháp và cho rằng Luật pháp vắn đề và lỗi thời.
3. Sự giảng thuyết của Phao-lô trong Công Vụ không tập trung vào mạc thế như những sách đầu tay của ông (1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca).
4. Sự tương phản về thuật ngữ, văn phong và nhấn mạnh rất thú vị, nhưng khó kết luận. Khi mà cùng một tiêu chí được áp dụng cho các sách Phúc Âm, Chúa Giê-su được tường thuật rất khác trong các sách Tin Lành Cộng Quan so với Chúa Giêsu của Giảng. Tuy nhiên, rất ít học giả sẽ phủ nhận rằng tất cả các sách Phúc Âm đều phản ánh cuộc đời của Chúa Giê-su.

D. Khi thảo luận về quyền tác giả của Công Vụ, điều quan trọng là chúng ta thảo luận về các nguồn Luca

đã sử dụng vì nhiều học giả (như C. C. Torrey,) tin rằng Luca đã sử dụng các tài liệu tiếng A-ram (hoặc truyền thống truyền khẩu) nhiều phần trong 15 chương đầu tiên. Nếu điều này là đúng, thì Luca chỉ là biên tập viên của tài liệu này, không phải là tác giả. Ngay cả trong các bài giảng sau này của Phao-lô, Luca chỉ cung cấp cho chúng ta một bản tóm tắt, không phải nguyên văn tường thuật. Việc Luca sử dụng các nguồn làm tài liệu là một câu hỏi quan trọng về quyền tác giả của sách.

III. THỜI GIAN

- A. Có nhiều cuộc thảo luận và bất đồng về thời điểm viết sách Công Vụ, nhưng các sự kiện trong khoảng 30-63 SCN (Phao-lô được ra khỏi tù ở Rô-ma vào giữa những năm 60, rồi bị bắt lại và xử tử dưới thời Nê-rô, có lẽ trong cơn bắt bớ 65 SCN).
- B. Nếu giả định về bản chất sứ đồ của sách có liên quan đến chính quyền La Mã thì thời gian viết sách có thể là (1) trước 64 SCN (khởi đầu cuộc bắt bớ Cơ Đốc Nhân ở Rô-ma) và / hoặc (2) liên quan cuộc nổi dậy của người Do Thái trong 66-73 SCN.
- C. Nếu cố gắng liên kết sách Công Vụ với Phúc Âm Luca theo trình tự thời gian, thì thời gian viết Phúc Âm ảnh hưởng đến thời gian viết Công Vụ. Khi mà sự sụp đổ thành Giê-su-sa-lem bởi Titus vào năm 70 SCN là lời tiên tri (trong Lu-ca 21), nhưng không được mô tả, dường như nhất thiết thời gian viết sách là trước 70 SCN. Nếu vậy thì Công Vụ, như là phần tiếp theo của phúc âm, phải được viết vào những năm 80.
- D. Nếu việc kết thúc đột ngột gây phiền lòng (bởi Phao-lô vẫn còn ở trong tù ở Rô-ma, F. F. Bruce), thì thời gian viết sách liên quan đến sự kết thúc cầm tù đầu tiên tại La Mã của Phao-lô, 58-63 SCN, được ưa chuộng.
- E. Một vài niên đại lịch sử liên quan đến các sự kiện lịch sử được ghi lại trong Công vụ.
 - 1. nạn đói lan rộng dưới thời Cơ-lốt, Công. 11:28, 44-48 SCN
 - 2. cái chết của Hê-rốt Ạc-ríp-pa I, Công. 12: 20-23, 44 SCN (mùa xuân)
 - 3. sự lãnh đạo tòa công luajaj của Sergius Paulus, Công. 13: 7, được bổ nhiệm vào 53 SCN
 - 4. trục xuất người Do Thái ra khỏi Rô-ma bởi Cơ-lốt, Công. 18: 2, 49 SCN (?)
 - 5. chức thống đốc của Ga-li-ô, Công. 18,12, 51 hoặc 52 SCN (?)
 - 6. chức thống đốc của Phê-lít, Công. 23:26; 24:27, năm 52-56 SCN (?)
 - 7. Phê-tu thay thế Phê-lít, Công. 24:27, 57-60 SCN (?)
 - 8. Các quan chức La Mã ở Giu-đa
 - a. Thống đốc
 - (1) Pôn-xơ Phi-lát, 26-36 SCN
 - (2) Marcellus, 36-37 SCN
 - (3) Marullus, 37-41 SCN
 - b. Trong năm 41 SCN, phương pháp giám tuyển hành chính của chính quyền La Mã đã được thay đổi thành một mô hình đế chế. Hoàng đế La Mã, Cơ-lốt, đã bổ nhiệm Hê-rốt Ạc-ríp-pa I vào năm 41 SCN.
 - c. Sau khi Hê-rốt Ạc-ríp-pa I qua đời năm 44SCN, phương pháp giám tuyển được tái thành lập cho đến năm 66 SCN
 - (1) An-tô-ni Phê-lít
 - (2) Pốt-tiu Phê-tu

IV. MỤC ĐÍCH VÀ CẤU TRÚC

- A. Một mục đích của sách Công Vụ là ghi lại sự tăng trưởng nhanh chóng của những người theo Chúa Giê-su: chức vụ từ người có gốc Do Thái gia tăng trên toàn thế giới, từ phòng cao đến công đường của Sê-sa:
 - 1. Trình tự địa lý này theo Công. 1:8, Đại Mạng Lệnh của Công Vụ (Mat.28:19-20).

2. Sự mở rộng địa lý này được thể hiện theo nhiều cách.
- Sử dụng các thành phố lớn và biên giới quốc gia. Trong Công vụ có 32 quốc gia, 54 thành phố và 9 đảo Địa Trung Hải được đề cập. Ba thành phố lớn là Giê-ru-sa-lem, An-ti-ốt và Rô-ma (Công vụ 9:15).
 - Sử dụng người chủ chốt. Công Vụ gần như có thể được chia thành hai nửa: chức vụ của Phi-e-rơ và chức vụ của Phao-lô. Có hơn 95 người được đề cập trong Công vụ, nhưng những người chính là: Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phi-líp, Ba-na-ba, Gia-cơ và Phao-lô.
 - Có hai hoặc ba hình thức văn học xuất hiện lặp đi lặp lại trong Công Vụ dường như phản ánh nỗ lực có ý thức của tác giả về cấu trúc:

(1) các câu tóm tắt	(2) các câu tăng trưởng	(3) sử dụng con số
1:1 - 6:7 (trong Giê-ru-sa-lem)	2:47	3:41
6:8 - 9:31 (trong Pa-lét-tin)	5:14	4:4
9:32 - 12:24 (đến An-ti-ốt)	6:7	5:14
12:25 - 15:5 (đến Tiêu Á)	9:31	6:7
16:6 - 19:20 (đến Hy-Lạp)	12:24	9:31
19:21 - 28:31 (đến Rô-ma)	16:5	11:21,24
	19:20	12:24
		14:1
		19:20

- B. Công Vụ rõ ràng có liên quan đến việc giải thích về sự hiểu lầm xung quanh cái chết của Chúa Giê-su vì tội phản quốc. Rõ ràng, Luca đang viết cho người Ngoại (Thi-ô-phi-lơ, có thể là một quan chức La Mã). Ông đã sử dụng (1) bài giảng của Phi-e-rơ, Ê-tiên và Phao-lô để cho thấy mưu đồ của người Do Thái và (2) phản ứng tích cực của các quan chức chính phủ La Mã đối với Cơ Đốc Giáo. Người La Mã không có gì phải sợ tin đồ của Chúa Giê-su.

- bài giảng của các lãnh đạo Cơ Đốc
 - Phi-e-rơ, 2:14-40; 3:12-26; 4:8-12; 10:34-43
 - Ê-tiên, 7:1-53
 - Phao-lô, 13:10-42; 17:22-31; 20:17-25; 21:40-22:21; 23:1-6; 24:10-21; 26:1-29
- liên quan đến quan chức chính quyền
 - Pôn-xơ Phi-lát, Luca 23:13-25
 - Sê-gút Phao-lút, Công. 13:7,12
 - các quan tòa tại thành Phi-líp, Công. 16:35-40
 - Ga-li-ôn, Công. 18:12-17
 - người lãnh đạo ở Ê-phê-sô, Công. 19:23-31 (đặc biệt c.31)
 - Cơ-lốt Ly-si-a, Công. 23:29
 - Phê-lít, Công. 24
 - Pôn-tít Phê-tu, Công. 24
 - Ac-ríp-pa II, Công. 26 (đặc biệt c.32)
 - Púp-li-u, Công. 28:7-10
- Khi so sánh các bài giảng của Phi-e-rơ và Phao-lô, rõ ràng Phao-lô không phải là người đổi mới, nhưng là người rao giảng trung tín về các lẽ thật của phúc âm và sứ đồ. *Kerygma* là hợp nhất!

- C. Luca không chỉ bảo vệ Cơ Đốc Giáo trước chính quyền La Mã, mà còn bảo vệ Phao-lô trước giáo hội người Ngoại. Phao-lô đã nhiều lần bị tấn công bởi các nhóm Do Thái (Do Thái Giáo tại Galati, các “siêu sứ đồ” của Do Thái Giáo trong 2Côr. 10-13; và các nhóm Hy Lạp (trí huệ giáo của Cô-lô-se và Ê-phê-sô). Luca cho thấy Phao-lô giản dị trình bày rõ ràng tâm lòng và thần học của ông trong các hành trình truyền giáo và bài giảng của ông.

- D. Mặc dù Công Vụ không có ý định trở thành một sách giáo lý, nhưng nó ghi lại cho chúng ta các yếu tố bài giảng của các sứ đồ thời kỳ đầu mà C. H. Dodd đã gọi là “lời *Kerygma*” (những sự thật cần thiết về Chúa Giê-su). Điều này giúp chúng ta thấy những gì họ cảm thấy là điều cốt yếu của phúc âm, đặc biệt là khi họ liên quan đến cái chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI KERYGMA

The Kerygma

Có rất nhiều ý kiến về Cơ Đốc Giáo. Thời đại của chúng ta là thời đại của đa tôn giáo, giống như thế kỷ đầu tiên. Cá nhân tôi hoàn toàn đồng ý và chấp nhận tất cả các nhóm tuyên bố rằng họ biết và tin nơi Chúa Giê-su Christ. Tất cả chúng ta đều không đồng ý về điều này hay điều kia nhưng cơ bản Cơ Đốc Giáo là hoàn toàn về Chúa Giê-su. Tuy nhiên, có những nhóm tự xưng là tín hữu Cơ Đốc Nhân dường như “trông rất giống” hoặc “người-đến-sau thành công – johnny-come-latelies.”. Làm thế nào để tôi nói sự khác biệt?

Vâng, có hai cách:

- A. Một cuốn sách hữu ích để biết những gì các nhóm tà giáo hiện đại (từ chính các tác phẩm của họ) là *The Kingdom of the Cults - Vương Quốc Của Các Tà Giáo* của Walter Martin.
- B. các bài giảng của hội thánh đầu tiên, đặc biệt là các bài giảng của Sứ Đồ Phi-e-rơ và Phao-lô trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, cho chúng ta một phác thảo cơ bản về cách các tác giả được thần cảm trong thế kỷ thứ nhất trình bày Cơ Đốc Giáo cho các nhóm người khác nhau. “Lời tuyên bố” hoặc “rao giảng” ban đầu (trong đó Công Vụ là một bản tóm tắt) trong từ Hy Lạp là *kerygma*. Sau đây là những lễ thật cơ bản của phúc âm về Chúa Giê-su trong Công vụ:
 1. ứng nghiệm nhiều lời tiên tri trong Cựu ước - Công vụ 2:17-21,30-31,34; 3:18-19,24; 10:43; 13:17-23,27; 33:33-37,40-41; 26:6-7,22-23
 2. được Đức Giê-hô-va sai phái như lời đã hứa - Công vụ 2:23; 3:26
 3. thực hiện nhiều phép lạ để xác chứng sứ điệp của Ngài và bày tỏ lòng trắc ẩn của Chúa - Công vụ 2:22; 3:16; 10:38
 4. bị nộp, chối bỏ - Công vụ 3:13-14; 4:11
 5. bị đóng đinh - Công vụ 2:23; 3:14-15; 4:10; 10:39; 13:28; 26:23
 6. được sống lại - Công vụ 2:24,31-32; 3: 15,26; 4:10; 10:40; 13:30; 17:31; 26:23
 7. được tôn cao ngồi bên phải của Đức Chúa Trời - Công vụ 2:33-36; 3:13,21
 8. sẽ trở lại - Công vụ 3:20-21
 9. được lập lên thành Đấng Phán Xét - Công vụ 10:42; 17:31
 10. đã gửi Đức Thánh Linh đến - Công vụ 2:17-18,33,38-39; 10:44-47
 11. Đấng Cứu Thế cho tất cả những ai tin - Công vụ 13:38-39
 12. không có một Đấng Cứu Rỗi nào khác - Công vụ 4:12; 10:34-36

Dưới đây là một vài cách đáp ứng lại những trụ cột chân lý của Sứ Đồ:

1. Ăn năn - Công vụ 2:38; 3:19; 17:30; 26:20
2. Tin - Công vụ 2:21; 10:43; 13: 38-39
3. Nhận phép Báp-tem- Công vụ 2:38; 10:47-48
4. Nhận lấy Thánh Linh - Công vụ 2:38; 10:47
5. Tất cả mọi người có thể đến - Công vụ 2:39; 3:25; 26:23

Lược đồ này phục vụ như là tuyên bố thiết yếu của hội thánh đầu tiên, mặc dù các tác giả khác nhau của Tân Ước có thể bỏ qua một phần hoặc nhấn mạnh các chi tiết khác trong bài giảng của họ. Toàn bộ Phúc Âm của Mác theo sát tính lý Phi-e-rơ của *kerygma*. Theo truyền thống, Mác được xem là những bài giảng theo cấu trúc của Phi-e-rơ, được rao giảng ở Rô-ma, thành sách Phúc Âm theo văn bản. Cả Ma-thi-ơ và Luca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

- E. Frank Stagg trong chú giải kinh của ông, *Sách Công Vụ, Khó Khăn Đầu Tiên cho Phúc Âm Không Rào Cản (The Book of Acts, the Early Struggle for an Unhindered Gospel)* khẳng định mục đích chủ yếu là phong trào lan rộng sứ điệp về Chúa Giê-su (phúc âm) từ một đạo Do Thái mang tính dân tộc nghiêm ngặt đối với thông điệp phổ quát cho tất cả mọi người. Chú giải của Stagg tập trung vào (các) mục đích Luca trong việc viết sách Công Vụ. Một bản tóm tắt và phân tích tốt về các lý thuyết khác nhau là tìm thấy trên trang 1-18. Stagg chọn tập trung vào thuật ngữ “không bị cản trở” trong 28:31, một kết thúc không bình thường, là chìa khóa để hiểu Luca nhấn mạnh vào sự lan rộng của Cơ Đốc Giáo vượt qua mọi rào cản.

- F. Mặc dù Đức Thánh Linh được nhắc đến hơn 50 lần trong Công Vụ, nhưng đó không phải là “Công Vụ của Đức Thánh Linh.” Có 11 chương mà Đức Thánh Linh không hề được đề cập. Ngài chỉ được nhắc đến thường xuyên nhất trong nửa đầu Công Vụ, nơi Lu-ca đang trích dẫn các nguồn khác (có thể bản gốc được viết bằng tiếng A-ram). Công Vụ không phải chỉ dành cho Đức Thánh Linh mà là Phúc Âm cho Chúa Giê-su! Điều này không có nghĩa là mất giá trị của Đức Thánh Linh, nhưng để bảo vệ chúng ta khỏi việc xây dựng một nền thần học chủ yếu và độc nhất về Đức Thánh Linh trong sách Công Vụ.
- G. Sách Công Vụ không được thiết kế để dạy giáo lý (xem Fee và Stuart, *Cách Đọc Kinh Thánh Cho Tất Cả Giá Trị Của Nó - How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 94-112). Một ví dụ về điều này là nỗ lực tạo ra một nền tảng thần học về sự cải đạo từ Công Vụ là hoàn toàn thất bại. Thứ tự và các yếu tố cải đạo trong Công Vụ hoàn toàn khác nhau; vậy, khuôn mẫu chuẩn là gì? Chúng ta phải tìm đến các Thư Tín để được giúp đỡ về giáo lý.

Tuy nhiên, điều thú vị là một số học giả (Hans Conzelmann) đã nhìn thấy Luca cố tình tái định hướng thuyết mạc thế đang diễn ra cách cấp bách trong thế kỷ thứ nhất với cách tiếp cận kiên nhẫn như với bệnh nhân ông cho họ biết thời Kỳ Tái Lâm còn trì hoãn trong thời của họ. Vương quốc hiện tại đang ở đây và đây quyền lực, thế nên hãy người nghe hãy thay đổi cuộc sống. Hiện thời chức năng của hội thánh trở thành trọng tâm, không phải là một hy vọng cho thời tận thế.

- H. Có thể một mục đích khác của Công Vụ cũng tương tự như Rôm. 9-11, tại sao người Do Thái từ chối Đấng Mê-si-a Do Thái và tại sao hội thánh chủ yếu là người Ngoại? Một số nơi trong Công Vụ trên toàn thế giới Phúc Âm rõ ràng đang được loan báo. Chúa Giê-su sai toàn bộ những người theo Ngài vào thế gian (1: 8). Người Do Thái từ chối Ngài, nhưng người Ngoại đáp ứng với Ngài. Sứ điệp của ông vươn đến Rô-ma.

Có thể mục đích của Luca trình bày Cơ Đốc Giáo Do Thái (theo Phi-e-rơ) và Cơ Đốc Giáo người Ngoại (theo Phao-lô) có thể cùng nhau sống và phát triển! Chúng không cạnh tranh nhau, nhưng cùng tham gia truyền giáo thế giới.

- I. Liên quan đến mục đích, tôi đồng ý với F. F. Bruce (tức là, *Chú Giải Kinh Quốc Tế Mới - New International Commentary*, tr.18) vì Lu-ca và Công Vụ ban đầu là một bộ, nên phần mở đầu của Lu-ca (1:1-4) cũng có chức năng cho Công Vụ. Luca mặc dù không phải là nhân chứng tận mắt cho tất cả các sự kiện, nhưng ông đã cẩn thận nghiên cứu chúng và ghi lại một cách chính xác, sử dụng khuôn mẫu lịch sử, văn học, thần học của riêng mình.

Sau đó Luca, trong cả Phúc Âm và tường thuật câu chuyện, muốn trình bày thực tế lịch sử và thần học đáng tin cậy (Luca 1:4) của Chúa Giê-su và Hội thánh. Có thể trọng tâm của Công Vụ là chủ đề về sự ứng nghiệm (không bị ngăn trở, xem 28:31, là từ kết thúc của sách). Chủ đề này là được truyền tải bởi một số từ và cụm từ khác nhau (xem *Giải Nghĩa sách Công Vụ - Interpreting the Book of Acts*, trang 23-24 của Walter L. Liefeld). Phúc Âm không phải là một suy-nghĩ-theo-sau, kế hoạch B, hoặc một điều mới. Nó là chương trình cứu chuộc được định trước của Đức Chúa Trời (xem Công vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29).

V. THỂ LOẠI

- A. Công Vụ đối với Tân ước, cũng giống như Giô-suê và 2 Các Vua đối với Cựu ước, tường thuật lịch sử. Tường thuật lịch sử Kinh Thánh là thực tế, nhưng không tập trung vào trình tự thời gian hoặc ghi chép đầy đủ các sự kiện. Nó chọn một số sự kiện nhằm giải thích Đức Chúa Trời là ai, chúng ta là ai, chúng ta làm thế nào để dẫn đúng trước mặt Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống như thế nào
- B. Vấn đề trong việc giải nghĩa văn tường thuật Kinh Thánh là tác giả không bao giờ đưa vào bản văn (1) mục đích của họ là gì, (2) lẽ thật chính là gì, hoặc (3) chúng ta nên mô phỏng những thứ được ghi lại như thế nào. Những người đọc cần suy nghĩ thông qua các câu hỏi sau đây:
1. Tại sao sự kiện được ghi lại?
 2. Nó liên quan đến các tài liệu Kinh Thánh trước đó như thế nào?
 3. Lẽ thật thần học trọng tâm là gì?

4. Bối cảnh văn học có quan trọng ở đây không? (Sự kiện nào xảy ra trước hoặc sau nó? Chủ đề này có được nhắc đến ở nơi khác không?)
 5. Bối cảnh Văn học rộng bao nhiêu? (đôi khi độ lớn của câu chuyện có thể hình thành một chủ đề hay mục đích thần học.)
- C. Tường thuật lịch sử không nên là nguồn duy nhất cho giáo lý. Thông thường mọi thứ được ghi lại ngẫu nhiên với mục đích của tác giả. Tường thuật lịch sử có thể minh họa những lẽ thật được ghi lại ở nơi khác trong Kinh Thánh. Không phải chuyện gì đó xảy ra đều là ý Chúa cho tất cả các tín hữu ở mọi lứa tuổi (ví dụ: tự tử, đa thê, thánh chiến, nắm rắn trong tay, v.v.).
- D. Cuộc thảo luận ngắn gọn nhất về cách diễn giải nghĩa câu chuyện lịch sử là tác phẩm của Gordon Fee và Douglas *Làm Thế Nào Để Đọc Kinh Thánh Cho Tất Cả Giá Trị Của Nó*, trang 78-93 và 94-112

VI. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Những cuốn sách mới viết về Công Vụ trong bối cảnh thế kỷ đầu tiên được sản xuất bởi những người theo chủ nghĩa cổ điển. Cách tiếp cận liên ngành này đã thực sự giúp ích cho việc hiểu biết về Tân Ước. Loạt bài học của Bruce M. Minter đã được hiệu đính.

- A. *The Book of Acts in Its Ancient Literary Setting - Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Văn Học Cổ Đại*
- B. *The Book of Acts in Its Graeco-Roman Setting - Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Hy Lạp – La Mã*
- C. *The Book of Acts and Paul in Roman Custody - Sách Công Vụ và Sự Cầm Tù của Phao-lô tại Rô-ma*
- D. *The Book of the Acts in Its Palestinian Setting - Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Pa-lét-tin*
- E. *The Book of Acts in Its Diaspora Setting - Sách Công Vụ trong Bối Cảnh người Di Dân*
- F. *The Book of Acts in Its Theological Setting - Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Thần Học của nó*

Những sách hữu ích:

1. A. N. Sherwin-White, *Roman Society and Roman Law in the New Testament - Xã hội và Luật La Mã trong Tân Ước*
2. Paul Barnett, *Jesus and the Rise of Early Christianity - Chúa Giê-su và Sự Nổi Dậy của Cơ Đốc Giáo Đầu Tiên*
3. James S. Jeffers, *The Greco-Roman World - Thế Giới Hy Lạp-La Mã*

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “lấy nhiều chứng cứ”, 1:3
2. “bốn mươi ngày”, 1:3
3. “vương quốc của Đức Chúa Trời,” 1:3
4. “đám mây tiếp Ngài”, 1:9
5. “cách một quãng đường đi một ngày Sa-bát”, 1:12
6. “Ruộng Huyết”, 1:19
7. “bắt thăm”, 1:26
8. “Lễ Ngũ Tuần”, 2:1
9. “đầy đầy Đức Thánh Linh”, 2:4
10. “bắt đầu nói các ngôn ngữ khác”, 2:4
11. “người mới theo đạo”, 2:10; 13:43
12. “theo kế hoạch đã định và sự biết trước của Đức Chúa Trời”, 2:23
13. “nơi Âm Phủ”, 2:31
14. “ở bên phải Đức Chúa Trời”, 2:23

15. “ăn năn”, 2:38, 3:19
16. “lễ bẻ bánh”, 2:42, 46
17. “buổi cầu nguyện”, 3:1
18. “bổ thí”, 3:2
19. “hiên cửa của Sa-lô-môn”, 3:11; 5:12
20. “Đấng Thánh và Đấng Công Chính”, 3:14
21. “thời gian của sự tươi mới”, 3:19
22. “tâm thường, ít học”, 4:13
23. “thì ông ngủ”, 7:60
24. “con Đường”, 9:2
25. “đặt tay trên”, 9:12 (8:17)
26. “binh đoàn”, 10:1
27. “Cơ Đốc Nhân”, 11:26
28. “bói khoa”, 16:16
29. “và cả gia đình ông”, 16:33
30. “Phái Khoái Lạc”, 17:18
31. “Phái Khắc Kỷ”, 17:18
32. “A-rê-ô-pa”, 17:22
33. “mấy thầy phù thủy người Do Thái”, 19:13
34. “phù phép... sách vở”, 19:19
35. “nữ thần Đi-anh bằng bạc”, 19:24

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Thi-ô-phi-lơ, 1:1
2. những người phụ nữ, 1:14
3. Ma-thia, 1:23
4. Sa-đu-sê, 4:1; 5:17
5. An-ne, 4:6
6. Cai-phe, 4:6
7. “lãnh đạo và quý trưởng lão”, 4:8
8. A-na-nia, 5:1; 9:10
9. Sa-phi-a, 5:1
10. Ga-ma-li-ên, 5:34
11. Ê-tiên, 6:5
12. Sau-lơ, 7:58; 8:1; 9:1
13. Phi-líp, 8:5
14. Đô-ca, 9:36
15. Cột-nây, 10:1
16. A-ga-bút, 11:28; 21:10
17. Ở-tích, 20:9

IX. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Giê-ru-sa-lem, 1:
2. Giu-đa, 1:8
3. Sa-ma-ri, 1:8
4. Bạt-thê, 2:9
5. Cáp-pa-đốc, 2:9
6. Bông, 2:9
7. Asia, 2:9
8. Phi-ri-gi, 2:10
9. Pam-phi-ly, 2:10

10. Ai-cập, 2:10
11. Li-by, 2:10
12. Sy-ren, 2:10
13. Cờ-rét, 2:10
14. Na-xa-rét, 2:22
15. A-léc-xan-đơ, 6:9
16. Si-li-si, 6:9
17. Đa-mách, 9:2
18. Sê-sa-rê
19. Gióp-bê, 9:36
20. Phê-ni-xi, 11:19
21. Sy-ren, 11:20
22. Tạt-sơ, 11:25
23. Si-đôn, 12:20
24. Phi-líp, 16:12
25. Bê-rê, 17:10
26. A-thên, 17:16
27. Cô-rinh-tô, 18:1

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. 1:6 mặc khải sự thiếu hiểu biết của các Sứ Đồ như thế nào?
2. 1:8 liên quan đến Mat.28:19-20 như thế nào?
3. Liệt kê những phẩm hạnh của một sứ đồ (1:22)
4. Tại sao “gió” và “lửa” được liên hệ với Đức Thánh Linh? (2:2-3)
5. Giải thích phép màu trong 2:8
6. Phi-e-rơ trích lời tiên tri của Giô-ên được ứng nghiệm. Vậy bạn giải thích 1:17 và 19-20 như thế nào?
7. Tầm quan trọng thần học của việc Giê-su được gọi là “Chúa” và “Đấng Christ” là gì? (2:36)
8. 2:44 có phải đây là lệnh theo kinh thánh cho chủ nghĩa cộng sản? (xem. 4:34-35)
9. Giải thích sự hàm ý của 3:18
10. Giải thích làm như thế nào Cựu Ước được áp dụng cho Chúa Giê-su trong 4:11
11. Có phải việc đổ đầy Đức Thánh Linh luôn luôn gắn liền với việc làm chứng trong Công Vụ?
12. Liệt kê những phẩm hạnh của “Bảy Người” được chọn trong Công Vụ 6. Phải chăng họ là chấp sự?
13. Tại sao Sau-lơ nổi điên với Cơ Đốc Nhân? (8:1-3)
14. 8:15-16 cung cấp cho tín hữu hiện đại trình tự cần có cho sự cứu rỗi phải không?
15. Mục đích của việc nói tiếng lạ trong 10:44-48?
16. Tại sao đầu tiên Phao-lô giảng trong nhà hội địa phương? (13:5)
17. Chuyện gì đã xảy ra với Phao-lô và Ba-na-ba tại Lít-trơ khiến họ xé áo mình? (14:8-18)
18. Mục đích của Hội Đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 15 là gì?
19. Tại sao Phao-lô và Ba-na-ba cãi nhau? (15:36-41)
20. Tại sao Đức Thánh Linh ngăn cản Phao-lô không đến Asia? (16:6)
21. Tại sao lãnh đạo của thành phố nổi giận trong 16:35-40?
22. Bê-rét-sin và A-qui-la đã giúp đỡ A-pô-lô như thế nào? (18:24-28)
23. Tại sao 20:21 là câu quan trọng?
24. Hàm ý của 21:9 là gì?
25. Tại sao Phao-lô bị tù ở Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 21?
26. Giải thích 23:6-7 trong ngôn từ của bạn.

GIỚI THIỆU RÔ-MA

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Rô-ma là sách giáo lý có hệ thống và lô-gic nhất của Sứ đồ Phao-lô. Nó đã bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh ở Rô-ma, do đó, nó là một tài liệu “đặc biệt”. Một điều gì đó đã xảy ra khiến Phao-lô viết thư. Tuy nhiên, đây là tác phẩm trung lập nhất của Phao-lô, cách Phao-lô đối diện với vấn đề (có thể là sự ghen tị giữa tín hữu Do Thái và lãnh đạo người Ngoại) là một sự trình bày rõ ràng về phúc âm và ý nghĩa áp dụng trong cuộc sống hàng ngày.
- B. Phao-lô trình bày phúc âm trong thư Rô-ma đã tác động đến đời sống của hội thánh trong mọi thời đại:
1. Augustin đã cải đạo trong 386 SCN khi đọc Rô-ma 13:13-14.
 2. Hiểu biết về sự cứu rỗi của Martin Luther đã thay đổi hoàn toàn vào năm 1513 SCN khi ông so sánh Thi thiên 31:1 với Rô-ma. 1:17 (Hab 2:4).
 3. John Wesley cải đạo vào năm 1738 SCN sau khi nghe bài giảng của Luther, về phần giới thiệu sách Rô-ma
- C. Biết La Mã là biết Cơ Đốc Giáo! Thư tín định hình cuộc đời và lời dạy của Chúa Giêsu thành sự thật nền tảng cho Giáo Hội của mọi thời đại.

II. TÁC GIẢ

Chắc chắn Phao-lô là tác giả. Lời chào điển hình của ông được tìm thấy trong 1: 1. Người ta thường đồng ý rằng cái gai trong xác thịt của ông là thị lực kém, do đó ông không tự mình viết thư này, nhưng người chép thư, Tệt-tiu (xem 16:22).

III. THỜI GIAN

- A. Thời gian viết được xác định cùng với quyền tác giả của thư tín Rô-ma là 56-58 SCN. Đây là một trong số ít sách Tân Ước có thời gian viết sách khá chính xác. Được thực hiện bằng cách so sánh Công vụ 20:2ff với Rô-ma 15:17ff. Rô-ma có lẽ được viết tại Cô-rinh-tô vào cuối hành trình truyền giáo thứ ba, ngay trước khi ông đi đến Giê-ru-sa-lem.

- B. Trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ốt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trễ hơn	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

IV. NGƯỜI NHẬN

Bức thư nêu điểm đến của nó là Rô-ma. Chúng ta không biết ai đã thành lập hội thánh tại Rô-ma:

- A. Có thể là một số người đã viếng thăm Giê-ru-sa-lem vào ngày Lễ Ngũ Tuần cải đạo và trở về nhà để bắt đầu hội thánh (xem Công vụ 2:10);
- B. Có thể là các môn đệ chạy trốn khỏi cuộc bắt bớ ở Giê-ru-sa-lem sau cái chết của Ê-tiên (Công vụ 8:4); hoặc là
- C. Có thể là những người cải đạo trong hành trình truyền giáo của Phao-lô đi đến Rô-ma. Phao-lô chưa bao giờ đến thăm hội thánh này, nhưng ông mong muốn (Công vụ 19:21). Ông có nhiều bạn bè ở đó (xem Rô-ma 16).

Rõ ràng kế hoạch của ông là ghé thăm Rô-ma trên đường đến Tây Ban Nha (Rô-ma 15:28) sau chuyến đi đến Giê-ru-sa-lem với “món quà yêu thương.” Phao-lô cảm thấy chức vụ của ông ở phía đông Địa Trung Hải đã kết thúc. Ông tìm kiếm cánh đồng mới (16:20-23). Người mang thư của Phao-lô từ Hy Lạp đến Rô-ma, dường như là một nữ chấp sự Phê-bê, người đang đồng hành cùng hướng (Rô-ma 16:1). Tại sao lại là bức thư này, nó có giá trị không khi được viết trên đường Cô-rinh-tô vào thế kỷ thứ nhất bởi một người Do Thái may mắn? Martin Luther gọi nó là “sách đứng đầu trong Tân Ước và Phúc Âm thuần túy nhất.” Giá trị của sách được tìm thấy trong thực tế rằng nó là một lời giải thích sâu-sắc về phúc âm bởi một ra-bi cải đạo, Sau-lô quê ở Tạt-xơ, được kêu gọi làm sứ đồ cho dân Ngoại. Hầu hết các thư tín của Phao-lô đều đậm nét tình huống địa phương, nhưng không ở Rô-ma. Đây là sự trình bày có hệ thống về đức tin trọn đời của một Sứ Đồ.

Hỡi Cơ Đốc Nhân, bạn có nhận ra, ngày nay hầu hết các thuật ngữ chuyên môn được sử dụng để miêu tả “đức tin” (“xung công chính”, “sự định tội”, “sự nhận làm con nuôi” và “sự thánh hóa”) đều có nguồn gốc từ La-Mã? Hãy cầu nguyện để Đức Chúa Trời mở bức thư tuyệt vời này cho bạn khi chúng ta cùng nhau tìm kiếm ý muốn của Ngài cho cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay!

V. MỤC ĐÍCH

- A. Một lời kêu gọi giúp đỡ cho chuyến đi truyền giáo của ông đến Tây Ban Nha. Phao-lô đã thấy công việc sứ đồ của ông ở phía đông Địa Trung Hải đã kết thúc (16:20-23).
- B. Để giải quyết vấn đề trong hội thánh La Mã giữa tín hữu Do Thái và tín hữu người Ngoại. Đây có lẽ là kết quả của việc trục xuất tất cả người Do Thái khỏi Rô-ma và sau đó họ trở về. Khi họ trở về thì các lãnh đạo Cơ Đốc người Ngoại đã thay thế vị trí của lãnh đạo Cơ Đốc người Do Thái.
- C. Để tự giới thiệu mình với hội thánh tại La Mã. Do có nhiều sự phản đối Phao-lô từ những người Do Thái thật lòng cải đạo ở Giê-ru-sa-lem (Hội Đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem, Công Vụ 15), từ người Do Thái không thành thật (người Do Thái Giáo trong sách Ga-la-ti và 2 Côr. 3,10-13) và từ dân ngoại (Cô-lô-se, Ê-phê-sô) đã cố gắng hợp nhất phúc âm với lý thuyết hay triết lý của riêng họ.
- D. Phao-lô bị buộc tội là một nhà cải cách nguy hiểm, bỏ sung vào sự dạy dỗ của Chúa Giê-su cách liêu lĩnh. Sách cho người La Mã (thư tín Rô-ma) là cách ông tự bảo vệ mình có hệ thống qua việc sử dụng Cựu Ước và những lời dạy của Chúa Giê-su (các sách Phúc Âm) trình bày phúc âm của ông chân chính như thế nào.

VI. BỐ CỤC ĐƠN GIẢN

- A. Lời Giới Thiệu (1:1-17)
 - 1. Chào thăm (1-7)
 - a. Tác giả (1-5)
 - b. Gửi đến (6-7a)
 - c. Chúc thăm (7b)

2. Nguyên nhân viết thư (1:8-15)
 3. Chủ đề (1:16-17)
- B. Nhu Cầu về Sự Công Chính Thiên Thượng
1. Sự Xuống Cấp của Thế Giới Dân Ngoại (1:18-3:20)
 2. Đạo Đức Giả của người Do Thái hay Vô Đạo Đức của Dân Ngoại (2:1-16)
 3. Sự Phán Xét cho Người Do Thái (2:17-3:8)
 4. Sự Định Tội Toàn Cầu (3:9-20)
- C. Sự Công Chính Thiên Thượng là gì (3:21-8:39)
1. Công Chính chỉ bởi Đức Tin Mà Thôi (3:21-31)
 2. Nền Tảng Cơ Bản củ Sự Công Chính: Lời Hứa của Đức Chúa Trời (4:1-25)
 - a. Áp-ra-ham được kể là công chính (4:1-5)
 - b. Đa-vít (4:6-8)
 - c. Mối Liên Hệ giữa Áp-ra-ham và Phép Cắt Bì (4:9-12)
 - d. Lời Hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham (4:13-25)
 3. Đạt Được Sự Công Chính (5:1-21)
 - a. Khía cạnh chủ quan: tình yêu vô đối, niềm vui bất diệt (5:1-5)
 - b. Cơ sở khách quan: tình yêu diệu kỳ của Đức Chúa Trời (5:6-11)
 - c. Loại theo A-đam/Christ: tội lỗi của A-đam, sự cung ứng của Đức Chúa Trời (5:12-21)
 4. Sự Công Chính Thiên Thượng phải được thấy trong đời sống cá nhân công chính (6:1-7:25)
 - a. Được tự do khỏi tội lỗi (6:1-4)
 - (1) Giả thuyết phản đề (6:1-2)
 - (2) Ý nghĩa của phép báp-tem (6:3-14)
 - b. Nô lệ cho Satan hay nô lệ cho Đức Chúa Trời: lựa chọn của bạn (6:15-23)
 - c. Con Người kết hôn với Luật Pháp (7:1-6)
 - d. Luật pháp là tốt, nhưng tội lỗi ngăn cản điều tốt lành (7:7-14)
 - e. Tranh chiến đời đời giữa thiện và ác trong tín hữu (7:15-25)
 5. Những kết quả thấy được của sự công chính thiên thượng (8:1-39)
 - a. Cuộc sống trong Đức Thánh Linh (8:1-17)
 - b. Sự cứu chuộc của sự sáng tạo (8:18-25)
 - c. Sự giúp đỡ liên tục của Đức Thánh Linh (8:26-30)
 - d. Vượt qua sự trừng phạt bởi sự công chính bằng đức tin (8:31-39)
- D. Mục Đích Thiêng Liêng Cho Toàn Nhân Loại (9:1-11:32)
1. Y-sơ-ra-ên được chọn lựa (9:1-33)
 - a. Những người thừa kế đức tin thực sự (9:1-13)
 - b. Quyền tể trị của Đức Chúa Trời (9: 14-26)
 - c. Kế hoạch toàn cầu của Đức Chúa Trời kể cả thiên đàng (9:27-33)
 2. Sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên (10:1-21)
 - a. Sự công chính Đức Chúa Trời so với sự công chính của con người (10:1-13)
 - b. Lòng thương xót Chúa đòi hỏi các sứ giả, kêu gọi bước vào sứ mạng thế giới (10:14-18)
 - c. Người Y-sơ-ra-ên tiếp tục không tin Đấng Christ (10:19-21)
 3. Sự thất bại của Y-sơ-ra-ên (11:1-36)
 - a. Phần còn sót lại của người Do Thái (11:1-10)
 - b. Lòng ghen tị của người Do Thái (11:11-24)
 - c. Y-sơ-ra-ên mù tạm thời (11:25-32)
 - d. Lời khen ngợi tự phát của Phao-lô (11:33-36)
- E. Kết quả của quà tặng Công Chính Thiên Thượng (12:1-15:13)
1. Kêu Gọi dâng của lễ thánh (12:1-2)
 2. Sử dụng các ân tứ (12:3-8)
 3. Mối Quan hệ với các tín hữu với nhau (12:9-21)

4. Liên hệ với Nhà nước (13:1-7)
5. Liên hệ với hàng xóm (13:8-10)
6. Liên hệ với Chúa chúng ta (13:11-14)
7. Liên hệ với các thành viên trong hội thánh (14:1-12)
8. Ảnh hưởng của chúng ta đến những người khác (12:13-23)
9. Liên hệ trong việc trở nên giống Đấng Christ (15:1-13)

F. Kết Luận (15:14-33)

1. Kế hoạch riêng của Phao-lô (15:14-29)
2. Yêu cầu cầu nguyện (15:30-33)

G. Lời kết (16:1-27)

1. Lời chào thăm (16:1-24)
2. Chúc phúc (16:25-27)

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. sứ đồ, 1:1
2. “về mặt thể xác được sinh ra từ dòng vua Đa-vít”, 1:3
3. thánh đồ, 1:7
4. sự công chính, 1:17
5. con thính n của Đức Chúa Trời, 1:18
6. ăn năn, 2:4
7. “Đức Chúa Trời không thiên vị ai cả”, 2:11
8. phép cắt bì, 2:25
9. “lời của Đức Chúa Trời”, 3:2
10. được xưng công chính, 3:4
11. làm của lễ chuộc tội, 3:25
12. “khoe mình trong hoạn nạn nữa”, 5:3
13. “đã nhờ huyết Ngài được xưng công chính rồi”, 5:9
14. “quà tặng công chính”, 5:17
15. “ai đã chết thì được giải thoát khỏi tội lỗi”, 6:7
16. thánh hóa, 6:19
17. “Thánh Linh của Đức Chúa Trời thật sự ở trong anh em”, 8:9
18. A-ba, 8:15
19. kiên nhẫn, 8:25
20. biết trước, 8:29
21. đã định, 8:29
22. làm cho vinh quang, 8:29
23. “bên phải Đức Chúa Trời”, 8:34
24. “các bậc cầm quyền... các quyền lực”, 8:38
25. làm con nuôi, 9:4
26. lời giao ước, 9:4
27. “hòn đá vấp chân”, 9:33
28. xưng tội, 10:9
29. tin, 10:4,11
30. cảnh tự nhiên, 11:21
31. mầu nhiệm, 11:25
32. A-men, 11:36
33. ân cần tiếp khách, 12:13
34. rửa sã, 12:14
35. “phục tùng nhà cầm quyền”, 13:1
36. “lột bỏ...mặc lấy”, 13:12

37. “yếu trong đức tin”, 14:1
38. “chúng ta là người mạnh”, 15:1

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Áp-ra-ham, 4:1
2. tổ phụ, 9:5
3. Ê-sau, 9:13
4. Ba-anh, 11:4
5. Phê-bê, 16:1
6. Pê-rét-sin và A-qui-la, 16:3
7. Giu-ni-a, 16:7 (Giu-li-a, một số bản dịch khác)
8. Tệt-tiu, 16:22

IX. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Rô-ma, 1:7
2. Sen-co-rê, 16:1

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao 1:16 là nét rất đặc trưng của Phao-lô?
2. Trong hai cách nào mà tất cả loài người đều biết Đức Chúa Trời? (đoạn 1-2)
3. Làm thế nào 1:26-27 chỉ thẳng về vấn đề đồng tính luyến ái hiện nay?
4. 2:6 liên quan đến Ga-la-ti. 6:7 như thế nào?
5. Trong đoạn 3 câu 9-18 là một loạt các trích dẫn trong Cựu Ước. tất cả chúng đều đề cập đến lễ thật thần học gì?
6. Tại sao 4:6 rất quan trọng?
7. Giải thích 4:15 trong ngôn từ của bạn.
8. 5:8 nói gì về Đức Chúa Trời?
9. 5:18 và 19 tương đồng như thế nào?
10. Giải thích áp dụng thực tế của 6:11.
11. Rô-ma 6:23 đã được gọi là phúc âm một cách ngắn gọn, tại sao?
12. Giải thích sự khác biệt giữa “theo cách mới của Thánh Linh” và “cách cũ của văn tự”. (7:6)
13. Đoạn 7 mô tả ai?
14. 7:7-12 nói gì về mục đích của luật pháp Cựu Ước?
15. 7:19 áp dụng vào cuộc sống của bạn như thế nào?
16. Giải thích 8:22 trong ngôn từ của bạn.
17. 8:26-27 nói về việc nói tiếng lạ phải không?
18. 8:28 liên quan đến 8:29 như thế nào?
19. Chủ đề của đơn vị văn học, đoạn 9-11 là gì?
20. Giải thích 10:4 trong ngôn từ của bạn.
21. Giải thích 11:7 trong ngôn từ của bạn.
22. Giải thích 11:26 trong ngôn từ của bạn.
23. Các ân tứ thuộc linh được đề cập trong đoạn 12 có còn hiệu lực và hoạt động không?
24. Giải thích 12:20 trong ngôn từ của bạn.
25. Giải thích 14:14 trong ngôn từ của bạn.
26. Giải thích 14:23 trong ngôn từ của bạn

GIỚI THIỆU I CÔ-RINH-TÔ

(LỜI KHUYÊN THIẾT THỰC CHO HỘI THÁNH GẶP NAN ĐỀ)

I. NÉT ĐỘC ĐÁO CỦA I CÔ-RINH-TÔ

- A. Nó được trích dẫn thường xuyên và sớm hơn bất kỳ tác phẩm còn lại của Phao-lô bởi những giáo phụ hội thánh đầu tiên cho thấy tầm quan trọng và hữu ích của sách.
- B. Trong tác phẩm của Muratorian Fragment, liệt kê các sách kinh điển từ Rôma (200 SCN), nó được liệt kê là tác phẩm đầu tiên của Paul Forge cũng cho thấy tầm quan trọng của nó.
- C. Trong bức thư thực tế này, Phao-lô phân biệt rõ ràng giữa ý kiến cá nhân của ông và các mạng lệnh của Chúa. Tuy nhiên, điều này dựa trên kiến thức riêng của ông về sự dạy dỗ của Chúa Giê-su về bất kỳ chủ đề nào. Nếu được, có lẽ ông đã truyền lại lời của chính Chúa Giê-su. Ông tin rằng ý kiến của ông cũng được linh cảm và có thẩm quyền (xem 7:25, 40).
- D. Phao-lô hướng dẫn nguyên tắc thông công trong hội thánh là sự tự do cá nhân của mỗi tín hữu, nhưng cũng trách nhiệm chung tương ứng với họ, không dựa trên luật pháp, mà dựa trên tình yêu thương. Sự tăng trưởng và lành mạnh của cả hội thánh được đặt lên trên bất kỳ sở thích hoặc đặc quyền cá nhân nào (12:7).
- E. Thư tín này (cùng với II Cô-rinh-tô) cho chúng ta một cái nhìn về hội thánh Tân Ước đầu tiên, về cấu trúc, phương pháp và sứ điệp. Tuy nhiên, cũng phải nhớ rằng đây là một hội thánh có vấn đề, không phải là một hội chúng điển hình.

II. THÀNH PHỐ CÔ-RINH-TÔ

- A. Vào mùa đông các tuyến vận chuyển quanh điểm cực nam của Hy Lạp (tức là Cape Malea) là rất nguy hiểm. Do đó, một tuyến đường bộ ngắn nhất có thể là rất quan trọng. Địa lý vị trí của Cô-rinh-tô cách eo đất bốn dặm giữa vịnh Cô-rinh-tô (tức là biển Adriatic) và vịnh Saronic (tức là biển Aegean) đã biến thành phố này thành một thương mại vận chuyển, buôn bán lớn (chuyên về đồ gốm và đặc biệt là đồng thau), và là trung tâm quân sự. Trong thời của Phao-lô thì nó đúng theo nghĩa đen là nơi các nền văn hóa của phương Đông và phương Tây gặp nhau.
- B. Cô-rinh-tô cũng là một trung tâm văn hóa lớn của thế giới Hy Lạp-La Mã bởi vì nó đã tổ chức hai năm một lần Trò Chơi Isthmian bắt đầu vào năm 581 TCN (tại Đền thờ Poseidon). Chỉ có Thế vận hội Olympic ở A-thên, cứ sau bốn năm, lại cạnh tranh với họ về quy mô và tầm quan trọng (Thucydides, *Hist.* 1.13.5).
- C. Năm 146 TCN, Cô-rinh-tô đã tham gia vào một cuộc nổi dậy (Liên minh Achaean) chống lại Rô-ma và nó bị phá hủy bởi tướng La Mã Lucius Mummius và dân số Hy Lạp chuyển thành nô lệ. Vì tầm quan trọng về kinh tế và quân sự, nó đã được xây dựng lại vào năm 46 hoặc 48 TCN bởi Sê-sa Julius Caesar. Nó trở thành thuộc địa của La Mã nơi binh lính La Mã nghỉ hưu. Nó bán sao nhỏ của thủ đô Rô-ma về kiến trúc và văn hóa và là trung tâm hành chính của La Mã (Thượng Nghị Viện) tỉnh A-chai năm 27 TCN. Nó trở thành một Tỉnh Hoàng Gia vào năm 15 SCN.
- D. Thành phố Cô-rinh-tô Cổ, cao hơn so với đồng bằng 573 mét (1880 feet), là nơi ngôi đền Aphrodite. Dính liền với ngôi đền này là 1.000 gái mại dâm (Strabo, *Địa lý học*, 8.6.20-22). Được gọi là “người Cô-rinh-tô” (*Korinthiazesthai*, được đặt ra bởi Aristophanes [450-385 TCN]) là đồng nghĩa với cuộc sống buông thả, bạo loạn. Ngôi đền này, như hầu hết các thành phố khác, nó đã bị phá hủy trong một

trận động đất khoảng 150 năm trước khi Phao-lô đến, và nó được xây dựng lại vào năm 77 SCN. Không rõ là tà giáo sinh sản vẫn còn hoạt động trong thời của Phao-lô không. Kể từ khi người La Mã, vào năm 146 TCN, đã phá hủy thành phố và giết hoặc bắt làm nô lệ cho tất cả các công dân trong thành, thì nét Hy Lạp của thành phố đã bị thay thế bằng đặt tính thuộc địa La Mã (Pausanias, II.3.7). Bối cảnh văn hóa La Mã này đã thay thế văn hóa Hy Lạp, khiến cho việc giải kinh I Cô-rinh-tô có một sự khác biệt lớn.

III. TÁC GIẢ

- A. Chính tại thành phố này, Sứ Đồ Phao-lô đã đến trong hành trình truyền giáo thứ hai; câu chuyện được tìm thấy trong Công vụ 18:1-21. Qua một khải tượng, Chúa đã mặc khải cho Phao-lô rằng nhiều người sẽ tin và sẽ không có sự chống đối trong chức vụ của ông (Công vụ 18:9-10).
- B. Chiến lược truyền giáo của Phao-lô là xây dựng hội thánh tại những thành phố lớn, vì ông nhận biết những người đã cải đạo như khách du lịch, người bán hàng, và thủy thủ sẽ truyền bá phúc âm khi họ đi. Tùy thuộc vào hội thánh địa phương chịu nhận lấy trách nhiệm về việc truyền giáo và môn đệ trong khu vực của họ.
- C. Phao-lô đã gặp A-qui-la và Pê-rết-sin, là những tín hữu Do Thái may mắn hoặc công nhân da, ở Cô-rinh-tô. Họ buộc phải rời khỏi Rô-ma trong 49 SCN bởi sắc lệnh của Cơ-lốt, (Orosius, *Hist.* 7: 6: 15-16) chống lại mọi nghi thức hoặc nghi lễ của người Do Thái (Công vụ 18:2). Phao-lô đã đến Cô-rinh-tô một mình. Cả Si-la và Ti-mô-thê được giao nhiệm vụ tại Ma-xê-đoan (xem Công vụ 18: 5). Ông rất đau lòng (Công vụ 18: 9-19; 1Côr. 2: 3). Tuy nhiên, ông đã kiên trì và ở lại Cô-rinh-tô mười tám tháng (xem Công vụ 18,11).
- D. Phao-lô tác giả của sách này được chứng thực bởi Clement tại Rô-ma, ông cũng là người đã viết một lá thư gửi Cô-rinh-tô vào 95/96 SCN (I *Clement* 37:5; 47:1-3; 49:5). Quyền tác giả của Phao-lô thuộc bức thư này chưa bao giờ bị nghi ngờ, ngay cả các học giả phê bình hiện đại.

IV. THỜI GIAN

- A. Thời điểm Phao-lô đến thăm Cô-rinh-tô đã được xác định bằng một dòng chữ của Hoàng đế Cơ-lốt (Claudius) được tìm thấy tại Delphi, khi Ga-li-ô bắt đầu chức thống đốc vào tháng 7 năm 51 SCN đến tháng 7 năm 52 (Công vụ 18:12-17), điều này giúp chúng ta định được ngày Phao-lô đến là khoảng 49-50 SCN.
- B. Thời gian viết thư tín này của Phao-lô có thể là cuối những năm 50. Ông viết tại Ê-phê-sô nơi ông làm chức vụ khoảng giữa hai năm (Công vụ 19:10) và ba năm (Công vụ 20:34).
- C. Trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ốt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			

1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn	Ma-xê-đoan
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma

(Có lẽ Phao-lô bị xử tử vào năm 65 SCN)

V. NGƯỜI NHẬN THƯ TÍN

- A. Người nhận thư tín này là một hội thánh non trẻ và thành viên chủ yếu là những người ngoại. Dân cư Cô-rinh-tô là hỗn tạp về chủng tộc và văn hóa. Chúng ta biết điều này từ khảo cổ học và Kinh thánh (xem Công vụ 18: 4-8) có một hội đường ở Cô-rinh-tô.
- B. Những người lính La Mã về hưu sống tại đó sau khi đã hoàn thành hai mươi năm nghĩa vụ quân sự. Cô-rinh-tô là một thành phố tự do, thuộc địa của La Mã và là thủ phủ Rô-ma tỉnh A-chai.
- C. Thư tín dường như cho thấy một vài nhóm người trong hội thánh: (1) người Hy Lạp trí thức vẫn còn rất tự hào về truyền thống triết học của họ và đã cố gắng ảnh hưởng mặc khải Cơ Đốc bởi những truyền thống về tri thức và tập tục cụ kỹ; (2) các Chủ nô La Mã và giới thượng lưu xã hội; (3) phần đông tín hữu Do Thái chủ yếu là những người Ngoại “tin kính Chúa”, là những người dự phần trong nhà hội; và (4) lớn số lượng nô lệ cải đạo.

VI. MỤC ĐÍCH CỦA THƯ TÍN

- A. Phao-lô nghe về những vấn đề đã phát sinh tại hội thánh Cô-rinh-tô từ bốn nguồn
1. người nhà Cơ-lô-ê, 1:11
 2. một bức thư từ hội thánh đặt nhiều câu hỏi, 7:1,25; 8:1; 12:1; 16:1,12
 3. chuyên thăm cá nhân của Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ, 16:17. Có thể là bức thư (#2) được mang đến bởi những người này (# 3).
- Thật thú vị khi Murry Harris đã bố cục sách I Cô-rinh-tô dựa trên thông tin về hội thánh mà Phao-lô nhận được
1. báo cáo miệng từ người nhà của Cơ-lô-ê, dẫn đến việc Phao-lô viết đoạn 1-4
 2. báo cáo miệng từ các thành viên của hội thánh (Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ), và kết quả là đoạn 5-6
 3. câu hỏi bằng văn tự của hội thánh, dẫn đến đoạn 7-16
- B. Trong thực tế, hội thánh được nuôi dưỡng bởi các lãnh đạo khác nhau: Phao-lô, A-pô-lô, Phi-e-rơ và có thể một nhóm theo Đấng Christ nào đó (xem 1:12). Hội thánh chẳng những bị chia rẽ bởi các kiểu lãnh đạo khác nhau, mà còn bởi các vấn đề đạo đức và việc lạm dụng các ân tứ thuộc linh. Điểm chính của sự tranh cãi là thẩm quyền Sứ Đồ của Phao-lô (đặc biệt là II Cô-rinh-tô)!

VII. PHAO-LÔ LIÊN LẠC VỚI HỘI THÁNH CÔ-RINH-TÔ – ĐỀ XUẤT CHÀN CHỪ

- A. Phao-lô đã viết bao nhiêu thư cho Cô-rinh-tô?
1. chỉ hai, I và II Cô-rinh-tô
 2. ba, một thư tín bị thất lạc
 3. bốn, hai thư tín bị thất lạc
 4. một số học giả hiện đại đã tìm thấy các phần của 2 bức thư bị thất lạc trong II Cô-rinh-tô
 - a. bức thư trước (I Cô-rinh-tô 5:9) trong II Cô-rinh-tô. 6:14-17:1)
 - b. bức thư nghiêm trọng (II Cô-rinh-tô 2:3-4,9; 7:8-12) trong II Cô-rinh-tô. 10-13
 5. năm, với IICôr. 10-13 là mở đầu của bức thư thứ năm, được gửi sau báo cáo của Tít về những thông tin có liên quan đến những việc đòi bại
- B. Lý thuyết số 3 có vẻ phù hợp nhất
1. bức thư trước đó, bị thất lạc (I Cô-r. 5:9)

2. I Cô-rinh-tô
3. bức thư nghiêm trọng, thất lạc (có thể 1 phần của nó được ghi lại trong II Côr. 2:1-11; 7:8-12)
4. II Cô-rinh-tô

C. Một đề xuất tái thiết

NIÊN ĐẠI	CHUYẾN THĂM	BỨC THƯ
<p>50-52SCN Hành Trình Truyền Giáo Thứ Hai của Phao-lô</p> <p>52 SCN Ga-li-ô trở thành thống đốc từ năm 52 SCN (Công. 18:12-17)</p> <p>56 SCN (mùa Xuân)</p> <p>56 SCN (mùa Đông) hay 57 SCN (mùa Đông)</p>	<p>a. Trong hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô, ông ở tại Cô-rinh-tô 18 tháng (Công.18:1-11)</p> <p>b. Phao-lô nghe về các vấn đề của hội thánh trong khi ông ở Ê-phê-sô từ hai nguồn: (1) Người nhà Cơ-lô-ê, ICôr.1:11 và (2) Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ, I Côr.16:17. Họ rõ ràng đã mang một bức thư đầy câu hỏi từ hội thánh nhà Cô-rinh-tô</p> <p>c. Phao-lô định có một chuyến đi thăm Cô-rinh-tô rất khẩn cấp và đầy đau đớn (không được ghi trong Công vụ, xem II Côr.2:1). Dự định chuyến đi thăm không thành công, nhưng anh hứa sẽ trở lại</p> <p>d. Phao-lô lên kế hoạch gặp Tít ở Trô-ách nhưng Tít không đến,</p>	<p>a. ICôr.5:9-11 dường như đề cập đến 1 bức thư nói về tình huống vô đạo đức trong hội thánh. Bức thư này không rõ trừ khi: (1) như một số giả sử rằng II Côr.6:14-7:1 là một phần của nó hoặc (2) II Côr.2:3,4,9 bức thư trong quá khứ và nói đến II Cô-rinh-tô</p> <p>b. Phao-lô trả lời những câu hỏi này (I Côr.7:1,25; 8:1;12:1; 16:1,2) bằng cách viết I Cô-rinh-tô. Ti-mô-thê (I Côr.4:17) nhận nhiệm vụ từ Ê-phê-sô (I Côr.16:8) đến Cô-rinh-tô. Timô-thê đã không thể giải quyết những vấn đề trong hội thánh.</p> <p>c. Phao-lô đã viết 1 bức thư nghiêm trọng (II Côr.2:3-4;9; 7:8-12) đến hội thánh Cô-rinh-tô được Tít chuyển đến (II Côr.2:13; 7:13-15). Bức thư này bị thất lạc, như 1 vài giả sử, một phần của nó là trong II Côr.10-13</p>

57-58 SCN (mùa Đông)	<p>nên Phao-lô đi Ma-xê-đoan (IICôr. 2:13; 7: 5,13), có thể là Phi-líp (xem MSS,B^c, K, L, P).</p> <p>e. Chuyến thăm cuối cùng đến Cô-rinh-tô của Phao-lô dường như được ghi lại trong Công.20:2-3. Mặc dù Cô-rinh-tô không nhắc tên, nhưng giả định là nó. Ông ở lại đó trong những tháng mùa đông.</p>	<p>d. Ông gặp Tít và nghe báo lại rằng hội thánh đã đáp với sự lãnh đạo của ông và sau đó ông viết II Cô-rinh-tô trong tấm lòng cảm tạ nhiều (7:1-16). Và Tít là người chuyển thư.</p> <p>e. Sự thay đổi tâm trạng rõ rệt giữa chương 1-9 và 10-13 được giải thích bởi một số học giả là do nhiều tin xấu (có thể là sự sống lại từ những kẻ chống đối cũ và thêm vào kẻ chống đối mới) từ hội thánh Cô-rinh-tô sau khi chương 1-9 đã được viết (F. F. Bruce).</p>
----------------------	--	--

VIII. KẾT LUẬN

- A. Trong I Cô-rinh-tô, chúng ta thấy Phao-lô, một mục sư, đương đầu với một hội thánh đầy nan đề. Trong thư này và trong Ga-la-ti, chúng ta thấy ông áp dụng chân lý phúc âm toàn cầu theo nhiều cách khác nhau, dựa trên nhu cầu của hội thánh: sự tự do cho hội thánh Ga-la-ti/ giới hạn đối với hội thánh Cô-rinh-tô.
- B. Sách này có thể là một loạt “khủng long văn hóa” hay là sự thật đậm chất nguyên tắc được áp dụng trong bối cảnh lịch sử / văn hóa cụ thể. Chúng ta phải cẩn thận để không nhầm lẫn giữa lẽ thật và văn hóa ứng dụng của lẽ thật đó. Một thảo luận tốt về cách giải kinh rất quan trọng này, xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How To Read the Bible for All Its Worth-Cách Đọc Kinh Thánh Cho Tất Cả Giá Trị Của Nó*, trang 65-76.
- C. Sách này đẩy bạn đến giới hạn thuộc linh trong khả năng giải nghĩa Kinh Thánh của bạn. Nó buộc bạn phải suy nghĩ lại các khía cạnh thần học của mình. Nó mở ra một cửa sổ về ý muốn của Đức Chúa Trời cho chúng ta ngày nay, nói cách thực tế, như một vài tác phẩm Kinh Thánh khác.

IX. BỔ CỤC NGẮN GỌN CỦA I CÔ-RINH-TÔ

- A. Giới thiệu 1:1-9
 - 1. Chào thăm, 1:1-3
 - 2. Cảm tạ, 1:4-9
- B. Những vấn đề tại Cô-rinh-tô được báo cáo 1:20-6:20
 - 1. Các phe phái trong hội thánh vì sự hiểu lầm về động cơ và sứ điệp của giới lãnh đạo Cơ Đốc (tức là Phao-lô, A-pô-lô, Phi-e-rơ), 1:10-4:12
 - 2. Vô đạo đức quá chân động, 5:1-13
 - 3. Các vụ kiện cáo giữa vòng Cơ Đốc Nhân, 6:1-11
 - 4. Sự tự do Cơ Đốc Nhân bị giới hạn bởi trách nhiệm, 6:12-20
- C. Một bức thư từ Cô-rinh-tô với những câu hỏi dai dẳng, 7:1-16: 4
 - 1. Tình dục con người, 7:1-40
 - 2. Mối quan hệ giữa nền văn hóa thần tượng và sự tự do của Cơ Đốc Nhân, 8:1-11:1

3. Sự thờ phượng và thuộc linh của Cơ Đốc Nhân, 11:2-14:40
4. Những hiểu biết về mặc thế, đặc biệt là sự sống lại, 15:1-58
5. Sự đóng góp cho hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem, 16:1-4

D. Kết luận cần chú ý

1. Kế hoạch những chuyến đi của Phao-lô (và những người đồng công), 16: 5-12
2. Lời động viên và lời chào kết thúc, 16:13-24

X. NHỮNG BÀI ĐỌC GỢI Ý VỀ SUY NGHĨ CỦA PHAO-LÔ

- A. *The Mind of St. Paul - Tâm Trí Của Thánh Phao-Lô*, William Barclay, được xuất bản bởi Harper & Row
- B. *Paul, Apostle of the Heart Set Free - Phao-Lô, Sứ Đồ Cho Tâm Lòng Được Tự Do*, F. F. Bruce, được xuất bản bởi Eerdmans
- C. *The Origins of Paul's Religion - Nguồn Gốc Tôn Giáo Của Phao-Lô*, J. Gresham Machen, được xuất bản bởi Eerdmans
- D. *Paul, An Outline of His Theology - Phao-Lô, Sơ Lược Về Thần Học Của Ông*, Herman Ridderbos (bản dịch của John De Witt), được xuất bản bởi Eerdmans
- E. *Epochs in the Life of Paul - Những Niên Đại Trong Cuộc Đời Của Phao-Lô*, A. T. Robertson, được xuất bản bởi Baker
- F. *A Man In Christ - Người Dẫn Ông Trong Đấng Christ*, James S. Stewart, được xuất bản bởi Harper & Row
- G. *Dictionary of Paul and His Letters - Từ điển của Phao-lô và các Thư tín của Ông*, do IVP xuất bản
- H. *Paul in the Roman World, The Conflict at Corinth - Phao-Lô trong Thế Giới La Mã, Xung Đột tại Cô-Rinh-Tô*, Robert M. Grant, được xuất bản bởi West Manageder, Báo chí John Knox
- I. *Philo and Paul Among the Sophists - Philo Và Phao-Lô Giữa Vòng Các Triết Gia*, Bruce W. Winter, được xuất bản bởi Eerdmans
- J. *After Paul Left Corinth - Sau khi Phao-lô rời Cô-rinh-tô*, Bruce W. Winter

XI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. nên thánh, 1:2
2. các thời đại, 2:7,8
3. “sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời”, 2:10
4. “nhà của Đức Chúa Trời xây”, 3:9
5. “mình là đền thờ của Đức Chúa Trời”, 3:16,17
6. “các sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời”, 4:1
7. “một người như thế phải phó cho Sa-tan”, 5:5
8. “chúng ta sẽ xét xử các thiên sứ”, 6:3
9. “trước đây anh em có đôi người như vậy”, 6:11
10. “về vấn đề các trinh nữ” 7:25
11. “mà chính mình lại bị loại bỏ chẳng”, 9:27
12. “cúng tế là cúng tế các quý”, 10:20
13. “uống chén của Chúa”, 10:21
14. “vì các thiên sứ”, 11:10
15. “anh em có sự chia rẽ”, 11:18
16. “Đức Chúa Giê-su đáng nguyên rửa”, 12:3
17. “phân biệt các thân linh”, 12:10
18. chấp chừa vang tiếng, 13:1
19. “khi sự toàn hảo đã đến”, 13:10
20. “chỉ thấy qua gương một cách mập mờ”, 13:12
21. lời tiên tri, 14:39

22. hủy diệt, 15:24
23. “quyên góp tài chính cho các thánh đồ”, 16:1

XII. ĐỊNH NGHĨA NGĂN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Sốt-then, 1:1
2. người nhà của Cơ-lô-ê, 1:11
3. A-pô-lô, 1:12
4. Sê-pha, 1:12
5. Cơ-rít-pu và Gai-út ra, 1:14
6. “những người cai quản đời này”, 2:6,8
7. người có tánh xác thịt, 2:14
8. người thiêng liêng, 3:1
9. các con đờ trong Đấng Christ, 3:1
10. Sê-pha, 15:5
11. mười hai, 15:5
12. Gia-cơ, 15:7

XIII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. Cô-rinh-tô, 1:1
2. những hội thánh xứ Ga-la-ti, 16:1
3. Giê-ru-sa-lem, 16:3
4. Ma-xê-đoan, 16:5
5. Ê-phê-sô, 16:8
6. A-chai, 16:15
7. A-sia, 16:19

XIV. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao người Do Thái từ chối Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a?
2. Tại sao người Hy Lạp từ chối Chúa Giê-su?
3. Tại sao Phao-lô đưa ra những tuyên bố tiêu cực về triết học trong 1:18-25 và 2:1-5?
4. Giải thích ý nghĩa của 1:26-31.
5. 3:10-15 muốn nói đến ai?
6. Tại sao Hội thánh bị Phao-lô lên án trong 5:1-8?
7. 6:1-11 có loài trừ Cơ Đốc Nhân ra khỏi các vụ kiện pháp luật ngày hôm nay không?
8. Có phải Phao-lô ngụ ý rằng độc thân là ý muốn của Chúa trong chương 7?
9. 7:12-13 ngụ ý rằng tín hữu có thể kết hôn với những người không tin phải không?
10. 1 Cô-rinh-tô đoạn 8 tương tự như Rô-ma 14 như thế nào?
11. Tại sao Phao-lô không lấy tiền từ hội thánh ở Cô-rinh-tô? (9:3-18)
12. Giải thích ý nghĩa của 9:19-23.
13. Giải thích 10:1-13 bằng ngôn từ của bạn.
14. Tại sao 10:13 là một câu tuyệt vời cho các tín hữu?
15. Trình bày nguyên tắc thuộc linh trong 10:23 bằng ngôn từ của bạn.
16. 11:5 mâu thuẫn với 14:34 như thế nào?
17. 11:30 có nghĩa là một vài tín hữu đã chết bởi cách dự Tiệc Thánh phải không?
18. Giải thích hoàn cảnh tuyên bố Phao-lô trong 11:34
19. Ý nghĩa của nguyên tắc thuộc linh trong 11:7 là gì?
20. Quà tặng thuộc linh liên quan đến tài năng bẩm sinh như thế nào? Khi nào tín hữu nhận được (các) ân tứ thuộc linh?
21. 12:29-30 trả lời câu hỏi, “tất cả tín hữu có nên nói tiếng lạ không” như thế nào? (14:5)
22. Trong 13:8 cái gì sẽ qua đi và cái gì sẽ còn lại?

23. Chương 14 mô tả việc sử dụng tiếng lạ trong giờ thờ phượng nơi công chúng như thế nào?
24. Trong chương 14, Phao-lô giới hạn ba nhóm người nào trong giờ thờ phượng nơi công chúng?
25. Liệt kê các điểm của phúc âm trong 15:1-4.
26. Khi nào trong cuộc đời của Chúa Giê-su 15:6 đã xảy ra?
27. 15:22 tương tự như Rô-ma 5:12-21 như thế nào?

GIỚI THIỆU II CÔ-RINH-TÔ

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Sách này, hơn bất kỳ bức thư nào khác của Phao-lô, cho chúng ta thấy tấm lòng và tâm trí của Sứ Đồ đối với dân Ngoại. Đây là bức thư gần gũi nhất mà chúng ta có cuốn tự truyện tâm linh / mục vụ của mình.
- B. Sách này có thể là tác phẩm hùng biện hoàn hảo nhất của Phao-lô. Raymond E. Brown, *Giới thiệu về Tân Ước- An Introduction to the New Testament*, nói rằng, “đây có thể là lời hùng biện thuyết phục nhất trong tất cả các tác phẩm của Phao-lô. tr. 541. Tuy nhiên, sách này được viết để bác bỏ các Học Giả Triết Học đã đến Cô-rinh-tô và tấn công phương thức diễn văn trước công chúng cũng như nội dung giảng luận của Phao-lô (ông tấn công vào sự khôn ngoan trong I Cô-rinh-tô 1-4).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỌC GIẢ TRIẾT HỌC SOPHISTS

Từ *sophia* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là sự khôn ngoan. Thuật ngữ có liên quan *sophistēs* được dùng để chỉ ai đó có “kỹ năng” hoặc “được đào tạo về hùng biện”. Thường hàm chỉ về diễn giả nơi công chúng, là diễn giả lưu động, khi đến một thị trấn và họ cố gắng mở trường học để đào tạo con em của tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Việc thuyết giảng nơi công chúng khiến các bậc phụ huynh tìm đến họ để mời về nhà dạy hoặc gia sư riêng cho con cái họ.

Có sự cạnh tranh khốc liệt giữa những “người thông thái” này, liên quan đến danh tiếng và khả năng của họ để thu hút học viên. Thậm chí họ còn có bộ sách hướng dẫn giảng thuyết lần đầu để nắm bắt cơ hội. Một trong những bước thủ tục để giảng thuyết là có thời gian để triết gia liệt kê trình độ và điểm mạnh của họ.

Các vấn đề của Phao-lô tại Cô-rinh-tô dường như có liên quan đến

1. phe phái trong hội thánh, mỗi phe tuyên bố đi theo một lãnh đạo cụ thể (I Cô-rinh-tô 1-4)
2. giáo sư giả người Do Thái được đào tạo theo kiểu Hy Lạp đến từ Giê-ru-sa-lem (II Cô-rinh-tô 10-13)

Lời tuyên bố khước từ thẩm quyền của sự khôn ngoan theo đời này của Phao-lô trong I Cô-r.1-4 là tiền đề cho việc ông đã bị tấn công bởi những người tự tôn họ trong triết học, việc hùng biện có đào tạo của họ và họ đánh giá tất cả những người khác theo các tiêu chuẩn này. Thật đáng ngạc nhiên các giáo sư Do Thái lại được tôn vinh trong các phạm trù triết học như một tiền lệ được đặt ra trong Do Thái Giáo bởi Philo của Alexandria và thậm chí có thể là việc đào tạo và bối cảnh của Apollos của Alexandria.

Phao-lô không phải là một diễn giả bóng bẩy nơi công chúng. Ông đã bị tấn công vì điều này. Ông trả đũa bằng cách viết một bức thư hùng biện đầy nét bóng bẩy, cân bằng, cấu trúc tốt trong II Cô-r.10-13. Ông sử dụng các thuật ngữ của họ, hình thức của họ để phơi bày thái độ không đúng đắn và kiêu ngạo của họ. . Xem *Philo and Paul Among the Sophists – Phi-lô và Phao-lô ở Giữa những Triết Học Giả* bởi Bruce W. Winter.

- C. Sách này là một sự kết hợp kỳ lạ, giống như bản thân Phao-lô, về những đỉnh cao và thấp thuộc linh, về dòng chảy tự do của cảm xúc từ giận dữ đến niềm vui lớn.
- D. Sách này thực sự là một thư tín và là thư tín, nên nó chỉ là một nửa của cuộc trò chuyện. Nhiều logic ở đằng trước và hoàn cảnh đằng sau phản ứng của Phao-lô đã bị mất. Đây là một ví dụ tốt về sự thật rằng các thư tín của Tân Ước được viết với lý do ban đầu là để phản hồi về nhu cầu cụ thể của một hội thánh cụ thể, không phải là luận văn thần học độc lập.
- E. Sách này đã bị bỏ qua bởi giới học giả trong việc giảng dạy. Thật đáng buồn bởi vì nó là nguồn thảo luận kháng định nhất của Phao-lô về sự chịu khổ trong đời sống Cơ Đốc Nhân.

- F. Đối với các mục sư, sách này cung cấp các hướng dẫn sâu sắc về cách xử lý các vấn đề trong hội thánh địa phương. Phao-lô cho tất cả chúng ta một tấm gương để noi theo khi chúng ta ở giữa những cuộc tấn công và hiểu lầm cá nhân.

II. TÁC GIẢ

- A. Dấu trong tất cả các từ chối của học giả hiện đại về quyền tác giả theo truyền thống của các sách Kinh Thánh, thì sách này chưa bao giờ bị khước từ là của Phao-lô.
- B. Nó đậm chất tự truyện và rất khó để hiểu một số cụm từ trong thư bởi có thể là có một ai đó cố gắng bắt chước Phao-lô bằng cách viết một bức thư như thế này là điều không thể xảy ra. Tình hình khó khăn và cụ thể trong thư nói lên tính chân thực của nó. Đúng là nhiều học giả Tân Ước nghĩ rằng II Cô-rinh-tô là một bức thư tổng hợp của nhiều bức thư riêng biệt của Phao-lô thành một. Tôi giữ sự hiệp một của nó vì:
1. Không có gợi ý về sự mất hiệp một trong bất kỳ bản thảo Hy Lạp cổ đại nào.
 - a. Không có biên thể của các đơn vị văn học
 - b. Không có bản thảo nào không có đầy đủ tất cả mười ba chương.
 2. Mặc dù II Côr.13 dường như không được biết đến bởi Clement tại Rôma vào năm 96 SCN, nhưng nó được trích dẫn bởi Polycarp vào năm 105 SCN.
 3. Sách có thể hiểu là một tác phẩm trọn vẹn. Có một vài chủ đề dường như cho thấy sự thống nhất của sách, chẳng hạn như “sự chịu khổ”.
 4. Nội chứng quá hạn chế để bảo vệ sự phân chia căn bản của II Cô-rinh-tô.
- C. Phao-lô được tuyên bố là tác giả trong 1:1 và 10:1.

III. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Thời gian viết sách II Cô-rinh-tô không thể tách rời với I Cô-rinh-tô và Công Vụ Các Sứ Đồ.
- B. Công vụ 18:1-18 và 20:2-3 liên quan đến Phao-lô đang ở Cô-rinh-tô, nhưng dường như cũng có ít nhất một chuyến đi không được ghi lại (II Cô-rinh-tô 2:1; với chuyến thăm thứ ba được đề cập trong 12:14; 13:1-2).
- C. Câu hỏi chính là mối quan hệ thời gian giữa các chuyến đi thăm và thư tín của Phao-lô gửi cho Cô-rinh-tô.
- D. Vấn đề mấu chốt cho việc định niên đại của các sự kiện liên quan đến Cô-rinh-tô là chúng ta không có bằng chứng bên ngoài hoặc thông tin giữa Công vụ 18:1-18 và Công vụ 20:2-3, ngoại trừ bằng chứng bên trong mơ hồ của chính thư tín Cô-rinh-tô.
- E. Phao-lô liên lạc với hội thánh Cô-Rinh-Tô – đề xuất chân chừ

NIÊN ĐẠI	CHUYẾN THĂM	BỨC THƯ
50-52SCN Hành Trình Truyền Giáo Thứ Hai của Phao-lô	a. Trong hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô, ông ở tại Cô-rinh-tô 18 tháng (Công.18:1-11)	
52 SCN Ga-li-ô trở thành thống đốc từ năm 52 SCN (Công. 18:12-17)		a. ICôr.5:9-11 dường như đề cập đến 1 bức thư nói về tình huống vô đạo đức trong hội thánh. Bức thư này không rõ trừ khi: (1) như một số giả sử rằng II Côr.6:

<p>56 SCN (mùa Xuân)</p>	<p>b. Phao-lô nghe về các vấn đề của hội thánh trong khi ông ở Ê-phê-sô từ hai nguồn: (1) Người nhà Cô-lô-ê, ICôr.1:11 và (2) Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ, I Côr.16:17. Họ rõ ràng đã mang một bức thư đầy câu hỏi từ hội thánh nhà Cô-rinh-tô</p>	<p>14-7:1 là một phần của nó hoặc (2) II Côr.2:3,4,9 bức thư trong quá khứ và nói đến II Cô-rinh-tô</p>
<p>56 SCN (mùa Đông) hay 57 SCN (mùa Đông)</p>	<p>c. Phao-lô định có một chuyến đi thăm Cô-rinh-tô rất khẩn cấp và đầy đau đớn (không được ghi trong Công vụ, xem II Côr.2:1). Dự định chuyến đi thăm không thành công, nhưng anh hứa sẽ trở lại.</p> <p>d. Phao-lô lên kế hoạch gặp Tít ở Trô-ách nhưng Tít không đến, nên Phao-lô đi Ma-xê-đoan (II Côr. 2:13; 7: 5,13), có thể là Phi-líp (xem MSS, B^c, K, L, P).</p>	<p>b. Phao-lô trả lời những câu hỏi này (I Côr.7:1,25; 8:1;12:1; 16:1,2) bằng cách viết I Cô-rinh-tô. Ti-mô-thê (I Côr.4:17) nhận nhiệm vụ từ Ê-phê-sô (I Côr.16:8) đến Cô-rinh-tô. Timô-thê đã không thể giải quyết những vấn đề trong hội thánh.</p> <p>c. Phao-lô đã viết 1 bức thư nghiêm túc (II Côr.2:3-4:9; 7: 8-12) đến hội thánh Cô-rinh-tô được Tít chuyển đến (II Côr.2:13; 7:13-15). Bức thư này bị thất lạc, như 1 vài giả sử, một phần của nó là trong II Côr.10-13</p> <p>d. Ông gặp Tít và nghe báo lại rằng hội thánh đã đáp với sự lãnh đạo của ông và sau đó ông viết II Cô-rinh-tô trong tấm lòng cảm tạ nhiều (7:1-16). Và Tít là người chuyển thư.</p>
<p>57-58 SCN (mùa Đông)</p>	<p>e. Chuyến thăm cuối cùng đến Cô-rinh-tô của Phao-lô dường như được ghi lại trong Công.20:2-3. Mặc dù Cô-rinh-tô không nhắc tên, nhưng giả định là nó. Ông ở</p>	<p>e. Sự thay đổi tâm trạng rõ rệt giữa chương 1-9 và 10-13 được giải thích bởi một số học giả (1) là do nhiều tin xấu (có thể là sự sống lại từ những kẻ chống đối cũ và thêm vào kẻ chống đối</p>

	lại đó trong những tháng mùa đông.	mới) từ hội thánh Cô-rinh-tô sau khi chương 1-9 đã được viết (F. F. Bruce) hay (2) đoạn 1-9 sứ điệp của Phao-lô là cho các tín hữu trung tín tại Cô-rinh-tô, trong khi đoạn 10-13 sứ điệp của Phao-lô là cho những tín hữu nổi loạn tại Cô-rinh-tô (từ J.W MacGorman).
--	------------------------------------	--

IV. PHAO-LÔ ĐÃ VIẾT BAO NHIÊU BỨC THƯ CHO CÔ-RINH-TÔ

- A. Chi hai, I và II Cô-rinh-tô
- B. Ba, với một thư tín bị thất lạc
- C. Bốn, với hai thư tín bị thất lạc
- D. Một số học giả hiện đại đã tìm thấy các phần của thư bị thất lạc trong II Cô-rinh-tô
 - 1. bức thư trước (I Cô-rinh-tô 5:9) trong II Cô-rinh-tô. 6:14-17:1)
 - 2. bức thư nghiêm trọng (II Cô-rinh-tô 2:3-4,9; 7:8-12) trong II Cô-rinh-tô.10-13
- E. Năm, với II Cô-r. 10-13 là mở đầu của bức thư thứ năm, được gửi sau báo cáo của Tít về những thông tin có liên quan đến những việc đòi bại.
- F. Tôi giữ quan điểm C (xem . H. C. Thiessen, *Lời Giới Thiệu Tân Ước-Introduction to the New Testament*, tr. 209)
 - 1. bức thư trước – bị mất (I Cô-r.5:9)
 - 2. I Cô-rinh-tô
 - 3. bức thư nghiêm trọng – bị thất lạc (II Cô-r. 2:1-11, 7:8-12)
 - 4. II Cô-rinh-tô

V. NHỮNG KẺ THÙ CỦA PHAO-LÔ TẠI CÔ-RINH-TÔ

- A. Trong II Cô-rinh-tô, vấn đề dường như là một số phe phái thống trị các hội thánh tư gia khác nhau (không nhất thiết là cùng phe phái như trong I Cô-rinh-tô, nhưng có lẽ).
 - 1. nhóm tín hữu ủng hộ văn hóa và phong tục truyền thống La Mã
 - 2. nhóm tín hữu ủng hộ sự đào tạo hùng biện truyền thống Hy Lạp
 - 3. nhóm tín hữu ủng hộ văn hóa và phong tục truyền thống của người Do Thái
 - 4. nhóm tín hữu xuất thân từ tầng lớp không có quyền lực và bị xem thường trong xã hội
- B. Sự xuất hiện của những kẻ gây rối người Do Thái đến từ Pa-lét-tin gây thêm sự tranh cãi (xem II Cô-rinh-tô 10-13). Họ khác với người theo Do Thái Giáo của Ga-la-ti và các nhà luật pháp Do Thái / Hy Lạp của Cô-lô-se. Có lẽ, họ là những giáo sư hùng biện, được đào tạo bài bản, lời cuốn, tương tự như A-pô-lô.
- C. Dưới đây là một số lời buộc tội chống lại Phao-lô mà ông đáp lại.
 - 1. Phao-lô rất hay thay đổi (lên kế hoạch chuyến thăm lại thay đổi, 1:15).
 - 2. Phao-lô là một người viết văn mạnh mẽ, nhưng khi gặp mặt lại yếu ớt trong lời nói (10:10).
 - 3. Phao-lô không phải là một nhà hùng biện bóng bẩy (10:10; 11:6).
 - 4. Phao-lô không nhận tiền (11:7; 12:13).
 - 5. Phao-lô không phải là một Sứ Đồ thật (11: 5,13; 12:4).
 - 6. Phao-lô không phải là người Do Thái chính thống (11:21).

7. Phao-lô không có mặt khải trực tiếp và khải tượng thuộc linh như họ đã có (12:1).

VI. NGUYỄN NHÂN VÀ MỤC ĐÍCH CỦA II CÔ-RINH-TÔ

- A. Lòng biết ơn đối với hội thánh đã đáp tích cực với sự lãnh đạo của Phao-lô (2:12,13; 7:11-16)
- B. Chuẩn bị cho chuyến thăm thứ ba của Phao-lô (10:1-11). Chuyến đi thứ hai của ông rõ ràng là đau đớn và không thành công. Giọng điệu cảm xúc của chương 10-13 thay đổi rõ ràng. Một số người đã khẳng định rằng sự thay đổi giọng điệu là kết quả nhiều thư tín của Phao-lô gửi đến Cô-rinh-tô và được kết hợp thành II Cô-rinh-tô. Cũng có thể là Phao-lô đã viết những điều này sau khi ông nghe có một đợt bùng phát mới về sự phản đối giữa vòng người Cô-rinh-tô về mối quan hệ giữa ông với họ. Nó là một phụ lục cảm xúc.
- C. Chống đối các giáo sư giả lưu động người Do Thái (xem 10-12), người đã chống đối Phao-lô:
 - 1. người
 - 2. động cơ
 - 3. thẩm quyền
 - 4. phong cách trình bày
 - 5. sứ điệp phúc âm

VII. ĐƠN VỊ VĂN HỌC CÓ THỂ

- A. Dàn bố cục sách này rất khó bởi vì:
 - 1. cảm xúc đánh đu
 - 2. nhiều chủ đề
 - 3. dấu ngoặc đơn mở rộng (2: 14-7: 1 hoặc 7: 4)
 - 4. kiến thức hạn chế của chúng ta về tình hình địa phương
- B. Tuy nhiên, rõ ràng có ba chủ đề chính được chia ra:
 - 1. Phao-lô trả lời tin nhắn Tít, và liên quan đến kế hoạch chuyến đi của ông, chương 1-7 (có một chính dấu ngoặc đơn liên quan đến chức vụ sứ đồ Phao-lô, 2: 14-7: 1 hoặc 7: 4)
 - 2. Phao-lô khuyến khích hoàn thành sự đóng góp cho hội thánh Giê-ru-sa-lem, chương 8-9
 - 3. Phao-lô bảo vệ quyền lãnh đạo của ông, chương 10-13
- C. Tôi khẳng định sự thống nhất của II Cô-rinh-tô vì
 - 1. Không có gợi ý về sự mất đoàn kết trong bất kỳ bản thảo Hy Lạp cổ đại nào
 - a. không có biến thể của các đơn vị văn học
 - b. không có bản thảo nào không chứa tất cả mười ba chương
 - 2. Mặc dù II Côr. 13 dường như không được biết đến bởi Clement tại Rome vào năm 96 SCN, nhưng nó được trích dẫn bởi Polycarp vào năm 105 SCN.
 - 3. Sách có thể hiểu là một tác phẩm trọn vẹn. Có một vài chủ đề dường như cho thấy sự thống nhất của sách, chẳng hạn như “sự chịu khổ”.
 - 4. Nội chứng quá hạn chế để bảo vệ sự phân chia căn bản của II Cô-rinh-tô.

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

- 1. Ân điển và sự bình an, 1:2
- 2. “trong ngày Đức Chúa Giê-su chúng ta”, 1:14
- 3. đóng ấn, 1:22
- 4. “làm cho chúng tôi được thắng”, 2:14

5. mùi thơm, 2:14
6. “buôn bán lời của Đức Chúa Trời”, 2:17
7. “thư giới thiệu”, 3:1
8. “từ Chúa, Thánh Linh”, 3:18
9. con người bên ngoài, 4:16
10. con người bên trong, 4:16
11. nhà tạm ở dưới đất, 5:1
12. Thánh Linh làm bảo chứng cho chúng ta, 5:5
13. tạo vật mới, 5:17
14. hòa giải, 5:18
15. “vũ khí chúng tôi dùng để chiến đấu không phải là những vũ khí xác thịt”, 10:4
16. thiên sứ sáng láng, 11:14
17. tầng trời thứ ba, 12:2
18. Pa-ra-đi, 12:4
19. hôn thánh, 13:12

IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “thần của đi này”, 4:4
2. Bê-li-an, 6:15
3. Tít, 7:6

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. A-chai, 1:1
2. A-si-a, 1:8
3. Ma-xê-đoan, 1:16
4. Giu-đa, 1:16
5. Cô-rinh-tô, 1:23
6. Trô-ách, 2:12
7. Đa-mách, 11:32

XI. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Ý nghĩa thần học của 1:20 là gì?
2. Giải thích 3:6 trong ngôn từ của bạn
3. Thuật ngữ “che khuất” được sử dụng theo hai nghĩa trong chương 3 như thế nào? (4:3)
4. Liệt kê sự chịu khổ của Phao-lô trong 4:7-11; 6:4-10; 11:23-28
5. Các tín hữu sẽ xuất hiện trước ngôi phán xét của Đấng Christ phải không? Nếu phải, để làm gì?
6. Giải thích trong ngôn từ của bạn nguyên tắc thuộc linh của 5:14-15.
7. Giáo lý trong 5:21 là gì?
8. Liệt kê các nguyên tắc bạn cho được tìm thấy trong chương 8-9.
9. Kẻ thù của Phao-lô miêu tả ông trong 10:10 như thế nào?
10. Trong 11:4 Phao-lô nói đến ai?
11. Liệt kê những cách Phao-lô so sánh ông với người khác trong 11:21-30.
12. Cái gai trong thịt của Phao-lô là gì? (12:7)

GIỚI THIỆU GA-LA-TI

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Sách Galati là một trong những sách điển đạt rõ ràng nhất về lẽ thật toàn hảo mới và tự do của sự cứu rỗi bởi ân điển mà thôi, qua đức tin mà thôi. Nó thường được gọi là “Đại Hiến Chương của Sự Tự do Cơ Đốc”
- B. Thư tín này đã nhen lửa các đám cháy Cải Chách Tin lành.
1. Martin Luther đã nói, “sách nhỏ Galati này là thư của tôi; Tôi đã hứa hôn với nó; nó là vợ tôi.”
 2. John Wesley tìm thấy sự bình an đời đời từ một bài giảng trong Galati.
 3. Trong *Hướng dẫn Nghiên Cứu Chú Giải Kinh - Study Guide Commentary*, tr.11, Curtis Vaughan viết, “có vài sách ảnh hưởng sâu sắc đến tâm trí của con người hơn, đã định hình quá trình lịch sử loài người, hoặc tiếp tục truyền thông cách rõ ràng về nhu cầu sâu thẳm nhất của cuộc sống hiện đại.”
- C. Thư tín đậm chất giáo lý này, có thể là thư tín đầu tiên của Phao-lô, tiền thân là người La Mã nên thư tín khai triển giáo lý xung công chính bởi đức tin mà thôi, không bởi việc giữ Luật Pháp, là sự nhấn mạnh của Do Thái Giáo:
1. Sự cứu rỗi không thể được tìm thấy trong cả Luật pháp và ân điển.
 2. Sự cứu rỗi phải được tìm thấy trong Luật hoặc ân điển.
 3. Trở nên giống Đấng Christ hơn là kết quả của sự cải đạo thật.
 4. Tinh thức trước chủ nghĩa luật pháp của Cơ Đốc Giáo.
- D. Sự cứu rỗi hoàn toàn miễn phí này, chỉ bởi ân điển mà thôi, chỉ qua đức tin mà thôi, là rất cần thiết trong thời đại của chúng ta bởi vì sự hiểu biết về tôn giáo thường tái diễn cách tinh tế theo xu hướng-bản ngã, theo hoạt động-tôn giáo của con người. Lẽ thật đơn giản về việc Đức Chúa Trời khởi xướng tình yêu ban cho-chính Ngài, cách vô điều kiện được suy ngẫm cách tường tận qua sự ăn năn của con người và đức tin khiêm nhường luôn luôn bị thử thách trong mọi thời đại! Không phải là các giáo sư giả từ chối vị trí trung tâm của Đấng Christ trong chương trình cứu chuộc, nhưng họ đã thêm vào phúc âm. Những gì chúng ta thêm không là vấn đề, nhưng vấn đề là chúng ta thêm bất cứ điều gì!

II. TÁC GIẢ

Quyền tác giả của Phao-lô về bức thư này chưa bao giờ bị nghi ngờ nghiêm trọng, vì nó tạo thành một trụ cột quan trọng về Văn Phong của Thư Tín Phao-lô. Galati rất riêng và cá nhân. Nó đầy cảm xúc nhưng khá lôgic.

III. THỜI GIAN VIẾT SÁCH VÀ NGƯỜI NHẬN

- A. Hai khía cạnh thời gian viết sách và người nhận của sách này phải được xử lý cùng nhau vì hai lý thuyết đối lập này ảnh hưởng nhau, khi xác định được người nhận ảnh hưởng đến thời gian viết thư. Cả hai lý thuyết đều nặng về mặc lôgic và giới hạn bằng chứng Kinh Thánh.
- B. Hai lý thuyết là:
1. Lý thuyết truyền thống nhất trí cho đến thế kỷ thứ mười tám.
 - a. Nó được gọi là “Lý Thuyết Bắc Galati”.
 - b. Nó giả định rằng “Galati” là đề cập đến nhóm dân tộc Galati cao nguyên trung tâm phía bắc của Thổ Nhĩ Kỳ (I Phi-e-rơ 1:1). Những người Galati dân tộc này là người Celts (Hy Lạp *Keltoi* hoặc Latin *Gall*) người đã xâm chiếm khu vực này vào thế kỷ thứ ba TCN. Họ được gọi là “Gallo-Graecians” để phân biệt họ với anh em ở phía tây Châu Âu của họ. Họ đã bị đánh bại vào năm 230 TCN bởi Attalus I, Vua của Bệ-găm. Địa lý của họ bị giới hạn chỉ ở phía bắc trung tâm của Tiểu Á hoặc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.

- c. Nếu giả định là nhóm dân tộc này, thì thời gian viết sách sẽ là giữa những năm 50 trong hành trình truyền giáo thứ hai hay thứ ba của Phao-lô. Người đồng hành cùng Phao-lô sẽ là Sila và Ti-mô-thê.
 - d. Một số người đã liên kết bệnh sốt rét của Phao-lô trong Gal.4:13. Họ khẳng định rằng Phao-lô đã đi lên phía bắc vào vùng cao để tránh xa vùng đầm lầy, sốt rét-hoàn hành, vùng đất thấp ven biển.
2. Lý thuyết thứ hai được chinh phục bởi ông Wm. M. Ramsay, *Thánh Phao-lô Người Lữ Hành và Công dân La Mã - St. Paul the Traveller and Roman Citizen*, New York: Con trai của G. P. Putnam, 1896.
- a. Theo lý thuyết truyền thống, định nghĩa về Galati là một nhóm dân tộc, lý thuyết này có nghĩa về mặt hành chính. Có vẻ như Phao-lô thường sử dụng tên tỉnh của La Mã (I Cô-rinh-tô 16:19; II Cô-rinh-tô 1:1; 8:1, v.v.) Tỉnh La Mã Galati bao gồm cả một khu vực rộng lớn hơn là một nhóm dân tộc Galati. Những người dân tộc Celts này đã hỗ trợ Rô-ma từ rất sớm và được thưởng nhiều khu vực địa phương được tự trị và mở rộng thẩm quyền lãnh thổ. Nếu cả khu vực rộng lớn này được biết đến là Galati, thì có thể là hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô đến các thành phố phía nam này An-ti-ôt xứ Pi-si-di, Lít-tơ, Đet-bơ và I-cô-ni, được ghi lại trong Công vụ 13-14, là địa điểm của những hội thánh này.
 - b. Nếu theo giả định “Lý Thuyết Miền Nam” này, thì thời gian viết sách sẽ rất sớm, nhưng trước Hội đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem, Công vụ 15, đề cập đến vấn đề khá tương tự với thư tín Galati. Hội đồng diễn ra vào khoảng 48-49 SCN và thư có lẽ đã được viết trong cùng thời kỳ. Nếu điều này đúng, Galati là bức thư đầu tiên của Phao-lô trong Tân Ước.
 - c. Một số bằng chứng cho lý thuyết miền nam Galati:
 - (1) Không đề cập đến tên của những người bạn đồng hành cùng Phao-lô nhưng Ba-na-ba được đề cập ba lần (2:1,9,13). Điều này phù hợp với hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô.
 - (2) Cho rằng Tít không chịu phép cắt bì (2:1-5). Điều này phù hợp thời điểm trước Hội Đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem Công vụ 15 nhất.
 - (3) Việc đề cập đến Phi-e-rơ (2:11-14) và vấn đề về sự thông công với người Ngoại điều này phù hợp thời điểm trước Hội Đồng Giê-ru-sa-lem nhất.
 - (4) Tên của những người bạn đồng hành cùng Phao-lô được liệt kê trong việc chuyển tiền đến Giê-ru-sa-lem (Công vụ 20:4) dấu họ ở tại các khu vực khác nhau. Tuy nhiên, không một ai đến từ các thành phố phía bắc Galati, mặc dù chúng ta biết các hội thánh của dân tộc Galati có dự phân dâng hiến (I Cô-rinh-tô 16:1).
3. Để trình bày chi tiết về các lập luận khác nhau liên quan đến các lý thuyết này, hãy tham khảo kỹ thuật chú giải kinh. Mỗi giả thuyết đều có giá trị hợp lệ tại mỗi thời điểm nhưng đôi khi trong thời gian khác thì không có sự đồng thuận, nhưng “Lý thuyết miền Nam” có vẻ phù hợp với tất cả các sự kiện tốt nhất.

C. Mối quan hệ của Galati với Công vụ:

- 1. Phao-lô đã thực hiện năm chuyến viếng thăm Giê-ru-sa-lem, được Lu-ca ghi lại trong sách Công vụ:
 - a. 9:26-30, sau khi cải đạo
 - b. 11:30; 12:25, đem quà sự cứu trợ nạn đói từ các hội thánh người Ngoại
 - c. 15:1-30, Hội đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem
 - d. 18:22, chuyến thăm ngắn
 - e. 21:15, một lời giải thích khác về công việc của người Ngoại
- 2. Có hai chuyến thăm Giê-ru-sa-lem được ghi lại trong Galati:
 - a. 1:18, sau ba năm
 - b. 2:1, sau mười bốn năm
- 3. Dường như có khả năng nhất là Công vụ 9:26 liên quan đến Gal.1:18. Công vụ 11:30 & 15:1. là bối cảnh các cuộc họp không được ghi lại nhưng được đề cập trong Gal. 2:1.
- 4. Có một số khác biệt giữa hai tường thuật trong Công vụ 15 và Gal. 2 điều này có lẽ là do:

- a. quan điểm khác nhau
 - b. mục đích khác nhau của Luca và Phao-lô
 - c. thực tế là Gal.2 có thể đã xảy ra trước khi cuộc họp hội đồng được miêu tả trong Công vụ 15 nên chúng vẫn có sự liên kết với nhau
- D. Có khả năng trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ôt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn)	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

IV. MỤC ĐÍCH CỦA THƯ TÍN

- A. Phao-lô chỉ ra ba lĩnh vực riêng biệt liên quan đến sứ điệp của các giáo sư giả. Những kẻ dị giáo này được gắn mác là “người Giu-đa” bởi họ tin người ta phải trở thành người Do Thái trước khi họ có thể trở thành Cơ Đốc Nhân (6:12). Mỗi bận tâm của Phao-lô xoay quanh các cáo buộc của người Giu-đa:
1. Phao-lô không thực sự là một Sứ đồ trong Mười Hai Sứ Đồ (Công vụ 1:21-22); do đó, ông phải ở dưới thẩm quyền của họ hoặc ít nhất là thẩm quyền của Giáo Hội Trưởng ở Giê-ru-sa-lem.
 2. Sứ điệp của Phao-lô khác với họ, và do đó, sai. Điều này dường như liên quan trực tiếp đến khái niệm “xung công chính bởi đức tin không bởi Luật Pháp”. Các sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem vẫn còn rất Do Thái trong đời sống cá nhân của họ.
 3. Cách nào đó, yếu tố của chủ nghĩa tự do đã được kết nối với các hội thánh này (5:18-6:8). Chính xác điều này được giải thích như thế nào lại gây tranh cãi. Một số người còn nhìn thấy hai nhóm người mục tiêu trong thư tín này của Phao-lô: người Giu-đa và người theo trí huệ giáo (4:8-11). Tuy nhiên, những câu này có vẻ liên hệ đến những thực hành ngoại giáo cách phù hợp nhất. Người Do Thái quan tâm đến lối sống của người Ngoại. Phao-lô đã làm thế nào để ân điển được tự do hoàn toàn trong khi việc thờ lại thần tượng của người Ngoại là quá độ?
- B. Về mặt giáo lý, thư tín này rất giống với thư Phao-lô gửi cho người La Mã, thư tín Rô-ma. Hai sách này chứa những giáo lý chính của Phao-lô, chúng được lặp đi lặp lại và phát triển trong bối cảnh khác nhau.

V. BỔ CỤC NGẮN GỌN

- A. Mở đầu, 1:1-10
1. lời giới thiệu chung về thư
 2. nguyên nhân viết thư
- B. Phao-lô bảo vệ chức Sứ Đồ của ông, 1:11-2:14
- C. Phao-lô bảo vệ những lẽ thật giáo lý trong phúc âm của ông, 2:15-4:20

D. Phao-lô bảo vệ áp dụng thực tiễn trong phúc âm của ông, 5:1-6:10

E. Tóm tắt cá nhân và kết thúc, 6:11-18

VI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “đời gian ác này”, 1:4
2. “một tin lành khác”, 1:6
3. Do Thái Giáo, 1:13
4. quá hăng say với các truyền thống, 1:14
5. “chẳng hề như vậy”, 2:17
6. “những người Ga-la-ti đại dốt”, 3:1,3
7. bùa ém, 3:1
8. “nếu thế thì quả là vô ích”, 3:4; 4:11
9. “ở dưới sự rửa sá”, 3:10
10. “dòng dõi ông”, 3:16
11. “được ban bố bởi các thiên sứ và qua một người trung gian”, 3:19
12. “chúng ta bị nhốt và canh giữ dưới luật pháp”, 3:23
13. “những điều sơ học”, 4:3,9
14. A-ba, 4:6
15. “thể xác đau yếu”, 4:13
16. “..người nữ nô lệ sinh ... người nữ tự do”, 4:23
17. ngụ ý, 4:24
18. “bước đi theo Thánh Linh”, 5:16
19. “trái của Thánh Linh”, 5:22
20. “những dòng chữ thật lớn”, 6:11
21. “những dấu-vết của Đức Chúa Giê-su”, 6:17

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “thiên sứ từ trời”, 1:8
2. Sê-pha, 1:18
3. Ba-na-ba, 2:1
4. Tít, 2:2
5. “những nhân vật được coi là tôn trọng”, 2:2,6
6. “mấy người giả làm anh em”, 2:4
7. “những người được tôn là cột trụ”, 2:9
8. “nhóm những người được cắt bì”, 2:12
9. “những người giám hộ và quản gia”, 4:2
10. A-ga, 4:25

VIII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. những hội thánh tại Galati, 1:2
2. Á-rập, 1:17
3. Đa-mách, 1:17
4. Sy-ri, 1:21
5. Si-li-si, 1:21
6. An-ti-ốt, 2:11

IX. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Giải thích 1:11-12 trong ngôn ngữ của bạn.

2. Phao-lô bắt bớ Hội thánh của Đức Chúa Trời khi nào? (1:13)
3. Tại sao một số người muốn Tít chịu phép cắt bì? (7:3)
4. Giải thích 2: 6 trong ngôn từ của bạn.
5. Ga-la-ti 2:16 có thể là chủ đề của toàn bộ cuốn sách. Tại sao?
6. Giải thích 2:20 trong ngôn từ của bạn.
7. Bạn sẽ trả lời câu hỏi Phao-lô trong 3:3 như thế nào?
8. Giải thích tầm quan trọng câu trích dẫn của Phao-lô trong Sáng.15:6,8 tại Gal.3:6-8.
9. Chúa Giê-su chịu rửa sả như thế nào? (3:13)
10. Mục đích của Cựu ước trong ánh sáng của 3:19 là gì?
11. Tại sao 3:22 là câu tuyên bố tóm tắt tốt?
12. Tại sao 3:28 là lẽ thật quan trọng?
13. Bệnh trong cơ thể của Phao-lô được đề cập trong 4:13 là gì?
14. Mục tiêu của Cơ Đốc Giáo là gì? (4:19)
15. ĐIỀM thần học của Phao-lô trong 5:3 là gì?
16. Giải thích câu tục ngữ trong 5:9.
17. 5:4 “đánh mất ân điển” có nghĩa là gì?
18. 5:13 liên quan đến Rô-ma 14:1-15:13 như thế nào?
19. Giải thích 5:23 trong ngôn từ của bạn.
20. Các tín hữu liên quan đến các tín hữu tội lỗi như thế nào? (6:1-5)
21. Nguyên tắc thuộc linh được nêu trong 6:7 là gì?
22. 6:10 liên quan đến những người bên ngoài cộng đồng tín hữu như thế nào?

GIỚI THIỆU Ê-PHÊ-SÔ

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Những lẽ thật trong sách này đã ảnh hưởng đến cuộc đời thánh đồ
1. Samuel Coleridge gọi nó là “thành phần thiêng liêng của con người”
 2. John Calvin gọi đó là sách yêu thích của ông trong Kinh Thánh
 3. John Knox yêu cầu các bài giảng của Calvin về Êphê-sô được đọc khi ông trên giường để qua đời.
- B. Sách này đã được gọi là “vương miện đầy ngọc quý”, đá quý hay thần học quý của Phao-lô. Tất cả các chủ đề tuyệt diệu của Phao-lô được thể hiện trong bảng tóm tắt tuyệt vời này.
- C. Đức Chúa Trời sử dụng Rô-ma để thúc đẩy cuộc Cải Chánh, thì Ngài sử dụng Ê-phê-sô để hiệp nhất những mảnh vụn của Cơ Đốc Giáo. Sự hiệp một và tương đồng trong Đấng Christ làm lu mờ sự khác biệt của họ với nhau.

II. TÁC GIẢ

- A. Phao-lô
1. Được nêu rõ trong 1:1, 3:1
 2. Tham khảo sự cầm tù của ông (có lẽ ở Rô-ma) trong 3:1; 4:1; 6:20
 3. Truyền thống giáo hội gần như nhất trí
 - a. Clement ở Rô-ma, vào năm 95 SCN, đã viết 1 bức thư cho Cô-rinh-tô trích dẫn 4:4-6
 - b. Ignatius (30-107 SCN) trích dẫn từ 1:9; 2:19; 3:4-9
 - c. Polycarp (65-155 SCN), môn đệ của Sứ Đồ Giảng, và giám mục tại Si-miệc-nơ khẳng định quyền tác giả của Phao-lô
 - d. Irenaeus (130-200 SCN) khẳng định quyền tác giả của Phao-lô
 - e. Clement ở Alexandria (150-210 SCN) khẳng định quyền tác giả của Phao-lô
 4. Nó được liệt kê trong
 - a. Danh sách của Marcion (người đã đến Rô-ma vào năm 140 SCN), về những sách được chấp nhận
 - b. Muratorian Fragment (180-200 SCN), nó được liệt kê trong danh sách các sách kinh điển từ Rô-ma và được quy là tác phẩm của Phao-lô
 5. Kết thúc của cả hai sách Cô-lô-se và Ê-phê-sô đều có 29 từ gần giống nhau trong tiếng Hy Lạp (trong thư tín Cô-lô-se có bổ sung thêm hai từ.).
- B. Tác giả khác
1. Erasmus là người đầu tiên nghi ngờ quyền tác giả của Phao-lô, dựa trên
 - a. Phong cách - những câu dài rất không giống đặc điểm của các thư tín khác của Phao-lô
 - b. Không có lời chào thăm cá nhân
 - c. Từ vựng độc đáo
 2. Các học giả phê bình của thế kỷ 18 bắt đầu khước từ quyền tác giả của Phao-lô
 - a. Một số câu dường như là của tín hữu thế hệ thứ hai, 2:20; 3:5
 - b. Các từ thần học được sử dụng với các định nghĩa khác nhau (ví dụ: “huyền nhiệm”)
 - c. Thể loại độc đáo của thư theo chu kỳ được vận chuyển vòng tròn
- C. Các câu trả lời cho quan điểm của Erasmus
1. Phong cách khác biệt vì khi viết thư tín Ê-phê-sô, Phao-lô ở trong tù nên ông có thời gian suy nghĩ.
 2. Việc thiếu lời chào thăm cá nhân được giải thích rằng, thực tế Ê-phê-sô là thư tín theo chu kỳ và nó phải được chuyển đến nhiều hội thánh trong khu vực đó. Tuyến đường bưu chính La Mã

bao gồm Ê-phê-sô và Thung lũng Sông Lycus có thể được tìm thấy trong Khải Huyền 2-3. Phao-lô có viết một thư tín song sinh là Cô-lô-se, gửi đến một nhóm cụ thể gồm ba hội thánh, trong đó có lời chào thăm cá nhân.

3. Số lượng về những từ độc đáo trong Ê-phê-sô hoàn toàn giống với số lượng từ độc nhất trong thư tín Rô-ma (*hapax legomena*). Mục đích, chủ đề quan trọng, người nhận và nguyên nhân giải thích cho việc sử dụng từ mới.
4. Phao-lô nói về “các sứ đồ và các tiên tri” ở I Côr. 12:28, tương tự như trong 2:20 và 3:5. Không một người nào phủ nhận quyền tác giả của I Cô-rinh-tô là Phao-lô.

III. MỐI QUAN HỆ VĂN HỌC GIỮA CÔ-LÔ-SE VÀ Ê-PHÊ-SÔ

A. Mối quan hệ lịch sử giữa Cô-lô-se và Ê-phê-sô

1. Ê-pháp-ra (Côl. 1:7; 4:12; Phil 23) cải đạo trong chuyến truyền giáo cho người Ê-phê-sô của Phao-lô (Công vụ 19)
 - a. Ông dẫn những người mới tin trở về khu vực nhà của ông, Thung lũng Sông Lycus.
 - b. Ông thành lập ba hội thánh – Hi-ê-ra-pô-li, Lao-đi-xê và Cô-lô-se.
 - c. Ê-pháp-ra tìm đến Phao-lô xin lời khuyên cách chống lại những quan điểm dị giáo về thế giới này bị hòa tan vào trong hội thánh. Phao-lô đã ở tù tại Rô-ma (đầu thập niên 60).
2. Các giáo sư giả đã đến và bắt đầu kết hợp phúc âm với bản thể luận Hy Lạp
 - a. thuộc linh và thuộc thể là đồng vĩnh cửu
 - b. thuộc linh (Đức Chúa Trời) là tốt
 - c. vật chất (sáng tạo) là xấu xa
 - d. một loạt các linh (nhiều cấp bậc thần sứ) tồn tại giữa Đức Chúa Trời tối cao và vị thần thấp kém hơn đã hình thành thế giới vật chất này.
 - e. sự cứu rỗi dựa trên kiến thức về mặt khẩu bí mật giúp mọi người tiến lên các linh (cấp bậc thiên sứ) đến Đức Chúa Trời tốt lành tối cao

B. Mối quan hệ văn học giữa hai thứ tín của Phao-lô

1. Phao-lô đã nghe từ Ê-pháp-ra trình bày về dị giáo đang xâm nhập trong những hội thánh mà ông chưa bao giờ đến thăm một cách cá nhân.
2. Phao-lô đã viết một bức thư đánh mạnh vào người đọc bằng những câu ngắn gọn, đầy cảm xúc, nhắm thẳng vào những giáo sư giả. Chủ đề trọng tâm Chúa Giê-su là chúa tể của vũ trụ. Thư này được gọi là thư tín của Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se.
3. Rõ ràng, ngay sau khi viết Cô-lô-se, vẫn còn thời gian trong tù, ông đã khai triển những chủ đề tương tự này. Ê-phê-sô có đặc điểm là các câu dài và các khái niệm thần học đã phát triển (1:3-14, 15-23; 2:1-10, 14-18, 19-22; 3:1-12, 14-19; 4:11-16; 6:13-20). Ê-phê-sô cần Cô-lô-se như một điểm khởi đầu và rút ra ý nghĩa ứng dụng thần học của nó. Chủ đề trọng tâm là sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ, đây là một sự tương phản với khái niệm trí huệ giáo mới khai sinh.

C. Mối liên hệ về cấu trúc văn học và thần học

1. Sự giống nhau về cấu trúc cơ bản
 - a. chúng có những lời mở đầu rất giống nhau
 - b. chúng có những phần tập trung vào giáo lý chủ yếu là Đấng Christ
 - c. chúng có những phần áp dụng khuyên nhủ lối sống Cơ Đốc bằng cách sử dụng cùng các hạng mục, cùng thuật ngữ và cụm từ
 - d. chúng có câu kết thư giống hệt nhau 29 từ liên tiếp trong tiếng Hy Lạp, chỉ có hai từ khác nhau được thêm vào trong thư tín Cô-lô-se.
2. Những từ và cụm từ tương tự nhau:

Êph. 1:1c và Côl. 1:2a	“trung tín”
Êph. 1:4 và Côl. 1:22	“thánh sạch và không chỗ chê trách được”
Êph. 1:7 và Côl. 1:14	“sự cứu rỗi...sự tha tội”
Êph. 1:10 và Côl. 1:20	“tất cả những vật ... trên trời ...dưới đất”
Êph. 1:15 và Côl. 1:3-4	“nghe... tình yêu thương đối với tất cả các thánh đồ”

Êph. 1:18 và Côi. 1:27	“sự phong phú của vinh quang”
Êph. 2:1 và Côi. 1:13	“anh em đã chết”
Êph. 2:16 và Côi. 1:20	“thập tự giá ... hòa giải”
Êph. 3:2 và Côi. 1:25	“quản trị”
Êph. 3:3 và Côi. 1:26,27	“màu nhiệm”
Êph. 4:3 và Côi. 3:14	“hiệp một”
Êph. 4:15 và Côi. 2:19	“đầu” và “tăng trưởng”
Êph. 4:24 và Côi. 3:10,12,14	“mặc lấy . . .”
Êph. 4:31 và Côi. 3:8	“tức giận,” “phản nộ,” “la lối,” “lãng mạ”
Êph. 5:3 và Côi. 3:5	“gian dâm,” “bất khiết,” “tham lam”
Êph. 5:5 và Côi. 3:5	“thờ thần tượng” (tham lam)
Êph. 5:6 và Côi. 3:6	“con thình nộ của Đức Chúa Trời”
Êph. 5:16 và Côi. 4:5	“hãy tận dụng thời giờ”

3. Những cụm từ và câu hoàn toàn giống nhau:

Êph. 1:1a và Côi. 1:1a
Êph. 1:1b và Côi. 1:2a
Êph. 1:2a và Côi. 1:2b
Êph. 1:13 và Côi. 1:5
Êph. 2:1 và Côi. 2:13
Êph. 2:5b và Côi. 2:13c
Êph. 4:1b và Côi. 1:10a
Êph. 6:21-22 và Côi. 4:7-8 (29 từ liên tiếp giống nhau, ngoại trừ “ <i>kai syndoulos</i> ” trong Cô-lô-se)

4. Những cụm từ và câu tương tự nhau:

Êph. 1:21 và Côi. 1:16
Êph. 2:1 và Côi. 1:13
Êph. 2:16 và Côi. 1:20
Êph. 3:7a và Côi. 1:23d, 25a
Êph. 3:8 và Côi. 1:27
Êph. 4:2 và Côi. 3:12
Êph. 4:29 và Côi. 3:8; 4:6
Êph. 4:32b và Côi. 3:13b
Êph. 5:15 và Côi. 4:5
Êph. 5:19-20 và Côi. 3:16

5. Các khái niệm thần học đồng nghĩa:

Êph. 1:3 và Côi. 1:3	lời cầu nguyện cảm tạ
Êph. 2:1,12 và Côi. 1:21	vốn xa cách Đức Chúa Trời
Êph. 2:15 và Côi. 2:14	hủy bỏ Luật Pháp
Êph. 4:1 và Côi. 1:10	sống một đi sống xứng đáng
Êph. 4:15 và Côi. 2:19	tăng trưởng trong mọi phương diện hướng đến Đấng Christ, là đầu
Êph. 4:19 và Côi. 3:5	tình dục ô uế
Êph. 4:22,31 và Côi. 3:8	“lột bỏ” tội lỗi
Êph. 4:32 và Côi. 3:12-13	Cơ Đốc Nhân đối xử tốt lẫn nhau
Êph. 5:4 và Côi. 3:8	lời nói của Cơ Đốc Nhân
Êph. 5:18 và Côi. 3:16	đầy đầy Thánh Linh = lời của Đấng Christ
Êph. 5:20 và Côi. 3:17	cảm tạ Đức Chúa Trời trong mọi sự
Êph. 5:22 và Côi. 3:18	vợ thuận phục chồng
Êph. 5:25 và Côi. 3:19	chồng yêu thương vợ
Êph. 6:1 và Côi. 3:20	con cái vâng lời cha mẹ
Êph. 6:4 và Côi. 3:21	chạ mẹ không chọc tức con cái

Êph. 6:5 và Côm. 3:22	tôi tớ phục vụ chủ
Êph. 6:9 và Côm. 4:1	chủ và tớ
Êph. 6:18 và Côm. 4:2-4	yêu cầu cầu nguyện của Phao-lô

6. Các thuật ngữ được sử dụng trong cả Cô-lô-se và Ê-phê-sô mà không có trong các thư tín khác của Phao-lô
 - a. “sự đầy trọn/ sự viên mãn”
 - Êph 1:23 “sự đầy đầy của Đấng làm viên mãn mọi sự trong mọi loài
 - Êph 3:19 “tràn đầy mọi sự sung mãn của Đức Chúa Trời.”
 - Êph 4:13 “đầy trọn của Đấng Christ”
 - Côm 1:19 “mọi sự viên mãn của mình ở trong Ngài”
 - Côm 2:9 “vì sự đầy trọn của thần tính hiện diện trong Ngài”
 - b. Đấng Christ là “đầu” của hội thánh
 - Êph 4:15, 5:23 và Côm 1:18; 2:19
 - c. “vốn xa cách”
 - Êph 2:12; 4:18 và Côm 1:21
 - d. “tận dụng thì giờ” (NASB “cứu chuộc thời gian”)
 - Êph 5:16 và Côm 4:5
 - e. “đâm rễ”
 - Êph 3:17 và Côm 2:7
 - f. “lời của chân lý, phúc âm”
 - Êph 1:13 và Côm 1:5
 - g. “mang lấy”
 - Êph 4:2 và Côm 3:13
 - h. cụm từ và thuật ngữ bất thường (“gắn chặt với nhau”, “hỗ trợ”)
 - Êph 4:16 và Đại tá 2:19

D. Tóm Tắt

1. Hơn một phần ba số từ trong Cô-lô-se là ở trong Ê-phê-sô. Người ta ước tính rằng 75 câu trên 155 câu trong Ê-phê-sô tương đồng với Cô-lô-se. Cả hai đều tuyên bố quyền tác giả là của Phao-lô được viết khi ông ở trong tù
2. Cả hai đều được bạn của Phao-lô Ty-chi-cơ chuyển thư.
3. Cả hai đều được gửi đến cùng một khu vực (Tiểu Á).
4. Cả hai xử lý cùng một chủ đề về thần học Đấng Christ.
5. Cả hai đều nhấn mạnh Đấng Christ là đầu hội thánh.
6. Cả hai khuyến khích lối sống Cơ Đốc đúng đắn.

E. Những điểm khác biệt chính

1. Hội thánh luôn là người địa phương ở trong Cô-lô-se nhưng toàn bộ là ở trong Ê-phê-sô. Điều này có thể là lý do cho đặc tính chu kỳ của thư Ê-phê-sô.
2. Dị giáo, là đặc điểm nổi bật của Cô-lô-se, mặc dù không được đề cập trực tiếp trong Ê-phê-sô. Nhưng, cả hai thư tín đều sử dụng thuật ngữ đặc trưng của trí huệ giáo (“sự khôn ngoan”, “tri thức”, “sự viên mãn/ đầy trọn”, “thế lực đời này và quyền lực”, và “quản gia”)
3. Sự Tái Lâm được miêu tả ngay lập tức trong Cô-lô-se nhưng trong Ê-phê-sô thì nó sẽ đến cách trì hoãn. Hội thánh đã và được kêu gọi để phục vụ thế giới sa ngã này. (2:7; 3:21; 4:13).
4. Một số thuật ngữ đặc trưng riêng của thư tín Phao-lô được sử dụng trong nhiều cách khác nhau. Một ví dụ là thuật ngữ “sự màu nhiệm”. Trong Cô-lô-se sự màu nhiệm chính là Đấng Christ (Côm 1:26-27; 2:2; 4:3), nhưng trong Ê-phê-sô (1:9; 5:32) trước đây sự màu nhiệm đã bị Đức Trời Trời giấu kín, nhưng giờ đây đã được mặc khải, kế hoạch cho sự hiệp nhất của người Ngoại và người Do Thái.
5. Ê-phê-sô có một số ám chỉ trong Cựu Ước (1:22 – Thi. 8; 2:17 – Ê-sai 57:19) (2:20 – Thi. 118:22) (4:8 – Thi. 68:18) (4:26 – Thi. 4: 4) (5:15 – Ê-sai 26:19, 51:17, 52:1, 60:1) (5:3 – Sáng.3:24)

(6:2-3 – Xuất.20:12) (6:14 – Ê-sai 11:5, 59:17) (6:15 – Ê-sai 52:7), nhưng trong Cô-lô-se chỉ có một hoặc hai (2:3 – Ê-sai 11:2) hoặc (2:22 – Ê-sai 29:13).

- F. Mặc dù hai thư tín rất giống nhau về từ, cụm từ và bố cục cấu trúc, nhưng chúng cũng chứa các lẽ thật độc đáo.
1. Ân điển phước hạnh của Ba Ngôi Đức Chúa Trời - Êph. 1:3-14
 2. Phân đoạn ân điển - Êph. 2: 1-10
 3. Sự hợp nhất của người Do thái và người Ngoại thành một thân thể mới - Êph. 2:11-3:13
 4. Sự hiệp nhất và ân tứ của thân thể Đấng Christ - Êph. 4:1-16
 5. “Đấng Christ và hội thánh” là hình mẫu cho “chồng và vợ” trong Êph. 5:22-33
 6. Phân đoạn chiến trận thuộc linh - Êph. 6:10-18
 7. Phân đoạn Đấng Christ Học - Côi 1:13-18
 8. Nghi thức và quy tắc tôn giáo của con người - Côi 2:16-23
 9. Chủ đề về tính toàn cầu quan trọng của Đấng Christ trong Cô-lô-se so với chủ đề về sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ của Ê-phê-sô
- G. Kết luận, tốt nhất là theo dõi A. T. Robertson và F. F. Bruce trong việc khẳng định rằng Phao-lô đã viết cả hai thư tín này rất giống nhau bằng cách phát triển những ý tưởng của Cô-lô-se thành hòn đá gốc để trình bày lẽ thật.

IV. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Thời gian viết thư tín được gắn kết với một trong những lần bị tù của Phao-lô, ở Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê, hoặc Rô-ma. Lần tù tại Rô-ma là phù hợp nhất với những sự kiện trong Công vụ.
- B. Một khi Rô-ma được coi là nơi viết sách khi ông bị giam cầm, thì câu hỏi được đặt ra là, khi nào? Phao-lô đã bị tù vào đầu những năm 60, được ghi lại trong Công vụ, nhưng ông đã được thả ra và viết những lá thư Mục vụ (I & II Ti-mô-thê và Tít) và sau đó ông bị bắt lại và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SCN, tức là ngày Nê-rô tự sát.
- C. Dự đoán có tính chất nghiên cứu nhất cho thời gian viết thư Ê-phê-sô là lần đầu tiên Phao-lô bị tù ở Rô-ma vào đầu những năm 60.
- D. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã nhận vận chuyển những thư tín cho người Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn đến khu vực Tiểu Á.
- E. Khả năng trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ôt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn)	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

V. NGƯỜI NHẬN

- A. Nhiều bản thảo (Chester Beatty Paccori, P⁴⁶; Sinaiticus, \aleph ; Vaticanus, B; Origen bản văn tiếng Hy Lạp, và bản văn tiếng Hy Lạp của Tertullain) loại bỏ cụm từ “tại Ê-phê-sô” ở 1:1. Bản dịch RSV và Williams cũng loại bỏ qua cụm từ này.
- B. Ngữ pháp Hy Lạp của câu 1 có thể chứa một tên địa danh. Có khả năng, vì là một thư tín được vận chuyển vòng tròn, nên tên địa điểm của hội thánh được bỏ trống để có thể được tự điền vào khi đọc to cho các hội thánh. Điều này có thể giải thích cho Cô-lô-se 4:15-16, “thư của hội thánh Lao-đi-xê”, có thể là thư tín Ê-phê-sô (Marcion gọi là Ê-phê-sô là “thư gửi cho người Lao-đi-xê”).
- C. Ê-phê-sô được viết chủ yếu cho dân Ngoại, 2:1; 4:17, là người mà Phao-lô không đích thân gặp, 1:15; 3:2. Các hội thánh ở Thung lũng Sông Lycus (Lao-đi-xê, Hi-ê-ra-pô-li và Cô-lô-se) được thành lập không phải bởi Phao-lô mà bởi Ê-pháp-ra (Côl. 1 7; 4:12; Philêmôn 23).

VI. MỤC ĐÍCH

- A. Chủ đề của sách được tìm thấy trong 1:10 và 4:1-10, nhấn mạnh đến sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ. Đấng Christ phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại và trong thế giới (*kosmos*).
- B. Ê-phê-sô là một trong bốn thư tín trong tù của Phao-lô. Bộ cục của Ê-phê-sô và Cô-lô-se rất giống nhau. Thư tín Cô-lô-se được viết để chống lại dị giáo trí huệ giáo đang liên tục diễn ra ở khu vực sông Lycus và Thung lũng Tiểu Á. Ê-phê-sô được viết như một thư tín vận chuyển vòng tròn gửi đến cùng một khu vực để chuẩn bị các hội thánh cho sự tấn công của dị giáo sắp tới. Cô-lô-se là một lá thư ngắn gọn, khó đọc vì đánh mạnh tay vào vấn đề trong khi Ê-phê-sô là một sự trình bày logic mở rộng cùng một sự thật bằng cách sử dụng các câu rất dài: (1:3-14,15-23; 2:1-9; 3: 1-7, v.v.).

VII. BỘ CỤC NGẮN GỌN

- A. Sách tự nhiên chia thành hai phần (cũng như hầu hết các tác phẩm của Phao-lô)
 - 1. Sự hiệp nhất trong Đấng Christ, chương 1-3 (thần học)
 - 2. Sự hiệp nhất trong Hội Thánh, chương 4-6 (áp dụng)
- B. Bộ cục gợi ý theo chủ đề
 - 1. Cách mở đầu truyền thống của Phao-lô, 1: 1-2
 - 2. Kế hoạch của Đức Chúa Cha về sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ, 1:3-3:21
 - a. Phao-lô khen ngợi Đức Chúa Cha, 1:3-14
 - (1) vì tình yêu Đức Chúa Cha trước khi muôn vật được tạo nên
 - (2) vì tình yêu Đức Chúa Cha trong Đức Chúa Con vào đúng thời điểm
 - (3) vì tình yêu liên tục của Đức Chúa Cha qua Thánh Linh xuyên thời gian
 - b. Lời cầu nguyện của Phao-lô với Chúa Cha cho các hội thánh, 1:15-23
 - (1) cho sự mặc khải của Đức Chúa Cha trong Đấng Christ được thấu hiểu
 - (2) cho quyền năng của Đức Chúa Cha hoạt động mạnh mẽ trong tín hữu
 - (3) cho việc Đức Chúa Cha nâng cao Đấng Christ trên tất cả muôn vật
 - c. Sự hiểu biết của Phao-lô về kế hoạch của Chúa Cha cho toàn nhân loại, 2:1-3:13
 - (1) nhu cầu của loài người tội lỗi
 - (2) sự cung ứng ân điển của Đức Chúa Cha
 - (3) nhân loại cần đáp ứng theo giao ước
 - (4) kế hoạch của Đức Chúa Cha hoàn toàn được khải tỏ
 - d. Phao-lô cầu nguyện với Chúa Cha cho các tín hữu, 3:14-21
 - (1) để nhận được sức mạnh bên trong (bởi Đức Thánh Linh)

- (2) để hiểu phúc âm cách trọn vẹn (không chỉ trong các mệnh đề về lẽ thật) trong kinh nghiệm cá nhân yêu và được yêu
- (3) để được đầy dẫy trong sự viên mãn của Đức Chúa Trời (đó là Đấng Christ)
- (4) tất cả điều này đều đến từ Đức Chúa Trời, Đấng duy nhất có thể
- 3. Đức Chúa Cha khao khát sự hiệp nhất trong dân sự mới của Ngài, 4:1-6:20
 - a. Sự hiệp một của Đức Chúa Trời Ba Ngôi phản chiếu sự hiệp một của con cái Ngài, 4:1-16
 - (1) sự hiệp một không phải là sự đồng nhất, mà là lối sống yêu thương
 - (2) Đức Chúa Trời là sự hiệp một ba-ngôi
 - (3) các ân tứ thuộc linh là vì lợi ích của thân thể, chứ không phải danh dự cá nhân
 - (4) sự hiệp một sản sinh ra chức vụ
 - (5) sự hiệp một ở dưới sự tấn công của các linh
 - (6) sự hiệp một là ở trong Đấng Christ
 - b. Sự hiệp một của Cơ Đốc Giáo tương phản với tôi là trọng tâm của dân ngoại, 4:17-5:14
 - (1) loại bỏ những việc làm của lối sống cũ
 - (2) ngày càng trở nên giống Đấng Christ hơn
 - c. Các phương tiện để đạt được và duy trì sự hiệp một, 5:15-6:9
 - (1) luôn được đầy dẫy Đức Thánh Linh
 - (2) cuộc sống đầy dẫy Đức Thánh Linh được miêu tả
 - (a) năm nguyên tắc, câu. 19-21
 - (b) ba tấm gương bên trong hội thánh
 - (i) chồng - vợ
 - (ii) cha mẹ - con cái
 - (iii) chủ nô - nô lệ
 - d. Cuộc chiến cho sự hiệp một trở nên giống Đấng Christ, 6:10-20
 - (1) trận chiến thuộc linh
 - (2) áo giáp của Đức Chúa Trời
 - (3) năng quyền của sự cầu nguyện
- 4. Nhận xét kết thúc, 6: 21-24

VIII. BỐI CẢNH TRIẾT HỌC VÀ THẦN HỌC CỦA GIÁO SƯ GIÁ (TRÍ HUỆ GIÁO)

- A. Tín ngưỡng Trí Huệ Giáo trong thế kỷ thứ nhất và thứ hai:
 - 1. Thuyết nhị nguyên (đời đời) giữa thần linh (Đức Chúa Trời) và thuộc thể (thế giới vật chất).
 - 2. Thần linh là tốt, trong khi vật chất là xấu xa.
 - 3. Một loạt các linh (nhiều cấp bậc thần sứ) tồn tại giữa Đức Chúa Trời thánh khiết tối cao với vị thần thấp kém hơn đã hình thành thế giới vật chất này.
 - 4. Con đường đến với sự cứu rỗi
 - a. dựa trên kiến thức về mật khẩu bí mật giúp mọi người tiến lên các linh (cấp bậc thiên sứ)
 - b. có một tia sáng thần linh trong tất cả mọi người mặc dù không phải tất cả sẽ hiểu hoặc nhận được kiến thức cứu rỗi này
 - c. kiến thức chỉ đến với một nhóm người ưu tú qua sự mặc khải đặc biệt.
 - 5. Đạo đức
 - a. hoàn toàn không liên quan đến đời sống thuộc linh (chủ nghĩa phóng đảng tự do, và tu ép thân thể)
 - b. chỉ có sự cứu rỗi là quan trọng (người theo luật pháp).
- B. Những mâu thuẫn với lịch sử và nguyên tắc kinh thánh của Cơ Đốc Giáo
 - 1. tách rời nhân tánh và Thần tánh của Đấng Christ (người Trí Huệ Giáo nói rằng Ngài không thể hoàn toàn là Đức Chúa Trời và hoàn toàn là con người)
 - 2. loại bỏ cái chết thay thế của Ngài như là cách cứu rỗi duy nhất
 - 3. thay thế kiến thức của con người cho ân điển thiêng thượng miễn phí.

IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. thánh đồ, 1:1
2. Chúa, 1:2
3. các nơi trên trời, 1:3
4. “trước khi sáng thế”, 1:4
5. không chỗ trách được, 1:4
6. đã chọn (NASB “đã định”), 1:5
7. “sự cứu chuộc”, 1:7
8. sự mầu nhiệm, 1:9
9. “đến thời viên mãn”, 1:10
10. được đóng ấn, 1:13
11. bảo chứng, 1:14
12. vinh quang, 1:17
13. “ngồi bên phải Ngài”, 1:20
14. “sự đầy đầy của Đấng làm viên mãn mọi sự trong mọi loài.”, 1:23
15. “theo đuổi khi sống theo cách của thế gian”, 2:2
16. “tặng phẩm ca Đức Chúa Trời”, 2:8
17. “người đồng hương”, 2:19
18. “đá góc nhà”, 2:20
19. “dạn dĩ và tự tin mà đến gần”, 3:12
20. “xảo quyết của con người”, 4:14
21. “những mảnh khố lừa dối”, 4:14
22. “bước đi trong tình yêu thương”, 5:2
23. “sinh tể tỏa ngát hương thơm”, 5:2
24. “vương quốc của Đấng Christ và của Đức Chúa Trời”, 5:5
25. “thuận phục nhau”, 5:21
26. “trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời”, 6:11
27. “đeo thắt lưng”, 6:14
28. “cầm gươm của Thánh Linh”, 6:17

X. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Trí Huệ Giáo
2. “kẻ cầm quyền chôn không trung”, 2:2
3. Dân Ngoại
4. các sứ đồ, 4:11
5. tiên tri, 4:11
6. nhà truyền giáo, 4:11
7. đầu, 4:15
8. ma quỷ, 4:27
9. “đồng dối không vâng phục”, 5:6
10. “con cái của Sự Sáng Láng”, 5:8
11. “các thế lực của các thần dữ”, 6:12
12. Ty-chi-cơ, 6:21

XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

XII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Chủ đề cơ bản của 1:3-14 là gì?
2. Tại sao cụm từ “ca ngợi vinh quang của Ngài” được sử dụng ba lần trong 1:3-14?
3. Tại sao Phao-lô nói rất nhiều về “sự khôn ngoan và thông hiểu” và “tri thức” trong sách này?

4. 1:19 đề cập đến ai?
5. Giải thích khái niệm Do Thái về hai thời đại. (1:21)
6. Tóm tắt chủ đề trong 2:1-3.
7. Tóm tắt chủ đề trong 2:4-6.
8. Giải thích sự hàm chỉ lịch sử trong 2:14.
9. Phao-lô đang nói về mặc khái gì trong 3:3?
10. Tại sao Phao-lô tự gọi ông “người hèn mọn nhất trong tất cả các thánh đồ”? (3:8)
11. Tại sao từ “một” được sử dụng thường xuyên trong 4:4-6?
12. Quà tặng của Đấng Christ trong 4:7 là gì?
13. 4:8 Phao-lô đã trích dẫn ở đâu trong Cựu Ước? Tại sao Phao-lô lại trích dẫn khác với Cựu Ước?
14. Tại sao 4:12 rất quan trọng?
15. 5:5 có giới hạn những người có thể được cứu không?
16. Việc say rượu liên quan đến việc đầy đầy Thánh Linh như thế nào? (5:18)
17. Tại sao tình yêu và sự hy sinh của Đấng Christ cho hội thánh liên quan gia đình Cơ Đốc? (5:25-33)
18. “Vâng lời” và “hiếu kính” liên quan với nhau như thế nào?
19. Tại sao 6:18 rất cần thiết ngày hôm nay?

GIỚI THIỆU PHI-LÍP

I. LỜI GIỚI THIỆU ĐÁNG LƯU Ý

- A. Đây là một trong những thư tín thân mật nhất của Phao-lô. Với hội thánh này, ông cảm nhận không cần phải khẳng định quyền Sứ Đồ trên họ. Tình yêu tràn đầy của ông dành cho họ là rất rõ ràng. Ông thậm chí còn cho phép họ gửi tiền cho ông (1:5,7; 4:15), điều này rất bất thường đối với ông.
- B. Phao-lô dẫu bị cầm tù, nhưng ông sử dụng thuật ngữ vui mừng (danh từ và động từ) hơn mười sáu lần. Cho thấy sự bình an và hy vọng của ông không dựa trên hoàn cảnh.
- C. Có yếu tố của sự dạy dỗ sai trật trong hội thánh (3:2,18-19). Những kẻ dị giáo này dường như tương tự với những kẻ trong hội thánh Ga-la-ti, được gọi là người theo Do Thái Giáo. Họ khẳng khái rằng người ta phải trở thành người Do Thái trước khi có thể trở thành Cơ Đốc Nhân.
- D. Bức thư này chứa một phần bài thánh ca Cơ Đốc đầu tiên, bài tín điều hay thơ văn phụng vụ đầu tiên (2:6-11). Đây là một trong những phân đoạn về Đấng Christ Học hoàn chỉnh nhất trong toàn bộ Tân Ước (Giăng 1:1-14; Cô-lô-se.1:13-20; Hêb. 1:2-3). Phao-lô sử dụng tấm gương khiêm nhường của Đấng Christ để mọi tín hữu noi theo (2:1-5), chứ không chỉ trong ý nghĩa giáo lý mà thôi.
- E. Trong một sách gồm có 104 câu, mà danh xưng hoặc tên hiệu của Chúa Giê-su được xuất hiện 51 lần. Rõ ràng ai là trung tâm trong trái tim, tâm trí và thần học của Phao-lô.

II. PHI-LÍP VÀ MA-XÊ-ĐÔ-NI-A (MA-XÊ-ĐOAN)

- A. Thành phố Phi-líp
 - 1. Năm 356 TCN nó bị chiếm đóng và mở rộng bởi Philip II xứ Ma-xê-đoan, cha của Alexander Đại đế. Ngôi làng Thracian ban đầu có tên là *Krenides* (suối). Thành phố này rất quan trọng vì những mỏ vàng trong khu vực.
 - 2. Trong trận chiến Pydna năm 168 TCN, khu vực này trở thành một Tỉnh La Mã và sau đó là một trong bốn ở Ma-xê-đô-ni-a.
 - 3. Trong 42 TCN, Brutus và Cassius (Cộng hòa) đã chiến đấu với Antony và Octavian (Hoàng gia) gần thành Phi-líp, về cải cách chính phủ ở Rôma. Sau trận chiến đó, Antony cho phép một số cựu chiến binh chiến thắng được sống ở đây.
 - 4. Vào năm 31 TCN, sau trận chiến Actium, trong đó Octavian đánh bại Antony, những người ủng hộ Antony ở Rôma đã bị phế truất và lưu đày ở đây.
 - 5. Năm 31 TCN, Phi-líp trở thành Thuộc Địa La Mã (Công vụ 16:12). Người dân trong thành phố được tuyên bố là công dân La Mã. Họ sử dụng tiếng Latin và thành phố trở nên giống như một Rôma thu nhỏ. Nó nằm trên Đại Lộ Ignatian, đường cao tốc La Mã từ đông-sang-tây. Các đặc quyền họ được hưởng khi là công dân La Mã:
 - a. không có thuế bầu cử và không có thuế đất
 - b. quyền mua và bán tài sản
 - c. tất cả sự bảo vệ và quyền lợi theo luật La Mã
 - d. lãnh đạo chính quyền địa phương đặc biệt (các quan tòa và thống đốc)
- B. Tin lành đến với thành Phi-líp
 - 1. Trên hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô, ông muốn đi về hướng bắc để vào phía bắc trung tâm Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, Bi-thi-ni trong Kinh thánh). Thay vào đó, trong một khái tượng, ông thấy một người đàn ông (có thể là Luca) xứ Ma-xê-đô-ni-a (miền bắc Hy Lạp) kêu xin ông đến và giúp đỡ họ (Công vụ 16:6-10). Qua khái tượng này Đức Thánh Linh hướng Phao-lô đến Châu Âu.
 - 2. Phao-lô hoàn thành với những người giúp đỡ

- a. Si-la (Sin-vanh)
 - (1) Si-la là lãnh đạo từ hội thánh Giê-ru-sa-lem và là một nhà tiên tri thay thế cho Ba-na-ba như anh em đồng công trong việc truyền giáo của Phao-lô (Công vụ 15:15,22, 32; 36-41);
 - (2) Si-la và Phao-lô đều bị giam tại Phi-líp (Công vụ 16:16-26);
 - (3) Phao-lô luôn gọi ông là Sin-vanh (II Côr 1:19; I Tê. 1:1; II Tê. 1:1);
 - (4) Có thể sau này Si-la đã trở thành bạn đồng hành với Phi-e-rơ, cũng giống như Giảng Mác (I Phi.5:12)
 - b. Ti-mô-thê
 - (1) ông cải đạo trong hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô (Công vụ 16:1-2; II Ti-mô-thê 1:5; 3:15);
 - (2) bà và mẹ của ông là người Do Thái, nhưng cha là người Hy Lạp (Công vụ 16:1; II Tim. 1:5);
 - (3) bởi vì ông có tiếng tốt giữa vòng anh em (Công vụ 16: 2) và Phao-lô thấy những ân tứ về chức vụ có trong ông (I Tim. 4:14; II Tim. 1: 6), Phao-lô đã chọn ông làm người trợ giúp để thay thế Giảng Mác (Công vụ 13:13);
 - (4) Phao-lô cắt bì Ti-mô-thê để ông được người Do Thái chấp nhận (Công vụ 16:3);
 - (5) Ti-mô-thê trở thành người đại diện đáng tin cậy giữa vòng các sứ đồ của Phao-lô (xem Phi-líp 2: 19-22; I Cô-rinh-tô. 4:17; 3: 2,6; II Cô-rinh-tô 1: 1,19).
 - c. Luca
 - (1) tác giả ẩn danh, nhưng có thể, tác giả của Phúc Âm Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ;
 - (2) ông rõ ràng là một thầy thuốc người Ngoại (Cô-lô-se 4:14). Một số người nghĩ rằng thuật ngữ “thầy thuốc” có nghĩa là “người có trình độ học vấn cao”. Đây chắc chắn là sự thật bởi ông không chỉ khẳng định thành thạo trong lĩnh vực y dược, nhưng trong lĩnh vực chèo thuyền chẳng hạn. Tuy nhiên, Chúa Giê-su đã sử dụng thuật ngữ Hy Lạp này để nói về “thầy thuốc” (Ma-thi-ơ 9:12; Mác 2:17; 5:26; Lu-ca 4:23; 5:31);
 - (3) bạn đồng hành của Phao-lô (Công vụ 16:10-17; 20:5-15; 21:1-18; 27:1-28:16; Côl.4:14; II Tim. 4:11; Philê 24);
 - (4) thật thú vị khi các phân đoạn “chúng tôi” trong Công Vụ bắt đầu và kết thúc tại Phi-líp. Trong tác phẩm - *Phao-Lô, Sứ Đồ Của Trái Tim Được Tự Do- Paul, Apostle Of The Heart Set Free*, (trang 219), F. F. Bruce cho rằng Luca đã ở lại thành Phi-líp để giúp những người mới cải đạo và thu nhận cứu trợ của dân Ngoại cho hội thánh Giê-ru-sa-lem.
 - (5) Luca có thể, theo một nghĩa nào đó, là bác sĩ riêng của Phao-lô. Phao-lô có một vài vấn đề về sức khỏe từ việc cải đạo (Công vụ 9:3,9), chức vụ (II Côr 4:7-12; 6:4-10; 11:23-29) và những yêu đuối của ông (II Côr. 12:1-10).
3. Phao-lô trở về Phi-líp trong hành trình truyền giáo thứ ba (Công vụ 20: 1-3,6). Ông đã gửi Si-la và Ti-mô-thê đi đến đó trước (Công vụ 19:19-24; Phi-líp 2:19-24).
- C. Phi-líp là Thuộc Địa của La Mã (Công.16:12)
1. Phao-lô đã sử dụng địa vị của thành phố này như một thuộc địa La Mã trong thuật ngữ của ông
 - a. “lính canh của dinh tổng đốc”, 1:13
 - b. “quyền công dân”, 3:20 (Công vụ 16:22-34, 35-40)
 - c. những người thuộc nhà Sê-sa, 4:22
 2. Thành phố bị chiếm bởi những người lính La Mã đã nghỉ hưu và bị lưu đày. Trong nhiều cách thì nó là một “Rô-ma thu nhỏ”. Các xu hướng thời trang của Rô-ma có thể được nhìn thấy trên đường phố Phi-líp (Công vụ 26:21).
 3. Cả Phao-lô (Công vụ 22,25; 26:32) và Si-la (Công vụ 16:37) đều là công dân La Mã, cho phép họ có quyền hợp pháp và địa vị xã hội.
- D. Tỉnh Ma-xê-đô-ni-a

1. Phụ nữ có quyền tự do xã hội và cơ hội kinh tế ở Ma-xê-đô-ni-a nhiều hơn bất cứ nơi nào trong đế chế La Mã.
2. Điều này được minh họa bởi
 - a. nhiều phụ nữ có mặt trong giờ thờ phượng bên bờ sông ngoài thành Phi-líp (Công. 16:13);
 - b. nữ doanh nhân Ly-đi (Công vụ 16:14);
 - c. bạn đồng lao nữ trong phúc âm (4:2-3);
 - d. một số phụ nữ lãnh đạo được đề cập tại Tê-sa-lô-ni-ca (cũng ở Ma-xê-đô-ni-ca, Công. 17:4).

III. TÁC GIẢ

- A. Bức thư đậm chất cá nhân này luôn được khẳng định quyền tác giả là của Phao-lô. Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất “tôi” và “của tôi” đã xuất hiện 51 lần.
- B. Nó được trích dẫn hoặc đề cập bởi các tác giả đầu tiên (để biết danh sách đầy đủ các trích dẫn, xem H.C. G. Moule, *Các nghiên cứu về thành Phi-líp - Studies in Philippians*, trang 20-21, được xuất bản bởi Kregel):
 1. Clement tại Rôma trong *I Clement*, được viết cho hội thánh Cô-rinh-tô vào 95 SCN;
 2. Ignatius, trong *Thư của Ignatius*, khoảng 110 SCN;
 3. Polycarp, người bạn đồng hành của Sứ đồ Giảng, trong *Thư gửi người Phi-líp*, khoảng 110 SCN;
 4. một lời mở đầu của Marcionite (một người theo dị giáo Marcion) gửi đến thư tín của Phao-lô cho người Phi-líp vào năm 170 SCN.
 5. Irenaeus, khoảng 180 SCN;
 6. Clement tại Alexandria, khoảng 190 SCN;
 7. Tertullian tại Carthage, khoảng 210 SCN.
- C. Mặc dù Ti-mô-thê được đề cập cùng với Phao-lô trong 1:1, ông là người đồng lao, không phải là đồng tác giả (mặc dù thỉnh thoảng Ti-mô-thê có vai trò là người ghi chép cho Phao-lô).

IV. THỜI GIAN

- A. Thời gian viết thư tùy thuộc vào nơi Phao-lô bị cầm tù (II Cô-rinh-tô 11:23)
 1. Phi-líp, Công vụ 16:23-40;
 2. Ê-phê-sô, I Cô-rinh-tô. 15:32; II Cô-rinh-tô 1:8;
 3. Giê-ru-sa-lem / Sê-sa-rê, Công vụ 21:32-32:30;
 4. Rôma, Công vụ 28:30 (được nêu trong Lời mở đầu của Marcionite cho người Phi-líp)
- B. Hầu hết các học giả tin rằng lần cầm tù tại Rô-ma là phù hợp với bối cảnh cuộc đời Phao-lô và Công vụ tốt nhất. Nếu vậy, thì thời gian viết sách có thể vào đầu những năm 60.
- C. Sách này được biết đến như một trong “các thư tín trong tù” của Phao-lô (Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-lê-môn, và Phi-líp). Từ những nội chứng, có vẻ như Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn được viết sớm trong thời gian Phao-lô bị tù và được Ty-chi-cơ chuyển thư đến Tiểu Á (Cô-lô-se 4: 7; Ê-phê-sô 6:21). Sách Phi-líp có giọng điệu khác. Phao-lô có vẻ tự tin rằng ông sẽ được thả tự do (1:17-26) và sẽ đến thăm họ (2:24).
 Cấu trúc này cũng cung cấp một khoảng thời gian đề: (1) ảnh hưởng của Phao-lô đã đạt đến những người lính hoàng gia (1:13; Công vụ 28:16) và những người hầu (4:22); và (2) một số chuyến đi giữa Phao-lô và các sứ giả từ hội thánh Phi-líp.

V. (CÁC) MỤC ĐÍCH VIẾT THƯ

- A. Để truyền đạt lời cảm ơn của Phao-lô đến hội thánh yêu thương này đã dâng hiến tiền nhiều lần cho ông và thậm chí còn gửi một người giúp đỡ, Ép-pa-phô-đích (1:3-11; 2:19-30; 4:10-20). Bức thư cũng có thể được viết để giải thích tại sao Ép-pa-phô-đích về sớm trong khi Phao-lô vẫn còn ở trong tù.
- B. Để khích lệ người Phi-líp quan tâm đến hoàn cảnh của ông. Tin lành đã thực sự được tiến triển trong tù. Dấu Phao-lô đã bị giam cầm, nhưng phúc âm thì không bị giam cầm!
- C. Để khích lệ người Phi-líp vững vàng giữa những giáo lý sai trật rất giống với Do Thái Giáo của Ga-la-ti. Những kẻ dị giáo này yêu cầu những người mới cải đạo phải trở thành người Do Thái trước tiên và sau đó họ có thể trở thành Cơ Đốc Nhân (Công vụ 15).
Tuy nhiên vì danh sách các tội lỗi trong 3:19 phù hợp với các giáo sư giả Hy Lạp (trí huệ giáo) nhiều hơn là Do Thái Giáo, và danh tính của những kẻ dị giáo là không chắc chắn. Có thể một số tín hữu đã trở lại với lối sống ngoại giáo trước đây của họ.
- D. Để khuyến khích các tín hữu Phi-líp hãy vui mừng dẫu đang ở giữa con bắt bớ từ bên trong lẫn bên ngoài. Niềm vui của Phao-lô không phụ thuộc vào hoàn cảnh mà phụ thuộc vào niềm tin nơi Đấng Christ.
Sự vui mừng ở giữa các nan đề không phải là một cách giả hình của giáo phái khắc kỷ - tu thân, nhưng là thể giới quan Cơ Đốc và một chiến trận liên tục. Phao-lô đã sử dụng những ẩn dụ từ một số lĩnh vực trong cuộc sống để nói lên sự căng thẳng của đời sống tín hữu Cơ Đốc
1. thể thao (3:12,14; 4:3);
 2. quân đội (1:7,12,15,16,17,22,28,30);
 3. thương mại (3:7,8; 4:15,17,18).

VI. BỐ CỤC BẢN VĂN

- A. Thật khó để tìm ra bố cục của sách Phi-líp vì nó rất cá nhân và thân mật. Phao-lô đang nói chuyện với những người bạn và đồng nghiệp đáng tin cậy trong Đấng Christ. Tâm lòng của ông trào dâng trước khi tâm trí có thể sắp xếp các suy nghĩ. Trong sự trong sáng tuyệt vời, sách này cho thấy trái tim của vị Sứ Đồ vĩ đại dành cho dân Ngoại. Phao-lô cảm thấy “niềm vui” trong Đấng Christ trong bất kỳ và mọi hoàn cảnh để phục vụ cho phúc âm!
- B. Các đơn vị văn học
1. lời giới thiệu điển hình của thư tín Phao-lô, 1:1-2
 - a. Lời chào
 - (1) từ Phao-lô (và Ti-mô-thê) 1:1
 - (2) gửi các thánh đồ tại Phi-líp (bao gồm cả giám mục và chấp sự), 1:1
 - (3) lời cầu nguyện theo phong cách Phao-lô, 1:2
 - b. cầu nguyện, 1:3-11:
 - (1) đồng công trong phúc âm từ ngày đầu, 1:5
 - (2) những người hỗ trợ chức vụ của Phao-lô, 1:7
 - (3) Phao-lô cầu xin
 - (a) tình yêu ngày càng gia tăng, 1:9
 - (b) kiến thức phong phú, 1:9
 - (c) sự nhận biết sâu sắc, 1:9
 - (d) tinh sạch không trách được, 1:10
 2. ở trong tù, Phao-lô lo lắng cho họ hơn là họ lo lắng cho ông, 1:12-26
 - a. Đức Chúa Trời đã dùng thời gian trong tù để truyền bá phúc âm đến
 - (1) lính canh dinh tổng đốc, 1:13
 - (2) những người nhà của Sê-sa, 1:13; 4:22
 - (3) những người giảng đạo mạnh dạn, 1:14-18
 - b. Phao-lô tự tin được thả tự do vì:
 - (1) những lời cầu nguyện của họ, 1:19

- (2) Đức Thánh Linh, 1:19
- c. Phao-lô tự tin dẫu được thả hay chết, 1:20-26
- 3. Lời khích lệ của Phao-lô, 1:27-2:18:
 - a. kêu gọi hiệp một giống như Đấng Christ giữa lúc bị bắt bớ, 1:27-30
 - b. sống trong sự khiêm nhường giống như Đấng Christ, 2:1-4
 - c. Đấng Christ tấm gương của chúng ta, 2:5-11
 - d. trong ánh sáng tấm gương Đấng Christ hãy sống trong hòa thuận và hiệp một, 2:12-18
- 4. Các kế hoạch của Phao-lô liên quan đến Phi-líp, 2:19-30
 - a. gửi Ti-mô-thê đến, 2:19-24
 - b. gửi Ép-pa-phô-đích về, 2:25-30
- 5. đứng vững kiên quyết chống lại giáo sư giả, 1:27; 4:1
 - a. loài chó, những kẻ chịu cắt bì giả, Giu-đa Giáo (Công vụ 15, Galati), 3:1-4
 - b. Di sản Do Thái của Phao-lô:
 - (1) dưới ánh sáng của các giáo sư giả, 3:5-6
 - (2) dưới ánh sáng của Đấng Christ, 3:7-16
 - c. Phao-lô đau buồn cho họ, 3:17-21
- 6. Phao-lô lặp lại lời khuyên của ông:
 - a. hiệp một, 4:1-3
 - b. đặc điểm giống Đấng Christ, 4:4-9
- 7. Phao-lô nhắc lại lòng biết ơn của ông đối cùng sự giúp đỡ của người Phi-líp
 - a. quà tặng giúp đỡ gần đây của họ, 4:10-14
 - b. quà tặng trước đó của họ, 4:15-20 (1:5)
- 8. lời kết điển hình của thư tín Phao-lô, 4:21-23

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

- 1. “trong sự cầm tù của tôi” 1:7,13
- 2. “thương mến”, 1:8
- 3. “trong ngày của Đấng Christ”, 1:10
- 4. “trái công chính”, 1:11
- 5. “lính canh dinh tổng đốc”, 1:13
- 6. “chịu khổ vì Ngài”, 1:29
- 7. “từ bỏ chính Ngài” (NASB – “làm trống rỗng chính Ngài”, 2:7
- 8. “giống như loài người”, 2:7
- 9. xưng nhận, 2:11
- 10. “mình đã chạy không vô ích và khó nhọc uổng công”, 2:16
- 11. “tôi bị đổ ra như lễ quán”, 2:17
- 12. “coi chừng loài chó”, 3:2
- 13. “người Hê-bơ-rơ con của người Hê-bơ-rơ”, 3:5
- 14. “họ là kẻ thù của thập tự giá Đấng Christ”, 3:18
- 15. “công dân trên trời”, 3:20
- 16. “tên của họ được ghi vào sách sự sống”, 4:3

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

- 1. các giám mục 1:1
- 2. chấp sự, 1:1
- 3. Ti-mô-thê, 2:19
- 4. Ép-pa-phô-đích, 2:25
- 5. “kẻ cắt bì giả”, 3:2
- 6. Sin-ty-cơ, 4:2

IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. Phi-líp 1:1
2. Ma-xê-đô-ni-a, 4:15
3. Tê-sa-lô-ni-ca, 4:16

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. 1: 6 nhân mạng giáo lý gì?
2. Giải thích ý của Phao-lô trong 1:16.
3. Cụm từ “Thánh Linh của Đức Chúa Giê-su Christ” ám chỉ điều gì?
4. Giải thích 1:21 trong ngôn từ của bạn.
5. 2:6 liên quan như thế nào đến thần tánh và tiền-hiện hữu của Chúa Giê-su?
6. Tại sao Chúa Giê-su chết trên thập tự giá? (2: 8)
7. Cụm từ “mọi đầu gối trên trời, dưới đất và bên dưới đất” đề cập đến ai?
8. “sợ sệt run rẩy mà hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình” có nghĩa gì? (2:12)
9. Liệt kê những tiêu chuẩn Do Thái của Phao-lô 2:4-6.
10. Tầm quan trọng của 3:9 là gì?
11. Phi-líp 4:5 nói rằng, “Chúa đã gần rồi”. Nếu vậy, tại sao Ngài không trở lại?

GIỚI THIỆU CÔ-LÔ-SE

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Cảm ơn Chúa vì những dị giáo ở Cô-lô-se; bởi vì chúng mà Phao-lô đã viết bức thư mạnh mẽ này. Hãy nhớ để hiểu được sách này, chúng ta phải liên kết nó với bối cảnh lịch sử. Các thư tín của Phao-lô được gọi là “tài liệu đặc biệt của mỗi trường hợp” vì ông đang giải quyết các vấn đề địa phương với phúc âm toàn cầu. Các dị giáo tại Cô-lô-se là một sự hỗn hợp bất thường của triết học Hy Lạp (trí huệ giáo) và Giu-đa Giáo.
- B. Quyền Chúa tể Trên vũ trụ của Chúa Giê-su là chủ đề trọng tâm (1:15-17). Đấng Christ Học của sách này là siêu việt! Thư tín Cô-lô-se hình thành bố cục cơ bản cho Ê-phê-sô. Phao-lô biết dị giáo sẽ lan rộng ở Tiểu Á. Thư Cô-lô-se tấn công các giáo lý sai lầm trong khi Ê-phê-sô phát triển chủ đề trọng tâm để chuẩn bị các hội thánh khác cho sự xâm nhập sắp tới của dị giáo. Cô-lô-se nhấn mạnh Đấng Christ Học trong khi Ê-phê-sô nhấn mạnh sự hiệp một của muôn vật trong Đấng Christ, Đấng là Chúa của muôn loài tạo vật.
- C. Phao-lô bác bỏ chủ nghĩa luật pháp, cả Do Thái và Hy Lạp, bằng những thuật ngữ rất mạnh mẽ (2:6-23).

II. THÀNH PHỐ

- A. Ban đầu thành phố Cô-lô-se là một phần của vương quốc Pê-t-găm ở Phi-ri-gi. Năm 133 TCN, nó được trao cho thượng viện Rô-ma.
- B. Thành Cô-lô-se là một trung tâm thương mại lớn trước thời của Phao-lô (tác phẩm của Heroditus *Lịch sử* VII:30 và Xenophon *Anabasis* 1:2:6).
 - 1. Thung lũng mà Cô-lô-se tọa lạc là thế giới Địa Trung Hải cổ đại, nơi sản xuất len hàng đầu thế giới, đặc biệt là len đen và len nhuộm, tím và đỏ tươi. Đất núi lửa tạo ra những đất đồng cỏ tuyệt vời và nước có chứa phù sa hỗ trợ quá trình nhuộm (Strabo, 13:4:14).
 - 2. Hoạt động núi lửa (Strabo, 12:8:6) khiến thành phố bị phá hủy nhiều lần trong lịch sử; lần gần nhất là 60 SCN (Tacitus) hoặc 64 SCN (Eusebius).
- C. Cô-lô-se nằm trên Sông Lycus, một nhánh của Sông Maeander, chảy ngang qua Ê-phê-sô, 100 dặm (161 km) phía hạ lưu. Trong thung lũng này có Hi-ê-ra-pô-li (6 dặm/9,6km) và Lao-đi-xê (10 dặm/16km) (1:2; 2:1; 4:13,15-16).
- D. Sau khi người La Mã xây dựng đường cao tốc đông-tây lớn của họ, *Via Ignatia*, mà không đi qua Cô-lô-se khiến nó suy giảm gần như không có gì (Strabo). Điều này tương tự như những gì đã xảy ra với Petra ở khu vực TransJordan của Pa-lét-tin.
- E. Thành phố được tạo thành chủ yếu từ người Ngoại (người Phi-ri-gi và người định cư Hy Lạp), nhưng có rất nhiều người Do Thái cũng vậy. Josephus cho chúng ta biết Antiochus III (223-187 TCN.) đã vận chuyển 2.000 người Do Thái từ Babylon đến Cô-lô-se. Hồ sơ cho thấy vào năm 76 SCN, có khoảng 11.000 người nam Do Thái sống ở quận Cô-lô-se là thủ đô.

III. TÁC GIẢ

- A. Có hai người gửi, Phao-lô và Ti-mô-thê (Cô-lô-se 1:1). Tuy nhiên, tác giả chính là Phao-lô; Ti-mô-thê gửi lời chào với tư cách là cộng sự của Phao-lô, và có thể là người ghi chép (*amanuensis*).
- B. Văn học cổ đại nhất trí rằng Sứ đồ Phao-lô là tác giả:

1. Marcion (người đã đến Rô-ma vào năm 140 SCN), dị giáo chống-Cựu Ước, đã đưa thư tín này vào trong tập các thư tín của Phao-lô.
2. Nó được liệt kê trong các thư tín của Phao-lô trong Muratorian Canon (một danh sách các sách kinh điển từ Rô-ma khoảng năm 200 SCN)
3. Một số giáo phụ đầu tiên trích dẫn trong thư tín này và xác định Phao-lô là tác giả
 - a. Irenaeus (đã viết 177-190 SCN)
 - b. Clement of Alexandria (sống 160-216 SCN)

IV. MỐI QUAN HỆ VĂN HỌC GIỮA CÔ-LÔ-SE VÀ Ê-PHÊ-SÔ

- A. Mối quan hệ lịch sử giữa hai thư tín trong tù theo bố cục này
1. Ê-pháp-ra (Côl. 1:7; 4:12; Phil 23) cải đạo trong chuyến truyền giáo cho người Ê-phê-sô của Phao-lô (Công vụ 19)
 - a. Ê-pháp-ra dẫn những người mới tin trở về khu vực nhà của ông, Thung lũng Sông Lycus (4:12)
 - b. Ê-pháp-ra thành lập ba hội thánh: Hi-ê-ra-pô-li, Lao-đi-xê (4:13) và Cô-lô-se.
 - c. Ê-pháp-ra tìm đến Phao-lô xin lời khuyên cách chống lại những quan điểm dị giáo về thế giới này bị hòa tan vào trong hội thánh. Phao-lô đã ở tù tại Rô-ma (đầu thập niên 60).
 2. Các giáo sư giả bên vực lý thuyết suông của Hy Lạp
 - a. thuộc linh và thuộc thể là đồng vĩnh cửu
 - b. thuộc linh (Đức Chúa Trời) là tốt
 - c. vật chất (sáng tạo) là xấu xa
 - d. một loạt các *linh - eons* (nhiều cấp bậc thần sứ) tồn tại giữa Đức Chúa Trời tối cao và vị thần thấp kém hơn đã hình thành thế giới vật chất này.
 - e. sự cứu rỗi dựa trên kiến thức về mật khẩu bí mật giúp mọi người tiến lên các cấp bậc thiên sứ (*các linh - eons*) đến Đức Chúa Trời tốt lành tối cao
- B. Mối liên hệ văn học giữa hai thư tín này của Phao-lô
1. Phao-lô đã nghe về dị giáo trong những hội thánh này mà cá nhân ông chưa bao giờ đến thăm (1:7-8).
 2. Phao-lô đã viết một bức thư đánh-thắng vào vấn đề bằng những câu ngắn gọn, đầy cảm xúc, nhắm vào những giáo sư giả. Chủ đề trọng tâm là quyền tể trị tối cao trên toàn cầu của Chúa Giê-su. Và nó được biết đến như là thư tín gửi người Cô-lô-se.
 3. Rõ ràng, ngay sau khi viết Cô-lô-se, vẫn còn thời gian trong tù, ông đã khai triển những chủ đề tương tự này trong thư tín Ê-phê-sô như chúng ta đã biết. Ông biết rằng nỗ lực này để hợp nhất tư tưởng Hy Lạp và phúc âm cho mục đích làm cho Cơ Đốc Giáo “rõ ràng” đến văn hóa Hy Lạp sẽ lan rộng khắp trong các hội thánh mới ở Tiểu Á. Ê-phê-sô có đặc điểm là các câu dài và các khái niệm thần học đã phát triển (1:3-14, 15-23; 2:1-10, 14-18, 19-22; 3:1-12, 14-19; 4:11-16; 6:13-20). Ê-phê-sô cần Cô-lô-se như một điểm khởi đầu và rút ra ý nghĩa ứng dụng thần học của nó. Chủ đề trọng tâm là sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ, đây là một sự tương phản với các *linh - eons* (các bậc thiên sứ) khái niệm trí huệ giáo mới sơ khai.
- C. Mối liên hệ văn học và cấu trúc thần học
1. Cấu trúc cơ bản
 - a. Chúng có những lời mở đầu rất giống nhau
 - b. Chúng có những phần tập trung vào giáo lý chủ yếu là Đấng Christ
 - c. Mỗi thư có những phần áp dụng khuyên nhủ lối sống Cơ Đốc bằng cách sử dụng cùng các hạng mục, cùng thuật ngữ và cụm từ
 - d. Chúng có câu kết thư giống hệt nhau. Trong tiếng Hy Lạp có 29 từ liên tiếp; chỉ có hai từ khác nhau được thêm vào trong thư tín Cô-lô-se (“và là đồng lao”). So sánh giữa Êph.6:21-22 với Côl.4:7-9
 2. Những từ và cụm từ hoàn toàn giống nhau:
Êph. 1:1c và Côl. 1:2a “trung tín”

Êph. 1:4 và Côi. 1:22	“thánh sạch và không chỗ chê trách được”
Êph. 1:7 và Côi. 1:14	“sự cứu rỗi... sự tha tội”
Êph. 1:10 và Côi. 1:20	“tất cả những vật ... trên trời ... dưới đất”
Êph. 1:15 và Côi. 1:3-4	“nghe... tình yêu thương đối với tất cả các thánh đồ”
Êph. 1:18 và Côi. 1:27	“sự phong phú của vinh quang”
Êph. 2:1 và Côi. 1:13	“anh em đã chết”
Êph. 2:16 và Côi. 1:20	“thập tự giá ... hòa giải”
Êph. 3:2 và Côi. 1:25	“quản trị”
Êph. 3:3 và Côi. 1:26,27	“màu nhiệm”
Êph. 4:3 và Côi. 3:14	“hiệp một”
Êph. 4:15 và Côi. 2:19	“đầu” và “tăng trưởng”
Êph. 4:24 và Côi. 3:10,12,14	“mặc lấy . . . ”
Êph. 4:31 và Côi. 3:8	“tức giận,” “phản nộ,” “la lối,” “lãng mạ”
Êph. 5:3 và Côi. 3:5	“gian dâm,” “bất khiết,” “tham lam”
Êph. 5:5 và Côi. 3:5	“thờ thần tượng” (tham lam)
Êph. 5:6 và Côi. 3:6	“con thịnh nộ của Đức Chúa Trời”
Êph. 5:16 và Côi. 4:5	“hãy tận dụng thời giờ”

3. Những cụm từ và câu hoàn toàn giống nhau:

Êph. 1:1a và Côi. 1:1a
Êph. 1:1b và Côi. 1:2a
Êph. 1:2a và Côi. 1:2b
Êph. 1:13 và Côi. 1:5
Êph. 2:1 và Côi. 2:13
Êph. 2:5b và Côi. 2:13c
Êph. 4:1b và Côi. 1:10a
Êph. 6:21-22 và Côi. 4:7-8 (29 từ liên tiếp giống nhau, ngoại trừ “ <i>kai syndoulos</i> ” trong Cô-lô-se)

4. Những cụm từ và câu tương tự nhau:

Êph. 1:21 và Côi. 1:16
Êph. 2:1 và Côi. 1:13
Êph. 2:16 và Côi. 1:20
Êph. 3:7a và Côi. 1:23d, 25a
Êph. 3:8 và Côi. 1:27
Êph. 4:2 và Côi. 3:12
Êph. 4:29 và Côi. 3:8; 4:6
Êph. 4:32b và Côi. 3:13b
Êph. 5:15 và Côi. 4:5
Êph. 5:19-20 và Côi. 3:16

5. Các khái niệm thần học đồng nghĩa:

Êph. 1:3 và Côi. 1:3	lời cầu nguyện cảm tạ
Êph. 2:1,12 và Côi. 1:21	vốn xa cách Đức Chúa Trời
Êph. 2:15 và Côi. 2:14	hủy bỏ Luật Pháp
Êph. 4:1 và Côi. 1:10	sống một đi sống xứng đáng
Êph. 4:15 và Côi. 2:19	tăng trưởng trong mọi phương diện hướng đến Đấng Christ, là đầu
Êph. 4:19 và Côi. 3:5	tình dục ô uế
Êph. 4:22,31 và Côi. 3:8	“lột bỏ” tội lỗi
Êph. 4:32 và Côi. 3:12-13	Cơ Đốc Nhân đối xử tốt lẫn nhau
Êph. 5:4 và Côi. 3:8	lời nói của Cơ Đốc Nhân
Êph. 5:18 và Côi. 3:16	đầy đầy Thánh Linh = lời của Đấng Christ
Êph. 5:20 và Côi. 3:17	cảm tạ Đức Chúa Trời trong mọi sự

Êph. 5:22 và Côl. 3:18	vợ thuận phục chồng
Êph. 5:25 và Côl. 3:19	chồng yêu thương vợ
Êph. 6:1 và Côl. 3:20	con cái vâng lời cha mẹ
Êph. 6:4 và Côl. 3:21	chạ mẹ không chọc tức con cái
Êph. 6:5 và Côl. 3:22	tôi tớ phục vụ chủ
Êph. 6:9 và Côl. 4:1	chủ và tớ
Êph. 6:18 và Côl. 4:2-4	yêu cầu cầu nguyện của Phao-lô

6. Các thuật ngữ được sử dụng trong cả Cô-lô-se và Ê-phê-sô mà không có trong các thư tín khác của Phao-lô

- a. “sự đầy trọn/ sự viên mãn”
 - Êph 1:23 “sự đầy đầy của Đấng làm viên mãn mọi sự trong mọi loài
 - Êph 3:19 “tràn đầy mọi sự sung mãn của Đức Chúa Trời.”
 - Êph 4:13 “đầy trọn của Đấng Christ”
 - Côl 1:19 “mọi sự viên mãn của mình ở trong Ngài”
 - Côl 2:9 “vì sự đầy trọn của thần tính hiện diện trong Ngài”
- b. Đấng Christ là “đầu” của hội thánh
 - Êph 4:15, 5:23 và Côl 1:18; 2:19
- c. “vốn xa cách”
 - Êph 2:12; 4:18 và Côl 1:21
- d. “tận dụng thì giờ” (NASB “cứu chuộc thời gian”)
 - Êph 5:16 và Côl 4:5
- e. “đâm rễ”
 - Êph 3:17 và Côl 2:7
- f. “lời của chân lý, phúc âm”
 - Êph 1:13 và Côl 1:5
- g. “mang lấy”
 - Êph 4:2 và Côl 3:13
- h. cụm từ và thuật ngữ bất thường (“gắn chặt với nhau”, “hỗ trợ”)
 - Êph 4:16 và Đại tá 2:19

D. Tóm Tắt

1. Hơn một phần ba số từ trong Cô-lô-se là ở trong Ê-phê-sô. Người ta ước tính rằng 75 câu trên 155 câu trong Ê-phê-sô tương đồng với Cô-lô-se. Cả hai đều tuyên bố quyền tác giả là của Phao-lô được viết khi ông ở trong tù
2. Cả hai đều được bạn của Phao-lô Ty-chi-cơ chuyển thư.
3. Cả hai đều được gửi đến cùng một khu vực (Tiểu Á).
4. Cả hai xử lý cùng một chủ đề về thần học Đấng Christ.
5. Cả hai đều nhấn mạnh Đấng Christ là đầu hội thánh.
6. Cả hai khuyến khích lối sống Cơ Đốc đúng đắn.

E. Những Điểm Khác Biệt Chính

1. Hội thánh luôn là người địa phương ở trong Cô-lô-se nhưng toàn bộ là ở trong Ê-phê-sô. Điều này có thể là lý do cho đặc tính chu kỳ của thư Ê-phê-sô.
2. Dị giáo, là đặc điểm nổi bật của Cô-lô-se, mặc dù không được đề cập trực tiếp trong Ê-phê-sô. Nhưng, cả hai thư tín đều sử dụng thuật ngữ đặc trưng của trí huệ giáo (“sự khôn ngoan”, “tri thức”, “sự viên mãn/ đầy trọn”, “thế lực đời này và quyền lực”, và “quản gia”)
3. Sự Tái Lâm được miêu tả ngay lập tức trong Cô-lô-se nhưng trong Ê-phê-sô thì nó sẽ đến cách trì hoãn. Hội thánh đã và được kêu gọi để phục vụ thế giới sa ngã này. (2:7; 3:21; 4:13).
4. Một số thuật ngữ đặc trưng riêng của thư tín Phao-lô được sử dụng trong nhiều cách khác nhau. Một ví dụ là thuật ngữ “sự màu nhiệm”. Trong Cô-lô-se sự màu nhiệm chính là Đấng Christ (Côl 1:26-27; 2:2; 4:3), nhưng trong Ê-phê-sô (1:9; 5:32) trước đây sự màu nhiệm đã bị Đức Trời

Trời giầu kính, nhưng giờ đây đã được mặc khải, kế hoạch cho sự hiệp nhất của người Ngoại và người Do Thái.

5. Ê-phê-sô có một số ám chỉ trong Cựu Ước (1:22 – Thi. 8; 2:17 – Ê-sai 57:19) (2:20 – Thi. 118:22) (4:8 – Thi. 68:18) (4:26 – Thi. 4:4) (5:15 – Ê-sai 26:19, 51:17, 52:1, 60:1) (5:3 – Sáng.3:24) (6:2-3 – Xuất.20:12) (6:14 – Ê-sai 11:5, 59:17) (6:15 – Ê-sai 52:7), nhưng trong Cô-lô-se chỉ có một hoặc hai (2:3 – Ê-sai 11:2) hoặc (2:22 – Ê-sai 29:13).

F. Mặc dù hai thư tín rất giống nhau về từ, cụm từ và bố cục cấu trúc, nhưng chúng cũng chứa các lẽ thật độc đáo.

1. Ân điển phước hạnh của Ba Ngôi Đức Chúa Trời - Êph. 1:3-14
2. Phân đoạn ân điển - Êph. 2: 1-10
3. Sự hợp nhất của người Do thái và người Ngoại thành một thân thể mới - Êph. 2:11-3:13
4. Sự hiệp nhất và ân tứ của thân thể Đấng Christ - Êph. 4:1-16
5. “Đấng Christ và hội thánh” là hình mẫu cho “chồng và vợ” trong Êph. 5:22-33
6. Phân đoạn chiến trận thuộc linh - Êph. 6:10-18
7. Phân đoạn Đấng Christ Học - Côi 1:13-18
8. Nghi thức và quy tắc tôn giáo của con người - Côi 2:16-23
9. Chủ đề về tính toàn cầu quan trọng của Đấng Christ trong Cô-lô-se so với chủ đề về sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ của Ê-phê-sô

G. Kết luận, tốt nhất là theo dõi A. T. Robertson và F. F. Bruce trong việc khẳng định rằng Phao-lô đã viết cả hai thư tín này rất giống nhau bằng cách phát triển những ý tưởng của Cô-lô-se thành hòn đá góc để trình bày lẽ thật, Ê-phê-sô.

V. THỜI GIAN

A. Thời gian viết thư tín Cô-lô-se được gắn kết với một trong những lần bị tù của Phao-lô (Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê, hoặc Rô-ma). Lần tù tại Rô-ma là phù hợp nhất với những sự kiện trong Công vụ.

B. Một khi Rô-ma được coi là nơi viết sách khi ông bị giam cầm, thì câu hỏi được đặt ra là - khi nào? Phao-lô đã bị tù vào đầu những năm 60, được ghi lại trong Công vụ, nhưng ông đã được thả ra và viết những lá thư Mục vụ (I & II Ti-mô-thê và Tít) và sau đó ông bị bắt lại và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SCN (tức là ngày Nê-rô tự sát), có thể là vào năm 67 SCN.

C. Dự đoán có tính chất nghiên cứu nhất cho thời gian viết thư Cô-lô-se (Ê-phê-sô và Phi-lê-môn) là lần đầu tiên Phao-lô bị tù ở Rô-ma vào đầu những năm 60. (Phi-líp là thư tín trong tù cuối cùng, có khả năng là khoảng cuối những năm 60)

D. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã nhận vận chuyển những thư tín cho người Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn đến khu vực Tiểu Á. Sau đó, có thể vài năm sau, Ép-pa-phô-đích, hồi phục từ cơn bệnh, ông cầm thư tín Phi-líp về hội thánh nhà.

E. Khả năng trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ôt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		

Phi-lê-môn	đầu những năm 60	
Phi-líp	cuối 62-63	28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư		
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn	Ma-xê-đoan
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma

VI. NGƯỜI NHẬN VÀ NGUYÊN NHÂN

- A. Rõ ràng hội thánh được thành lập bởi Ê-pháp-ra (1:7,8; 2:1; 4:12-13), có lẽ ông cải đạo bởi Phao-lô tại Ê-phê-sô (Cô-lô-se 1: 7-8 và so sánh 2:1). Thành viên chủ yếu của hội thánh là những người Ngoại (1:21; 3:7). Ê-pháp-ra đến gặp Phao-lô ở trong tù để báo cáo vấn đề các giáo sư giả đang giảng dạy sự hỗn tạp giữa Cơ Đốc Giáo với triết học Hy Lạp được gọi là trí huệ giáo (2:8) và chủ nghĩa luật pháp của người Do Thái (Các yếu tố Do Thái, 2:11,16, 17:3:11; thờ lạy thiên sứ, 1:16; 2:15, 18 và chủ nghĩa khổ hạnh 2:20-23). Cộng đồng Do Thái rất lớn ở Cô-lô-se và họ đã trở thành rất Hy Lạp Do Thái. Bản chất về vấn đề xoay quanh việc nhân tánh và việc làm của Đấng Christ. Những người theo chủ nghĩa trí huệ giáo phủ nhận Chúa Giê-su không hoàn toàn là người nhưng khẳng định Ngài hoàn toàn là thần bởi lỗi suy nghĩ nhị nguyên của họ sự tách biệt giữa thế giới vật chất và thần linh. Họ khẳng định thần tánh của Ngài nhưng phủ nhận nhân tánh của Ngài. Họ cũng phủ nhận Ngài là trung bảo siêu việt. Đối với họ có nhiều cấp độ thiên thần (*các linh - eons*) giữa một vị thần tối cao, tốt lành và nhân loại; Chúa Giê-su, mặc dù cao nhất, nhưng chỉ là một trong những vị thần. Họ có xu hướng độc quyền về trí tuệ (3:11,14,16,17) và nhấn mạnh kiến thức mầu nhiệm độc quyền đặc biệt (2:15,18,19) là con đường duy nhất để đến với Đức Chúa Trời thay vì sự hy sinh cứu chuộc của Chúa Giê-su và sự ăn năn bởi đức tin của con người đáp ứng với lời đề nghị tha thứ miễn phí của Ngài.
- B. Vì bầu không khí thần học, triết học này, sách Cô-lô-se nhấn mạnh
1. Sự độc nhất trong nhân tánh của Đấng Christ và công việc cứu rỗi đã hoàn tất của Ngài.
 2. Quyền chủ tể trên vũ trụ, sự trị vì và tầm quan trọng của Chúa Giê-su thành Na-xa-rét - Sự ra đời của Ngài, sự dạy dỗ của Ngài, sự sống của Ngài, sự chết của Ngài, sự phục sinh của Ngài và sự thăng thiên của Ngài! Ngài là Chúa của tất cả muôn loài!

VII. CẤU TRÚC BỐ CỤC

Mục đích của Phao-lô là bác bỏ dị giáo ở Cô-lô-se. Để thực hiện mục tiêu này, ông đã tôn cao Đấng Christ chính là hình ảnh của Đức Chúa Trời (1:15), Đấng Tạo Hóa (1:16), Đấng có trước và giữ vững muôn vật (1:17), là đầu của hội thánh (1:18), Đấng phục sinh đầu tiên (1:18), mọi sự viên mãn của thiên thượng đều ở trong mình Ngài (1:19, 2: 9) và là Đấng hòa giải (1:20-22). Như vậy, Đấng Christ đã hoàn toàn đầy đủ. Các tín hữu “nhận được sự đầy trọn trong Đấng Christ (2:10). Các dị giáo của người Cô-lô-se hoàn toàn không đủ về mặt thần học để cung cấp sự cứu rỗi thuộc linh. Đó là một triết lý rỗng tuếch và lừa dối (2:8), thiếu khả năng chế ngự dục vọng của bản chất tội lỗi cũ (2:23).

Một chủ đề lặp đi lặp lại trong Cô-lô-se là sự hoàn toàn đầy trọn của Đấng Christ tương phản với sự trống rỗng của triết học đơn thuần của con người. Sự đầy trọn này được thể hiện trong toàn cõi vũ trụ mà Chúa Giê-su làm Chúa tể. Ngài là chủ sở hữu, Đấng sáng tạo và có chủ quyền tuyệt đối trên tất cả muôn vật, cả vật hữu hình và vô hình (1:15-18).

VIII. BỐ CỤC

- A. Mở đầu truyền thống của thư tín Phao-lô
1. Xác định người gửi, 1:1
 2. Xác định người nhận, 1:2a
 3. Chào thăm, 1:2b

- B. Quyền Tối Cao (Siêu Việt) của Đấng Christ (chủ đề 1-10 được lấy từ bố cục phân đoạn trong NKJV)
1. Đức tin nơi Đấng Christ, 1:3-8
 2. Sự siêu việt của Đấng Christ, 1:9-18
 3. Sự Hòa Giải trong Đấng Christ, 1:19-23
 4. Phục vụ hy sinh cho Đấng Christ, 1:24-29
 5. Không phải triết học, nhưng là Đấng Christ, 2:1-10
 6. Không phải chủ nghĩa luật pháp, nhưng Đấng Christ, 2:11-23
 7. Không phải xác thịt, nhưng là Đấng Christ, 3:1-11
 8. Hãy mặc lấy Đấng Christ, 3:12-17
 9. Hãy để Đấng Christ ảnh hưởng đến gia đình của bạn, 3:19-4:1
 10. Hãy để Đấng Christ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của bạn, 4:2-6
- C. Sứ giả của Phao-lô, 4:7-9
- D. Các bạn của Phao-lô gửi lời chào thăm, 4:10-14
- E. Phao-lô gửi lời chào thăm, 4:15-17
- F. Chính tay Phao-lô kết thúc bức thư, 4:18

IX. CHỦ NGHĨA TRÍ HUỆ GIÁO

- A. Hầu hết kiến thức của chúng ta về dị giáo này đến từ các tác phẩm trí huệ của thế kỷ thứ hai. Tuy nhiên, những tư tưởng sơ khai của dị giáo này đã có mặt trong thế kỷ thứ nhất (Cuộn Biển Chết).
- B. Vấn đề tại Cô-lô-se là sự hỗn tạp của Cơ Đốc Giáo, giữa thuyết trí huệ giáo và chủ nghĩa luật pháp của Giu-đa Giáo.
- C. Một số giáo lý của thuyết trí huệ theo Valentinian và Cerinthian của thế kỷ thứ hai
1. Vật chất và thần linh là đồng vĩnh cửu (thuyết nhị nguyên). Vật chất là xấu xa, thần linh là tốt lành. Đức Chúa Trời là thần linh tốt, nên Ngài không thể liên quan trực tiếp đến việc tạo ra thế giới vật chất xấu xa này.
 2. Sự tự phiên bản (tạo ra các cấp bậc *thần linh- eons* hay thiên sứ) giữa Đức Chúa Trời và thế giới vật chất. Phiên bản cuối cùng hoặc thấp nhất của Đức Giê-hô-va trong Cự Uớc, là vị thần đã hình thành vũ trụ (*kosmos*).
 3. Chúa Giê-su là một phiên bản giống như Đức Giê-hô-va nhưng cao hơn, gần giống với Đức Chúa Trời hơn các phiên bản khác. Một số người cho rằng Chúa Giê-su là cao nhất trong cấp bậc thần linh nhưng vẫn kém cõi hơn Đức Chúa Trời và chắc chắn thần tánh không nhập thể trong thân vị con người, (Giăng 1:14). Bởi vật chất là xấu xa, nên Chúa Giê-su không thể mang thân xác con người và vẫn là thần thánh. Ngài hiện thân dường như là con người, nhưng thực chất Ngài là thần linh (I Giăng 1:1-3; 4:1-6).
 4. Sự cứu rỗi có được nhờ đức tin vào Chúa Giê-su cộng với kiến thức đặc biệt, mà chỉ những người đặc biệt mới có thể biết. Kiến thức (mật khẩu) là điều cần thiết để đi qua các tầng trên trời và đến với thế giới linh. Chủ nghĩa luật pháp của Giu-đa cũng yêu cầu một vài quy tắc để đến được Đức Chúa Trời.
- D. Các giáo sư giả của trí huệ giáo ủng hộ hai hệ thống đạo đức trái ngược nhau:
1. Đối với một số người, lối sống của họ hoàn toàn không liên quan đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và thuộc linh được đóng gói gọn trong kiến thức bí mật (mật khẩu) thông qua các cõi thần linh (*eons*).
 2. Đối với những người khác, lối sống hoàn toàn quan trọng đối với sự cứu rỗi. Trong sách này, các giáo sư giả nhấn mạnh lối sống khổ hạnh như một bằng chứng về thuộc linh thật (2:16-23).

- E. Sách tham khảo tốt là *Tôn giáo Trí Huệ Giáo- The Gnostic Religion* của Hans Jonas, được xuất bản bởi Beacon Press.

X. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “niềm hi vọng đã dành sẵn cho anh em ở trên trời”, 1:5
2. phúc âm, 1:5
3. “quyền lực của bóng tối”, 1:13
4. sự cứu chuộc, 1:14
5. “Đức Chúa Trời vô hình”, 1:15
6. “mọi sự viên mãn của mình ở trong Ngài”, 1:19
7. “hòa giải muôn vật với chính mình bởi huyết Ngài trên thập tự giá”, 1:20
8. “hoàn tất phần còn lại trong sự thương khó của Đấng Christ”, 1:24
9. “truyền thông của loài người”, 2:8
10. “các thần linh của thế gian”, 2:8,20
11. “được chôn với Ngài trong báp-tem”, 2:12
12. “anh em đã chết bởi tội lỗi”, 2:13
13. “đã hủy bỏ giấy nợ”, 2:14
14. “sự sống của mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời”, 3:3
15. người đã man, 3:3
16. “đọc thư của Hội Thánh Lao-đi-xê gửi đến nữa”, 4:16

XI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Ê-pháp-ra, 1:7; 4:12
2. “Đấng sinh ra trước tất cả mọi loài thọ tạo”, 1:15
3. “ngôi vua hay quyền thống trị, hoặc các lãnh tụ, hoặc giới cầm quyền”, 1:16
4. Đấng-sinh-trước nhất từ những người chết, 1:18
5. người Sy-the, 3:11
6. Ty-chi-cơ, 4:7
7. Ô-nê-xim, 4:9
8. Mác, 4:10
9. Lu-ca, 4:14
10. Đê-ma, 4:14

XII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. Cô-lô-se, 1:2
2. Lao-đi-xê, 2:1
3. Hi-ê-ra-pô-li, 4:13

XIII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao Phao-lô nói quá nhiều về kiên thức và sự khôn ngoan? (1:9)
2. Cảnh báo của 1:23 ngụ ý gì?
3. Sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời được giấu trải qua các thời đại là gì? (1:27)
4. Phao-lô đã không biết những người trong hội thánh này phải không? (2:1)
5. Làm thế nào họ có thể bị giam cầm thông qua triết học? (2:8)
6. 2: 9 nhấn mạnh giáo lý gì?
7. Giải thích bối cảnh lịch sử La Mã của 2:15.
8. 2:16-17 đề cập đến ai?
9. Làm thế nào 2:14-23 nhắm đến vấn đề chủ nghĩa luật pháp?
10. Tại sao tội lỗi trong 3:5 bằng với tội thờ hình tượng?

11. Cól.3:11 liên quan đến Gal.3:28 như thế nào?
12. 3:16 liên quan đến Êph.5:18 như thế nào?
13. Nguyên tắc thuộc linh của 3:23 là gì?
14. Giải thích bằng ngôn từ của bạn câu tục ngữ 4:6.
15. Tại sao Phao-lô viết lời kết cho tất cả các thư tín của ông? (4:18)

GIỚI THIỆU NHỮNG THƯ TÍN GỬI ĐẾN TÊ-SA-LÔ-NI-CA

I. LỜI MỞ ĐẦU

A. Tóm tắt ngắn gọn

1. Các thư tín gửi cho người Tê-sa-lô-ni cung cấp cái nhìn sâu sắc lớn lao về Phao-lô với tư cách là người truyền giáo và mục sư. Chúng ta thấy ông thành lập hội thánh trong một thời gian ngắn và tiếp tục cầu nguyện và quan tâm đến sự tăng trưởng, phát triển và chức vụ của nó.
2. Chúng ta thấy ông trung thành rao giảng Tin lành, quan tâm đến những người cải đạo, khiển trách họ, ca ngợi họ, hướng dẫn họ, khuyến khích họ, dạy dỗ họ, yêu thương họ, thậm chí phó cả chính ông cho họ. Ông đã vui mừng với sự tiến bộ của họ đến thời điểm đó, nhưng đã thất vọng với tốc độ trưởng thành của họ.
3. Trong các Thư Tín này, chúng ta gặp một người đầy tớ sốt sắng, yêu thương của Đấng Christ và một hội thánh mới nhỏ bé, sốt sắng, nhưng non trẻ đang lớn mạnh. Cả hai đều trung thành, cả hai đều được Chúa sử dụng và cả hai phục vụ lẫn nhau trong cách thức giống như Đấng Christ hiêm khi được tìm thấy giữa vòng những người tin Chúa.

B. Thành phố Tê-sa-lô-ni-ca

1. Tóm tắt lịch sử của Tê-sa-lô-ni-ca

- a. Tê-sa-lô-ni-ca nằm ở đầu Vịnh Nhiệt Đới. Tê-sa-lô-ni-ca là một thị trấn ven biển nằm trên đại lộ lớn của La Mã, Via Ignatia (con đường của các quốc gia), chạy về hướng đông từ Rô-ma. Là một cảng biển, nó cũng rất gần với đồng bằng ven biển giàu có, nước-tốt. Ba lợi thế khiến Tê-sa-lô-ni-ca trở thành trung tâm lớn nhất, quan trọng nhất về thương mại và chính trị rung tâm ở Ma-xê-đô-ni-a.
- b. Tê-sa-lô-ni-ca ban đầu có tên là Therma, bắt nguồn từ các suối nước nóng trong khu vực. Một sử gia đầu tiên, Pliny the Elder, cho rằng Therma và Tê-sa-lô-ni-ca có cùng một lúc với nhau. Nếu trường hợp này là sự thật, thì Tê-sa-lô-ni-ca chỉ đơn giản vây quanh Therma và sát nhập với nó (Leon Morris, *Các thư tín thứ nhất và thứ hai cho người Tê-sa-lô-ni-ca*, Grand Rapids: Wm. B. Công ty Xuất Bản Eerdmans, 1991, tr. 11). Tuy nhiên, hầu hết các sử gia tin rằng Cassander, một trong những tướng của Alexander Đại đế, đổi tên thành Therma thành Tê-sa-lô-ni-ca vào năm 315 TCN sau Philip con của người Macedonia và người chị cùng cha khác mẹ Alexander và vợ ông (Strabo VII Đoạn 21). Trong những thế kỷ đầu tiên việc lan rộng của Cơ Đốc Giáo, Tê-sa-lô-ni-a được đặt biệt danh là “thành phố chính thống”, vì tính cách Cơ Đốc Giáo của thành. (Dean Farrar, *Cuộc đời và Công Việc của Thánh Phao-lô*, New York: Cassell và Company, Limited, 1904, tr. 364). Ngày nay Tê-sa-lô-ni-ca được gọi là Salonika và nó vẫn là một thành phố quan trọng ở Hy Lạp.
- c. Tê-sa-lô-ni-ca là một đô thị quốc tế tương tự như Cô-rinh-tô, người từ khắp nơi trên thế giới đến ở
 - (1) Những người Đức man rợ ở phía bắc đang sống ở đó, mang theo tôn giáo ngoại giáo và văn hóa của họ
 - (2) Người Hy Lạp sống ở đó, đến từ Achaia ở phía nam và từ các đảo của Biển Aegean, lần lượt mang đến sự tinh tế và triết lý của họ.
 - (3) Người La Mã từ phía tây cũng định cư ở đó. Chủ yếu là những người lính về hưu và họ mang theo sức mạnh ý chí, sự giàu có và quyền lực chính trị.
 - (4) Cuối cùng, người Do Thái đến với số lượng lớn từ phía đông; cuối cùng một phần ba dân số là người Do Thái. Họ mang theo đức tin độc thần đạo đức và định kiến quốc gia.
- d. Tê-sa-lô-ni-ca, với dân số khoảng 200.000 người, thực sự là một thành phố quốc tế. Nó là khu nghỉ mát và trung tâm y tế vì suối nước nóng. Nó là trung tâm thương mại vì có cảng biển, đồng bằng màu mỡ và gần với Đại Lộ Ignatian.

- e. Là thủ đô và thành phố lớn nhất, Tê-sa-lô-ni-ca cũng là trụ sở chính trị trung tâm của Ma-xê-đô-ni-a. Là thủ phủ tỉnh của La Mã và là nhà của nhiều công dân La Mã (chủ yếu là những người lính nghỉ hưu), nó trở thành một thành phố tự do. Tê-sa-lô-ni-ca không phải đóng thuế và bị chi phối bởi Luật La Mã, vì hầu hết người Tê-sa-lô-ni là công dân La Mã. Do đó, những lãnh đạo Tê-sa-lô-ni-ca được gọi là “nhà chính trị”. Danh hiệu này không xuất hiện ở bất kỳ nơi nào khác trong văn học nhưng nó được bảo tồn bởi một dòng chữ trên vòm khải hoàn tại Tê-sa-lô-ni-ca được gọi là Công Vardar (Farrar, trang 371n.).
2. Những sự kiện dẫn Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca
- a. Nhiều sự kiện khiến Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng đằng sau tất cả mọi hoàn cảnh là sự kêu gọi trực tiếp và dứt khoát của Đức Chúa Trời. Ban đầu Phao-lô không có kế hoạch vào lục địa châu Âu. Nhưng mong muốn của ông trong hành trình truyền giáo thứ hai này là đi thăm lại các hội thánh ở Tiểu Á mà ông đã thành lập trên hành trình truyền giáo đầu tiên và sau đó quay về hướng đông. Tuy nhiên, ngay khi khoảnh khắc để quay về hướng đông bắc, Đức Chúa Trời bắt đầu đóng cửa. Đỉnh cao của sự kiện này là khải tượng về người Ma-xê-đô-ni-a của Phao-lô (Công vụ 16:6-10). Hai điều xảy ra trong sự kiện này: thứ nhất, lục địa châu Âu được truyền giáo và thứ hai bởi vì hoàn cảnh ở Ma-xê-đô-ni-a, Phao-lô bắt đầu viết các thư tín của ông (Thomas Carter, *Cuộc Đời và các Thư Tín của Phao-lô*, Nashville: Cokesbury Press, 1921, tr. 112).
- b. Sau những hướng dẫn thuộc linh thiên thượng, thì hoàn cảnh thực tế đã khiến Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca là:
- (1) Phao-lô đã đến Phi-líp, một thị trấn nhỏ không nhà hội. Công việc truyền giáo của ông bị cản trở bởi người chủ của đầy tớ gái bị quỷ ám nói tiên tri, quỷ dữ và các quan toàn trong thị trấn. Phao-lô bị đánh đập và làm nhục nhưng một hội thánh đã được thành lập ngay cả giữa tất cả những chuyện rắc rối này. Bởi vì sự chống đối gây gắt và đánh đập bạo lực, Phao-lô buộc phải rời đi khỏi thành phố sớm hơn ông mong muốn.
 - (2) Vậy ông sẽ đi đâu sau đó? Ông đi qua Am-phi-pô-lít và A-pô-lô-ni-a cũng không có nhà hội,
 - (3) Ông đến thành phố lớn nhất trong vùng, Tê-sa-lô-ni-ca, nơi có một nhà hội. Như thói quen, Phao-lô đến người Do Thái địa phương trước. Ông làm điều này vì:
 - (a) kiến thức về Cựu Ước của họ;
 - (b) về cơ hội dạy dỗ và rao giảng trong nhà hội đã có sẵn;
 - (c) về vị trí là những người được chọn của họ, những người giao ước của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 10:6; 15:24; Rô. 1:16-17; 9-11);
 - (d) Chúa Giê-su đã phó chính Ngài trước tiên là cho họ, sau đó đến thế giới, cũng vậy, Phao-lô làm theo tấm gương của Đấng Christ.
3. Cộng sự đồng hành cùng Phao-lô
- a. Si-la và Ti-mô-thê cùng đi với Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca. Luca đồng hành với Phao-lô "tại Phi-líp và ông ở lại đó. Chúng ta biết được điều này bởi các đoạn văn “chúng tôi” và “họ” trong Công Vụ 16 và 17. Luca sử dụng từ “chúng tôi” tại thành Philíp, nhưng từ “họ” khi nói về chuyến đi đến Tê-sa-lô-ni-ca.
- b. Si-la, hay Sin-vanh, là người mà Phao-lô chọn để đi cùng ông trong nhà truyền giáo thứ hai, sau khi Ba-na-ba và Giăng Mác trở về Đảo Síp:
- (1) Ông được nhắc đến lần đầu tiên trong Kinh Thánh trong Công vụ 15:22, nơi ông được gọi là hàng lãnh đạo trong vòng anh em của Giáo hội Giê-ru-sa-lem.
 - (2) Ông cũng là một nhà tiên tri (Công vụ 15:32).
 - (3) Ông có công dân La Mã như Phao-lô (Công vụ 16:37).
 - (4) Ông và Giu-đe Ba-sa-ba được Giáo hội Giê-ru-sa-lem gửi đến An-ti-ốt để kiểm tra tình hình (Công vụ 15:22,30-35).
 - (5) Phao-lô khen ông trong II Cô-rinh-tô.1:19 và đề cập đến ông trong một vài bức thư.
 - (6) Sau đó, ông được đồng nhất với Phi-e-rơ khi viết I Phi-e-rơ (xem I Pet. 5:12).
 - (7) Cả Phao-lô và Phi-e-rơ đều gọi ông là Sin-vanh trong khi Luca gọi ông là Si-la.
- c. Ti-mô-thê là bạn đồng hành và đồng-lao của Phao-lô:

- (1) Phao-lô đã gặp Ti-mô-thê tại Lít-tơ, ông cải đạo trong hành trình truyền giáo đầu tiên.
 - (2) Ti-mô-thê là một nửa Hy Lạp (cha) và một nửa Do Thái (mẹ). Phao-lô muốn sử dụng ông để làm công tác truyền giáo cho dân Ngoại.
 - (3) Phao-lô làm phép cắt bì cho Ti-mô-thê để ông có thể làm việc với người Do Thái.
 - (4) Ti-mô-thê được nhắc đến trong lời chào cuối thư: II Cô-rinh-tô, Cô-lô-se, I và II Tê-sa-lô-ni-ca và Phi-lê-môn.
 - (5) Phao-lô nói về Ti-mô-thê “con rất yêu dấu trong đức tin của ta” (I Ti-mô-thê 1:2; II Ti-mô-thê 1:2). Giọng điệu chung của Phao-lô xuyên suốt bức thư hàm chứa Ti-mô-thê vẫn còn trẻ và nhút nhát.
 - (6) Phao-lô rất tự tin và tin tưởng vào ông (Công vụ 19:27; I Cô-rinh-tô 4:17; Phi-líp 2:19).
- d. Phần này chỉ phù hợp cho những đồng hành với Phao-lô, những người được đề cập cho việc Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca và đồng hành với Phao-lô trong các nhiệm vụ sau này. Những cộng sự khác còn có là A-ri-tác (Công vụ 19:29; 20:4; 27:2) và Sê-cun-đu (Công vụ 20:4). Ngoài ra, Đê-ma có thể đến từ Tê-sa-lô-ni-ca (Phil. 24; II Ti-mô-thê 4:10).
4. Chức vụ của Phao-lô trong Thành Phố
- a. Chức vụ của Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca theo mô hình thông thường của ông là đi đến với người Do Thái trước và rồi đến với dân Ngoại. Ba ngày Sa-bát, Phao-lô đã giảng trong nhà. Sứ điệp của ông “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế”. Ông đã sử dụng Kinh thánh Cựu Ước để cho thấy Đấng Mê-si-a là một Mê-si-a chịu khổ (Sáng. 3:15; Ê-sai 53), và không phải là một Mê-si-a nhà chính trị tạm thời. Phao-lô cũng nhấn mạnh đến sự phục sinh và Ngài ban sự cứu rỗi cho tất cả mọi người.
 - b. Những người đã đáp ứng với sứ điệp này là người Do Thái, nhiều người Ngoại kính sợ Chúa và nhiều người phụ nữ quan trọng đã chấp nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa và Chúa. Một phân tích về các nhóm người cải đạo này là rất có ý nghĩa trong việc hiểu các thư tín sau này của Phao-lô gửi đến hội thánh.
 - c. Hầu hết các thành viên hội thánh là người Ngoại, được nhận biết bởi sự thiếu vắng những minh họa trong Cựu Ước trong hai thư tín. Dân Ngoại sẵn sàng chấp nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa vì nhiều lý do:
 - (1) Truyền thống tôn giáo mê tín bất lực của họ. Tê-sa-lô-ni-ca nằm dưới chân ngọn núi Olympus và tất cả đều biết chiều cao của nó trông rỗng.
 - (2) Phúc âm miễn phí cho tất cả mọi người.
 - (3) Cơ Đốc Giáo không chứa chủ nghĩa dân tộc Do Thái độc quyền. Tôn giáo Do Thái đã thu hút nhiều người vì chủ nghĩa độc thân và đạo đức cao của nó, nhưng nó cũng bị chống đối bởi các nghi lễ khó chịu của nó (chẳng hạn như phép cắt bì), và định kiến chủng tộc và quốc gia vốn có của nó.
 - d. Nhiều “phụ nữ hàng đầu” đã chấp nhận Cơ Đốc Giáo, vì những người phụ nữ này có khả năng đưa ra sự lựa chọn tôn giáo của riêng họ. Phụ nữ ở Ma-xê-đô-ni-a và Tiểu Á được tự do hơn nhưng nơi còn lại của thế giới Hy Lạp-La mã (Ông Wm. M. Ramsay, *St. Paul the Traveller and Roman Citizen*, New York: G. P. Putnam nam Sons, 1896, tr. 227). Tuy nhiên, tầng lớp phụ nữ nghèo hơn mặc dù tự do, nhưng vẫn bị ảnh hưởng bởi sự mê tín và đa thần giáo (Ramsay, tr. 229).
 - e. Nhiều người đã tìm ra vấn đề trong khoảng thời gian mà Phao-lô ở lại Tê-sa-lô-ni-ca:
 - (1) Công vụ 17:2 cho biết Phao-lô biện luận với họ tại nhà hội trong ba ngày Sa-bát khi ở Tê-sa-lô-ni-ca.
 - (2) I Tê-sa-lô-ni-ca. 2: 7-11 kể về việc Phao-lô phải làm việc kiếm sống. Có thể là làm nghề may trại hoặc nghề thuộc da như một số gợi ý.
 - (3) Phil. 4:16 cho bằng chứng thời gian sống của ông lâu hơn, Phao-lô nhận được ít nhất hai món quà tài chính của hội thánh Philíp trong khi ở Tê-sa-lô-ni-ca. Khoảng cách giữa hai thành phố là 100 dặm (160 km). Một vài tài liệu cho biết rằng Phao-lô ở lại khoảng hai hoặc ba tháng và ba ngày Sa-bát được đề cập đó chỉ là chức vụ cho người Do Thái mà thôi (Shepard, trang 165).

- (4) Các câu chuyện khác nhau về những người cải đạo trong Công vụ 17:4 và I Tê-sa-lô-ni-ca. 1:9 và 2:4 đã hỗ trợ quan điểm này, sự khác biệt chính giữa hai tường thuật là việc người Ngoại từ bỏ thờ lạy thần tượng. Người Ngoại trong Công vụ là những người Do Thái cải đạo và đã từ bỏ việc thờ lạy thần tượng. Bối cảnh hàm ý có thể chức vụ của Phao-lô giữa vòng người Ngoại lớn hơn người Do Thái.
 - (5) Chức vụ lớn hơn có thể xảy ra là điều không chắc vì Phao-lô luôn đến với người Do Thái trước. Sau khi họ từ chối sứ điệp của ông, thì ông đến với dân Ngoại. Và khi số lượng lớn dân Ngoại đáp ứng với phúc âm, người Do Thái đã ghen tị (đó là một trong những kỹ thuật truyền giáo của Phao-lô, xem Rô. 9-11) và bắt đầu một cuộc bạo loạn giữa những kẻ quấy phá trong thành phố.
- f. Vì một cuộc bạo loạn, Phao-lo đã rời khỏi nhà Gia-sôn và cùng Ti-mô-thê và Si-la trốn hoặc ít nhất là họ đã không có mặt khi đám đông xông vào nhà Gia-sôn để tìm họ. Sau đó nhà cầm quyền đã đòi Gia-sôn nộp tiền thuê chân cho việc bảo đảm an ninh khu vực. Điều này khiến Phao-lô rời khỏi thành phố trong đêm và đi đến Bê-rê. Tuy nhiên, hội thánh cứ tiếp tục làm chứng về Đấng Christ giữa nhiều sự chống đối.

II. TÁC GIẢ

- A. I Tê-sa-lô-ni-ca. Chỉ có các nhà phê bình theo hình thức hiện đại mới nghi ngờ nghiêm trọng về quyền tác giả của Phao-lô về thư tín I Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng kết luận của họ chưa thuyết phục được nhiều học giả. I Tê-sa-lô-ni-ca được bao gồm trong Marcion, kinh điển canon (140 SCN) và trong Muratorian Fragment (200 SCN). Cả hai đều là danh sách kinh điển của Tân Ước lưu hành tại Rô-ma. Irenaeus trích dẫn I Tê-sa-lô-ni-ca bằng tên của chính sách – ông viết khoảng năm 180 SCN.
- B. II Tê-sa-lô-ni-ca.
1. Sách II Tê-sa-lô-ni-ca không phải lúc nào cũng được chấp nhận là thư tín của Phao-lô và nó bị tấn công trên một vài căn cứ:
 - a. Các từ vựng được dùng trong một vấn đề. Bức thư chứa nhiều từ không tìm thấy trong thư tín khác của Phao-lô.
 - b. “Phong cách rập khuôn và đôi lúc trịnh trọng khác thường” (Heard, trang 186).
 - c. Thuyết mạc thể trong hai thư tín nên nhất quán với nhau.
 - d. II Tê-sa-lô-ni-ca chứa quan điểm về sự chống Đấng Christ duy nhất trong Tân Ước, do đó, một số kết luận rằng Phao-lô không thể là tác giả.
 2. Quyền tác giả của II Tê-sa-lô-ni-ca được dựa trên một số cơ sở:
 - a. Polycarp, Ignatius và Justin đã nhận ra nó;
 - b. Các kinh điển Marcionite có chứa nó;
 - c. Fragment Muratorian bao gồm nó;
 - d. Irenaeus trích dẫn nó bằng tên;
 - e. Từ vựng, phong cách và thần học cũng giống như thư tín của Phao-lô như I Tê-sa-lô-ni-ca
- C. So sánh hai thư tín
1. Hai thư tín rất giống nhau, không chỉ là trong ý tưởng, mà còn trong cụm từ thực tế. Nếu nguyên tắc ngôn ngữ của mở đầu và kết thúc thư được loại trừ, thì sự giống nhau vẫn xảy ra hơn khoảng 1/3 của tài liệu.
 2. Âm điệu chung của II Tê-sa-lô-ni-ca khác với thư tín thứ nhất, lạnh hơn và trịnh trọng hơn. Tuy nhiên, điều này có thể dễ dàng hiểu được, khi một người nhìn thấy những hoàn cảnh cảm xúc liên quan đến bức thư đầu tiên và các vấn đề được phát triển trong thư tín thứ hai.
- D. Thứ tự của các bức thư
1. Một giả thuyết thú vị được trình bày bởi F. W. Manson bằng cách sử dụng các ghi chú của Julian Weiss. Họ cho rằng thứ tự của các thư tín bị đảo ngược. Với những lý do sau:
 - a. những bất bố và khổ nạn đang ở đỉnh điểm trong II Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng đã qua trong I Tê-sa-lô-ni-ca.;

- b. những khó khăn nội bộ trong II Tê-sa-lô-ni-ca đề cập như một phát sinh mới mà tác giả của bức thư vừa được biết, trong khi ở I Tê-sa-lô-ni-ca tình huống khá quen thuộc với tất cả những người có liên quan;
 - c. tuyên bố rằng người Tê-sa-lô-ni-ca không cần phải được hướng dẫn về thì giờ và thời điểm (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:1) rất phù hợp nếu họ đã quen với II Tê-sa-lô-ni-ca. 2;
 - d. công thức “về . . .” trong I Tê. 4:9,13; 5:1, giống như trong I Côr. 7:1,25; 8:1; 12:1; 16:1,12, trong đó người viết đang trả lời những vấn đề được nêu trong một bức thư gửi cho ông trước đó. Manson nghĩ rằng các câu trả lời có thể liên quan đến một số câu hỏi phát sinh từ các câu nói trong II Tê-sa-lô-ni-ca.
2. Một số tiền đề có thể chống lại lập luận này:
- a. các vấn đề chiếm lĩnh sự chú ý của Phao-lô tăng dần lên và đào sâu hơn từ I Tê-sa-lô-ni-ca đến II Tê-sa-lô-ni-ca.
 - b. các đoạn trong II Tê-sa-lô-ni-ca đề cập đến một bức thư từ Phao-lô (2:2,15; 3:17) và nếu chúng ta giả sử rằng đó không phải là I Tê-sa-lô-ni-ca, thì chúng ta có vấn đề phát sinh ở đây là một lá thư bị thất lạc;
 - c. những kỷ niệm cá nhân được trình bày như một phần của bức thư đầu tiên thì bị thiếu vắng trong bức thứ hai, điều này có vẻ tự nhiên nếu bức thư thứ hai là phần tiếp theo của thư thứ nhất;
 - d. giọng điệu của các bức thư dường như hoàn toàn không tự nhiên đối với tình huống này nếu trật tự bị đảo ngược.

III. THỜI GIAN VIẾT THƯ TÍN

- A. Thời gian viết các thư tín Tê-sa-lô-ni-ca là một trong những thời gian chắc chắn nhất mà chúng ta có liên quan đến các thư tín của Phao-lô. Nó được ghi lại rằng trong “khi Phao-lô đang bị bắt ở Cô-rinh-tô và giải đi đến Ga-li-ôn, tổng đốc tỉnh A-chai. Một bản đá khắc được phát hiện tại Delphi trả lời câu hỏi có liên quan đến Hoàng Đế Cơ-lốt (Claudius) bởi cùng một Ga-li-ôn. Thời gian được xác định là vào năm thứ 12 khi ông nhận thẩm quyền làm Hoàng Đế và năm thứ 26 sau khi ông được tuyên thệ nhậm chức. Năm thứ mười hai này là từ ngày 25 tháng 1 năm 52 SCN đến ngày 24 tháng 1 năm 53 SCN. Trong khi sự tuyên dương vào năm thứ hai mươi sáu thì không xác định chính xác được, thời gian vào năm thứ 27 là trước ngày 1 tháng 8 năm 52 SCN. Quyết định của Cơ-lốt (Claudius) phong chức cho Ga-li-ôn trong nửa đầu của năm 52. Bấy giờ, tổng đốc một tỉnh thường được chính thức bổ nhiệm vào đầu mùa hè và giữ chức văn phòng trong một năm. Do đó, dường như Ga-li-ôn chính thức bước vào nhiệm kỳ nhà nước vào đầu mùa hè của năm 51” (Morris, trang 15).
- B. Thời gian trong nhiệm kỳ của tổng đốc không hoàn toàn giải quyết được tất cả các vấn đề của niên đại viết các thư tín Tê-sa-lô-ni-ca. Phao-lô ở tại Cô-rinh-tô 18 tháng (Công vụ 18:11) nhưng chính xác lúc nào ông trình diện trước khi Ga-li-ôn thì không biết rõ. Hầu hết các nhà chú giải kinh cho rằng thời gian viết I và II Tê-sa-lô-ni-ca là vào 50-51 SCN.
- C. Khả năng trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ôt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31

11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư

1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn	Ma-xê-đoan
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma

IV. NHỮNG SỰ KIỆN XUNG QUANH CÁC THƯ TÍN TÊ-SA-LÔ-NI-CA

- A. Các sự kiện dẫn đến việc Phao-lô viết các bức thư Tê-sa-lô-ni-ca rất phức tạp và đan xen. Một số điểm khác biệt cần lưu ý, đặc biệt là về ngữ cảnh thuộc thể và ngữ cảnh cảm xúc. Phao-lô buộc phải rời khỏi các tín hữu non trẻ tại hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca mới hình thành vì người Do Thái đã xúi giục những côn đồ thuộc những người mê tín dị đoan, đa thần của thành phố đến để gây bạo loạn tại nhà Gia-sôn để truy tìm Phao-lô và các bạn đồng hành với ông. Sau khi nghe phiên tòa phán xử bởi những nhà cầm quyền, Gia-sôn và các nhà lãnh đạo Cơ Đốc Giáo khác bị buộc phải đóng tiền phạt an ninh để đảm bảo hòa bình. Khi Phao-lô nghe về điều này, ông biết rằng mình phải tiếp tục và rời khỏi hội thánh non trẻ, chưa trưởng thành này. Do đó, ông đã đến Bê-rê cùng Ti-mô-thê và Si-la. Rõ ràng, lúc đầu Ti-mô-thê ở lại (Công vụ 17:10) sau đó sau đó gia nhập với Si-la để đến A-thên (Công vụ 17:15). Lúc đầu, sự tiếp nhận nhiệt thành của người Do Thái tại Bê-rê là một phước hạnh trực tiếp cho Phao-lô kể cả những lãnh đạo Do Thái. Tuy nhiên, điều này đã không kéo dài. Người Do Thái từ Tê-sa-lô-ni-ca kéo đến Bê-rê và bắt đầu gây rắc rối. Do đó, một lần nữa Phao-lô lại rời đi.
- B. Lần này Phao-lô đến A-thên, nơi ông nhận được sự chào đón lạnh lùng và không phản hồi. Anh trở thành một nhân vật mới lạ đối với các nhà triết học hàn lâm tại đó. Kinh nghiệm của ông ở Ma-xê-đô-ni-a có đặc trưng là sự bất bớ và chống đối. Ông bị đánh đập, lột trần truồng và bị đuổi ra khỏi thị trấn vào ban đêm. Các triết gia chế nhạo ông, và những người ngoại giáo và nhiều đồng hương ghét ông (II Cô-rinh-tô 4:7-11; 6:4-10; 11:23-29).
- C. Phao-lô bị buộc phải rời khỏi hội thánh đầy triển vọng này tại Tê-sa-lô-ni-ca vào thời điểm quan trọng. Họ chưa trưởng thành trong đức tin mà phải đối mặt với nhiều sự chống đối và bất bớ. Phao-lô không thể chịu nổi sự đau đớn trong tâm trí ông. Lo lắng về những người mới cải đạo còn non trẻ này, đầu đó giữa Bê-rê và A-thên, Phao-lô đã gửi Ti-mô-thê và Si-la trở lại các hội thánh mới thành lập tại Ma-xê-đô-ni-a. Ti-mô-thê đi đến Tê-sa-lô-ni-ca. Nhiều người cho rằng ông đã ở lại và làm chức vụ đó trong sáu tháng đến một năm. Hội thánh rất cần ai đó để dạy họ, an ủi họ và khuyến khích họ. Bản thân Ti-mô-thê là một người cải đạo còn mới mẻ. Ông đã được cải đạo trong hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô, nhưng ông chỉ ở với Phao-lô khi Phao-lô đến Lít-tơ trong hành trình truyền giáo thứ hai. Do đó, ông là người mới trong chức vụ nhưng Phao-lô đã rất tự tin vào ông. Đây là nhiệm vụ đầu tiên của Ti-mô-thê, với tư cách chính thức là đại diện của Phao-lô.
- D. Phao-lô làm chức vụ một mình ở A-thên và ông trở nên chán nản và ngã lòng vì việc không đáp ứng với phúc âm ở Ma-xê-đô-ni-a và mối quan tâm không ngừng của ông đối với các tín hữu non trẻ ở đó. Ông đặc biệt quan tâm đến hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca một cách cá nhân. Có thể nào một hội thánh được thành lập trong một thời gian ngắn và trong hoàn cảnh bất bớ khó khăn mà vẫn chịu đựng và đứng vững? (Carter, trang 115) Để thêm vào nỗi lo lắng này, ông đã không nhận được bất kỳ lá thư nào từ Ti-mô-thê và Si-la trong một thời gian (sáu tháng đến một năm, mặc dù một số người cho rằng có thể là chỉ một hoặc hai tháng) (Farrar, trang 369). Đây là trạng thái cảm xúc của Phao-lô mà chúng ta thấy được khi Phao-lô đến Cô-rinh-tô.
- E. Ở Cô-rinh-tô có hai điều xảy ra đã khích lệ Phao-lô rất nhiều.
1. Khải tượng mà Đức Chúa Trời khải tỏ là có nhiều người ở Cô-rinh-tô sẽ đáp ứng với phúc âm (Công vụ 18:9-10).
 2. Ti-mô-thê và Si-la đã đến và mang tin vui (Công vụ 18:5). Tin tức của Ti-mô-thê từ Tê-sa-lô-ni-ca khiến Phao-lô viết thư cho họ từ Cô-rinh-tô. Phao-lô đã trả lời các câu hỏi của hội thánh về các vấn đề giáo lý và đời sống thực tế.

- F. Thư tín II Tê-sa-lô-ni-ca được viết không lâu sau I Tê-sa-lô-ni-ca bởi vì thư thứ nhất không đạt được tất cả những gì Phao-lô hy vọng nó sẽ đạt được. Ngoài ra, ông nhận thức được các vấn đề khác của hội thánh. Nhiều học giả tin II Tê-sa-lô-ni-ca được viết khoảng sáu tháng sau khi I Tê-sa-lô-ni-ca.

V. MỤC ĐÍCH CỦA CÁC BỨC THƯ

- A. Các bức thư Tê-sa-lô-ni-ca có ba mục đích:
1. để chia sẻ niềm vui và sự tạ ơn của Phao-lô đối với Đức Chúa Trời vì sự trung tín và ngày càng trở nên giống Đấng Christ của người Tê-sa-lô-ni-ca ngay cả trong cơn bất bớ.
 2. để trả lời những lời chỉ trích về động cơ và tính cách của ông đã được dùng để chống lại ông.
 3. để thảo luận về sự trở lại của Chúa. Yếu tố mạc thế trong bài giảng của Phao-lô đã tạo ra hai những câu hỏi trong tâm trí của các tín hữu tại Tê-sa-lô-ni-ca:
 - a. Điều gì sẽ xảy ra với những tín hữu đã chết trước khi Chúa trở lại?
 - b. Điều gì sẽ xảy ra với các tín hữu trong hội thánh đã nghỉ việc và cứ ngồi chờ đợi sự trở lại của Chúa (Barclay, trang 21-22).
- B. Phần lớn những vấn đề nêu trên có thể giải thích rằng thực tế đây là một hội thánh rất non trẻ và đầy nhiệt thành. Tuy nhiên vì hoàn cảnh, họ không được đào tạo và kỷ luật cách trọn vẹn. Cho nên, những vấn đề này được mong đợi sẽ xảy ra trong hội thánh có tính chất này: những tín hữu mới, yếu đuối, nản lòng, lười biếng, có khả tượng và hoang mang.
- C. Nguyên nhân viết II Tê-sa-lô-ni-ca là, “nó chỉ đơn giản là một đơn thuốc thứ hai cho cùng một trường hợp, sau lần đầu tiên phát hiện và điều trị các triệu chứng cứng đầu bướng bỉnh mà không kết quả” (Walker, tr. 2968).

VI. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU TRÍCH DẪN THAM KHẢO

- Barclay, William. *The Letters and the Revelation. The New Testament. 2 vol.* New York: Collins, 1969.
- Carter, Thomas. *Life and Letters of Paul.* Nashville: Cokesbury Press, 1921.
- Farrar, Dean. *The Life and Work of St. Paul.* New York: Cassell and Company, Limited, 1904.
- Heard, Richard. *An Introduction to the New Testament.* New York: Harper and Row Publishers, 1950.
- Metzger, Bruce Manning. *The New Testament: Its Background, Growth and Content.* Nashville: Abingdon Press, 1965.
- Manson, T. W. *Studies in the Gospels and Epistles.* Philadelphia: Westminster, 1962.
- Morris, Leon. *The First and Second Epistles to the Thessalonians.* Grand Rapids: Eerdmans, 1991.
- Ramsay, W. M. *St. Paul the Traveller and Roman Citizen.* New York: G. P. Putnam's Sons, 1896.
- Shepard, J. W. *The Life and Letters of Paul.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1950.
- Walker, R. H. *The International Standard Bible Encyclopedia.* Vol. V. N. D.

VII. NỘI DUNG BỐ CỤC*

- A. Lời chào thăm, 1:1
- B. Cầu nguyện tạ ơn, 1:2-4
- C. Hối ức, 1:5-2:16
1. Phản ứng của người Tê-sa-lô-ni-ca với lời giảng ban đầu, 1:5-10
 2. Rao giảng Phúc Âm tại Tê-sa-lô-ni-ca, 2:1-16
 - a. Động cơ trong sạch của toàn đội truyền giáo, 2:1-6a
 - b. Đội truyền giáo từ chối sự trợ cấp từ hội thánh, 2:6b-9
 - c. Thái độ của đội không gì đáng trách, 2:10-12

- d. Thông điệp của nhóm về Lời của Đức Chúa Trời, 2:13
 - e. Sự bất bớ, 2:14-16
- D. Mối quan hệ của Phao-lô với người Tê-sa-lô-ni-ca, 2:17-3:13
- 1. Mong muốn trở lại của ông, 2:17,18
 - 2. Niềm vui của Phao-lô ở Tê-sa-lô-ni-ca, 2:19, 20
 - 3. Nhiệm vụ của Ti-mô-thê, 3:1-5
 - 4. Báo cáo của Ti-mô-thê, 3:6-8
 - 5. Sự hài lòng của Phao-lô, 3:9,10
 - 6. Lời cầu nguyện của Phao-lô, 3:11-13
- E. Lời khuyên dạy cho đời sống Cơ Đốc Nhân, 4:1-12
- 1. Chung, 4:1, 2
 - 2. Tinh khiết trong tình dục, 4:3-8
 - 3. Tình anh em, 4:9,10
 - 4. Chăm lo công việc kiếm sống, 4:11,12
- F. Các vấn đề liên quan đến Sự Trở Lại lần thứ Hai, 4:13-5:11
- 1. Những tín đồ đã chết trước Sự Tái Lâm, 4:13-18
 - 2. Thời kỳ Sự Tái Lâm, 5:1-3
 - 3. Con của ban ngày, 5:4-11
- G. Những lời khuyên bảo khen ngợi chung, 5:12-22
- H. Kết luận, 5:23-28

* SÁCH NÀY KHÔNG CÓ BỐ CỤC GỌN GÀNG NHƯ PHẦN GIÁO LÝ VÀ PHẦN THỰC HÀNH GIỐNG NHƯ CÁC THƯ TÍN KHÁC CỦA PHAO-LÔ. NẾU PHẦN CHUNG THEO SỰ THẢO LUẬN CỦA PHAO-LÔ VỀ SỰ TRỞ LẠI LẦN THỨ HAI TRONG 4:17-18 LÀ PHẦN THỰC HÀNH, THÌ NÓ KHÔNG PHẢI LÀ PHẦN GIÁO LÝ! SỰ TRỞ LẠI LẦN THỨ HAI KHÔNG PHẢI LÀ GIÁO LÝ CHỈ ĐỂ KHẲNG ĐỊNH, NHƯNG LÀ MỘT CUỘC ĐỜI ĐỂ SỐNG TRONG SỰ CHỜ ĐỢI BẤT KỲ LÚC NÀO NGÀI TRỞ LẠI.

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

- 1. “anh em đã theo gương của chúng tôi”, 1:6
- 2. “Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật”, 1:9
- 3. “con thịnh nộ sắp đến”, 1:10
- 4. “như người mẹ cho con bú”, 2:7
- 5. “thù nghịch với mọi người”, 2:15
- 6. “Satan đã ngăn trở chúng tôi”, 2:18
- 7. “bổ sung những gì còn khiếm khuyết trong đức tin anh em”, 3:10
- 8. thánh hóa, 4:3
- 9. ngủ, 4:13
- 10. “sẽ không đi trước những người đã ngủ”, 4:15
- 11. “tiếng kèn ca Đức Chúa Trời”, 4:16
- 12. “đám mây”, 4:17
- 13. “chúng ta sẽ với Chúa”, 4:17
- 14. ngủ, 5:6,7
- 15. tiết độ, 5:8
- 16. “mặc áo giáp bằng đức tin và tình yêu thương”, 5:8
- 17. “hi vọng về sự cứu rỗi làm mũ trận”, 5:8
- 18. cái hôn thánh, 5:26
- 19. kiên nhẫn, II Tê.1:4

20. hủy diệt đời đời, II Tê.1:9
21. sự bội đạo, II Tê.2:3
22. “Chúa sẽ giết chết nó bằng hơi thở của miệng Ngài,” II Tê.2:8

IX. ĐỊNH NGHĨA NGĂN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Sin-vanh, II Tê.1:1
2. thiên sứ trưởng, I Tê.4:16
3. “khi người ta nói...” I Tê.5:3
4. “con người gian ác” II Tê.2:3
5. “Đấng đang cầm giữ nó”, II Tê.2:7
6. “anh em nào sống bê tha”, II Tê.3:6

X. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Tê-sa-lô-ni-ca, 1:1
2. Ma-xê-đô-ni-a, 1:8
3. A-chai, 1:8
4. Phi-líp, 1:8
5. Giu-đê, 2:14
6. A-thên, 3:1

XI. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phao-lô miêu tả sự rao giảng của ông theo năm cách trong 2:3 và 5. Liệt kê chúng.
2. Tại sao Phao-lô không chấp nhận tiền từ các hội thánh mà ông đã giảng? (2:9)
3. 4:11 liên quan đến bối cảnh lịch sử như thế nào khiến Phao-lô viết bức thư này? (II Tê.3:6-12 cũng vậy)
4. 4:17 liên quan đến việc cất lên như thế nào?
5. 5:1 đề cập đến điều gì?
6. Tại sao Phao-lô mô tả tín hữu là một người lính? (5:8)
7. 5:12-13 liên quan đến những người làm chức vụ ngày nay như thế nào?
8. Liệt kê những điều mà các tín hữu được kêu gọi để làm trong 5:14-22.
9. Dựa trên 5:23 có phải con người có ba phần?
10. Chủ đề trọng tâm của II Tê.1? Nó khác với I Tê. 1 như thế nào?
11. II Tê.2:4 yêu cầu xây dựng lại Đền thờ Do Thái phải không?
12. II Tê.2:11 liên quan đến ý-chí-tự-do và trách nhiệm của con người như thế nào?
13. II Tê. 2:13-15 cân bằng giữa thuyết tiền định và ý-chí-tự-do như thế nào?

GIỚI THIỆU NHỮNG THƯ TÍN MỤC VỤ: 1 VÀ 2 TI-MÔ-THÊ VÀ TÍT

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Các vị trí địa lý được đề cập trong I Ti-mô-thê, Tít và II Ti-mô-thê không phù hợp với những niên đại trong Công Vụ Các Sứ Đồ hoặc các thư tín khác của Phao-lô.
1. ghé thăm Ê-phê-sô (xem I Ti-mô-thê 1:3)
 2. viếng thăm Trô-ách (xem II Ti-mô-thê 4:13)
 3. thăm Mi-lê (xem II Ti-mô-thê 4:20)
 4. sứ mạng tại đảo Cô-rét (xem Tít 1:5)
 5. sứ mạng đến Tây Ban Nha (từ Clement tại Rô-ma, 95 SCN và giới thiệu về Muratorian Canon, 180-200 SCN)
- Do đó, tôi nghĩ rằng Phao-lô được thả tự do khỏi tù (những năm đầu đến giữa thập niên 60, được ghi lại trong I Clement 5, viết về 95 SCN) và sau đó ông đi hành trình truyền giáo thứ tư, sau đó ông bị bắt lại và bị giết trước 68 SCN (Nê-rô tự sát).
- B. Mục đích của những bức thư này thường được cho là quản trị hành chính (tổ chức hội thánh). Tuy nhiên, trong *New International Biblical Commentary – Chú Giải Kinh Quốc tế Mới*, Tập. 13, trong I và II Ti-mô-thê và Tít, Gordon Fee thuyết phục tôi rằng nguyên nhân viết các bức thư này là do sự dạy dỗ sai trật nổi lên trong các hội thánh tại Ê-phê-sô (I Ti-mô-thê) và trên đảo Cô-rét (Tít).
- C. Trong một vài cách nào đó, thì các Thư Tín Mục Vụ thiết lập một mô hình quản trị hành chính tương tự như Essenes' *Manual of Discipline - Hướng Dẫn Kỷ Luật* của Phái Khắc Kỷ. Tất cả những hướng dẫn này đều cần thiết bởi các giáo lý và sự giảng dạy của các Sứ Đồ bị bóp méo bởi các giáo sư giả tràn vào hội thánh đầu tiên.
- D. Sự giống nhau về từ vựng giữa các Thư Tín Mục Vụ của Phao-lô và ngôn từ trong Lu-ca và Công Vụ Các Sứ Đồ nguyên nhân có thể là do Phao-lô đã sử dụng Lu-ca như một người ghi chép – thư ký riêng (C.F.C. Moule, *The Problem of the Pastoral Epistles: A Reappraisal- Vấn Đề Của Các Thư Tín Mục Vụ: Một Đánh Giá Lại*).S.G. Wilson thậm chí đã khẳng định trong *Luke and the Pastoral Epistles-Luca và Các Thư Tín Mục Vụ* rằng ba sách này có thể là sự cố gắng của Luca để mô tả phong trào Phúc âm ngoài Rô-ma như tập thứ ba của ông.
- E. Tại sao ba sách này gộp lại với nhau? Khả năng chúng đang giả quyết những vấn đề với thời gian / địa điểm / vấn đề riêng? Chỉ có I Ti-mô-thê và Tít có liên quan đến quản trị hội thánh. Chúng thực sự là như thế (1) từ vựng của chúng; (2) dường như có cùng một loại giáo sư giả trong hai sách này; và (3) thực tế chúng không phù hợp với niên đại của Công Vụ (nếu chúng được viết cùng với nhau).

II. TÁC GIẢ

- A. Chính bản thân các thư tín tự nhận quyền tác giả là của Sứ Đồ Phao-lô (I Tim.1:1; II Tim.1:1; và Tít 1:1) gửi cho hai môn đồ đại diện ông là, Ti-mô-thê và Tít.
- B. Vấn đề về quyền tác giả của các Thư Tín Mục vụ được bắt đầu tranh luận vào thế kỷ 19 và 20. Việc từ chối quyền tác giả của Phao-lô, thường dựa trên
1. một tổ chức hội thánh đã phát triển (tiêu chuẩn cho các nhà lãnh đạo)
 2. thuyết trí huệ giáo đã phát triển (tài liệu trong thế kỷ thứ hai)
 3. một nền thần học đã phát triển (tuyên bố về bài tín điều)
 4. sự đa dạng của từ vựng và văn phong (một phần ba số từ không được sử dụng trong các bài viết khác của Phao-lô)

- C. Những khác biệt này có thể được giải thích
1. chúng là những bài viết cuối cùng của Phao-lô, có thể ông đã nhờ Luca làm người ghi chép
 2. từ vựng và phong cách tùy thuộc vào hoàn cảnh
 3. ý tưởng của thuyết trí huệ giáo là sự phát triển của tư tưởng Do Thái ở thế kỷ thứ nhất (Cuốn *Biển Chết*)
 4. Phao-lô là một nhà thần học thông thái và là nhà văn sáng tạo xuất sắc với vốn từ vựng lớn
- D. Sự phát triển trong hiểu biết về tiền lịch sử
1. Phao-lô sử dụng một người ghi chép Cơ Đốc Nhân chuyên nghiệp (trong trường hợp này, có thể là Luca)
 2. Phao-lô sử dụng các đồng tác giả (một phần trong nhóm truyền giáo của ông, II Tim. 4:11)
 3. Phao-lô sử dụng các trích dẫn phụng vụ hoặc thánh ca (một bản tóm tắt hay được tìm thấy trong *Dictionary of Paul and His Letters- Từ điển và Thư Tín của Phao-lô*, được chỉnh sửa bởi Hawthorne và Martin, được xuất bản bởi IVP, p. 664).
Gợi ý rằng một vài phần của Thư Tín Mục vụ là trích dẫn từ các nguồn khác giúp giải thích số lượng của *hapax legomena* (những từ chỉ được sử dụng một lần trong Tân Ước), không phải là thành ngữ của Phao-lô và là thuật ngữ được Phao-lô sử dụng độc nhất.
 - a. doxology (I Tim. 1:17; 6:15-17)
 - b. danh sách các tội xấu (I Tim. 1:9-10)
 - c. hành vi đạo đức thích hợp cho các bà vợ (I Tim. 2:9-3:1a)
 - d. các tiêu chuẩn cho người làm chức vụ (I Tim. 3:1b-13)
 - e. lời xưng tội thánh ca (I Tim. 2:5-6; 3:16; II Tim. 1:9-10; Tít 3:3-7)
 4. Các bài thánh ca (I Tim. 6:11-12,15-16; II Tim. 2:11-13; Tít 2:11-14)
 - a. Cựu Ước *midrash* (I Tim. 1:9-10; 2:9-3:1a; 5:17-18; II Tim. 2:19-21; Tít 3:3-7)
 - b. công thức
 - (1) “đây là lời chắc chắn” (I Tim. 1:15; 2:9-3:1a; II Tim. 2:11-13; Tít 3:3-8)
 - (2) “biết rằng” (I Tim. 1:9-10; II Tim. 3:1-5)
 - (3) “những điều này” (I Tim. 4:6,11; II Tim. 2:14; Tít 1:15-16; 2:1)
 5. trích dẫn từ thơ Hy Lạp (Tít 1:12 [Epampleides và / hoặc Euripides])
- E. Thật đáng ngạc nhiên khi “chất-Phao-lô” thế kỷ thứ hai lại đề cập đến tên người cụ thể cách chi tiết (Hy-mê-nê, I Tim. 1:20; II Tim. 2:17; A-léc-xan-đê-ri-a, I Tim. 1:20; Xê-na, Tít 3:13) và các sự kiện (như Trô-phim bị bệnh tại Mi-lê, II Tim 4:20; hoặc vai trò của bà góa phụ, I Tim 5:9) không được đề cập ở nơi khác trong các tác phẩm của Phao-lô. Những điều này không phù hợp với giả định về sự giả bút danh.
Một bài viết hay về bút danh liên quan đến các thư tín Tân Ước, hãy xem *An Introduction to the New Testament - Giới thiệu về Tân Ước*, của Carson, Moo và Morris, trang 367-371.

III. THỜI GIAN

- A. Nếu đúng là Phao-lô được ra tù (sau khi kết thúc sách Công vụ, có thể là 59-61.SCN), vậy có bất kỳ quan điểm truyền thống nào về những hoạt động mới-ra-tù của ông (rao giảng ở Tây Ban Nha, xem Rôm. 15:24,28) không?
1. Các Thư Tín Mục vụ (II Tim. 4:10)
 2. I Clement 5
 - a. Phao-lô đã rao giảng ở phía đông và phía tây (Tây Ban Nha)
 - b. Phao-lô đã bị giết dưới quyền của “các quận trưởng” (Tigellinus và Sabinus, người hoạt động trong năm cuối triều đại Nê-rô, 68 SCN)
 3. giới thiệu về Fragment Muratorian (một danh sách về các sách kinh điển từ Rô-ma vào khoảng 180-200 SCN)
 4. *Historical Ecclesiastical History - Lịch sử Giáo hội* của Eusebius 2:22:1-8 nói rằng Phao-lô được thả ra tù lần từ La Mã Rô-ma

- B. Đường như I Ti-mô-thê và Tít được viết gần nhau trước khi Phao-lô bị bắt lần nữa. II Ti-mô-thê là tác phẩm cuối cùng và chào tạm biệt của Phao-lô khi ở trong tù.
- C. Có thể trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ốt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn)	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Danh hiệu, các Thư Tín Mục Vụ, xuất phát từ chú giải kinh của D. N. Berdot vào năm 1703 SCN. Danh hiệu hàm chỉ về đặc điểm và nội dung độc đáo của chúng. Tuy nhiên, Ti-mô-thê và Tít không phải là mục sư, mà là người đại diện cho sứ đồ.
- B. Những bức thư này được viết cho các hội thánh, nhưng dưới hình thức văn học là viết thư gửi cho người cộng sự của Phao-lô, Ti-mô-thê và Tít. Khi Phao-lô nói đến hội chúng giọng điệu của ông là khẳng định quyền lãnh đạo của ông trên hội thánh. Những gợi ý cho thấy lượng thánh giả rất rộng của Phao-lô
1. lời giới thiệu trang trọng đề cập chức vụ sứ đồ của ông
 2. từ “anh em” ở dạng số nhiều ở lời chào cuối của cả ba thư tín
 3. Phao-lô bảo vệ sự kêu gọi của ông (I Tim. 2:7)
 4. Phao-lô viết cho Ti-mô-thê về những gì Ti-mô-thê đã biết khi còn ở với Phao-lô (I Tim. 3:15)

V. NHÂN DỊP/ MỤC ĐÍCH VIẾT THƯ

- A. Mục đích chính là để chống lại sự xuất hiện của những dị giáo (I Tim. 1:3-7). Các dị giáo cụ thể là một trộn lẫn giữa Do Thái Giáo và khuynh hướng trí tuệ giáo (giống như các giáo sư giả tại Ê-phê-sô và Cô-lô-se). Có thể có hai nhóm riêng biệt.
- B. Cựu Ước đưa ra những hướng dẫn cụ thể cho việc tổ chức cộng đồng đức tin. Tân Ước không có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc tổ chức hay quản trị hội thánh. Thư Tín Mục vụ (I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít) gần giống như hướng dẫn của Tân Ước về vấn đề này.
- C. I Ti-mô-thê được viết:
1. để yêu cầu Ti-mô-thê ở lại tại Ê-phê-sô (I Tim. 1:3)
 2. để đối phó với các giáo sư giả (I Tim. 1:19-20; 4:1-5; 6:4-5,20-21)
 3. để giúp tổ chức đội ngũ lãnh đạo (I Tim. 3)

- D. Tít có một nhiệm vụ tương tự để đối phó với dị giáo và quản trị hội thánh trên đảo Cơ-rét (Tít 1: 5)
- E. II Ti-mô-thê cho thấy Phao-lô đang ở trong tù với rất ít hy vọng được thả ra (II Tim. 4:6-8,16-18)
- F. Có một cảm giác mạnh mẽ về việc “giảng dạy chân chính” (tức là giáo lý chân chính) vang lên qua các thư tín này (I Tim. 1:10; 4:6; 6:3; II Tim.1:13; 4:3; Tít 1:9; 2:1) “đức tin chân chính” (Tít 1:13; 2:2). Đức Chúa Trời đã ủy thác sự “giảng dạy chân chính” này cho Phao-lô (I Tim. 1:11); Phao-lô giao nó cho Ti-mô-thê (I Tim. 6:20) và Ti-mô-thê ủy thác nó cho những người đáng tin cậy (II Tim. 2:2).

VI. NHỮNG GIÁO SƯ GIẢ

- A. Thật khó để thảo luận về đề tài các giáo sư giả vì chúng ta thiếu thông tin cụ thể của thế kỷ thứ nhất. Phao-lô viết bức thư này cho những người biết rất rõ về những giáo sư giả đầu tiên. Do đó, ông không thảo luận cách đầy đủ về thần học của họ, nhưng thường lên án lối sống và động cơ của họ (cũng như Giu-đa).
- B. Vấn đề chính trong việc giải kinh có liên quan đến việc họ là
 1. người Do Thái
 2. người Hy Lạp
 3. sự kết hợp
- C. Các giáo sư giả dường như là một sự hỗn hợp của Do Thái Giáo và các yếu tố của Trí Huệ Giáo. Nhưng làm thế nào hai phong trào tôn giáo hoàn toàn khác nhau này lại hợp nhất với nhau?
 1. Giu-đa Giáo luôn kết hợp một số yếu tố của thuyết nhị nguyên (xem Cuộn Biển Chết)
 2. Thuyết Trí Huệ Giáo vào thế kỷ thứ hai đã phát triển những chủ đề về triết học/thần học cận-đông
 3. Giu-đa Giáo của người Do Thái tân cư thì đa dạng phong phú hơn nhiều so với sự tưởng tượng của các học giả hiện đại
 4. ở thế kỷ đầu tiên có tồn tại một dị giáo mang tên thuyết Do Thái-trí huệ trong sách Cô-lô-se
- D. Một số yếu tố của giáo viên giả
 1. khía cạnh Do Thái
 - a. các giáo sư giả
 - (1) các giáo sư Luật Pháp (I Tim. 1:7)
 - (2) người theo chủ trương cắt bì (Tít 1:10)
 - b. các giáo sư giả cảnh báo về những huyền thoại của người Do Thái (I Tim. 3:9; Tít 1:14)
 - c. giáo sư giả liên quan đến luật thức ăn (I Tim. 4:1-5)
 - d. giáo sư giả liên quan đến phả hệ (I Tim. 1:4; 4:7; II Tim. 4:4; Tít 1:14-15; 3:9)
 2. Các khía cạnh trí huệ giáo (Xem chủ đề đặc biệt tại Tít 1)
 - a. Phái khổ hạnh cấm và miễn trừ
 - (1) cấm kết hôn (I Tim. 2:15; 4:3)
 - (2) miễn trừ một số loại thực phẩm (I Tim. 4:4)
 - b. lợi dụng tình dục (I Tim. 4:3; II Ti-mô-thê 3:6-7; Tít 1:11,15)
 - c. nhấn mạnh vào kiến thức (I Tim. 4:1-3; 6:20)

VII. SỰ KINH ĐIỂN HÓA

- A. Các thư tín của Phao-lô đã được tập hợp lại thành một tập gọi là “Sứ Đồ” và sau đó được lưu hành giữa vòng số tất cả các hội thánh. Duy nhất bản thảo tiếng Hy Lạp về các thư tín của Phao-lô lại thiếu I và II Ti-mô-thê và Tít (II Tê-sa-lô-ni-ca và Phi-lê-môn cũng vậy) là một bản thảo giấy cói từ những năm 200, được gọi là P⁴⁶ (từ giấy cói Chester Beatty). Thậm chí điều này chỉ là giả định vì bản thảo bị

thiếu một số trang giấy coi. Tất cả các bản thảo tiếng Hy Lạp khác đều chứa những gì được gọi là “Các Thư Tín Mục Vụ.”

- B. Các nguồn cổ xưa trích dẫn, ám chỉ hoặc đề cập đến các Thư Tín Mục vụ
1. các nhà lãnh đạo hội thánh đầu tiên
 - a. Pseudo-Barnabas (70-130 SCN) trích dẫn II Ti-mô-thê và Tít
 - b. Clement of Rome (95-97 SCN) ám chỉ I Ti-mô-thê và II Ti-mô-thê và trích dẫn Tít 3:1
 - c. Polycarp (110-150 SCN) ám chỉ I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít
 - d. Hermas (115-140 SCN) trích dẫn I Ti-mô-thê và II Ti-mô-thê
 - e. Irenaeus (130-202 SCN) thường trích dẫn từ I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít
 - f. Diognetus (150 SCN) trích dẫn Tít
 - g. Tertullian (150-220 SCN) trích dẫn I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít
 - h. Origen (185-254 SCN) trích dẫn I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít
 2. danh sách các sách kinh điển bao gồm các Thư Tín Mục Vụ
 - a. Mảnh vỡ Muratorian (từ Rô-ma khoảng 200 SCN)
 - b. Barococcio (206 SCN)
 - c. Danh sách Sứ Đồ (300 SCN)
 - d. Danh sách Cheltenham (360 SCN)
 - e. Các bức thư Athanasius (367 SCN)
 3. các phiên bản đầu tiên có chứa các Thư Tín Mục vụ
 - a. tiếng Latin cổ (150-170 SCN)
 - b. Syriac cũ (200 SCN)
 - c. các hội đồng hội thánh đầu tiên khẳng định vai trò truyền cảm hứng của các Thư Tín Mục vụ
 - d. Nicea (325-340 SCN)
 - e. La mã (393 SCN)
 - f. Carthage (397 và 419 SCN)
- C. Một quá trình dẫn đến sự đồng thuận giữa các giáo hội Cơ Đốc của Đế chế La Mã đã phát triển kinh điển. Sự đồng thuận này chắc chắn bị ảnh hưởng bởi áp lực bên trong và bên ngoài xã hội. Những yêu cầu cơ bản để đưa vào bộ kinh điển là
1. mối quan hệ với một Sứ Đồ
 2. thông điệp phù hợp với các tác phẩm Sứ Đồ khác
 3. cuộc sống được thay đổi của những người đọc tác phẩm này
 4. sự đồng thuận ngày càng tăng trong danh sách các tác phẩm được chấp nhận giữa các hội thánh đầu tiên
- D. Kinh điển cần phải phát triển vì
1. Sự Trở Lại Lần Thứ Hai bị trì hoãn
 2. khoảng cách địa lý giữa các hội thánh và Sứ Đồ
 3. các Sứ Đồ qua đời
 4. sự bùng nổ của giáo sư giả thời kỳ đầu
 - a. Do Thái giáo
 - b. Triết học Hy Lạp
 - c. hỗn hợp các yếu tố Do Thái và Trí Huệ Giáo (Cô-lô-se)
 - d. các tôn giáo huyền nhiệm Hy Lạp-La Mã khác (ví dụ: Mithra)Điều này xảy ra khi phúc âm lan truyền đến các nền văn hóa khác nhau.
- E. Vấn đề kinh điển có liên quan đến lịch sử về quyền tác giả. Hội thánh đầu tiên chấp nhận các Thư Tín Mục Vụ là tác phẩm của Phao-lô. Những giả định của riêng tôi về kết luận của điển kinh canon là có sự tham gia của Đức Thánh Linh, không chỉ là Lời Kinh Thánh, mà còn trong việc thu thập và bảo tồn các tác phẩm. Các câu hỏi về quyền tác giả Phao-lô (mà tôi giả sử) không ảnh hưởng đến việc được linh cảm của sách và việc điển kinh hóa.

VIII. I TI-MÔ-THÊ - ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “con thật của ta trong đức tin”, 1:1
2. kẻ phạm thượng, 1:13
3. A-men, 1:17
4. Đấng Trung Gian, 2:5
5. giá chuộc, 2:6
6. “đưa tay thánh sạch lên”, 2:8
7. “không chỗ trách được”, 3:2
8. “ghiện nhiều rượu”, 3:8
9. “lễ mầu nhiệm của đức tin”, 3:9
10. “đạo lý của qui dũ”, 4:1
11. “luơng tâm đã li”, 4:2
12. “chuyện hoang ường phạm tục”, 4:7
13. “đặt tay trên con”, 4:14; 5:22
14. hội đồng trưởng lão, 4:14
15. “kính trọng những quả phụ thật sự góa bụa”, 5:3
16. “lời hứa nguyện ban đầu”, 5:12
17. “kính trọng nhiều hơn”, 5:17
18. sự thỏa lòng, 6:6
19. ánh sáng không ai có thể đến gần được, 6:16

IX. I TI-MÔ-THÊ - ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Cha, 1:2
2. “thầy dạy luật”, 1:7
3. “Vua muôn đời”, 1:17
4. Hy-mê-nê và A-léc-xan-đờ-ri-a, 1:20
5. giám mục, 3:2
6. chấp sự, 3:8
7. các phụ nữ, 3:11
8. trưởng lão, 5:17
9. Pôn-xơ Phi-lát, 3:16

X. I TI-MÔ-THÊ - ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ

1. Ma-xê-đô-ni-a, 1:3
2. Ê-phê-sô, 1:3

XI. I TI-MÔ-THÊ - CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Bằng ngôn từ của bạn, miêu tả các giáo sư giả được đề cập trong 1:3-4.
2. 1:9-11 có phản ánh Mười Điều Răn không? Nếu có, sự khác biệt là gì?
3. Tại sao Phao-lô coi ông là người đứng đầu trong tất cả những tội nhân? (1:15)
4. Sự kiện nào trong cuộc sống của Ti-mô-thê 1:18 hàm chỉ đến?
5. Phao-lô phó mặc ai đó cho Satan, có nghĩa gì? (1:20)
6. Tại sao 2:4 một câu quan trọng?
7. Giải thích 2:9 dưới ánh sáng của văn hóa thế kỷ thứ nhất.
8. Áp dụng 2:12 ngày nay như thế nào?
9. Giải thích 2:15 trong ngôn từ của bạn.
10. Liệt kê những tiêu chuẩn cho giám mục. (3:1-7)

11. Tại sao 3:16 được cho là một trích dẫn từ bài thánh ca ban đầu?
12. Tại sao các giáo sư giả cầm cưới gả? (4:3)
13. 4:4 liên quan đến Rô-ma 14 như thế nào?
14. Giải thích 4:10 trong ngôn từ của bạn.
15. 4:14 miêu tả sự kiện nào?
16. 5:19 phản chiếu Cựu Ước như thế nào?
17. Vấn đề văn hóa nào được đề cập đến 5:23?
18. Giải thích 6:10 trong ngôn từ của bạn.
19. Các danh hiệu cho Chúa Giê-su trong 6:15 xuất thân từ đâu?

XII. II TI-MÔ-THÊ - ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “nhen lại ân tứ của Đức Chúa Trời”, 1:6
2. “gìn giữ điều tốt đẹp đã được ủy thác cho con”, 1:17
3. chứng hư hoại lây lan, 2:17
4. “ân chứng”, 2:19
5. các bình, 2:20
6. Chủ, 2:21
7. “trong thuận cảnh hay nghịch cảnh”, 4:2
8. chuyện hoang đường, 4:4
9. “sách vở...giấy da”, 4:13
10. “hàm sư tử”, 4:17

XIII. II TI-MÔ-THÊ - ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. tổ phụ của ta, 1:3
2. Lô-ít, 1:5
3. Ô-nít, 1:5
4. Ô-nê-si-phô-rơ, 1:16
5. Hy-mê-nê, 2:17
6. Phi-lét, 2:17
7. Gian-nét và Giam-be, 3:8,9
8. nhà truyền giảng, 4:5
9. Đê-ma, 4:10
10. Lu-ca, 4:11
11. Mác, 4:11
12. Ty-chi-cơ, 4:12
13. A-léc-xan-đờ-ri-a, 4:14

XIV. II TI-MÔ-THÊ - ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. A-si-a, 1:15
2. Rô-ma, 1:17
3. Ê-phê-sô, 1:18; 4:12
4. An-ti-ốt, 3:11
5. I-cô-ni, 3:11
6. Tê-sa-lô-ni-a, 4:10
7. Ga-la-ti, 4:10
8. Đa-ma-ti, 4:10
9. Trô-ách, 4:13
10. Cô-rinh-tô, 4:20
11. Mi-lê, 4:20

XV. II TI-MÔ-THÊ - CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phao-lô bị cầm tù ở đâu?
2. Giải thích 1:12 trong ngôn từ của bạn.
3. 1:9 tương tự với Tít 3:5a như thế nào?
4. Ô-nê-si-phô-rô đã làm gì cho Phao-lô khi ông ở trong tù? (1:16-18)
5. II Ti-mô-thê 2: 2 là một câu rất quan trọng. Tại sao?
6. Tại sao 2:11 được cho là một trích dẫn từ một bài thánh ca đầu tiên?
7. 2:15 đề cập đến điều gì?
8. 2:25 có ngụ ý rằng Đức Chúa Trời ban cho sự ăn năn không? Nếu có, những áp dụng là gì?
9. Liệt kê những điều mà các tín hữu nên làm để giúp những “người dục vọng” (2:24-25)
10. 3:6-7 đang đối phó với ai và đối phó với điều gì?
11. Tại sao 3:16 quan trọng?
12. Tại sao Phao-lô không chữa lành Trô-phim?

GIỚI THIỆU TÍT

I. NGẮN GỌN VỀ BỐI CẢNH

- A. Thư Tít là một phần trong bộ sưu tập các “Thư Tín Mục Vụ” của Phao-lô. Vì I Ti-mô-thê, Tít và II Ti-mô-thê chứa đựng những lời khuyên răn của Phao-lô cho cộng sự của ông về (1) cách đối phó với các giáo sư giả, (2) cách thiết lập ban lãnh đạo trong các hội thánh địa phương và (3) làm thế nào để khuyến khích đời sống tin kính. Rõ ràng, thứ tự thời gian của các sách này là: I Ti-mô-thê và / hoặc Tít sau đó, II Ti-mô-thê. Tít đương đầu với các vấn đề tương tự như trong I Ti-mô-thê. Tít có thể đã được viết trước bởi vì phần giới thiệu của nó quá dài và liên quan đến thần học, giống như thư tín Rô-ma.
- B. Các cuộc di chuyển về địa lý của Phao-lô và các cộng sự của ông không phù hợp với sự di chuyển về địa lý của Phao-lô trong Công vụ. Do đó, nhiều người cho rằng đây là bằng chứng cho thấy Phao-lô đã được thả tự do khỏi nhà tù và thực hiện hành trình truyền giáo thứ tư.
- C. Thời gian của hành trình truyền giáo thứ tư này sẽ phải rơi vào khoảng giữa những năm đầu của thập niên 60 đến 68 SCN vì Phao-lô bị chặt đầu dưới thời Nê-rô và Nê-rô đã tự sát trong 68 SCN (nhiều người cho rằng ông tử vì đạo trong cuộc bắt bớ vào năm 65 SCN).

II. TÍT, NGƯỜI ĐÀN ÔNG

- A. Tít là một trong những cộng sự đáng tin cậy nhất của Phao-lô. Điều này được chứng minh bằng việc Phao-lô đã sai phái ông đến các điểm rắc rối của Cô-rinh-tô và Cờ-rét.
- B. Tít là một người Ngoại hoàn toàn (Ti-mô-thê chỉ là một nửa người Hy Lạp), được cải đạo theo lời rao giảng của Phao-lô. Phao-lô từ chối làm phép cắt bì cho ông (Ga-la-ti 2:3).
- C. Ông được nhắc đến thường xuyên trong các thư tín của Phao-lô (II Cô-rinh-tô 2:13; 7:6-15; 8:6-24; 12:18; Ga-la-ti 2:1-3; II Tim.4:10) và thật đáng ngạc nhiên khi Luca không đề cập đến Tít trong Công vụ. Một số chú giải kinh đưa ra giả thuyết rằng:
 - 1. ông có thể là họ hàng của Luca (có khả năng là anh em) và khi bài viết bao gồm tên của Tít sẽ bị xem là một hành động không phù hợp văn hóa về phần Luca
 - 2. Tít là nguồn thông tin chính của Luca về cuộc đời và chức vụ của Phao-lô, và, do đó, như giống như Luca, Tít sẽ không được đề cập tên.
- D. Ông đã cùng Phao-lô và Ba-na-ba đến Hội đồng Giê-ru-sa-lem quan trọng, được ghi lại trong Công vụ 15, nơi mà vấn đề sự liên quan giữa các tân tín hữu người Ngoại với Luật Môi-se đã được tranh luận và dàn xếp.
- E. Sách này tập trung vào lời khuyên hướng dẫn của Phao-lô cho Tít trong việc thi hành chức vụ trên đảo Cờ-rét. Tít đang đại diện chính thức / đại diện đóng vai Phao-lô thi hành chức vụ.
- F. Thông tin cuối cùng trong Tân Ước về Tít là ông được gửi đến Đa-ma-ti để làm mục vụ (II Tim. 4:10).

III. CÁC GIÁO SƯ GIẢ

- A. Rõ ràng là có một nhóm các giáo sư giả trên đảo Cờ-rét chống đối Phúc âm của Phao-lô.
 - 1. Giáo lý thần học của họ đã dẫn đến xung đột với lối sống tin kính được mong đợi trong đời sống Cơ Đốc mọi tín hữu.
 - 2. đề cập đến lối sống tin kính: 1:1,16; 2:7,14; 3:1,8,14
 - 3. tóm tắt về phẩm chất của nhân vật: 2:11-14; 3:4-7

- B. Rõ ràng có hương vị Do Thái Giáo trong sự dạy dỗ sai trật này (xem 1:10,14; 3:8-9). Những dị giáo này là một sự kết hợp giữa chủ nghĩa luật pháp của người Do Thái và những lối suy nghĩ tự biện luận của người Hy Lạp (thuyết trí huệ giáo, xem Chủ đề đặc biệt tại 1:1). Họ tương tự như các giáo sư giả được đề cập trong I Ti-mô-thê, Cô-lô-se và Ê-phê-sô. Các Thư Tín Mục vụ của Phao-lô trọng tâm là dị giáo, và không chỉ là cách điều hành hội thánh.

IV. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. lòng tin kính, 1:1
2. “trong niềm hi vọng về sự sống đời đời”, 1:2
3. “mà Đức Chúa Trời, Đấng không bao giờ nói dối”, 1:2
4. hiếu khách, 1:8
5. những chuyện hoang đường của người Do Thái, 1:14
6. giáo lý chân chính, 2:1
7. kiên nhẫn, 2:2
8. “trong đời này”, 2:12
9. “niềm hy vọng phước hạnh”, 2:13
10. chuộc, 2:14
11. “việc thanh tẩy của sự tái sinh”, 3:5

V. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. các trưởng lão, 1:5
2. giám mục, 1:7
3. “những người chủ trương cắt bì”, 1:10
4. “một nhà tiên tri của chính họ”, 1:12
5. “các người lãnh đạo và chính quyền”, 3:1
6. Ty-chi-cơ, 3:12
7. A-pô-lô, 3:13

VI. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Cơ-rét, 1:5
2. Ni-cô-pô-li, 3:12

VII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con Giê-su đều được gọi là “Chúa Cứu Thế” là rất quan trọng (mỗi lần 3 lần) ở trong sách Tít?
2. 1:16 liên quan đến giáo sư giả như thế nào?
3. 2:1-5 có đề cập đến các lãnh đạo hoặc thành viên hội thánh không?
4. Tại sao 2:11 là một câu quan trọng?
5. 2:13 có gọi Chúa Giê-su là Chúa không?
6. Tại sao 3:5a là một chủ đề cơ bản của Phao-lô?
7. 3:5b có dạy sự tái sinh qua phép báp-tem không?

GIỚI THIỆU PHI-LÊ-MÔN

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Sách này là một ví dụ về một lá thư cá nhân riêng, rất phổ biến trong thế giới Hy Lạp-La Mã ở thế kỷ thứ nhất. Có lẽ nó vừa vụn trong một tờ giấy coi (xem III Giảng). Người nhận chính được đề cập không rõ: (1) Phi-lê-môn; (2) Áp-bi và A-chíp (Cô-lô-se 4:17) hoặc (3) hoặc trong một nghĩa nào đó, gửi cho toàn bộ hội thánh.
- B. Thư này cung cấp một cửa sổ để bước vào
1. phương pháp chẵn bày của Sứ đồ Phao-lô
 2. các hội thánh tại gia trong thế kỷ thứ nhất (Rô-ma 16:5; I Côr. 10:19; Côl. 4:15)
- C. Cơ Đốc Giáo đã thay đổi hoàn toàn môi trường xã hội của thế giới Địa Trung Hải. Những rào cản xã hội đối với phúc âm đang sụp đổ (xem I Côr. 12:13; Gal. 3:28; Côl. 3:11).

II. TÁC GIẢ

- A. Bản chất cá nhân của bức thư thuyết phục hầu hết độc giả (một ngoại lệ, F. C. Baur) rằng tác giả là Phao-lô, Sứ Đồ.
- B. Phi-lê-môn và Cô-lô-se có liên quan chặt chẽ với nhau
1. Cùng nguồn gốc
 2. Chào thăm cùng một nhóm người
 3. Kết thư giống nhau
 4. Ty-chi-cơ là người đưa thư Cô-lô-se và đi cùng Ô-nê-sim (xem Côl. 4:7,9). Nếu Phi-lê-môn thuộc thư tín của Phao-lô thì Cô-lô-se cũng vậy (điều mà nhiều học giả hiện đại nghi ngờ).
- C. Nó được liệt kê trong số các thư tín của Phao-lô bởi cả dị giáo đầu tiên Marcion (người đã đến Rô-ma vào năm 140 SCN) và danh sách các sách kinh điển, Muratorian Fragment và danh sách các sách kinh điển, Mảnh Muratorian (được viết tại Rô-ma khoảng giữa những năm 180-200 SCN).

III. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Thời gian viết bức thư này được liên kết với một trong những lần bị tù của Phao-lô, (Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê, hoặc Rô-ma). Lần tù tại Rô-ma phù hợp với những sự kiện trong Công Vụ nhất.
- B. Một khi lần tù tại Rô-ma được giả định là nơi ông viết sách, thì câu hỏi đặt ra là thời điểm nào? Phao-lo vào tù vào đầu những năm 60 và sự kiện này được ghi lại trong Công Vụ. Tuy nhiên, ông được thả ra và viết các Thư Tín Mục Vụ (I & II Ti-mô-thê và Tít) và sau đó ông bị bắt lại và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SCN (Nê-rô tự vẫn). Dự đoán tốt nhất cho thời gian viết sách được nhiều người đồng tình các sách Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn là lần bị tù đầu tiên của Phao-lô tại Rô-ma, đầu thập niên 60. Sách Phi-líp có lẽ đã được viết vào giữa những năm 60.
- C. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã mang các thư tín Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn đến Tiểu Á. Sau đó (có thể vài năm sau) Ép-pa-phô-đích đã phục hồi sức khỏe sau cơn bệnh, ông cầm thư tín Phi-líp trở về hội thánh nhà của ông.
- D. Có thể trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris (với tiêu số người chấp nhận):

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ôt	14:28; 15:2

2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn)	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

IV. NGUYÊN NHÂN VIẾT THƯ TÍN (những người được đề cập trong Phi-lê-môn)

- A. Phi-lê-môn là một chủ nô lệ ở Cô-lô-se. Ông được cải đạo bởi Phao-lô, có lẽ trong khi Phao-lô đang làm chức vụ tại Ê-phê-sô.
- B. Ô-nê-sim là một tên nô lệ bỏ trốn. Ông cũng được cải đạo bởi Phao-lô, khi ở tù tại Rô-ma (61-63 SCN). Không chắc họ đã gặp nhau như thế nào. Có lẽ (1) cả hai đều bị cầm tù, (2) Ô-nê-sim bị cầm tù với Phao-lô vì vi phạm việc vật hoặc (3) Ô-nê-sim tìm Phao-lô để xin lời khuyên sau khi đòi ý về việc bỏ trốn của ông.
- C. Ê-pháp-ra là một tín hữu từ Tiểu Á và là người sáng lập các Hội Thánh tại Thung lũng Sông Lycus, (Cô-lô-se, Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-pô-li). Ông nói với Phao-lô khi Phao-lô ở trong tù về những dị giáo đang diễn ra tại Cô-lô-se và về lòng trung tín của Phi-lê-môn.
- D. Ty-chi-cơ là người đưa ba thư tín của Phao-lô đến khu vực này: Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn (Cô-l. 4:7-9; Êph 6:21-22). Ô-nê-sim cùng trở về với Ty-chi-cơ để đối mặt với chủ nhân của mình (xem câu 11). Phi-lê-môn là một trong hai bức thư cá nhân riêng được lưu giữ trong Tân Ước (III Giảng).
Khoảng 50 năm sau (110 SCN.) Ignatius, trên đường đến Rô-ma và bị tử vì đạo, đã viết một lá thư (“gửi cho người Ê-phê-sô” 1:3) gửi đến giám mục Ê-phê-sô tên là Ô-nê-xim! Có thể đây chính là người nô lệ cải đạo bỏ trốn này!

V. MỤC ĐÍCH CỦA THƯ TÍN

- A. Cho thấy Phao-lô đã sử dụng thẩm quyền sứ đồ và khích lệ người chăn bầy của ông như thế nào.
- B. Cho thấy Cơ Đốc Giáo khiến cho họ trở thành anh chị em từ vai trò nô lệ và chủ nô, giàu và nghèo! Sự thật này, theo thời gian, đã thay đổi hoàn toàn Đế chế La Mã.
- C. Cho thấy Phao-lô tin rằng ông sẽ được thả ra khỏi nhà tù Rô-ma và trở về khu vực Tiểu Á

VI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “hội thánh tại nhà anh”, c.2
2. người con của ta, Ô-nê-sim, c.10
3. không ích lợi... ích lợi, c.11
4. “anh nợ tôi về chính bản thân mình”, c.19

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Áp-bi, c.1
2. Ô-nê-sim, c.10
3. Ê-pháp-ra, c.23
4. Mác, c.24

VIII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ - KHÔNG

IX. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phao-lô khẳng định thẩm quyền sứ đồ của ông như thế nào trong 1:8?
2. Bức thư nhỏ này ảnh hưởng đến vấn đề nô lệ như thế nào?
3. Câu 18 có ngụ ý rằng Ô-nê-sim đã ăn cắp tài sản của chủ nhân phải không?
4. Câu 19 có ngụ ý rằng Phao-lô thường sử dụng thư ký ghi chép phải không?

GIỚI THIỆU HÊ-BƠ-RƠ

I. LỜI TUYÊN BỐ MỞ ĐẦU QUAN TRỌNG

Khi càng nghiên cứu sách này tôi càng nhận thấy rõ thần học của tôi được định hình bởi quan điểm thần học của Phao-lô. Rất khó cho tôi để cho phép đa số học giả Tân Ước khác trình bày những ý tưởng đầy cảm hứng của họ, bởi tôi sẽ trình bày sách này theo hướng của Phao-lô. Bằng chứng hiển nhiên trong sách Hê-bơ-rơ là sự nhấn mạnh việc tiếp tục đứng vững trong đức tin. Trong sách Hê-bơ-rơ đức tin không được đặt ở vị trí pháp lý (được xưng công chính bởi đức tin), nhưng một đời sống trung tín cho đến cuối cùng. (Hêb.11-12)

Tôi e rằng nhiều câu hỏi mà tôi thắc mắc trong sách Hê-bơ-rơ sẽ không là vấn đề của chính tác giả (cũng như Phi-e-rơ hay Gia-cơ). Sách Hê-bơ-rơ là một nguồn tài liệu đặc biệt, giống như tất cả các sách Tân Ước. Tôi phải để cho chính tác giả của sách lên tiếng ngay cả khi tác giả có thể khiến tôi cảm thấy khó chịu; hay thậm chí tác giả của sách không tôn trọng cách hiểu của tôi, hay ngay cả khi tác giả bắt bỏ tất cả những giải kinh theo ý riêng của tôi.

Tôi muốn ăn năn trong thì giờ này, vì những giáo điều thần học mà tôi đã sống trong sự căng thẳng với Tân Ước, tôi đã không hiểu hay thậm chí không thích. Tôi nhận ra rằng tôi đã nhìn Tân Ước qua màn lọc của mạng lưới những người cải đạo và truyền giáo hiện đại. Tôi muốn tái khẳng định những lời hứa trong Kinh Thánh, lời hứa về tình yêu của Đức Chúa Trời, sự chu cấp và năng quyền bảo vệ của Ngài; và giờ đây tôi được cáo trách bởi những lời cảnh báo năng quyền và bởi những tác giả Tân Ước. Tôi khao khát được nghe tác giả Hê-bơ-rơ, nhưng nó thật đau đớn! Tôi muốn trình bày sự giằng co mà tôi trải nghiệm ở trong sách này. Thực tế, tôi muốn quả quyết rằng sự cứu rỗi là miễn phí nhưng đời sống Cơ Đốc phải trả giá mọi thứ. Nhưng làm sao tôi có thể xác định đâu là ranh giới trong khi lý tưởng này không được đáp ứng? Mọi quan hệ đời đời với Đức Chúa Trời phải chẳng một sự đáp ứng đức tin tức thời ban đầu mà thôi hay là đời sống liên tục đáp ứng bằng đức tin trọn cả cuộc đời? Sách Hê-bơ-rơ trình bày cách rõ ràng đó là một đời sống đáp ứng bằng đức tin cách liên tục. Cuộc đời Cơ Đốc được nhìn nhận vào lúc cuối đời, không phải lúc khởi đầu!

Điều này không có nghĩa là sự cứu rỗi được vận hành theo việc làm nhưng việc làm sự xác chứng cho việc được cứu rỗi. Đức tin là bằng chứng, nó không phải là cơ chế (cơ chế cứu rỗi chính là ân điển). Cơ Đốc Nhân được cứu không phải bởi việc làm, nhưng được cứu để làm việc. Việc làm không phải là phương tiện của sự cứu rỗi, nhưng là kết quả của sự cứu rỗi. Một đời sống tin kính, trung thành, ngày càng giống Christ hơn không phải là việc chúng ta làm, nhưng là bản chất của chúng ta trong Ngài. Nếu không có sự thay đổi, và đời sống không được biến đổi bởi đức tin, thì không có bằng chứng gì cho sự cứu rỗi của chúng ta, không có sự bảo đảm cho tín hữu. Chỉ có Đức Chúa Trời mới biết được mọi tâm lòng và mọi hoàn cảnh. Sự bảo đảm có nghĩa là một đời sống đồng hành với đức tin, không phải là một sự khẳng định thần học ban đầu mà không có một đời sống biến đổi là bằng chứng kèm theo.

Lời cầu nguyện của tôi là chúng ta tôn trọng và để tác giả được thần cảm của Tân Ước này phát ngôn cách đồng dạt, không đánh đổi sự tôn trọng tác giả Hê-bơ-rơ chỉ để lấy những ghi chú thần học theo hệ thống, có thể là những ghi chú theo Calvinistic hay Arimian.

II. NHỮNG HIỂU BIẾT BAN ĐẦU

- A. Sách Hê-bơ-rơ sử dụng những bản văn Cựu Ước đã được giải nghĩa bởi những nhà ra-bi giải kinh để truyền đạt thông điệp của nó. Để hiểu được ý định ban đầu của tác giả nguyên thủy, sách này cần phải được giải nghĩa theo ánh sáng của Giu-đa Giáo ở thế kỷ đầu tiên, không đi theo ý tưởng hiện đại phương tây.
- B. Sách này mở đầu như một bài giảng (không có lời mở đầu hay lời chào thăm điển hình theo kiểu thư tín) và kết thúc sách lại như một bức thư (kiểu kết thúc điển hình của thư tín Phao-lô ở chương 13). Nó có thể là một bài giảng trong nhà hội được cải biến thành một thư tín. Tác giả gọi sách của mình là “lời khuyên bảo” trong Hêb.13:22. Cụm từ này cũng được sử dụng trong Công vụ.13:16 của một bài giảng.
- C. Đây là một chú giải kinh theo sự thông hiểu của Giao Ước Mới trên giao ước của Môi-se:

1. Quan điểm của tác giả về Cựu Ước
 2. Sự so sánh giữa giao ước cũ và mới
 3. Sách duy nhất gọi Chúa Giê-su là thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta
- D. Sách Hê-bơ-rơ rất nhiều lời cảnh báo chống lại sự thoái lui, (“lui đi” trong Hêb.10:38), hay quay trở lại với Giu-đa Giáo (vd. Đoạn 2,4,5,6,10,12; sách tham khảo *Không có sự cứu rỗi dễ dàng – No Easy Salvation, tác giả R.C. Glaze, Jr. được xuất bản tại Insight Press*)
- E. Dấu sách là một sự tổng quát hóa, nhưng thật hữu ích khi thấy Phao-lô nhấn mạnh vào sự cứu rỗi như công việc hoàn tất của Đức Chúa Trời tối cao (vd. việc xưng công bình bởi đức tin) khẳng định sự bảo đảm cho sự cứu rỗi như là lẽ thật ban đầu (vd. Rôma 4). Phi-e-rơ, Gia-cơ và thư tín 1Giăng, 2Giăng nhấn mạnh vào trách nhiệm tiếp diễn của Giao Ước Mới và khẳng định rằng sự bảo đảm cho sự cứu rỗi là đời sống hằng ngày của tín hữu, được xác nhận bởi đời sống đã thay đổi và đang biến đổi. Tác giả của Hê-bơ-rơ xoáy sâu vào đời sống trung tín (Hêb. Chương 11), khẳng định sự bảo đảm được nhìn nhận vào-cuối-đời. Những khuynh hướng suy nghĩ theo lối hiện đại phương tây đang mong muốn phân loại những quan điểm này, trong khi tác giả Tân Ước, chính là tác giả thiên thượng (tức là Đức Thánh Linh), muốn giữ những quan điểm này trong sự căng thẳng và khẳng định lẫn nhau, cần có cả ba (sự cứu rỗi hoàn tất bởi Đức Chúa Trời, đức tin đáp ứng và một đời sống được biến đổi). Sự bảo đảm không bao giờ là mục tiêu của cuộc sống, nhưng một đức tin năng động là sản phẩm phụ trong những lời hứa của Đức Chúa.

III. TÁC GIẢ

- A. Dấu quyền tác giả của sách Hê-bơ-rơ vẫn còn bị tranh cãi, nhiều tác phẩm của Trí Huệ Giáo đầu tiên (như *Gospel of Truth, Gospel of Philip and The Apocrypha of John - Phúc Âm của Sự Thật, Phúc Âm của Philip và Ngụ Kinh của Giăng*) trích dẫn Hê-bơ-rơ nhiều lần, cho thấy Hê-bơ-rơ được coi là một phần của các tác phẩm tác giả Cơ Đốc Giáo ở thế kỷ thứ hai (xem tác phẩm của Andrea Helmbold *The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible bản văn của Trí Huệ Giáo Nag Hammadi và Kinh Thánh*. trang 91)
- B. Hội Thánh Phương Tây (Alexandria, Ai-cập) chấp nhận quyền tác giả của Phao-lô khi thấy trong *bản thảo giấy cói đầu tiên P⁴⁶* có liệt kê Hê-bơ-rơ trong danh sách các tác phẩm của Phao-lô. Bản thảo này được gọi là Chester Beatty Papyri (cuộn giấy cói chép tay xưa nhất) và được sao chép cho đến cuối thế kỷ thứ hai. Bản thảo này đặt sách Hê-bơ-rơ liền kề sau sách Rô-ma. Một vài nhà lãnh đạo Alexandria nhận ra những vấn đề văn học liên quan đến quyền tác giả của Phao-lô.
1. Clement of Alexandria (150 – 215 SCN, được trích bởi Eusebius) cho rằng Phao-lô viết sách này trong tiếng Hê-bơ-rơ và Lu-ca đã dịch nó sang tiếng Hy-lạp.
 2. Origen (185 – 253 SCN) khẳng định rằng ý tưởng của sách Hê-bơ-rơ là của Phao-lô nhưng nó được viết bởi những môn đồ sau này, như ông Lu-ca hay ông Clement ở Rô-ma.
- C. Sách này bị loại bỏ khỏi danh sách các thư tín của Phao-lô, được Giáo Hội Phương Tây chấp nhận và gọi là Muratorian Fragment (Mảnh Murato) (danh sách các sách điển kinh Tân Ước ra đời tại Rô-ma, 180 – 200 SCN)
- D. Những điều chúng ta biết về tác giả:
1. Ông là thế hệ thứ hai của Cơ Đốc Nhân người Do Thái (Hêb.2:3)
 2. Ông trích từ bản Cựu Ước được dịch sang tiếng Hy Lạp, bản 70 – Septuagint.
 3. Ông dùng những thủ tục nghi thức đền tạm xưa không phải là những nghi thức đền thờ hiện tại.
 4. Ông sử dụng ngữ pháp và cấu trúc câu theo tiếng Hy Lạp cổ điển (sách này không mang tính chất Plato, không mang tính chất Phi-lo. Nó thuần chủng mang tính chất Cựu Ước.)
- E. Tác giả sách này ẩn danh, nhưng tác giả là người nổi tiếng được biết đến giữa vòng người đọc đầu tiên (Hêb.6:9-10; 10:34; 13:7,9)
- F. Tại sao có những nghi ngờ quyền tác giả của Phao-lô

1. Phong cách viết thư hoàn toàn khác so với những tác phẩm khác của Phao-lô (trừ chương 13).
2. Từ vựng khác.
3. Có những khác biệt tinh tế trong cách sử dụng và nhấn mạnh từ và cụm từ.
4. Khi Phao-lô gọi những người bạn và những “anh chị em” cùng làm việc thì ông gọi tên họ trước, (Rôm.16:23; 1Côr.1:1, 16:12; 2Côr.1:1; 2:13; Philíp.2:25) nhưng trong Hê-bơ-rơ thì “người anh em Ti-mô-thê.”

G. Những Lý Thuyết Về Quyền Tác Giả

1. Clement of Alexandria, trong sách *Hypotyposes* của ông (được trích bởi Eusebius) tin rằng Lu-ca đã dịch bản nguyên gốc thư tín này của Phao-lô sang tiếng Hy Lạp (Lu-ca sử dụng tiếng Hy Lạp Phổ Thông cách xuất sắc)
2. Origen cho rằng có thể là Lu-ca hay ông Clement ở Rôma viết sách này nhưng theo sự dạy dỗ của Phao-lô.
3. Jerome và Augustine chấp nhận quyền tác giả của Phao-lô chỉ để tạo điều kiện cho sách được chấp nhận trong Đền Kinh (Canon) bởi Giáo Hội Phương Tây.
4. Tertullian (*De Pudic*, 20) tin rằng Banaba (một người Lê-vi cùng làm việc với Phao-lô) đã viết sách này.
5. Martin Luther cho rằng A-pô-lô, người đã được tri thức bởi A-léc-xan-đơ đồng công với Phao-lô (Công vụ.18:24) viết sách này.
6. Calvin cho rằng Clement ở Rô-ma (người đầu tiên trích nó vào năm 96 SCN) hay Lu-ca là tác giả của sách.
7. Adolph von Harnack cho rằng A-qui-la và Bê-rít-sin (họ đã từng dạy Phao-lô phúc âm trọn vẹn và cùng làm việc với Phao-lô và Ti-mô-thê; Công vụ.18:26) đã viết sách.
8. Ông William Ramsey cho rằng Phi-líp (nhà truyền đạo) viết sách này dưới sự dạy dỗ của Phao-lô trong khi Phao-lô bị tù ở Sê-sa-rê.
9. Những người khác khẳng định rằng Phi-líp hay Si-la (Sin-vanh)

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Tiêu đề “gửi cho người Hê-bơ-rơ” đã chỉ đích danh người Hê-bơ-rơ, nên sách này được viết cho tất cả những người Do Thái (theo. Clement của Alexandria, được trích bởi Eusebius, *Eccl.Hist.* VI,14)
- B. Nội chứng (những chứng cứ bên trong thư tín) theo R. C. Glaze, Jr.'s *No Easy Salvation - Không có Sự Cứu Rỗi Dễ Dàng*, khẳng định rằng một nhóm tín hữu người Do Thái cụ thể hay tại một nhà hội được xác định (Hêb. 6:10; 10:32-34; 12:4; 13:7,19,23).
 1. Họ dường như là những tín hữu Do Thái bởi phần lớn sách được trích trong Cựu Ước và những vấn đề quan trọng trong Cựu Ước (Hêb. 3:1; 4:14-16; 6:9; 10:34; 13:1-25).
 2. Họ đang ở trong cơn bất bớ (Hêb.10:32; 12:4). Trong thế kỷ đầu tiên, Giu-đa Giáo được công nhận là một tôn giáo hợp pháp bởi chính quyền La-mã trong khi đó Cơ Đốc Giáo bị cho là tôn giáo bất hợp pháp khi nó tách rời ra khỏi sự thờ phượng trong nhà hội.
 3. Họ đã là tín hữu Cơ Đốc trong một thời gian dài, nhưng vẫn chưa trưởng thành (Hêb.5:11-14). Họ sợ phải hoàn toàn đoạn tuyệt với Giu-đa Giáo (6:1-2)
- C. Bản văn không rõ ràng của Hê-bơ-rơ 13:24 có thể hàm ý rằng sách được viết (1) từ Y-ta-li hay (2) từ Rô-ma gửi đến Y-ta-li (Ý).
- D. Địa điểm của người nhận thư được liên kết với những lý thuyết về quyền tác giả.
 1. Tại Alexandria – tác giả A-pô-lô
 2. Tại An-ti-ốt – tác giả Ba-na-ba
 3. Tại Sê-sa-rê – tác giả Luca
 4. Tại Rô-ma – tác giả Clement ở Rô-ma và sự đề cập về nước Y-ta-li trong sách Hêb.13:24
 5. Tại Tây Ban Nha – lý thuyết này của Ni-cô-la thành Ly-ra (1270 – 1340 SCN)

V. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Trước sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem dưới tay Titus, Đại Tướng La-Mã (sau này ông trở thành Hoàng Đế La-Mã) vào năm 70 SCN.
1. tác giả đề cập tên người bạn đồng hành của Phao-lô là Ti-mô-thê (Hêb.13:23)
 2. tác giả đề cập đến việc dâng sinh tế vẫn còn tiếp diễn trong đền thờ (Hêb.8:13; 10:1-2)
 3. tác giả đề cập đến cơn bất bớ có thể phù hợp với thời của hoàng đế Nê-rô (54-68 SCN)
 4. tác giả khích lệ người đọc không quay trở lại Giu-đa Giáo và những nghi thức của nó.
- B. Sau năm 70 SCN
1. tác giả sử dụng những nghi lễ của đền tạm, không phải đền thờ do Hê-rốt xây.
 2. tác giả đề cập sự bất bớ.
 - a. có khả năng dưới thời Nê-rô (Hêb.10:32-34)
 - b. có khả năng sách được viết sau này dưới thời Đô-mi-tian (Hêb.12:4-13)
 3. sách có lẽ liên quan đến thời kỳ hưng thịnh của Giu-đa Giáo (những tác phẩm của Jamnia) cuối thế kỷ thứ nhất.
- C. Trước năm 95 SCN vì sách được trích bởi ông Clement ở Rô-ma.

VI. MỤC ĐÍCH SÁCH

- A. Cơ Đốc Nhân Do Thái được khích lệ để rời khỏi nhà hội và công khai nhìn nhận mình (hoàn toàn) với hội thánh (Hêb.13:13)
- B. Cơ Đốc Nhân Do Thái được khích lệ nhận nhiệm vụ giáo sĩ truyền giáo phúc âm (Mat.28:19-20; Luca 24:47; Công vụ.1:8)
- C. Những người không tin Do Thái trong mối quan hệ với những tín hữu Do Thái tập trung ở chương 6 và 10. Chú ý sự hiện diện của ba nhóm người “chúng ta”, “anh em” và “họ”. Họ được cảnh báo để sống đời sống cá nhân bày tỏ lối sống Cơ Đốc cách rõ ràng với bạn bè và những người cùng thờ phượng.
- D. Điều này hỗ trợ cho sự tái thiết lịch sử được trích từ sách *Không Có Sự Cứu Rỗi Dễ Dàng (No Easy Salvation)* tác giả R.C. Glaze, Jr.
- “Vấn đề không phải là sự căng thẳng giữa đa số Cơ Đốc Nhân và thiểu số người không phải là Cơ Đốc Nhân. Nhưng hoàn toàn ngược lại. Cơ Đốc Nhân Do Thái trong hội chúng này rất dễ thỏa hiệp đức tin, như để thuận tiện cho việc quản lý nhà hội họ đã cho phép 2 nhóm người Cơ Đốc Nhân và Giu-đa Giáo thờ phượng chung với nhau như một hội thánh. Cả hai nhóm này đều không lo lắng quan tâm về lương tâm của nhóm kia. Và việc giảng luận của nhóm Cơ Đốc Nhân đã không đem lại kết quả cáo tránh và quyết định bước đến đức tin của người chưa tin trong nhà hội. Cơ Đốc Nhân đã ở trong tình trạng trì trệ mù mẫn bởi vì họ không sẵn sàng chấp nhận những tiêu chuẩn của một đời sống Cơ Đốc đúng cảm. Người chưa tin đã trở nên cứng lòng hơn bởi sự khước từ liên tục đến mức họ hoàn toàn lãnh đạm với phúc âm. Hai nhóm người này bây giờ đã trở nên những người bạn ngủ cùng giường rất hợp nhau.
- Sự chần chừ của Cơ Đốc Nhân để ‘tấn tới sự trọn lành’ (6:1) bị ảnh hưởng bởi 2 hiện tượng: một là việc quá quan tâm đến những truyền thống Giu-đa Giáo và hai là việc không sẵn lòng trả giá cho sự công nhận mình là Cơ Đốc Nhân nơi công chúng, điều này càng trở nên giống như phong trào của người ngoại” (trang.23)

VII. BỔ CỤC NGẮN GỌN CỦA HÊ-BƠ-RÔ

Hêb. 1: 1-3	Sự ưu việt của Con trời hơn các tiên tri
Hêb. 1:4 – 2:18	Sự ưu việt của Con trời hơn các thiên sứ
Hêb. 3:1 – 4:13	Sự ưu việt của Con trời hơn Giao Ước Môi-se
Hêb. 4:14-5:10; 6:13-7:28	Sự ưu việt của Con trời hơn chức tế lễ A-rôn

Hêb. 5:11 – 6:12
Hêb. 8:1 – 10:18
Hêb. 10:19 – 13:25

Tín hữu Do Thái cao trọng hơn người không tin
Sự ưu việt của Con trời hơn những nghi thức của Giao Ước Môi-se
Sự ưu việt của Con biện hộ cho tín hữu và được bày tỏ trong tín hữu

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “trong những ngày cuối cùng”, 1:2
2. “ánh sáng rực rỡ của vinh quang Ngài”, 1:3
3. “hình ảnh trung thực của bản thể Ngài”, 1:3
4. Đấng Tôn Nghiêm, 1:3
5. “kéo bị trôi lạc chăng”, 2:1
6. “lời thiên sứ rao truyền”, 2:2
7. “Ngài đã ném sự chết vì mọi người”, 2:9
8. “Đấng toàn hảo làm cội nguồn ơn cứu rỗi”, 2:10
9. “thầy tế lễ thượng phẩm”, 2:17; 4:15
10. đền tội, 2:17
11. Sứ Đồ, 3:1
12. Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, 3:1
13. xung tội, 3:1; 4:14
14. ngày nay, 3:13
15. “ngày thứ bảy”, 4:4
16. “ngày nghỉ Sa-bát”, 4:9
17. “vượt qua các tầng trời”, 4:14
18. “song chăng phạm tội”, 4:15
19. “hãy đến gần”, 4:16
20. “điều sơ học”, 5:12
21. các phép thanh tẩy, 6:2
22. “lời hứa”, 6:15
23. “bức màn”, 6:19
24. “Đức Chúa Giê-su đã trở thành Đấng bảo đảm cho một giao ước tốt hơn”, 7:22
25. cầu thay, 7:25
26. đền tạm, 8:2
27. “mô phỏng và là cái bóng của những thực thể trên trời”, 8:5
28. “giao ước mới”, 8:8,13
29. “Nơi Chí Thánh”, 9:3
30. cây gậy của A-rôn, 9:4
31. ngôi thương xót, 9:5
32. “nhiều người chứng kiến vây quanh như đám mây rất lớn”, 12:1
33. “rễ đắng”, 12:15
34. “Giê-ru-sa-lem trên trời”, 12:22

IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “Con-đâu-lòng”, 1:6
2. “kẻ cầm quyền sự chết”, 2:14
3. “kẻ nghe tiếng Ngài”, 3:16
4. Mê-n-chi-xê-đéc, 5:6
5. Có ba nhóm người được đề cập trong 5:11-6:8: “anh em”, “những người”, và “chúng tôi”. Mỗi nhóm hàm chỉ đến ai?
6. chê-ru-bim, 9:5
7. Hê-nóc, 11:5
8. Ra-háp, 11:31
9. “Đấng Chấn Chiên Lớn”, 13:20

10. Ti-mô-thê, 13:23

X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Sa-lem, 7:1
2. Giê-ri-cô, 11:30
3. Núi Si-ôn, 12:22
4. I-ta-li-a (Ý), 13:24

XI. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Liệt kê các khía cạnh của “Con” được đề cập trong 1:2-4
2. Tại sao các thiên sứ được nhắc đến rất nhiều trong các chương đầu của H?
3. Thiên thần liên quan đến tín đồ như thế nào? (1:14)
4. Làm thế nào Chúa Giê-su đã bị đặt thấp hơn các thiên sứ một chút? (2:9)
5. Lễ thật vĩ đại của 2:18; 4:15 là gì?
6. Môi-se và Chúa Giê-su được so sánh như thế nào trong 3:1-6?
7. 3:7 ngụ ý gì về Đức Thánh Linh?
8. 3:12 nói về điều gì?
9. 3:11 “chúng sẽ chẳng bước vào sự an nghỉ của Ta” có nghĩa là gì?
10. 3:14 nói gì về sự bảo đảm của Cơ Đốc Nhân?
11. Giải thích 4:12 trong ngôn từ của bạn.
12. Tại sao trước giả lại sử dụng thầy tế lễ người Ca-na-an cổ đại? (5:6-10)
13. Giải thích ý nghĩa của 5: 8-9.
14. Liệt kê các giáo lý trong 6:1-2. Chúng là giáo lý của người Do Thái hay Cơ Đốc Nhân? Tại sao?
15. Tại sao thuật ngữ “không thể nào” trong 6:6 bác bỏ những người tin rằng bạn có thể được cứu, bị mất, được cứu?
16. Tại sao Mên-chi-xê-đéc được cho rằng không cha và không mẹ? (7:3)
17. Tại sao Áp-ra-ham dâng một phần mười cho Mên-chi-xê-đéc rất quan trọng? (7:4-10)
18. 8:13 và 10:4 ngụ ý gì về Cựu Ước?
19. 9:22 bác bỏ Ấn Độ Giáo như thế nào?
20. 10:25 và 39 liên quan đến bối cảnh lịch sử như thế nào?
21. Chương 6 liên quan đến chương 10 như thế nào?
22. Tóm tắt chương 11 trong ngôn từ của bạn.
23. 12:2 đề cập đến điều gì?
24. Tại sao 13:8 quan trọng?

GIỚI THIỆU GIA-CƠ

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Đây là sách yêu thích của Soren Kierkegaard trong Tân Ước vì nó nhấn mạnh vào đời sống áp dụng hàng ngày của Cơ Đốc Giáo.
- B. Đây là sách kém yêu thích nhất của Martin Luther trong Tân Ước bởi nó dường như mâu thuẫn với sự nhấn mạnh của Phao-lô “sự xưng công chính bởi đức tin” trong sách Rô-ma và Ga-la-ti.
- C. Đây là một thể loại rất khác so với các sách Tân Ước khác
 1. rất giống sách Châm ngôn trong giao ước mới (tức là văn chương khôn ngoan) được nói bởi một nhà tiên tri nóng nảy
 2. được viết sớm sau cái chết của Chúa Giê-su và đượm chất Do Thái và rất thực tế

II. TÁC GIẢ

- A. Theo truyền thống tác giả là Gia-cơ (tiếng Hê-bơ-rơ, “Gia-cốp”), anh em cùng mẹ khác cha với Chúa Giê-su (một trong bốn người, Mat. 13:55; Mác 6: 3; Công vụ 1:14; 12:17; Gal. 1:19). Ông là lãnh đạo của Giáo hội Giê-ru-sa-lem (48-62 SCN, Công vụ 15:13-21; Gal. 2:9).
 1. Ông được gọi là “Thẩm phán Gia-cơ” và sau đó có biệt danh là “đầu gối con lạc đà” vì ông liên tục cầu nguyện trên đầu gối của mình (từ Hegesippus, được trích dẫn bởi Eusebius).
 2. Gia-cơ không phải là tín hữu của Chúa Giê-su cho đến sau khi Ngài phục sinh (Mác 3:21; Giảng 7: 5). Chúa Giê-su xuất hiện với cá nhân với ông sau khi phục sinh (I Côr. 15:7).
 3. Ông cũng có mặt trong phòng cao cùng VỚI CÁC MÔN ĐỒ (Công vụ 1:14) với các môn đồ (Công vụ 1:14) và cũng có thể ông đã ở đó khi Đức Thánh Linh giáng xuống vào ngày Lễ Ngũ Tuần.
 4. Ông đã kết hôn (I Côr. 9:5).
 5. Ông được Phao-lô gọi là trụ cột (có thể là sứ đồ, xem Gal. 1:19) nhưng không phải là một trong những Mười Hai Môn Đồ (Gal. 2: 9; Công vụ 12:17; 15:13).
 6. Trong tác phẩm *Antiquities of the Jews – Các Cổ Vật của người Do Thái*, 20: 9:1, Josephus nói rằng ông đã bị ném đá vào 62 SCN theo lệnh từ người Sa-đu-sê của Tòa Công Luận, trong khi một truyền thống khác cho rằng (các nhà văn thế kỷ thứ hai, Clement của Alexandria hoặc Hegesippus) ông đã bị xô từ trên bức tường của Đền thờ xuống.
 7. Trong nhiều thế hệ sau khi Chúa Giê-su qua đời, người thuộc dòng họ của Chúa Giê-su được bổ nhiệm làm lãnh đạo của hội thánh ở Giê-ru-sa-lem
- B. Trong *Studies in the Epistle of James - Các nghiên cứu trong Thư tín của Gia-cơ*, của A. T. Robertson khẳng định quyền tác giả của Gia-cơ:

“Có rất nhiều bằng chứng cho thấy thư tín này được viết bởi tác giả đã phát biểu trong Công vụ 15:13-21 – sự tương đồng tinh tế của lối suy nghĩ và văn phong quá khéo léo đến nỗi khó mà bắt chước hoặc sao chép. Sự giống nhau xuất hiện trong Thư tín Gia-cơ và thư gửi đến An-ti-ốt, cho thấy khả năng là cùng một người viết là bởi Gia-cơ (Công vụ 15:23-29). Bên cạnh đó, sự hài hước rõ ràng về Bài Giảng Trên Núi, mà Gia-cơ có thể đã nghe trực tiếp hoặc ít nhất là nghe thấy nội dung của nó. Khiến trong thư tín Gia-cơ có chuỗi hình ảnh sống động tương tự đó là một đặc điểm nổi bật trong sự dạy dỗ của Chúa Giê-su (trang 2).

A. T. Robertson ở đây cũng theo J. B. Mayor, *The Epistle of St. James – Thư tín của Thánh Gia-cơ*, trang iii-iv.
- C. Có hai người khác cũng mang tên Gia-cơ trong nhóm các môn đồ Tân Ước. Tuy nhiên, Gia-cơ, em trai của Giảng, đã bị Hê-rốt I Ấc-rip-pa giết chết rất sớm vào năm 44 SCN. (Công vụ 12:1-2). Một Gia-cơ khác, “Gia-cơ nhỏ” hay “Gia-cơ trẻ hơn” (Mác.15:40) không bao giờ được đề cập ngoài danh sách các sứ đồ. Các tác giả của thư tín của chúng ta rõ ràng là người nổi tiếng.

- D. Đã có ba giả thuyết về mối quan hệ của Gia-cơ với Chúa Giê-su:
1. Jerome nói rằng ông là anh em họ của Chúa Giê-su (của Alphaeus và Mary of Clopas). Ông đã suy luận điều này từ việc so sánh Mat. 27:56 với Giăng 19:25.
 2. Truyền thống Công giáo La Mã khẳng định rằng ông là em trai cùng mẹ khác cha, ông là đứa con riêng của Giô-sép, hôn nhân trước đó của Giô-sép (xem chú giải kinh của Origen về Ma-thi-ơ 13:55 và Epiphanius trong *Heresies – Các dị giáo*, 78).
 3. Tertullian (160-220 SCN), Helvidius (366-384 SCN) và hầu hết những người theo đạo Tin Lành đều khẳng định rằng ông là người anh em thực sự cùng mẹ khác cha với Chúa Giê-su được sinh ra bởi Giô-sép và Mary (Mác 6:3; I Cô-rinh-tô 9:5).
 4. Sự chọn lựa # 1 và # 2 được phát triển để bảo vệ giáo lý của Công giáo La Mã rằng Mary đồng trinh vĩnh viễn.

III. THỜI GIAN

- A. Nếu quyền tác giả ở trên được chấp nhận, thì có hai niên đại có thể cho việc viết sách:
1. Sớm, viết trước Hội đồng Công Luận tại Giê-ru-sa-lem (Công vụ 15) vào năm 49 SCN (nếu niên đại này là đúng thì Gia-cơ là sách Tân Ước được viết và lưu hành sớm nhất).
 2. Muộn hơn, ngay trước cái chết của Gia-cơ vào năm 62 SCN.
- B. Niên đại sớm có những lợi thế:
1. sử dụng thuật ngữ “nhà hộ” trong 2:2
 2. sự thiếu tổ chức của hội thánh
 3. việc sử dụng từ ngữ “trưởng lão” theo nghĩa Do Thái của nó trong 5:14
 4. không đề cập đến sự tranh cãi chức vụ cho người Ngoại (Công vụ 15)
 5. Gia-cơ dường như đang viết thư cho những cộng đồng tín hữu Do Thái đầu tiên, họ ở xa Giê-ru-sa-lem và có lẽ ở ngoài Pa-lét-tin (xem 1:1)
- C. Niên đại muộn hơn có lợi thế:
1. có thể là sự phản ứng của Gia-cơ (xem 2:14-20) đối cùng thư của Phao-lô gửi cho Rô-ma (xem 4:1), ông sử dụng cách tiếp cận đối ngược lại để sửa chữa cách sử dụng không phù hợp của những kẻ dị giáo (xem II Phi. 3:15-16). Nếu đây là sự thật, thì một cái tên hay cho thư tín Gia-cơ là “sự chỉnh sửa-giữa-khóa”.
 2. sách dường như giả định các giáo lý cơ bản của Cơ Đốc Giáo là hiển nhiên minh bạch vì thế sách hoàn toàn thiếu vắng các giáo lý.

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Thư gửi cho “mười hai bộ tộc đang sống tản lạc khắp nơi trên thế giới” (1:1) là gợi ý chính. Cũng thế, sự bao gồm của bức thư trong “các thư tín công giáo” (những bức lá thư được gửi đến một số nhà thờ) phản ánh bản chất xoay vòng của nó. Rõ ràng một hội thánh thì không nổi bật như một nhóm người có mối quan hệ cá nhân đang sống rải rác khắp nơi và những người này dường như là Tín Hữu Do Thái ở ngoài xứ Pa-lét-tin.
- B. Có ba cách giải nghĩa cho cụm từ trong 1:1:
1. Người Do Thái – dường như nhóm người này không khả thi do việc sử dụng thường xuyên từ “anh em”, hoàn toàn thiếu vắng những lễ thật phức âm chính về Chúa Giê-su, cũng như việc đề cập cụ thể về đức tin vào Đấng Christ trong 2:1. Ngoài ra, sau thời lưu đày Ba-by-lôn, nhiều người trong số mười hai chi phái nguyên gốc không bao giờ trở lại. Cùng một phép ẩn dụ được sử dụng tượng trưng cho các tín hữu trong Khải huyền 7:4-8.
 2. Cơ Đốc Nhân Do Thái – nhóm này dường như rất có khả năng bởi sách đậm hương vị của người Do Thái và vị trí lãnh đạo của Gia-cơ trong hội thánh Giê-ru-sa-lem.

3. Hội thánh như là Y-sơ-ra-ên thuộc linh – giả định này có thể khả thi do việc sử dụng từ “diaspora” trong I Phi. 1:1 và sự hàm chỉ của Phao-lô đến hội thánh (tín hữu người Do Thái và người Ngoại) là Y-sơ-ra-ên thuộc linh (Rôm.2: 28-29; 4:16; Gal. 3:29; 6:16; I Phi. 2:5,9).

V. NGUYỄN NHÂN – Có hai lý thuyết chính:

- A. Một nỗ lực áp dụng Giao Ước Mới cách cụ thể cho nhóm Cơ Đốc Nhân Do Thái ở thế kỷ thứ nhất sống chung trong bối cảnh người ngoại.
- B. Một số người tin rằng những người Do Thái giàu có đang đàn áp những người Cơ Đốc Do Thái. Cũng có thể Cơ Đốc Nhân đầu tiên là mục tiêu ngoại giáo tấn công. Rõ ràng thư tín được viết trong thời kỳ hội thánh có nhu cầu và bị bắt bớ (1:2-4,12; 2:6-7; 5:4-11,13-14).

VI. THỂ LOẠI VĂN HỌC

- A. Bức thư / bài giảng này phản ánh kiến thức về văn chương khôn ngoan, vừa phù hợp kinh điển (Gióp – Bài ca của Sa-lô-môn) và vừa phù hợp Kinh thánh-trong-chính-nó (Truyền Đạo khoảng 180 TCN). Điểm nhấn mạnh của nó là lối sống thực tế - đức tin trong hành động (1:3-4).
- B. Trong một số cách, phong cách thư rất giống với cả giáo sư Do Thái dạy sự khôn ngoan và giáo sư Hy Lạp và La Mã lưu động dạy đạo đức (như Stoics). Một số ví dụ:
1. cấu trúc lỏng lẻo (nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác)
 2. nhiều mệnh lệnh (54 câu mệnh lệnh)
 3. tự phản biện (phản biện một chủ đề bằng cách đặt câu hỏi, 2:18; 4:13). Cách này cũng được thấy trong Malachi, Rô-ma và I Giăng.
- C. Mặc dù có vài trích dẫn trực tiếp từ Cựu Ước (1:11; 2:8,11,23; 4:6), giống như sách của Khải Huyền, nhưng có nhiều minh họa từ Cựu Ước.
- D. Bố cục của thư tín Gia-cơ gần như dài hơn chính bản thân nó. Điều này phản ánh kỹ thuật của các thầy ra-bi nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác để giữ sự chú ý của khán giả. Các thầy ra-bi gọi nó là “ngọc trai trong chuỗi”.
- E. Gia-cơ dường như là sự kết hợp của các thể loại văn học trong Cựu Ước: (1) thể loại khôn ngoan (thầy thông thái) và (2) thể tiên tri (giống như A-mốt hoặc Giê-rê-mi). Ông sử dụng các lễ thật Cựu Ước nhưng dằm thắm chúng trong Bài giảng trên Núi của Chúa Giê-su. (Xem phần B. Nội dung bên dưới).

VII. NỘI DUNG

- A. Gia-cơ sử dụng những minh họa qua lời nói của Chúa Giê-su, được tìm thấy trong các sách Tin Lành Cộng Quan, nhiều hơn bất kỳ sách Tân Ước nào khác (1:5,6,22; 2:5,8,13; 3:12,18; 4:10,12; 5:12). Thậm chí có khả năng Gia-cơ trích dẫn một số câu nói trực tiếp từ Chúa Giê-su (1:27; 2:13; 3:18; 4:11-12,17).
- B. Sách Gia-cơ gợi nhớ đến Bài Giảng Trên Núi

GIA-CƠ	BÀI GIẢNG TRÊN NÚI
1:2	Mat.5:1-2
1:4	Mat.5:48
1:5	Mat.7:7 (21:26)
1:12	Mat.5:3-11
1:20	Mat.5:22

1:22-25	Mat.7:24-27
2:5	Mat.5:3 (25:34)
2:8	Mat.5:43, 7:12
2:13	Mat.5:7 (6:14-15; 18:32-35)
3:6	Mat.5:22,29,30
3:12	Mat.7:16
3:18	Mat.5:9; 7:16-17
4:4	Mat.6:24
4:11-12	Mat.7:1
4:13	Mat.6:34
5:2	Mat.6:19-20
5:10-11	Mat. 5:12
5:12	Mat.5:34-37

- C. Nó là thần học được áp dụng (đức tin không có việc làm thì chết). Tổng 108 câu, thì trong đó có 54 câu mệnh lệnh.

VIII. SỰ KINH ĐIỂN HÓA

- A. Sự bao gồm sách Gia-cơ vào kinh điển là muộn và khó khăn.
1. Gia-cơ không có trong danh sách kinh điển từ Rô-ma năm 200SCN được gọi là “Muratorian Fragment.”
 2. Nó không có trong danh sách kinh điển từ Bắc Phi, 360 SCN, được gọi là “Danh sách Cheltenham” (cũng được gọi là danh mục Karl Mommsen).
 3. Nó không được bao gồm trong phiên bản Tân Ước tiếng La-tin cũ.
 4. Eusebius liệt kê nó là một trong những sách đang tranh cãi (Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, II Phi-e-rơ, II và III Giăng, Giu-đe và Khải Huyền), *Lịch sử Giáo Hội - Hist. Eccl.* II:23:24-24; III:25:3.
 5. Nó không được chấp nhận trong Giáo Hội Phương Tây cho đến thế kỷ thứ 4 và không được ghi nhận vào tài liệu trong Giáo Hội Phương Đông cho đến khi sửa đổi bản dịch Syriac của thế kỷ thứ 5 được gọi là Peshitta.
 6. Nó bị khước từ bởi Theodore của Mopsuetia (392-428 SCN), lãnh đạo của trường Antiochean về Giải Nghĩa Kinh Thánh (ông đã từ chối tất cả các thư tín công giáo).
 7. Erasmus đã nghi ngờ về nó, cũng như Martin Luther, người đã gọi nó là một “thư tín rom rạ” bởi ông cảm thấy nó mâu thuẫn với sự nhấn mạnh của các thư tín Rô-ma, Ga-la-ti về “sự xưng công chính bởi đức tin.”
- B. Những bằng chứng về tính chân thực của bức thư Gia-cơ:
1. Nó được hàm chỉ trong các tác phẩm của Clement của Rô-ma (95 SCN) và sau đó vào thế kỷ thứ hai bởi Ignatius, Polycarp, Justin Martyr và Irenaeus.
 2. Nó được hàm chỉ trong tác phẩm phi-kinh điển Cơ Đốc, nhưng phổ biến, được gọi là *Shepherd of Hermas – Người Chăn của Hermas*, viết khoảng 130SCN.
 3. Nó được trích dẫn trực tiếp bởi Origen (185-245 SCN) trong bài chú giải kinh về sách Giăng của ông, XIX: 23.
 4. Trong *Lịch Sử Giáo Hội - Hist Eccl.* 2:23, Eusebius đã liệt kê nó trong số “những sách đang tranh cãi”, nhưng nói thêm là nó được hầu hết các hội thánh chấp nhận.
 5. Nó được bao gồm trong bản dịch hiệu đính Syriac vào năm 412 SCN (được gọi là Peshitta).
 6. Origen và Giăng của Đa-mách ở phía Đông và Jerome và Augustine ở phương Tây đã giành chiến thắng rằng sách này được tính vào Canon – Kinh Điển. Nó chính thức được công nhận là

một sách kinh điển tại Hội đồng của Hippo, 393 SCN và Carthage, 397 SCN và một lần nữa trong 419 SCN.

7. Nó được chấp nhận bởi Chrysostom (345-407 SCN) và Theodoret (393-457 SCN), cả hai nhà lãnh đạo của trường chú giải kinh thánh Antiochean.

IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “mười hai bộ tộc” 1:1
2. tản lạc, 1:1
3. “hãy xem sự thử thách” (NASB – “hãy xem nó”), 1:2
4. thử nghiệm, 1:12
5. mào triều thiên của sự sống, 1:12
6. “cũng chẳng có bóng của sự chuyển dịch”, 1:17
7. “làm theo lời”, 1:22
8. luật pháp toàn hảo, 1:25
9. “ma quỷ cũng tin như vậy”, 2:29
10. “phán xét nghiêm khắc hơn”, 3:1
11. địa ngục, 3:6
12. “đừng chỉ trời, chỉ đất mà thờ”, 5:12
13. xúc dầu, 5:14
14. “hãy xưng tội cùng nhau”, 5:16

X. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “người phân tâm”, 1:8
2. “Cha của sự sáng”, 1:17
3. Ra-háp, 2:25
4. “Chúa toàn năng”, 5:4
5. Gióp, 5:11
6. các trưởng lão, 5:14
7. Ê-li, 5:17

XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ - KHÔNG

XII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Làm thế nào 1:2 có thể thành hiện thực?
2. Như thế nào lời cầu nguyện bị giới hạn? (1:5-8; 4:1-5)
3. Làm thế nào 1:9-11 đảo ngược kỳ vọng về vai trò văn hóa?
4. 1:13 so sánh với Mat.6:13?
5. Như thế nào 1:22 là chủ đề của toàn sách?
6. 2:1-7 có nói về bối cảnh thờ phượng hay khung cảnh hội thánh? Tại sao?
7. 2:7 đề cập đến sự kiện nào trong đời sống Cơ Đốc?
8. Tại sao 2:10 là lẽ thật quan trọng?
9. Tại sao 2:17 gây ra nhiều mâu thuẫn trong hội thánh? (2:20)
10. Phao-lô và Gia-cơ sử dụng Áp-ra-ham làm ví dụ như thế nào, khác nhau như thế nào? (2:18-26)
11. Giải thích trọng tâm của 3:1-5 trong ngôn từ của bạn.
12. Mô tả sự khác biệt giữa sự khôn lanh của thế gian và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. (3:15-17)
13. Tại sao 4:5 rất khó để giải thích?
14. Tại sao 5:1-6 làm ngạc nhiên các tín hữu Do Thái?

GIỚI THIỆU I PHI-E-RO

I. QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Những nội chứng cho quyền tác giả của Sứ Đồ Phi-e-ơ
- được nêu rõ trong 1:1
 - những hàm chỉ về kinh nghiệm trực tiếp về sự dạy dỗ và cuộc đời của Đấng Christ và Mười Hai Môn Đồ
 - những ví dụ được lấy từ E. G. Selwyn's *The First Epistle of St. Peter*, 1946
 - 1:3 - Giăng 21:27
 - 1:7-9 - Luca 22:31; Mác 8:29
 - 1:10-12 - Luca 24:25; Công. 15:14
 - 3:15 - Mác 14:29,71
 - 5:2 - Giăng 21:25
 - những ví dụ được lấy từ Alan Stibbbs' *The First Epistle General of Peter*, 1971
 - 1:16 - Mat.5:48
 - 1:17 - Mat.22:16
 - 1:18 - Mác. 10:45
 - 1:22 - Giăng 15:12
 - 2:4 - Mat. 21:42
 - 2:19 - Luca. 6:32; Mat. 5:39
 - 3:9 - Mat. 5:39
 - 3:14 - Mat. 5:10
 - 3:16 - Mat. 5:44; Luca 6:28
 - (10)
 - những từ và cụm từ tương đồng với những bài giảng của Phi-e-ơ trong Công Vụ
 - 1:20 - Công. 2:23
 - 2:7-8 - Công. 4:10-11
 - 2:24 - Công. 5:30; 10:39 (đ. biệt dùng từ Hy Lạp *xylon* nói về thập tự giá)
 - 4:5 - Công.10:45
 - so sánh những giáo sĩ đương thời ở thế kỷ thứ nhất
 - Sinh-van (Si-la) - 5:12
 - Mác (Giăng Mác) - 5:13
- B. Bằng chứng bên ngoài cho quyền tác giả của Sứ đồ Phi-e-ơ
- được chấp nhận sớm và rộng rãi bởi hội thánh đầu tiên
 - cụm từ tương tự, có thể là trích dẫn, bởi Clement tại Rô-ma trong *Thư Tín gửi Cô-rinh-tô - Letter to Corinthians* (95 SCN)
 - những cụm từ tương tự, có thể là trích dẫn, trong *Epistle of Barnabas- Thư tín của Ba-na-ba* (130 SCN)
 - được ám chỉ bởi Papias, Giám mục của Hieropolis (140 SCN) trong một trích dẫn từ *His.Eccl - Lịch Sử Giáo Hội* bởi Eusebius
 - được trích dẫn bởi Polycarp trong *Thư tín gửi Phi-líp* 8:1, nhưng ông không đề cập đến tên sách là I Phi-e-ơ (Polycarp chết vào năm 155 SCN)
 - được trích dẫn bởi Irenaeus (140-203 SCN)
 - được trích dẫn bởi Origen (185-253 SCN). Origen tin rằng I Phi. 5:13, nơi mà Phi-e-ơ gọi Mác là “con tôi”, có nghĩa là ông đã viết Phúc âm Phi-e-ơ.
 - được trích dẫn bởi Tertullian (150-222 SCN)
- C. Những nguyên nhân cho việc nghi ngờ quyền tác giả của Sứ đồ Phi-e-ơ
- nó không được liệt kê trong Muratorian Fragment, lại được đính kèm trong danh sách các sách

2. kinh điển được biên soạn ở Rô-ma trong khoảng từ 180 đến 200 SCN
2. tiếng Hy Lạp tốt, tiếng Hy Lạp Phổ Thông bóng bẩy, điều đáng ngạc nhiên là nó xuất phát từ một ngư phủ Ga-li-lê “ít học” (*a grammatos* - ngữ pháp, Công. 4:13)
3. nghe có vẻ giống như các tác phẩm của Phao-lô trong Rô-ma và Ê-phê-sô
4. cuộc bức hại được mô tả trong I Phi-e-ơ phù hợp hơn với thời gian viết sách sau này
 - a. Domitian (81-96 SCN)
 - b. Trajan (98-117 SCN)

D. Những câu trả lời cho mỗi quan tâm của các học giả hiện đại

1. Bản Muratorian Fragment bị hư nát và thiếu ít nhất một dòng bản văn (B.F. Westcott, *A General Survey of the History of the Canon of the New Testament - Một khảo sát chung về lịch sử của Kinh Điển trong Tân Ước*, tái bản lần thứ 6. tr. 289).
2. Phi-e-ơ không phải là người ít học (Công vụ 4:13), mà chỉ là ông không được huấn luyện trong một trường được công nhận bởi các ra-bi. Rõ ràng hầu hết người Do Thái ở Galilê là người có thể nói 2 ngôn ngữ từ khi sinh ra. Vấn đề quan trọng khác trong cuộc thảo luận này là việc Phi-e-ơ đã sử dụng người ghi chép. Từ ngữ của I Phi. 5:12 cho thấy ông có thể có đã nhờ người ghi chép là Sinh-van (Si-la).
3. Cả Phi-e-ơ và Phao-lô thường trích dẫn tài liệu phụng vụ hoặc giáo huấn (tài liệu giáo lý) phổ biến trong hội thánh đầu tiên. Cả 2 cũng có liên lạc với nhau trong những năm qua (Công vụ, Ga-la-ti và II Phi-e-ơ 3:15-16).

Đối với tôi, lý do cho sự tương tự trong cách viết của Phi-e-ơ và Phao-lô có thể được giải thích rằng ông đã sử dụng người đồng hành truyền giáo của Phao-lô là Si-la (Sinh-van) làm người ghi chép.

4. I Phi-e-ơ không nhất thiết phản ánh cuộc bắt bớ trên toàn-Đế Quốc. Bởi Phi-e-ơ khẳng định tín hữu cần phải thuận phục nhà cầm quyền (2:13-17) là điều bất thường trong thời kỳ bắt bớ trên diện rộng toàn-Đế Quốc.

Nê-rô (54-68 SCN) mắc bệnh tâm thần (vd: tuyên bố tảo bạo) khuyến khích địa phương theo tà giáo thờ lạy hoàng đế, đặc biệt là ở Tiểu Á, thúc đẩy các cuộc bắt bớ tại địa phương. I Phi-e-ơ phù hợp với thời kỳ của Nê-rô hơn so với thời kỳ của Domitian (81-96 SCN) hay thời kỳ của Trajan (98-117 SCN). Thậm chí có khả năng là sự bắt bớ đến từ các nhóm Do Thái Giáo cũng như các quan chức chính quyền địa phương hoặc những tà giáo thờ lạy hoàng đế.

- E. Không có gì trong chính bản thân sách I Phi-e-ơ hỗ trợ cho thời gian viết sách sau này hoặc tác giả.

II. THỜI GIAN

- A. Thời gian viết sách rõ ràng có liên quan đến quyền tác giả.
- B. Truyền thống liên kết cái chết của Phi-e-ơ và Phao-lô ở Rô-ma dưới thời Nê-rô, có lẽ là 65 SCN. Nếu thật vậy, thì I Phi-e-ơ đã được viết khoảng năm 63-64 SCN.
- C. Giữa thế kỷ thứ nhất có thể là thời gian viết sách nếu I Phi-e-ơ được hàm chỉ bởi Clement ở Rô-ma (95 SCN).
- D. A. T. Robertson tin rằng Phi-e-ơ chết vào khoảng năm 67-68 SCN và đã viết I Phi-e-ơ vào năm 65-66 SCN. Tôi nghĩ ông chết vào 64-65 SCN và viết sách ngay trước đó.

III. NGƯỜI NHẬN

- A. Điển hình của những thư tín ở thế kỷ thứ nhất, người nhận được ghi chú trong 1:1 “những người kiều ngụ rải rác trong các xứ Pông, Ga-la-ti, Cáp-pa-đốc, A-si-a và Bi-thi-ni”. Những tỉnh của La-mã (giả định Ga-la-ti là một dân tộc phía bắc Ga-la-ti) nằm ở phía bắc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Những vùng đất đó rõ ràng là những nơi mà Phao-lô không truyền giáo (Công vụ 16:6) cũng như Phi-e-ơ (1:12). Có

thể những hội thánh này được hình thành từ những người Do Thái cải đạo trở về sau Lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2: 9-11).

- B. Những hội thánh này ban đầu có thể được thành lập bởi các tín hữu Do Thái trong thời kỳ Phi-e-rơ viết sách, mặc dù họ chủ yếu là người Ngoại
1. trước đây không biết gì về Đức Chúa Trời (1:14)
 2. lối sống hư hoại được thừa hưởng từ tổ tiên của họ (1:18)
 3. giờ đây họ là dân sự của Đức Chúa Trời (2:9-10, chơi chữ trong Ô-sê 1:9-10; 2:23)
 4. họ sống giữa vòng dân Ngoại (2:12)
 5. danh sách các tật xấu của người Ngoại (4:3-4)
- C. Sách có chứa các yếu tố Do Thái
1. việc sử dụng các thuật ngữ về “ngoại kiều” và “kiều dân”, người Hồi giáo và người di cư, người phản ánh một bối cảnh của người Do Thái (xem Giăng 7:35; Công vụ 7: 6)
 2. việc sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước
 - a. Xuất 19 (xem 2:5,9)
 - b. Ê-sai 53 (xem 1:19; 2:22,24,25)
Tuy nhiên, những ví dụ này không nhất thiết phản ánh một hội thánh Do Thái, nhưng
 3. việc chuyển các danh hiệu Cựu Ước từ Y-sơ-ra-ên sang hội thánh (tức là, “vương quốc của các thầy tế lễ”)
 - a. 2:5
 - b. 2:9
 4. tài liệu huấn luyện của hội thánh (tức là, tài liệu giáo lý cho các tân tín hữu), sử dụng bản văn Mê-si-a Cựu Ước
 - a. 1:19 - Ê-sai 53:7 (tức là Chiên Con)
 - b. 2:22 - Ê-sai 53:5
 - c. 2:24 - Ê-sai 53:4,5,11,12
 - d. 2:25 - Ê-sai 53:6
- D. Mặc dù Phi-e-rơ được kêu gọi đặc biệt làm chức vụ cho người Do thái (xem Ga-la-ti 2:8), nhưng cũng như Phao-lô, cả hai đều làm chức vụ cho cả người Do Thái và người Ngoại (xem Công vụ 10). Việc Cột-nây cải đạo, cho thấy Phi-e-rơ chấp nhận sự toàn cầu của phúc âm! I Phi-e-rơ phản ánh nhận thức mới này.

IV. MỤC ĐÍCH

- A. I Phi-e-rơ có cả 2 khía cạnh giáo lý và thực hành. Tuy nhiên, khi Phao-lô chia thư của ông thành hai phần, phần mở đầu là lý thuyết và phần kết luận là thực hành, thì Phi-e-rơ kết hợp cả hai phần. Sách của ông khó phác thảo bố cục hơn nhiều. Theo nhiều cách, nó phản ánh một bài giảng hơn là một thư tín.
- B. Vấn đề chính được thảo luận là sự chịu khổ và bắt bớ. Điều này được thực hiện theo hai cách.
1. Chúa Giê-su được trình bày như là tấm gương tối cao của sự chịu khổ và bị khước từ (1:11; 2:21,23; 3:18; 4:1,13; 5:1).
 2. Các tín đồ của Chúa Giê-su được kêu gọi noi theo tấm gương và thái độ của Ngài (1:6-7; 2:19; 3:13-17; 4:1,12-19; 5:9-10).
- C. Trong ánh sáng của những sự chịu khổ và bắt bớ là rất phổ biến trong những năm đầu của Cơ Đốc Giáo, thật không ngạc nhiên tại sao Sự Trở Lại Lần Thứ Hai được đề cập thường xuyên như vậy. Sách này, giống như hầu hết các tác phẩm của Tân Ước đều có liên quan đến lại thể học cách đầy đủ.

V. THỂ LOẠI

- A. Sách này có lời mở đầu và kết thúc điển hình kiểu Hy Lạp-La Mã ở thể kỷ thứ nhất
1. 1:1-2
 - a. tác giả
 - b. người nhận
 - c. lời cầu nguyện
 2. 5:12-14
 - a. lời chào kết thúc
 - (1) từ ai
 - (2) chào thăm ai
 - b. lời cầu nguyện
- B. Phần chính thân bài của nó giống như một bài giảng hơn là một bức thư. Một số người đã cho nó là
1. phần đầu một bài giảng
 2. phần đầu của phụng vụ lễ báp-tem
 3. phần đầu của tài liệu giáo lý của giáo hội đầu tiên được tập hợp
- C. Bức thư dường như đóng lại lúc 4:11 với một lời tự do, nhưng không có bản thảo Hy Lạp nào dừng lại ở thời điểm này. Nó có thể 4: 12-5: 11 là một bản tóm tắt có chủ đích của toàn bộ bức thư.
- D. Cá nhân tôi tin rằng I Phi-e-rơ hoạt động như một bức thư trao tay xoay vòng giữa các hội thánh khiến Phi-e-rơ không mở đầu thư cách cá nhân, giống như thư Cô-lô-se của Phao-lô (được gửi đến Cô-lô-se, Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-pô-li, xem Côm. 4:13), nhưng là một lời khích lệ chung cho các tín hữu cảnh giác với những vấn đề sắp xảy ra, giống như thư Ga-la-ti và Ê-phê-sô của Phao-lô.
- Thể loại thư xoay vòng theo chu kỳ này giải thích việc thiếu một lời mở đầu và kết thúc thư cá nhân. Nó cũng giải thích việc thiếu các ví dụ cụ thể về sự bất bõ.

VI. SỰ KINH ĐIỂN

- A. Tôi đính kèm hạng mục sự kinh điển trong I Phi-e-rơ bởi vấn đề ở II Phi-e-rơ rất gây tranh cãi.
- B. I Phi-e-rơ được liệt kê trong *Lịch Sử Giáo Hội – His. Eccl* của Eusebius 3:3:25, là một phần của “những sách không thể tranh cãi”. Trong hội thánh cổ đại nó chưa bao giờ bị nghi ngờ là một bức thư thực sự từ Sứ đồ Phi-e-rơ.
- C. Vấn đề của kinh điển trở nên trầm trọng hơn là bởi số lượng các tác phẩm giả được quy cho Phi-e-rơ. Hội thánh đầu tiên không bao giờ chấp nhận bất kỳ tác phẩm nào trong số đó, chỉ chấp nhận I Phi-e-rơ và II Phi-e-rơ đang bị tranh cãi thật sự là từ Sứ Đồ.
1. Công vụ của Phi-e-rơ
 2. Công vụ của Phi-e-rơ và Anh-rê
 3. Công vụ của Phi-e-rơ và Phao-lô
 4. Niềm đam mê của Phi-e-rơ và Phao-lô
 5. Công vụ của Phi-e-rơ và Mười hai Môn Đồ
 6. Lai Thế Học của Phi-e-rơ
 7. Phúc âm của Phi-e-rơ
 8. Đam mê của Phi-e-rơ
 9. Bài giảng của Phi-e-rơ
 10. Công vụ của Phi-e-rơ trong tiếng Sla-vo

(Để thảo luận về mỗi tác phẩm giả danh này, hãy xem *Bách Khoa Toàn Thư Zondervan của Kinh Thánh - Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible – Tập.4 ; trang 721-723, 732-733, 740.*) Không có bài viết nào được cho là của Phi-e-rơ thậm chí cũng không được nghiêm túc coi là một phần của kinh điển của Tân Ước. Điều này, trong và của chính danh sách đó, nói nhiều về bao gồm I và II Phi-e-rơ.

PHI-E-RƠ, NGƯỜI ĐÀN ÔNG

I. GIA ĐÌNH CỦA ÔNG

- A. Gia đình sống của Phi-e-rơ sống ở Ga-li-lê dân Ngoại ở thành phố Bết-sai-đa trên bờ phía bắc của Biển hồ Ga-li-lê (hay Biển Ti-bê-ri-a xem Giăng 1:44), nhưng dường như ở một số nơi họ đã chuyển đến Ca-pê-na-um (xem Mác 1:21,29).
- B. Cha Phi-e-rơ tên là Giô-na (Mat. 16:17) hoặc Giăng (xem Giăng 1:42; 21:15-17).
- C. Tên khai sinh của ông là Simôn (xem Mác 1:16,29,30,36), là tên phổ biến ở Pa-lét-tin vào thế kỷ đầu tiên. Ở dạng chữ Do Thái là Symeon (xem Công. 15:14; II Phi. 1:1), tên của một trong mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên (xem Sáng. 29:33; Xuất. 1:1).
Chúa Giêsu đã đổi tên ông thành Phi-e-rơ (*Petros*, có nghĩa là “đá”, miêu tả sức mạnh và ổn định sau này của ông) trong Mat. 16:18; Mác 3:16; Lu-ca 6:14; và Giăng 1:42. Ở dạng chữ A-ram là Sê-pha (xem Giăng 1:42; I Côr. 1:12; 3:22; 9:5; 15:5; Gal. 1:18; 2:9,11,14). Thường trong Tân Ước thì hai tên này được đi chung với nhau (xem Mat. 16:16; Lu-ca 5:8; Giăng 1:40; 6:8,68; 13:6,9,24,36; 18:10,15,25; 20:2, 6; 21:2-3,7,11,15).
- D. Anh của Phi-e-rơ tên là Anh-rê (xem Mác 1:16). Ông là môn đồ của Giăng Báp-tít (Giăng 1:35,40) và sau đó là tín đồ và là người đi theo của Chúa Giê-su (xem Giăng 1:36-37). Ông đưa Si-môn đến gặp Chúa Giê-su (xem Giăng 1:41). Vài tháng sau, Chúa Giê-su gặp họ bởi Biển hồ Ga-li-lê và kêu gọi họ trở thành môn đồ trọn thời gian chính thức của Ngài (Mat. 4:18-20; Mác 1:16-18; và Lu. 5:1-11).
- E. Ông đã kết hôn (xem Mác 1:30; I Cô-rinh-tô 9: 5), nhưng không có đề cập đến con cái.

II. NGHỀ NGHIỆP CỦA ÔNG

- A. Gia đình của Phi-e-rơ sở hữu một số thuyền đánh cá và thậm chí thuê người làm.
- B. Gia đình Phi-e-rơ có thể là đối tác làm ăn chung với Gia-cơ và Giăng, con của Xê-bê-đê (Lu.5:10).
- C. Phi-e-rơ quay trở về câu cá một thời gian ngắn sau khi Chúa Giê-su chết (xem Giăng 21).

III. TÍNH CÁCH CỦA ÔNG

- A. Những điểm mạnh của Phi-e-rơ
1. Ông là một người đi theo đầy tận tâm, nhưng khá bốc đồng (xem Mác 9:5; Giăng 13 4-11).
 2. Ông cố hành động trong đức tin, nhưng thường thất bại (vd: đi trên nước, Mat. 14:28-31).
 3. Ông dũng cảm và sẵn sàng chết (Mat. 26:51-52; Mác 14:47; Lu.22:49-51; Giăng 18:10-11).
 4. Sau khi Ngài phục sinh, Chúa Giê-su cách cá nhân hàm chỉ ông là người lãnh đạo nghi ngờ trong nhóm Mười Hai trong Giăng 21 và tạo cơ hội ăn năn và phục hồi quyền lãnh đạo.
- B. Những điểm yếu của Phi-e-rơ
1. Ban đầu ông có khuynh hướng đối nghịch với chủ nghĩa pháp lý của người Do Thái
 - a. ăn với người ngoại (Ga-la-ti 2:11-21)
 - b. luật thực phẩm (Công. 10:9-16)
 2. Giống như tất cả các Sứ Đồ, lúc đầu ông đã không thật sự hiểu đầy đủ về sự dạy dỗ mới của Chúa Giê-su và những hàm ý của chúng
 - a. Mác 9:5-6
 - b. Giăng 13:6-11; 18:10-11

3. Ông đã bị Chúa Giê-su quở trách cách cá nhân và nghiêm khắc (Mác 8:33; Mat. 16:23)
4. Ông bị phát hiện ngủ thay vì cầu nguyện trong thì giờ khẩn thiết nhất của Chúa Giê-su tại vườn Ghết-sê-ma-nê (Mác 14:32-42; Mat 26:36-46; Lu-ca 22:40-60)
5. Ông liên tục phủ nhận việc biết Chúa Giê-su (Mác 14: 66-72; Ma-thi-ơ 26: 69-75; Lu-ca 22: 56-62; Giảng 18: 16-18,25-27)

IV. VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ NHÓM CÁC SỨ ĐỒ

- A. Có bốn danh sách các Sứ đồ (xem Ma-thi-ơ 10: 2-4; Mác 3: 16-19; Lu-ca 6: 14-16; Công vụ 1:13). Phi-e-rơ luôn được liệt kê đầu tiên. Nhóm Mười Hai được chia thành ba nhóm bốn. Tôi tin điều này cho phép họ thay phiên nhau nhà để thăm gia đình.
- B. Phi-e-rơ thường phục vụ như là người phát ngôn của nhóm Sứ Đồ (Mat.16:13-20; Mác 8:27-30; Lu. 9:18-21). Những đoạn này cũng được sử dụng để khẳng định thẩm quyền của Phi-e-rơ trong nhóm (Mat. 16:18). Tuy nhiên, trong chính bối cảnh này, ông bị Chúa Giê-su coi là một công cụ của Satan (xem Matt.16:23; Mác 8:33).
Ngoài ra, khi các môn đồ đang tranh cãi ai là người vĩ đại nhất, Phi-e-rơ không được đánh giá là người xứng đáng ở vị trí đó (xem Ma-thi-ơ 20:20-28, đặc biệt là câu 24; Mác 9:33-37; 10:35-45).
- C. Phi-e-rơ không phải là người lãnh đạo của hội thánh Giê-ru-sa-lem. Gia-cơ, anh em cùng mẹ khác cha với Chúa Giê-su (xem Công. 12:17; 15:13; 21:18; I Côr. 15:7; Gal. 1:19; 2:9,12).

V. CHỨC VỤ CỦA ÔNG SAU SỰ PHỤC SINH CỦA CHÚA GIÊ-SU

- A. Vai trò lãnh đạo của Phi-e-rơ được thấy rõ trong các chương đầu của Công vụ
 1. Ông đã lãnh đạo trong việc bốc thăm chọn người thay thế Giu-đa (Công vụ 1:15-26).
 2. Ngài giảng bài giảng đầu tiên trong ngày Lễ Ngũ tuần (Công. 2).
 3. Ông chữa lành người đàn ông què và giảng bài giảng thứ hai (Công. 3:1-10; 3:11-26).
 4. Ông mạnh dạn nói trước Tòa Công Luận trong Công vụ 4.
 5. Ông chủ tọa trong việc kỷ luật hội thánh A-na-nia và Sa-phi-ra trong Công vụ 5.
 6. Ông phát biểu tại Hội Đồng Giê-ru-sa-lem trong Công vụ 15:7-11.
 7. Có vô số sự kiện và phép lạ khác được ghi nhận cho ông trong Công vụ.
- B. Tuy nhiên, Phi-e-rơ không phải lúc nào cũng thực hành Phúc Âm
 1. Ông vẫn còn tư duy Cựu Ước (xem Ga-la-ti 2:11-14).
 2. Ông phải có một sự mặc khải đặc biệt để bao gồm Cornelius (xem Công vụ 10) và những người ngoại bang khác.

VI. NHỮNG NĂM IM LẶNG

- A. Có rất ít hoặc không có thông tin nào về Phi-e-rơ sau Hội Đồng Giê-ru-sa-lem Công vụ 15
 1. Ga-la-ti 1:18
 2. Ga-la-ti 2:7-21
 3. I Cô-rinh-tô 1:12; 3:22; 9:5; 15:5
- B. Truyền thống hội thánh đầu tiên
 1. Phi-e-rơ bị tử đạo ở Rô-ma được đề cập đến trong bức thư Clement ở Rô-ma cho hội thánh tại Cô-rinh-tô vào năm 95 SCN.
 2. Tertullian (150-222 SCN) cũng ghi nhận sự tử đạo của Phi-e-rơ ở Rô-ma dưới thời Nê-rô (54-68 SCN).
 3. Clement ở Alexandria (200 SCN) nói rằng Phi-e-rơ đã bị giết ở Rô-ma
 4. Origen (252 SCN) nói rằng Phi-e-rơ tử đạo bị đóng đinh ngược, đầu chúi xuống, ở Rô-ma.

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. sự nhận biết 1:2
2. “sự rây trong huyết Ngài”, 1:2
3. “tái sinh”, 1:3
4. muôn vàn thử thách, 1:6
5. “đức tin cầu anh em được thử nghiệm”, 1:7
6. “sự cứu rỗi của Chúa Giê-su Christ”, 1:7,13
7. các linh hồn, 1:9
8. “chiên con không khuyết tật, không tì vết”, 1:19
9. “được định sẵn trước khi tạo dựng vũ trụ”, 1:20
10. “lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời”, 1:23
11. “sửa thiêng liêng và thuần khiết”, 2:2
12. “hòn đá sống”, 2:4
13. “chức tể lễ thánh”, 2:5
14. đá góc nhà, 2:6
15. “hòn đá gây cho vấp chân”, 2:8
16. thuận phục, 2:13
17. “chết đối với tội lỗi và sống cho sự công chính”, 2:24
18. “nhờ những vết thương Ngài mà anh em được chữa lành”, 2:24
19. lòng nhân từ, 3:8
20. trả lời (NASB “bảo vệ”), 3:15
21. “báp-tem ngày nay... để cứu anh em”, 3:21
22. thử, 4:12
23. “kháng cự nó”, 5:9

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “Đấng Thánh”, 1:15
2. “Đấng Chăn Chiên và Giám Mục của linh hồn mình”, 2:25
3. trưởng lão, 5:1
4. Đấng Chăn Chiên tối cao, 5:4
5. Sinh-van, 5:12
6. Mác, 5:13

IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. Pông, 1:1
2. Ga-la-ti, 1:1
3. Cáp-pa-đốc, 1:1
4. A-si-a, 1:1
5. Bi-thi-ni, 1:1
6. Si-ôn, 2:6
7. Ba-by-lôn, 5:13

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Miêu tả sự thừa kế của tín hữu. (1:4-5)
2. Giải thích 1:11 trong ngôn từ của bạn.
3. Thiên sứ muốn biết điều gì? (1:12)
4. Cơ Đốc Nhân làm theo 1:16 như thế nào?
5. Làm thế nào để một người lớn lên trong sự cứu rỗi? (2:2)
6. Tại sao 2:5 và 9 quan trọng?

7. 2:16 liên quan đến Rô-ma 14 như thế nào?
8. 3:3 liên quan đến ngày hôm nay như thế nào?
9. Mối quan hệ của chúng ta với người phối ngẫu có thể ảnh hưởng đến những lời cầu nguyện của chúng ta không? (3:7)
10. Chúa Giê-su đã đi đâu để giảng cho các linh hồn bị cầm tù? (3:19)
11. Giải thích 3:22 dưới ánh sáng của giáo lý trí huệ giáo.
12. Chủ đề chung của I Phi-e-rơ là gì?

GIỚI THIỆU II PHI-E-RƠ

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Mục đích hoặc phạm vi của phần giới thiệu này không phải là để thảo luận chi tiết về các vấn đề liên quan đến quyền tác giả của II Phi-e-rơ. Cá nhân tôi kết luận rằng không có lý do gì để bác bỏ quyền tác giả của Phi-e-rơ. Ba nguồn tài liệu hữu ích trong việc suy nghĩ để thông qua vấn đề này.
1. Bài viết của Bruce M. Metzger “Giả Bút Tích Văn Học và Giả Kinh Điển - Literary Forgeries and Canonical Pseudepigrapha” trong *The Journal of the Society of Biblical Literature - Tạp chí của Hiệp Hội Văn Học Kinh Thánh*, năm 1972, trang 3-24.
 2. Bài viết của Michael J. Kruger về “Quyền Tác Giả của II Phi-e-rơ - The Authenticity of 2 Peter” trong *The Journal of the Evangelical Theological Society, Cảnh trong Tạp chí Tin Lành Hội thần học*, Tập. 42, số 4, trang 645-671.
 3. Tác phẩm của E. M. B. Green *2 Peter Reconsidered – Sự suy xét lại II Phi-e-rơ*, Tyndale Press, 1961.
- B. Khi tôi nghĩ rằng II Phi-e-rơ không được viết bởi Phi-e-rơ, thì có nhiều điều diễn ra trong tâm trí tôi
1. Người viết II Phi-e-rơ là ai không thay đổi quan điểm của tôi rằng chính bức thư được linh cảm và đáng tin cậy. Quyền tác giả ảnh hưởng trên cách giải kinh chuyên sâu, không ảnh hưởng trên sự thần cảm, đó là sự giả định đức tin và tài liệu quá trình lịch sử.
 2. Tại sao tôi lại phiền lòng về bút danh? Rõ ràng thế kỷ thứ nhất Hy Lạp-La Mã là quen thuộc với việc giả bút tích (bài viết của Metzger).
 3. Phải chăng tôi không sẵn lòng chấp nhận nó bởi vì sở thích của riêng tôi hay tôi có đủ khả năng để đánh giá cách trung thực về những bằng chứng lịch sử và bản văn? Có phải truyền thống đã đưa tôi đến một kết luận nhất định?
 4. Giáo hội truyền thống cổ đại nghi ngờ về quyền tác giả của Phi-e-rơ, nhưng không hề nghi ngờ về thông điệp của sách (ngoại trừ hội thánh Sy-ri-a). Nó là một thông điệp chính thống trong sự hiệp nhất thần học với các sách khác trong Tân Ước và có mối quan hệ mật thiết với các bài giảng của Phi-e-rơ trong Công Vụ.
- C. Eusebius đã sử dụng ba loại để mô tả các tác phẩm Cơ Đốc Giáo:
1. được chấp nhận
 2. bị tranh chấp
 3. bị giả mạo
- Ông bao gồm II Phi-e-rơ cùng với Gia-cơ và Giu-đe, II Giăng và III Giăng trong loại 2 (loại bị tranh chấp). Eusebius chấp nhận I Phi-e-rơ; nghi ngờ II Phi-e-rơ, và bị từ chối các tác phẩm giả mạo khác bị quy cho là của Phi-e-rơ (1) Công vụ của Phi-e-rơ; (2) Phúc Âm của Phi-e-rơ; (3) Lời rao giảng của Phi-e-rơ; và (4) Lai thể học của Phi-e-rơ.

II. TÁC GIẢ

- A. Đây là sách Tân Ước gây tranh cãi nhất về quyền tác giả theo truyền thống.
- B. Lý do cho những nghi ngờ này là cả bên trong (phong cách và nội dung của nó) và bên ngoài (nó được chấp thuận sau này).
1. Bên ngoài (ngoại chứng)
 - a. không được liệt kê bởi Marcion (145 SCN) hoặc Muratorial Fragment (170 SCN).
 - b. được tìm thấy trong Bodamer Paccori P⁷² vào đầu thế kỷ thứ ba
 - c. không được trích dẫn trực tiếp bởi các nhà văn của Hội Thánh Đầu Tiên cho đến thế kỷ thứ ba (Origen và Methodius)

- d. không được chấp nhận vào Kinh Điển cách chính thức cho đến khi Hội đồng Carthage 397 SCN, rõ ràng sau lá thư Athanasius của 367 SCN. Nó đã bị từ chối trong Giáo Hội Phương Đông cho đến khi thế kỷ thứ sáu
 - e. không có trong bản dịch tiếng Syriac (Peshita) của thế kỷ thứ năm
 - f. Eusebius, viết vào năm 325 SCN (*Lịch sử Giáo hội - Ecclesiastical History* 3:25:3) đặt nó vào trong số những sách bị tranh cãi (II Phi-e-rơ, Giu-đa, Gia-cơ, II Giăng và III Giăng)
2. Bên trong (nội chứng)
- a. phong cách rất khác với I Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ theo cú pháp tiếng Hy Lạp, trong khi II Phi-e-rơ thì không; Jerome giải thích cho sự khác biệt này do việc dùng người chép kinh khác)
 - b. II Phi-e-rơ dường như đi theo thể loại văn học được gọi là “chủ nghĩa Châu Á”, là đặc trưng của một vài thể loại văn học ở Tiểu Á
 - c. những minh họa có nguồn gốc từ các nguồn ngoài-kinh-điển đã gây vấn đề lớn, nhưng I Phi-e-rơ cũng sử dụng minh họa trong I Enoch
 - d. II Phi-e-rơ và Giu-đe có một số mối liên kết văn học (II Phi. 2:1-18 và Giu-đe c.4-13 và II Phi. 3:1-3 và Giu-đe 17-18); không chắc ai đã sao chép ai
 - e. chính sách tuyên bố được viết bởi Sứ đồ Phi-e-rơ; 1:1,14,16-18; 3:1,15

C. Thể loại

1. Đây có phải là bức thư điển hình của thế kỷ đầu tiên không?
 - a. nó có mở đầu và kết thúc điển hình
 - b. tuy nhiên, nó dường như là bức thư theo chu kỳ xoay vòng gửi đến các hội thánh, như Ga-la-ti, Ê-phê-sô, Gia-cơ và I Giăng
 - c. nó có thể là một thể loại văn học Do Thái đặt biệt được gọi là “Tân Ước”
 - (1) bài diễn văn chia tay
 - (a) Phục truyền 31-33
 - (b) Giô-suê 24
 - (c) Lời di chúc của Mười Hai Trưởng Chi Phái
 - (d) Giăng 13-17
 - (e) Công vụ 20:17-28
 - (2) tiên đoán về sự chết sắp xảy ra (xem II Ti-mô-thê)
 - (3) lời khuyên bảo các độc giả hãy tiếp tục giữ theo truyền thống
2. Mối quan hệ giữa II Phi-e-rơ 2 và Giu-đe
 - a. Rõ ràng đã có một số mượn văn học.
 - b. Việc sử dụng minh họa từ các nguồn không-kinh-điển đã khiến nhiều người từ chối cả Giu-đe và II Phi-e-rơ, tuy nhiên khi I Phi-e-rơ sử dụng minh họa trong I Enoch thì Phao-lô thậm chí còn trích dẫn các bài thơ Hy Lạp.
3. Chính sách tự xưng là của Sứ Đồ Phi-e-rơ
 - a. Tên ông có trong 1:1. Ông được gọi là Symeon Phi-e-rơ. Phi-e-rơ là tên được Chúa Giê-su đặt cho ông (xem Ma-thi-ơ 16). Symeon (không phải Si-môn) rất hiếm và bất thường. Nếu ai đó đang cố viết trong tên Peter Peter, sự lựa chọn chính tả Semitic này rất đáng ngạc nhiên và phản tác dụng với bút danh.
 - b. Ông tuyên bố là một nhân chứng tận mắt cho sự biến hình (xem Ma-thi-ơ 17: 1- 1; Mác 9: 2-8; Lu-ca 9: 28-36) trong 1: 16-18.
 - c. Ông tuyên bố đã viết một lá thư đầu tiên (xem 3: 1), ngụ ý I Peter.
4. Chính thống
 - a. Không có gì trong bức thư này mâu thuẫn với sự dạy dỗ của các Sứ Đồ trong Tân Ước .
 - b. Có một vài điểm độc đáo (thể giới bị lửa hủy diệt và các bài viết của Phao-lô được xem là Kinh thánh), nhưng rõ ràng là không có gì liên quan đến việc tiếp nhận trí huệ giáo hay dị giáo.

NHỮNG LIÊN QUAN VỀ NGOẠI CHỨNG

1. Eusebius liệt kê các tác phẩm Cơ Đốc của thế kỷ thứ nhất và thứ hai trong ba loại
 - a. được chấp nhận

- b. bị tranh cãi
 - c. bị giả mạo
- II Phi-e-rơ cùng với Hê-bơ-rơ, Gia-cơ và II và II Giảng được liệt kê trong thể loại sách bị tranh cãi.
2. II Phi-e-rơ không xuất hiện trong kinh điển Marcion (154 SCN), nhưng Marcion cũng loại bỏ nhiều sách Tân Ước khác.
 3. II Phi-e-rơ không xuất hiện trong Muratorian Fragment (180-200 SCN), nhưng dường như danh sách đã bị hư nát và nó cũng không liệt kê Hê-bơ-rơ, Gia-cơ hay I Phi-e-rơ.
 4. Nó bị giáo hội phương Đông (Syria) từ chối
 - a. không có trong Peshitta (nửa đầu thế kỷ thứ năm)
 - b. được đưa vào Philoxeniana (507 SCN) từ I-rắc và phiên bản Harclean (616 SCN) từ Bắc Phi
 - c. Chrysostom và Theodore của Mopsuestia (các nhà lãnh đạo của trường giải kinh Antiochian) loại bỏ tất cả các thư tín công giáo.
 5. II Phi-e-rơ dường như được trích dẫn trong “Phúc Âm của Lê Thật” và “Apocryphon của Giảng” được tìm thấy trong bản văn của trí huệ giáo Nag Hammadi (*The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible – Các Bản Văn Trí Huệ Nag Hammadi và Kinh Thánh* của Andrew K. Helmbold, tr. 91). Những tác phẩm này ở trong ngôn ngữ Coplic là bản dịch của các bản văn tiếng Hy Lạp vào thời kỳ đầu. Nếu II Phi-e-rơ được đề cập trong tác phẩm đó thì sách không thể được viết vào thế kỷ thứ hai.
 6. Nó được bao gồm trong P⁷², thời gian viết sách theo UBS⁴ (trang 8) cho rằng sách được viết có thể vào thế kỷ thứ ba hoặc thứ tư.
 7. Nó được ám chỉ hoặc trích dẫn bởi Clement ở Rô-ma (95 SCN)
 - a. I Clement (9:2 - II Phi-e-rơ 1:17)
 - b. I Clement (23:3 - II Phi-e-rơ 3:4)
 - c. I Clement (35:5 - II Phi-e-rơ 2:2)
 8. Nó có thể được hàm chỉ trong một tác phẩm của Justin Martyr (115-165 SCN) *Dialogue with Trypho – Cuộc Trò Chuyện với Trypho* 82:1 - II Phi. 2:1. Có hai nơi duy nhất trong các tác phẩm Cơ Đốc cổ đại có thuật ngữ Hy Lạp *pseudoprophetai* – giả bút danh được sử dụng.
 9. Irenaeus (130-200 SCN) có thể hàm chỉ đến II Phi-e-rơ (ông trích dẫn trong *Lịch Sử Giáo Hội – His. Eccl* của Eusebius 5:32:2 - II Phi-e-rơ. 3:8 và 3:1:1 - II Phi-e-rơ. 1:15).
 10. Clement ở Alexandria (150-215 SCN) đã viết tài liệu giải kinh đầu tiên về II Phi-e-rơ (mặc dù hiện tại nó đã bị thất lạc).
 11. Nó xuất hiện trong bức thư Phục sinh của Athanasius (367 SCN), là một danh sách hiện tại của các sách kinh điển.
 12. Nó được chấp nhận là sách kinh điển bởi hội đồng hội thánh đầu tiên tại Lao-đi-xê (372 SCN) và Carthage (397 SCN).
 13. Điều thú vị là các tác phẩm khác được quy cho là của Phi-e-rơ (vd, Công vụ của Phi-e-rơ, Công vụ của Anh-rê và Phi-e-rơ, Công vụ của Phi-e-rơ và Phao-lô, Đam mê của Phi-e-rơ và Phao-lô, Công vụ của Phi-e-rơ và Mười Hai Sứ Đồ, Lai Thế Học của Phi-e-rơ và bài giảng của Phi-e-rơ) tất cả các tác phẩm này đều bị loại bỏ bởi hội thánh đầu tiên với lý do là giả bút danh (tức là không-được-linh-cảm).

III. THỜI GIAN

- A. Thời gian viết sách phụ thuộc nơi quyền tác giả.
- B. Nếu chấp nhận quyền tác giả của Phi-e-rơ, thì thời gian viết sách phải trước khi ông qua đời (1:14).
- C. Truyền thống giáo hội khẳng định Sứ đồ Phi-e-rơ đã qua đời tại Rô-ma trong thời Nê-rô làm Sê-ra. Nê-rô khởi động bắt bớ các Cơ Đốc Nhân vào 64 SCN. Ông đã tự sát vào năm 68 SCN.

- D. Nếu người đi theo Phi-e-rơ viết sách và giả danh Phi-e-rơ, thì thời gian viết sách muộn nhất là 130-150 SCN điều này là có thể vì II Phi-e-rơ được trích dẫn trong Lai Thế Học của Phi-e-rơ cũng như trong Phúc Âm về Lê Thật và Lai Thế Học của Giảng.
- E. Nhà khảo cổ học nổi tiếng người Mỹ W. F. Albright khẳng định rằng nó được viết trước 80 SCN bởi vì sự tương đồng của nó với Cuộn Biển Chết.

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Nếu I Phi-e-rơ được đề cập trong II Phi-e-rơ 3:1 thì người nhận sẽ là cùng một nhóm người (miền bắc Thổ Nhĩ Kỳ).
- B. II Phi-e-rơ có thể là một lời chứng để khích lệ tất cả các tín hữu kiên trì chịu thử thách, chống lại các giáo sư giả, và sống trung thành với phúc âm và mong đợi Sự Trở Lại Lần Thứ Hai.

V. SỰ NHẤN MẠNH

- A. Để chống lại dị giáo, có lẽ là chủ nghĩa trí huệ giáo chống cơ đốc thời kỳ đầu (2:1-22; 3:15-18)
- B. Để thảo luận về sự trì hoãn của sự trở lại lần thứ hai của Đấng Christ (3:3-4). Tại thời điểm đó các giáo sư giả và tội nhân sẽ bị phán xét và con cái Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển.

VI. NGUYÊN NHÂN

- A. Khi I Phi-e-rơ nói về sự bắt bớ và chịu khổ, thì II Phi-e-rơ nói với những giáo sư giả.
- B. Bản chất chính xác của sự dạy dỗ sai trật là không chắc chắn, nhưng nó có thể liên quan đến chủ nghĩa trí huệ chống cơ đốc (2:1-22; 3:15-18). Sách này sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật được sử dụng bởi thuyết trí huệ giáo và các tôn giáo huyền bí. Thuật ngữ kỹ thuật này có thể là chủ đích nhằm tấn công thần học sai trật của họ.
- C. Sách này, như II Tê-sa-lô-ni-ca, nói về chủ đề Sự Trở Lại Lần Thứ Hai bị trì hoãn, nhưng chắc chắn khi đó, con cái của Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển và những người không tin sẽ bị phán xét (3:3-4). Thật thú vị I Phi-e-rơ đặc biệt sử dụng thuật ngữ *apocalupsis* để nói về sự trở lại của Chúa Giê-su, trong khi II Phi-e-rơ sử dụng *parousia*. Điều này có thể phản ánh việc sử dụng các người ghi chép khác nhau (theo Jerome).

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. làm đầy tớ (NASB “đầy-tớ-ruột”), 1:1
2. quyền năng của Đức Chúa Trời (NASB “quyền năng thánh”), 1:3
3. sự tin kính, 1:3
4. “người dự phần vào bản tính thiên thượng”, 1:4
5. “vương quốc đời đời” 1:11
6. “phải lìa nhà tạm này”, 1:14
7. “sự quang lâm của Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ”, 1:16
8. “chúng tôi tận mắt chứng kiến về uy nghi của Ngài”, 1:16
9. “Con Yêu Dấu của Ta”, 1:17
10. “sao mai mọc”, 1:19
11. tiên tri giả, 2:1
12. giáo sư giả, 2:1
13. “các thiên sứ khi họ phạm tội”, 2:4
14. hỏa ngục (Tartarus), 2:4

15. “khinh dể quyền bính”, 2:4
16. “xúc phạm đến các bậc uy linh” (NASB “xúc phạm đến uy quyền thiên sứ”), 2:10
17. “điều răn thánh”, 2:21
18. “ngày của Đức Chúa Trời mau đến”, 3:12
19. “trời mới và đất mới”, 3:13
20. “không dấu vết và không chỗ trách được”, 3:14

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Nô-ê, 2:5
2. Lót, 2:7
3. Ba-la-am, 2:15

IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ - KHÔNG

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Câu 1:1 gọi Giê-su là Đức Chúa Trời phải không?
2. 1:10 liên quan đến quyền tể trị của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người như thế nào?
3. Chúa Giê-su đã nói với Phi-e-rơ về sự chết của Ngài khi nào? (1:14)
4. Liệt kê những cách mà chương 1 phản ánh thời kỳ của Phi-e-rơ với Chúa Giê-su.
5. Lễ thật vĩ đại nào được khẳng định 1:20-21?
6. Liệt kê các đặc điểm của lãnh đạo giả trong chương 2.
7. Tại sao 2:1, “lại chối bỏ Chúa là Đấng đã chuộc mình”, rất đau khổ?
8. Tại sao 2:8 ngạc nhiên? (2:20)
9. Giải thích 2:20 trong ngôn từ của bạn.
10. Chính xác thì các giáo sư giả khẳng định điều gì trong 3:4?
11. Tại sao trái đất được cho là hình thành từ nước? (3:5)
12. Hàm ý của 3:8 là gì?
13. 3: 9b liên quan đến I Tim. 2:4 như thế nào?
14. Ở đâu trong Kinh Thánh, lễ thật của 3:10 được đề cập đến?
15. Tại sao Phi-e-rơ đề cập đến Phao-lô quan trọng?
16. Chủ đề trọng tâm của II Phi-e-rơ là gì?

GIỚI THIỆU I GIĂNG

I. SỰ ĐỘC NHẤT CỦA SÁCH

- A. Sách I Giăng không phải là một lá thư cá nhân hay lá thư viết cho hội thánh như là “Bản Ghi Nhớ Chính Thức Từ Trụ Sở Chính” (thư của tổng liên hội).
1. Nó không có lời giới thiệu truyền thống (từ ai, cho ai).
 2. Nó không có lời chào mở đầu cá nhân hoặc lời chào kết thúc.
- B. Không đề cập đến tên cá nhân. Điều này rất bất thường ngoại trừ sách được viết cho nhiều hội thánh, như Ê-phê-sô và Gia-cơ. Sách Tân Ước duy nhất không bao gồm tên của tác giả là sách Hê-bơ-rơ. Tuy nhiên, rõ ràng sách được viết cho các tín hữu đang đối diện những vấn đề nội bộ trong hội thánh về giáo sư giả.
- C. Thư tín này là bài luận thần học mạnh mẽ
1. Trọng tâm về Chúa Giê-su
 - a. Đức Chúa Trời trọn vẹn và con người trọn vẹn
 - b. sự cứu rỗi đến từ đức tin nơi Chúa Giê-su Christ, không đến từ kinh nghiệm huyền bí hay kiến thức bí mật (giáo sư giả)
 2. Yêu cầu của lối sống Cơ Đốc (ba thử nghiệm cho Cơ Đốc Nhân chân chính)
 - a. tình anh em
 - b. vâng phục
 - c. từ chối hệ thống thế giới sa ngã
 3. Sự bảo đảm về sự cứu rỗi đời đời qua đức tin nơi Chúa Giê-su thành Na-xa-rét (“biết” sử dụng 27 lần)
 4. Làm như thế nào nhận biết giáo sư giả
- D. Các tác phẩm của Giăng (đặc biệt là I Giăng) là tác phẩm tiếng Hy Lạp Phong Thông ít phức tạp nhất trong tất cả các sách Tân Ước, tuy nhiên không giống như các tác phẩm khác, nó đi sâu thâm vào những lẽ thật đòi hỏi của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Giê-su Christ (vd, Đức Chúa Trời là Ánh Sáng, 1:5; Đức Chúa Trời là Tình Yêu Thương, 4:8,16; Đức Chúa Trời là linh , Giăng 4:24).
- E. Có thể là I Giăng được sử dụng như một bức thư giới thiệu cho Phúc Âm Giăng. Dị giáo trí huệ ở trong thế kỷ thứ nhất là bối cảnh lịch sử cho cả hai sách. Trong khi Phúc Âm Giăng có sức mạnh truyền giáo cho người chưa tin, thì I Giăng được viết cho các tín hữu.
- Nhà giải kinh nổi tiếng Westcott cho rằng Phúc Âm Giăng khẳng định thần tánh của Chúa Giê-su, trong khi I Giăng khẳng định nhân tánh của Ngài. Hai sách đi cùng nhau!
- F. Giăng viết trong thuật ngữ đen và trắng (kiểu đối xứng). Đây là đặc trưng của Cuộn Biển Chết và các giáo sư giả. I Giăng được viết theo cấu trúc văn học đối xứng trong lời nói (ánh sáng so với bóng tối) và trong phong cách (tuyên bố tiêu cực theo sau là tuyên bố tích cực). Điều này khác với Phúc Âm của Giăng, sách sử dụng đối xứng dọc (ở trên so với ở dưới).
- G. Rất khó để tìm ra bố cục của I Giăng vì Giăng thường sử dụng các chủ đề đương thời. Sách giống như một tấm thảm về những sự thật đan xen vào nhau theo những kiểu lặp đi lặp lại (Bill Hendricks, *Tapestries of Truth, The Letters of John – Những Tấm thảm Lẽ Thật, Các thư tín của Giăng*).

II. TÁC GIẢ

- A. Quyền tác giả của I Giăng là một phần của tranh luận về quyền tác giả của Johannine Corpus - (Tập Dữ Liệu của Giăng) - Phúc âm Giăng, I Giăng, II Giăng, III Giăng và Khải Huyền.

B. Có hai vị trí cơ bản

1. Theo truyền thống

- a. Truyền thống nhất trí giữa những giáo phụ Hội Thánh đầu tiên rằng Giảng, Sứ Đồ yêu dấu, là tác giả của I Giảng
- b. Tóm tắt bằng chứng hội thánh đầu tiên
 - (1) Clement ở Rô-ma (90 SCN) ám chỉ I Giảng
 - (2) Polycarp ở Smyrna, *Philippians* 7 (110-140 SCN) trích dẫn I Giảng
 - (3) Justin Martyr, *Dialogue – Đối Thoại* 123:9 (150-160 SCN) trích dẫn I Giảng
 - (4) Những hàm chỉ đến I Giảng được trích dẫn trong các tác phẩm khác của
 - (a) Ignatius ở An-ti-ốt (thời gian viết các tác phẩm của ông không chắc chắn nhưng khoảng vào đầu những năm 100 SCN)
 - (b) Papias ở Hi-ê-ra-pô-li (sinh giữa 50-60 SCN và tử đạo khoảng 155 SCN)
 - (5) Irenaeus ở Lyons (130-202 SCN) quy I Giảng cho Sứ đồ Giảng. Tertullian, là nhà biện luận đã viết 50 cuốn sách chống lại những dị giáo, và ông thường trích dẫn I Giảng.
 - (6) Các tác phẩm đầu tiên khác đồng ý quyền tác giả của Sứ Đồ Giảng là Clement, Origen và Dionysius, cả ba Alexandria, Muratorian Fragment (180-200 SCN) và Eusebius (thế kỷ thứ ba).
 - (7) Jerome (nửa sau thế kỷ thứ tư) đã khẳng định quyền tác giả của Giảng nhưng ông cũng nhura nhận rằng nó đã bị từ chối bởi một số người trong thời của ông.
 - (8) Theodore ở Mopsuestia, Giám mục An-ti-ốt từ 392-428 SCN, đã từ chối quyền tác giả của Giảng.
- c. Nếu là Giảng, thì chúng ta biết gì về Sứ Đồ Giảng?
 - (1) Ông là con trai của Xê-bê-đê và Sa-lô-me
 - (2) Ông là ngư dân trên Biển hồ Ga-li-lê cùng với anh trai Gia-cơ (có thể thuộc sở hữu vài chiếc thuyền)
 - (3) Một vài người tin rằng mẹ của ông là chị gái của Ma-ry, mẹ của Chúa Giê-su (Giăng 19:25; Mác 15:20)
 - (4) Rõ ràng ông là người giàu có vì ông có:
 - (a) có người làm thuê (xem Mác 1:20)
 - (b) có nhiều thuyền
 - (c) có nhà ở Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 20:20)
 - (5) Giảng được phép vào nhà của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm ở Giê-ru-sa-lem, cho thấy ông là một người nổi tiếng (xem Giảng 18:15-16)
 - (6) Chính Giảng đã chăm sóc Ma-ry, mẹ của Chúa Giê-su, hoàn thành kết ước.
- d. Truyền thống Hội thánh đầu tiên nhất trí làm chứng rằng Giảng sống lâu hơn tất cả các Sứ Đồ khác, và sau cái chết của Ma-ry ở Giê-ru-sa-lem, ông chuyển đến Tiểu Á và định cư tại Ê-phê-sô, thành phố lớn nhất trong khu vực. Từ thành phố này, ông bị đày đến Đảo Pát-mô (vừa cập vào bờ biển) và sau đó đã được thả tự do và trở về Ê-phê-sô (Eusebius trích dẫn Polycarp, Papias và Irenaeus).

2. Học Giả hiện đại

- a. Đại đa số các học giả hiện đại nhận thấy sự tương đồng giữa tất cả các tác phẩm của Giảng (Johannine), đặc biệt là các cụm từ, từ vựng và các hình thức ngữ pháp. Một ví dụ tốt cho sự tương phản rõ rệt, đặc trưng cho các tác phẩm này: sự sống so với cái chết, sự thật so với sự giả dối. Văn học đối xứng rõ rệt này có thể được nhìn thấy trong các tác phẩm đương thời khác; Cuộn Biển Chết và các tác phẩm trí tuệ giáo sơ khai.
- b. Đã có một số giả thuyết về mối liên hệ giữa năm sách (Phúc Âm Giảng, 1,2,3 Giảng và Khải Huyền) theo truyền thống cho rằng quyền tác giả của Giảng Sứ Đồ. Một vài nhóm khẳng định quyền tác giả là chỉ một người, hai người, ba người, vân vân. Có vẻ như vị trí hợp lý nhất cho tất cả các tác phẩm của Giảng (Johannine) là chúng ra đời từ suy nghĩ của một người, ngay cả khi có lẽ chúng được viết bởi nhiều môn đồ đi theo ông.
- c. Cá nhân tôi tin là Giảng, vị Sứ Đồ già, đã viết tất cả năm sách cho đến cuối thời kỳ chức vụ của ông ở Ê-phê-sô.

3. Vấn đề của quyền tác giả là vấn đề về giải nghĩa kinh, không phải là vấn đề về mặc linh cảm. Tác giả tối cao nhất của Kinh thánh là Đức Chúa Trời!

III. THỜI GIAN VIẾT SÁCH – hiển nhiên nó liên quan đến quyền tác giả

- A. Nếu Sứ Đồ Giăng là người viết những bức thư này, và đặc biệt là I Giăng, thì chúng ta có thể định thời gian viết sách là cuối thế kỷ thứ nhất. Giả định này cho thời gian đề hệ thống của chủ nghĩa trí huệ giáo phát triển về thần học / triết học cách sai trật và cũng sẽ phù hợp với thuật ngữ của I Giăng (“hỡi các con bé nhỏ”), dường như hàm ý một người đàn ông lớn tuổi đang nói chuyện với một nhóm tín hữu non trẻ. Jerome cho rằng Giăng đã sống thêm 68 năm sau khi Chúa Giê-su bị đóng đinh. Điều này dường như phù hợp với truyền thống.
- B. A.T. Robertson nghĩ rằng I Giăng đã được viết trong khoảng giữa năm 85-95 SCN, trong khi Phúc Âm Giăng được viết bởi vào khoảng năm 95 SCN.
- C. *The New International Commentary Series - Loạt Chú Giải Kinh Quốc Tế Mới về I Giăng* bởi I. Howard Marshall khẳng định thời gian viết sách là khoảng giữa 60-100 SCN khá giống với các học giả hiện ước tính thời gian viết các tác phẩm của Giăng (Johannine).

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Truyền thống khẳng định rằng sách này đã được viết cho Tỉnh Rô-ma ở Tiểu Á (phía tây Thổ Nhĩ Kỳ), và với Ê-phê-sô là khu vực đô thị lớn của nó.
- B. Bức thư dường như đã được gửi đến một nhóm hội thánh cụ thể ở Tiểu Á gặp vấn đề với giáo sư giả (như Cô-lô-se và Ê-phê-sô), cụ thể (1) nhóm trí huệ giáo theo dòng Docetic, nhóm bác bỏ nhân tánh của Chúa Giê-su, nhưng khẳng định thần tánh của Ngài và (2) nhóm trí huệ giáo chống cơ đốc là nhóm có thần học tách thân xác với linh hồn đạo đức/lời sống vô luân.
- C. Augustine (thế kỷ thứ tư SCN) cho rằng sách được viết cho người Parthians (Ba-by-lôn). Ông có tông đồ đi theo là Cassiodorus (đầu thế kỷ thứ sáu SCN). Điều này có lẽ xuất phát từ sự nhầm lẫn của cụm từ “người phụ nữ được chọn” và cụm từ “hội thánh tại Ba-by-lôn” (NASB “Cô ấy tại Ba-by-lôn”), được sử dụng trong I Phi-e-rơ 5:13 và II Giăng 1.
- D. Muratorian Fragment, một danh sách kinh điển đầu tiên của các sách Tân Ước được viết trong khoảng thời gian từ 180-200 SCN tại Rô-ma khẳng định bức thư này được viết “sau khi được các môn đệ và giám mục của ông khuyến khích” (ở Tiểu Á).

V. DỊ GIÁO

- A. Bản thân bức thư rõ ràng là sự phản ứng chống lại sự dạy dỗ sai trật (xem. “Nếu chúng ta nói ...” 1: 6 và “người nào nói...” 2: ; 4:20 [lời đả kích]).
- B. Chúng ta có thể tìm hiểu một vài giáo lý cơ bản của dị giáo qua nội chứng từ I Giăng.
1. từ chối sự nhập thể của Chúa Giê-su Christ
 2. từ chối Chúa Giê-su Christ là trọng tâm của sự cứu rỗi
 3. không có một lời sống Cơ Đốc đúng đắn
 4. nhấn mạnh vào kiến thức (thường là sự huyền bí)
 5. xu hướng độc quyền
- C. Bối cảnh của thế kỷ thứ nhất
Thế giới La Mã của thế kỷ thứ nhất là thời kỳ chọn lọc các tôn giáo giữa phương Đông và phương Tây. Các vị thần của Hy Lạp và La Mã đã ở trong tình trạng xuống cấp. Các tôn giáo Huyền Bí trở nên rất

phổ biến vì chúng nhấn mạnh vào mối quan hệ cá nhân với vị thần và kiến thức về sự mầu nhiệm. Triết học Hy Lạp thế tục trở nên phổ biến và được kết hợp với các quan-điểm-thế-giới khác. Trong thế giới của tôn giáo được chọn này đã khiến đức tin Cơ Đốc trở nên độc đáo duy nhất (Chúa Giê-su là con đường duy nhất đến với Đức Chúa Trời, xem Giảng 14:6). Dù nền tảng chính xác của dị giáo là gì, nó nỗ lực thu nhỏ tính hợp lý của Cơ Đốc Giáo và mở rộng khán giả Hy Lạp-La Mã cách khôn khéo và được chấp nhận.

D. Các nhóm trí huệ giáo có thể mà Giảng đang nhắm đến

1. Trí huệ giáo sơ khai

- a. Những sự dạy dỗ cơ bản của trí huệ giáo sơ khai của thế kỷ thứ nhất dường như là sự nhấn mạnh vào thuyết nhị nguyên bản thể học giữa (đời đời) tâm linh và vật chất. Linh (Đức Chúa Trời Tối Cao) được cho là tốt, trong khi vật chất vốn là xấu xa. Sự phân đôi này giống lý tưởng của chủ nghĩa Plato so với vật chất, trên trời so với trần thế, vô hình so với hữu hình. Đồng thời nó cũng có nhấn mạnh về tầm quan trọng của kiến thức huyền bí (mật khẩu hoặc mật mã bí mật cho phép một linh hồn có thể đi qua các lớp thiên sứ [*aeons*] cho đến khi gặp được chúa tối cao) cần thiết cho sự cứu rỗi.
- b. Có hai hình thức của trí huệ giáo sơ khai mà có thể là bối cảnh của I Giảng
 - (1) Trí huệ giáo Docetic, phủ nhận nhân tánh thực sự của Chúa Giê-su vì vật chất là xấu xa
 - (2) Trí huệ giáo Ce-rin-thi-an, khẳng định Đấng Christ là một trong những *aeons* hoặc là cấp độ thiên sứ giữa chúa tốt lành và vật chất xấu này. Họ dạy rằng “Linh của Đấng Christ” ngự trong thân xác Giê-su khi chịu phép báp-têm và Linh liả bỏ thân xác trước khi người bị đóng đinh.
 - (3) vài người trong hai nhóm này thực hành chủ nghĩa khắc kỷ khổ hạnh (nếu cơ thể muốn điều gì, thì điều đó là xấu xa), và chủ nghĩa khoái lạc phóng đảng (nếu cơ thể muốn cái gì, thì cho nó cái đó). Không có bằng chứng bằng văn bản về hệ thống phát triển thuyết trí huệ trong thế kỷ thứ nhất. Mãi đến giữa thế kỷ thứ hai thì tài liệu bằng chứng tồn tại. Để biết thêm thông tin về “chủ nghĩa trí huệ” xin xem:
 - (a) *The Gnostic Religion - Tôn giáo Trí Huệ* của Hans Jonas, được xuất bản bởi Beacon Press
 - (b) *The Gnostic Gospels - Các Phúc Âm Trí Huệ Giáo* của Elaine Pagels, được xuất bản bởi Random House
 - (c) Các văn bản của thuyết Trí Huệ Nag Hammadi và Kinh thánh của Andrew Helmbold
2. Ignatius gợi ý một nguồn có khả năng về các dị giáo khác trong các tác phẩm *gởi đến người Smyrniéc-nơ – to the Smyrnaeans iv-v*. Họ khước từ sự nhập thể của Chúa Giê-su và sống thác loạn theo phái khoái lạc phóng đảng.
3. Tuy nhiên một nguồn khác về dị giáo ít có khả năng là Meander ở An-ti-ốt, người được biết đến từ các tác phẩm của Irenaeus, *Against Heresies - Chống Dị Giáo XXIII*. Ông là tín đồ của Simôn người Samari và một người ủng hộ kiến thức bí mật.

E. Các Dị Giáo Ngày Nay

1. Tinh thần của dị giáo này hiện diện với chúng ta ngày nay khi người ta cố gắng kết hợp chân lý Cơ Đốc Giáo với các hệ thống tư tưởng khác.
2. Tinh thần của dị giáo này hiện diện với chúng ta ngày nay khi người ta nhấn mạnh giáo lý “đứng đắn” để loại bỏ mối quan hệ cá nhân và lối sống đức tin.
3. Tinh thần của dị giáo này hiện diện với chúng ta ngày nay khi người ta có biến Cơ Đốc Giáo thành tinh hoa độc quyền của trí tuệ.
4. Tinh thần của dị giáo này hiện diện với chúng ta ngày nay khi người ta chuyển sang lối sống khắc kỷ khổ hạnh hay khoái lạc phóng đảng.

VI. MỤC ĐÍCH

- A. Trọng tâm thực tế cho các tín hữu tập trung
 - 1. để mang đến niềm vui cho họ (xem 1:4)
 - 2. để khuyến khích lối sống tin kính (xem 1:7; 2:1)
 - 3. ra lệnh (và nhắc nhở họ) phải yêu thương lẫn nhau (4:7-21) chứ không yêu thế gian (2:15-17).
 - 4. cho họ sự đảm bảo về sự cứu rỗi trong Đấng Christ (xem 5:13)
- B. Trọng tâm giáo lý cho các tín hữu tập trung
 - 1. bác bỏ sự sai lầm trong việc tách rời thần tánh và nhân tánh của Chúa Giê-su
 - 2. bác bỏ sự sai lầm trong việc tách thuộc linh thành chủ nghĩa trí thức không có đời sống tin kính
 - 3. bác bỏ sự sai lầm là một người được cứu thì cô lập mình với người khác

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

- 1. từ ban đầu, 1:1
- 2. Lời sự sống, 1:1
- 3. sự sống đời đời, 1:2
- 4. sự thông công (*koinōnia*), 1:3
- 5. Đức Chúa Trời là ánh sáng, 1:5
- 6. bước đi, 1:6,7
- 7. huyết của Đức Chúa Giê-su, 1:7
- 8. các con cái bé nhỏ, 2:1
- 9. tể lễ chuộc tội, 2:2; 4:10
- 10. biết, 2:3, 4, 18, 20, 21, vv.
- 11. ở trong, 2:6, 17, 24, 25, 27, vv.
- 12. điều răn mới, 2:7
- 13. nhờ danh Ngài, 2:12
- 14. thế gian, 2:15
- 15. giờ cuối cùng, 2:18
- 16. xúc dầu, 2:20,27
- 17. xưng nhận, 2:23; 4:2, 3, 15, vv.
- 18. thử xem các thần linh đó, 4:1
- 19. trong ngày phán xét, 4:17
- 20. “Thánh Linh, nước và huyết”, 5:8
- 21. tội dẫn đến sự chết, 5:16
- 22. sinh bởi Đức Chúa Trời, 5:18
- 23. giữ mình khỏi hình tượng, 5:21

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

- 1. Đấng Biện Hộ, 2:1
- 2. người nói dối, 2:4, 22
- 3. kẻ chống Đấng Christ, 2:18; 4:3
- 4. những kẻ chống Đấng Christ, 2:18
- 5. những kẻ lừa dối các con, 2:26
- 6. ma quỷ (tiếng Anh chữ “devil”), 3:8, 10
- 7. Ca-in, 3:12
- 8. ma quỷ (tiếng Anh có chữ “the evil one”), 5:18

IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ - KHÔNG

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao I Giăng 1:1-4 sử dụng rất nhiều động từ phản ánh các giác quan (đã nghe, đã thấy, đã chiêm ngưỡng, và tay đã chạm)?
2. Tại sao ai đó nói rằng họ không có tội lỗi? (1: 8)
3. Tại sao 1:9 là câu quan trọng? Nó đang nói đến ai?
4. Bạn liên hệ 1:10 với 3:6 và 9 như thế nào?
5. 2:2 liên quan đến Giăng 3:16 như thế nào?
6. Tại sao từ “biết” được sử dụng thường xuyên trong I Giăng? Định nghĩa ý nghĩa của nó trong tiếng Do Thái.
7. Cụm từ lặp đi lặp lại thường xuyên, “nếu chúng ta nói...”, có ý nghĩa hay ngụ ý gì?
8. Những giáo sư giả mà Giăng đang đối đầu là ai? Giải thích niềm tin của họ đi ngược với Cơ Đốc Giáo theo Kinh thánh!
9. 3:2 liên quan đến giáo lý nào?
10. Tại sao 3:6 và 9 rất khó để giải nghĩa?
11. 4:8 liên quan đến việc chiến đấu giữa các tín hữu Cơ Đốc như thế nào?
12. Khái niệm Ba Ngôi xuất hiện trong 4:13-14. Giải thích điều này trong ngôn từ của bạn.
13. Giải thích 4:19 trong ngôn từ của bạn.
14. Có ba bài kiểm tra trong I John đảm bảo cho các tín đồ rằng họ là Kitô hữu. Liệt kê ba bài kiểm tra.
15. Tại sao 5:13 là câu quan trọng?
16. 5:14-15 hứa với các tín hữu rằng những lời cầu nguyện của họ sẽ luôn có câu trả lời tích cực phải không?
17. Tội gì dẫn đến sự chết? (5:16)
18. 5:18 hứa với các tín hữu rằng họ sẽ không bao giờ bị Satan thù hay cám dỗ phải không? Tại sao phải và tại sao không?
19. Cụm từ “cả thế gian đều phục dưới quyền ma quỷ”, có nghĩa là gì?

GIỚI THIỆU II và III GIẢNG

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Bức thư ngắn này chỉ mang tên III Giảng vì nó ngắn hơn II Giảng một chút. Tôi thực sự nghĩ cả II Giảng và III Giảng tạo thành một thông điệp cân bằng cho một hội thánh địa phương, có lẽ ở đâu đó trong Tỉnh Rô-ma của Tiểu Á, khoảng cuối thế kỷ thứ nhất.
- B. II Giảng liên quan đến vấn đề các diễn giả dị giáo lưu động, trong khi III Giảng khuyến khích hội thánh nên giúp các nhà truyền giáo Cơ Đốc lưu động.
- C. Có ba người đàn ông khác nhau được nêu tên cụ thể trong III Giảng:
1. Gai-út (người đàn ông tin kính trong hội thánh người nhận)
 - a. Có ba Gai-út được đề cập trong các phần khác của Kinh Thánh: Gai-út xứ Ma-xê-đô-ni-a, Công. 19:29; Gai-út xứ Đẹt-bơ, Công. 20:4; và Gai-út ở Cô-rinh-tô, Rôm. 16:23; I Côr. 1:14.
 - b. Các tác phẩm được biết đến như là “Các Hiến Pháp Sứ Đồ” liệt kê Gai-út trong III Giảng là Giám mục của Pê-tơ-gum, được bổ nhiệm bởi Giảng.
 2. Đê-ô-trếp (kẻ gây rắc rối vô thân tại hội thánh người nhận)
 - a. Đây là nơi duy nhất đề cập tên của người đàn ông này trong Tân Ước. Tên ông rất hiếm gặp, có nghĩa là “người nuôi dưỡng của Zeus (thần Dớt)”. Thật là mỉa mai khi ông được đặt theo tên của “Zeus – thần Dớt” mà chống đối các lễ khách trong khi “thần Dớt” là “vị thần bảo vệ của lễ khách.”
 - b. Thái độ của ông được phơi bày trong câu 9-10.
 3. Đê-mê-triu (người mang thư của Giảng đến hội thánh địa phương này)
 - a. Rõ ràng ông là một trong những nhà truyền giáo lưu động và là người mang bức thư của Sứ đồ ở Ê-phê-sô về.
 - b. Truyền thống cho rằng “Các Hiến Pháp Sứ Đồ” liệt kê Đê-mê-triu là Giám mục của Phi-la-đen-phi-a, người được bổ nhiệm bởi Sứ Đồ Giảng.
- D. Hội thánh đầu tiên gặp khó khăn trong việc làm như thế nào để đánh giá và hỗ trợ các nhà truyền giáo, diễn giả và giáo sư lưu động. Một tác phẩm phi-kinh điển Cơ Đốc đầu tiên ở đầu thế kỷ thứ hai được gọi là *The Didache or The Teaching of the Twelve Apostles – Sự Giáo Huấn hay Dạy Dỗ Của Mười Hai Sứ Đồ* - có những hướng dẫn sau:

CHƯƠNG XI - LIÊN QUAN ĐẾN GIÁO SƯ, SỨ ĐỒ VÀ NHÀ TIÊN TRI

“Vậy, hễ bất kỳ ai, đến và dạy cho tất cả anh em những điều đã được các sứ đồ nói trước, thì hãy tiếp nhận người đó. Nhưng nếu chính giáo sư tự dạy một giáo lý khác về sự hủy diệt, thì không nghe ông; nhưng nếu ông ta dạy để tăng sự công chính và sự hiểu biết về Chúa, thì hãy tiếp nhận ông ta, như Chúa đã làm. Nhưng liên quan đến các sứ đồ và các tiên tri, theo sắc lệnh của Phúc âm cũng vậy: Hãy để mọi sứ đồ đến với các anh em và tiếp đã họ như tiếp đã Chúa. Nhưng ông ta sẽ không ở lại qua đêm ngoài trừ chỉ một ngày mà thôi; Nhưng nếu có nhu cầu, ông cũng có thể ở thêm một ngày tiếp theo; nhưng nếu ông ta ở lại ba ngày, ông ấy là một tiên tri giả. Và khi sứ đồ rời khỏi nhà anh em đừng cho ông ta thứ gì cả ngoài chiếc bánh mì; nhưng nếu ông ta hỏi tiền, ông ấy là một tiên tri giả” (trang 380).

CHƯƠNG XII TIẾP TỤC TIẾNG VIỆT

“Nhưng, bất cứ ai nói trong Thánh Linh rằng, Hãy đưa tiền cho tôi, hay tặng vật gì cũng được thì đừng nghe người đó; nhưng nếu anh ta nói tiền này để giúp những người khác đang trong nhu cầu, thì không ai nên phán xét anh ta.

Nhưng anh em hãy tiếp nhận bất kỳ người nào khi đến trong danh Chúa, và sau khi người

ấy rời khỏi thì anh em sẽ chứng minh để biết người ấy rõ hơn; để anh em biết điều gì là đúng điều gì là sai. Nếu người đến với anh em ở một nơi rất xa, hãy giúp anh ta theo khả năng của anh em; nhưng anh ta sẽ không ở lại, ngoại trừ hai hoặc ba ngày, nếu cần. Nhưng nếu anh ấy muốn ở lại nhà của anh em, và trở thành một nghệ sĩ, thì hãy để anh ấy làm việc và ăn uống; nhưng nếu anh ta không có làm ăn, không chịu lao động, theo sự quan sát và thấy của anh em, là một Cơ Đốc Nhân, anh ta sẽ không sống với bạn trong sự nhàn rỗi và lười biếng. Nhưng nếu anh ta không muốn làm vậy, anh ta là một kẻ buôn-bán-Đấng-Christ (kiểu buôn thần bán thánh trong tiếng Việt). Hãy tránh xa những người như vậy (trang 381).

II. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “từ ban đầu” 1:1
2. “Đức Chúa Trời là Ánh Sáng”, 1:5
3. xưng nhận, 1:9
4. “các con bé nhỏ của ta”, 2”1
5. biện hộ, 2:1
6. tế lễ chuộc tội, 2:2
7. biết, 2:3
8. “ở trong Ngài”, 2:6
9. “Chớ yêu thế gian,”2:15
10. “giờ cuối cùng,” 2:18
11. xúc dầu, 2:27
12. “Thánh Linh nước và huyết”, 5:8
13. “tội dẫn đến sự chết”, 5:16
14. “hãy giữ mình khỏi hình tượng”, 5:21

III. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Lời Sự Sống, 1:2
2. kẻ chống Đấng Christ, 2:18 (II Giảng câu.7)
3. những kẻ chống Đấng Christ, 2:18
4. người đàn bà được chọn, II Giảng câu.1
5. các con cái của bà, II Giảng câu.1
6. “các con của người chị em được của bà”, II Giảng câu.13
7. Gai-út, III Giảng câu.1
8. Đi-ô-trép, III Giảng câu.9
9. Đê-mê-triu, III Giảng câu.12

IV. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ - KHÔNG

V. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao 1:1-5 có nhiều động từ liên quan đến năm giác quan?
2. Tại sao ai đó nói rằng họ không có tội lỗi? (1:8)
3. 2:2 liên quan đến Giảng 3:16 như thế nào?
4. Giải thích 2:7-8 trong ngôn từ của bạn.
5. 2:12-14 liên quan đến các nhóm tuổi khác nhau trong hội thánh hay tất cả các tín hữu?
6. Giải thích 2:22-23 dưới ánh sáng của thần học theo trí huệ giáo.
7. Sự thật trọng tâm của phân đoạn, 2:28-3:3 là gì?
8. Tại sao 3:6 và 9 rất khó để giải thích?
9. 3:15 liên quan đến Bài Giảng Trên Núi như thế nào?
10. Giải thích 3:20 trong ngôn từ của bạn.
11. Làm thế nào để kiểm tra các linh? (4:1-6)

12. 4:2 liên quan đến thần học trí huệ giáo như thế nào?
13. Lễ thật trọng tâm của 4:7-24 là gì?
14. Làm thế nào 5:13 hoạt động như một trong những chủ đề của cả sách?
15. Đức Chúa Trời có trả lời tất cả lời cầu nguyện không? (5:14-15)
16. II Giăng câu 10 đề cập đến một gia đình hay một hội thánh? Tại sao?
17. III Giăng câu 2 có phải là bản văn hứa hẹn một đời sống mạnh khỏe và thịnh vượng không?

GIỚI THIỆU GIU-ĐE

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Giu-đe là sách chiến đấu với sự nguy hiểm đương thời về giáo lý sai trật, sự nổi loạn và phán xét. Tín hữu phải luôn cảnh giác. Sự bảo vệ của họ là
1. Sự kêu gọi, tình yêu thương và năng quyền gìn giữ của Đức Chúa Cha
 2. kiến thức Kinh Thánh, sống tin kính và thương xót các tín hữu bị thương bởi dị giáo
- B. Tuy nhiên, ngay giữa vô vàng lời cảnh báo là lời kết của Giu-đe là một trong những lời cầu nguyện mạnh mẽ nhất khẳng định quyền năng gìn giữ của Đức Chúa Trời.
- C. Mối quan hệ giữa Giu-đe và II Phi-e-rơ không chắc chắn về:
1. thư nào được viết trước
 2. tại sao chúng giống nhau nhưng khác nhau
 3. làm thế nào để phân biệt sách nào miêu tả dị giáo sắp tới và sách nào miêu tả dị giáo đương thời
 4. liệu có một tài liệu hội thánh đầu tiên mà cả hai tác giả đều rút từ đó ra
 5. liệu có bất kỳ ví dụ nào về sự nổi loạn liên quan đến các tín hữu
- D. Sách này minh họa sự cân bằng thần học giữa
1. quyền năng giữ của Đức Chúa Trời (câu 1,24)
 2. những tín hữu tự giữ chính mình (câu 21)

II. TÁC GIẢ

- A. Giu-đe (tiếng Do Thái là Giu-đa [Judah] hoặc Hy Lạp là [Giu-đe]) tự mô tả bản thân bằng hai chi định
1. “đầy-tớ-ruột của Chúa Giê-su Christ” – Tên gọi này không hoàn toàn giống với cách Phao-lô thông thường gọi chính ông, mặc dù chúng trông giống nhau trong tiếng Anh. Phao-lô luôn đặt danh từ “nô lệ” ở trước chữ tôi tớ, theo sau là cụm từ mô tả SỞ HỮU CÁCH - GENITIVE. Điều này cũng giống với II Phi-e-rơ.
Tuy nhiên, trật tự từ trong Giu-đe giống trật tự từ trong Gia-cơ (từ SỞ HỮU CÁCH được đặt đầu tiên).
 2. “em của Gia-cơ” - Có nhiều người trong Tân Ước có tên là Gia-cơ (Gia-cốp), nhưng tên này tự nó, không có bất kỳ mô tả nào, nhắc nhớ về một người trong Gia-cơ 1:1. Gia-cơ, anh em cùng mẹ khác cha Chúa Giê-su, là lãnh đạo của giáo hội Giê-ru-sa-lem trong các chuyến truyền giáo của Phao-lô, (Công vụ 15). Nó có được suy đoán rằng cả hai anh em cùng mẹ khác cha đã chọn sự khiêm tốn, nên không tự nhận mình là anh em về mặt sinh học của Chúa Giêsu.
- B. Lời mở đầu đơn giản phản ánh một người nổi tiếng và năng động (xem I Cô-rinh-tô 9: 3) giữa vòng hội thánh đầu tiên, nhưng thông tin về người nổi tiếng không tồn tại lâu dài được. Nên nếu sau này ai đó muốn tìm và viết tên của người nổi tiếng từ quá khứ (bút danh), thì Giu-đa sẽ không là ứng cử viên tốt.
- C. Truyền thống cổ xưa cho rằng Giu-đe là một Cơ Đốc Nhân Do Thái và là anh em cùng mẹ khác cha của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 13:55; Mác 6:3) dựa trên một số giả định
1. mối quan hệ gia đình với Gia-cơ (xem Gia-cơ 1:1)
 2. việc sử dụng Cựu ước ở diện rộng
 3. đặc trưng văn học tiếng Hê-bơ-rơ được sử dụng trong ba hình thức
 - a. ba sự kiện bội đạo trong Cựu Ước
 - b. ba nhân vật Cựu Ước
 - c. lời chào đầu thư
 - (1) ba động từ: “được kêu gọi”, “yêu thương” và “gìn giữ”

(2) ba điều cầu nguyện: “lòng thương xót”, “bình an”, “tình yêu thương”

- D. Phong cách và hình thức tiếng Hy Lạp của Giu-đe là tiếng Hy Lạp Phổ Thông được trình-bày-tốt. Hẳn Giu-đe phải là người có mối quan hệ diện rộng khắp quốc tế (I Cô-rinh-tô 9:5).
Về tính cách, ông khá giống Gia-cơ; ông thẳng-thần-trình bày, không dùng từ-vô-nghĩa để ra lệnh cho tín hữu sống đời sống tin kính trong thế giới tội lỗi và nổi loạn này.

III. THỜI GIAN

- A. Không có gì chắc chắn, chỉ có sự nghi ngờ.
- B. Hãy để chúng tôi liệt kê một vài tham số
1. nếu được viết trong thời gian cuộc đời của Giu-đe, em trai của Gia-cơ và anh em cùng mẹ khác cha của Chúa Giê-su
 2. sách về mối quan hệ văn học của Giu-đe với II Phi-e-rơ. Trong số 25 câu trong Giu-đe, mười sáu (câu 3-18) có một số liên kết với II Phi. 2:1-18. Nếu Phi-e-rơ là tác giả của II Phi-e-rơ, thì thời gian viết sách gắn liền với cuộc đời của ông (ông qua đời vào năm 64 SCN). Tuy nhiên, không rõ ai là người trích dẫn ai:
 - a. II Phi-e-rơ trích dẫn Giu-đe
 - b. Giu-đe trích dẫn II Phi-e-rơ
 - c. cả hai đều sử dụng tài liệu giáo lý hoặc truyền thống hội thánh đầu tiên
- C. Nội dung của sách ngụ ý thời gian viết sách là giữa thế kỷ thứ nhất. Dù thời gian để các dị giáo phát triển và gây dựng. Sự hiện diện vật lý của các Sứ Đồ không còn nữa vì họ vừa qua đời (câu 18-19). Tuy nhiên, sự đồng bộ học thuyết các dị giáo đã chưa phát triển. Giu-đe đề cập đến các vấn đề đạo đức của các giáo sư giả, nhưng không thảo luận về các lỗi tín lý của họ. Ông sử dụng các ví dụ trong Cựu Ước, chứ không dùng sự dạy dỗ của Chúa Giê-su (trích dẫn hoặc các câu chuyện).
- D. Trong *Giáo Hội Lịch Sử - Historical Ecclesiasticus* III:19:1-20:6, Eusebius đề cập đến một truyền thống.
1. rằng các cháu trai của Giu-đe, đã bị giải đến Rô-ma trình diện trước Domiti với tội danh phản quốc
 2. rằng họ là hậu duệ của hoàng gia Do Thái
 3. rằng họ là người thân của Chúa Giê-su người Na-xa-rét Domitian trị vì từ 81-96 SCN.
- E. Thời gian viết sách khoảng thập niên 60 đến 80 là có khả năng.

IV. NGƯỜI NHẬN VÀ NGUYÊN NHÂN

- A. Hội thánh ban đầu không nguyên khối về mặt thần học; ngay cả các Sứ Đồ cũng nhấn mạnh đến các khía cạnh khác nhau của phúc âm. Khi các Sứ đồ bắt đầu qua đời (hoặc còn rất ít một vài sứ đồ và ở quá xa để tham khảo ý kiến) và Sự Trở Lại Thứ Hai tiếp tục bị trì hoãn, hội thánh đầu tiên phải đối mặt với thử thách “tiêu chuẩn hóa” các quy định chúng có thể chấp nhận được cho việc dạy dỗ phúc âm. Cựu ước, những lời dạy dỗ, câu chuyện về cuộc đời của Chúa Giê-su và lời rao giảng của các Sứ đồ đã trở thành tiêu chuẩn.
- B. Giu-đe được viết trong thời kỳ thẩm quyền bị thay đổi và phá vỡ cách rõ ràng. Các tín hữu (dù là hội thánh địa phương hay toàn khu vực địa lý không chắc chắn) đã phải đối mặt với sự tấn công diện rộng về những quan điểm cơ thần học / triết học sai trật. Về dị giáo, những gì có thể biết:
1. những kẻ dị giáo là một phần của các cuộc họp của hội thánh (“những bữa tiệc yêu thương c.12)
 2. những kẻ dị giáo là những giáo sư vô đạo đức, mảnh khảnh, gây chia rẽ dân sự của Đức Chúa Trời (xem câu 19)

3. dường như những kẻ dị giáo sử dụng hoặc thảo luận về giáo lý “thiên sứ” của họ
4. những kẻ dị giáo dường như nhấn mạnh “kiến thức”(gnosis – tri thức)

Nếu một người quen thuộc với thế giới Hy Lạp-La Mã của thế kỷ thứ nhất và thứ hai, thì những đặc điểm muốn nói đến phong trào triết học / thần học được gọi là “Chủ Nghĩa Trí Huệ Giáo”. Khá chắc chắn rằng nguồn gốc của những dị giáo thế kỷ thứ hai cụ thể này là một yếu tố phổ biến của nhiều tư-tưởng-cận-đông. Các yếu tố của thuyết nhị nguyên rất đặc trưng của Chủ Nghĩa Trí Huệ Giáo được trình bày trong Cuộn Biên Chết. Nhiều sách Tân Ước (Ê-phê-sô, Cô-lô-se, I, II Giăng) được viết để chống lại các giáo sư / sự dạy dỗ sai trật tương tự cùng loại.

V. MỤC ĐÍCH

- A. Tác giả mong muốn viết về sự cứu rỗi chung của chúng ta (xem câu 3).
- B. Những giáo lý sai trật và giáo sư giả đã tấn công vào trong giờ nhóm lại của hội thánh (câu.12) khiến tác giả phải giải quyết vấn đề nóng bỏng về “đức tin đã truyền cho các thánh đồ một lần đủ cả” (xem câu 3,20). Mục tiêu của ông là chính thống (orthodoxy), nhưng anh đã tiếp cận chủ đề thông qua đời sống tin kính (chính hành - orthopraxy), không giáo lý (rất giống với Gia-cơ 2:14-24). Lối của mọi người sống như thế nào là cửa sổ rõ ràng để nhìn thấy thần học của họ.
- C. Tác giả muốn khích lệ các tín hữu
 1. tăng trưởng thuộc linh (câu 20)
 2. yên tâm biết chắc về sự cứu rỗi (câu.21, 24-25)
 3. giúp người ngã lòng (câu. 22-23)

VI. SỰ KINH ĐIỂN HÓA

- A. Sách này ban đầu được chấp nhận (xem trích dẫn của Clement ở Rôma khoảng 94 SCN), sau đó nó bị tranh cãi và cuối cùng được chấp nhận hoàn toàn (Hội đồng Nicea, 325 SCN và Carthage, 397 SCN).
- B. Vấn đề chính khiến sách bị tranh cãi khi đưa vào kinh điển là do sách trích dẫn các tài liệu không-kinh-điển (I Enoch và Giả định của Môi-se). Những tài liệu này, đặc biệt là I Enoch, được lưu hành rộng rãi giữa vòng các tín hữu của thế kỷ thứ nhất và có ảnh hưởng thần học trong cộng đồng.
 1. Tại sao trích ngoài kinh điển là có vấn đề? Liệu nó có ngụ ý rằng các sách không-kinh-điển là có thẩm quyền?
 - a. Cựu ước trích dẫn các bài viết không-được-linh-cảm (Dân. 21:14-15, 26-30 [Những lời tiên tri của Ba-la-am trong Dân. 22-23]; Giô. 10:13; II Sam. 1:18; I Các Vua. 11:41; 14:19, 29; 15:7,23,31)
 - b. Chúa Giê-su đã sử dụng các nguồn không theo kinh thánh để làm tài liệu minh họa (Mat. 23:35)
 - c. Ê-tiên đã sử dụng các nguồn không-kinh-điển (Công vụ 7:4,14-16)
 - d. Phao-lô thường sử dụng các nguồn không-kinh-điển
 - (1) Rabbinic Midrash cho rằng Đấng Christ là một tảng đá đi theo con dân Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ lang thang nơi đồng vắng (xem I Cô-rinh-tô 10:4)
 - (2) tên các pháp sư của Pha-ra-ôn trong Xuất. 7:11,22; 8:7 (xem II Ti-mô-thê 3:8) được lấy từ một số tác phẩm Do Thái đương thời
 - (3) Các nhà văn Hy Lạp
 - a) nhà thơ Aratus (Công vụ 17:28)
 - b) nhà thơ Menander (I Cô-rinh-tô 15:33)
 - c) nhà thơ Epampleides hoặc Euripes (Tít 1:12)
 - e. Gia-cơ sử dụng truyền thống của các thầy ra-bi Do Thái trong Gia-cơ 5:17
 - f. Giảng sử dụng huyền thoại về vũ trụ học cận phương đông trong Khải. 12:3
 2. Tại sao Giu-đe sử dụng các nguồn không-kinh-điển này?
 - a. có thể chúng được sử dụng tự do bởi các giáo sư giả

- b. có thể chúng được người nhận tôn trọng và đọc
- C. Tính kinh điển của Giu-đe được ủng hộ bởi
1. được trích dẫn hoặc được hàm chỉ bởi các tác giả
 - a. Clement ở Rô-ma (94-97 SCN)
 - b. Polycarp (110-50 SCN)
 - c. Irenaeus (130-202 SCN)
 - d. Tertullian (150-220 SCN)
 - e. Athenagoras (177 SCN)
 - f. Origen (185-254 SCN)
 (Những điều này được lấy từ Giải Kinh Theo Cách Phê Bình Quốc Tế, tr. 304-308)
 2. tên có trong
 - a. Clement ở Alexandria (150-215 SCN)
 - b. Cyril ở Giê-ru-sa-lem (315-386 SCN)
 - c. Jerome (340-420 SCN)
 - d. Augustine (400 SCN)
 3. được liệt kê trong danh sách kinh điển của
 - a. Muratorian Fragment (200 SCN)
 - b. Barococcio (206 SCN)
 - c. Athanaius (367 SCN)
 4. được khẳng định tại các Hội Đồng
 - a. Nicea (325 SCN)
 - b. Hippo (393 SCN)
 - c. Carthage (397 và 419 SCN)
 5. xuất hiện trong bản dịch của
 - a. Tiếng Latin cổ (150-170 SCN)
 - b. Bản Hiệu đính Syriac, Peshitta (Thế kỷ thứ 5 SCN)

D. Hội thánh sau này không chắc chắn về tình trạng kinh điển (được thần cảm) của sách Giu-đe. Eusebius liệt kê nó trong sách đang bị tranh cãi (*Lịch Sử Giáo Hội – Hist. Eccl.* III: 25). Cả Chrysostom và Jerome đều đề cập đến câu trích dẫn của Giu-đe từ các nguồn không-kinh-điển như là lý do nó bị tranh cãi bởi một vài tính kinh điển khác. Nó bị từ chối bởi hội thánh Syria đầu tiên cùng với các sách như II Phi-e-rơ, II và III Giăng. Có lẽ đây là khu vực của Đế Quốc bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi việc sử dụng thuyết Trí Huệ và thiên sứ học của người Do Thái. Do đó, Giu-đe và I Phi-e-rơ thêm một vài tài liệu về lập luận của các giáo sư già.

E. Vài từ ngắn gọn về I Enoch. Nó được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ trong nguyên gốc (nhưng giờ nó đã thất lạc ngoại trừ những mảnh nhỏ trong tiếng A-ram trong những cuộn sách Biển Chết), được dịch sang tiếng Hy Lạp (chỉ những mảnh nhỏ còn tồn tại) và được sao chép trong tiếng Ê-thi-ô-pi-a vào năm 600 SCN (một bản sao từ mảnh nhỏ còn tồn tại). Sách được viết trong thời kỳ nội-kinh-thánh, nhưng đã được chỉnh sửa nhiều lần, như bản sao Ê-thi-ô-pi-a cho thấy. Nó rất có tầm ảnh hưởng đến hội thánh đầu tiên; Tertullian trích dẫn nó như Kinh thánh. Nó được trích dẫn trong Thư tín của Ba-na-ba (như Kinh thánh) và bởi Irenaeus và Clement ở Alexandria. Nó bị mất sự ưu ái trong hội thánh đầu tiên khoảng đầu thế kỷ thứ tư.

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “sự cứu rỗi chung của chúng ta” c.3
2. “là đức tin đã truyền cho các thánh đồ một lần đủ cả”, c.3
3. sự suy đồi đạo đức, c.4
4. “từ bỏ chỗ riêng của mình”, c.6
5. “xiềng để giữ họ trong chỗ tối tăm”, c.6
6. “tình dục không tự nhiên”, c.7

7. “lừa đời đời”, c.7
8. bữa tiệc yêu thương, c.12
9. đáng thánh, c.14
10. “cầu nguyện trong Đức Thánh Linh”, c.20
11. “Đức Chúa Trời duy nhất”, c.20

VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “mấy kẻ len lỏi vào giữa anh em”, c.4
2. “các thiên sứ không giữ vị trí mình”, c.6
3. Mi-ca-ên, c.9
4. Ba-la-am, c.11
5. Cô-ra, c.11
6. Hê-nóc, c.14
7. “Đấng có quyền năng”, c.24

IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. Ai-cập, c.5
2. Sô-đôm và Gô-mô-rơ, c.7

X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Giu-đe muốn nhắm đến loại giáo sư giả nào? (xem 8-13)
2. Tại sao Giu-đe trích dẫn những tài liệu không-kinh-điển? (câu 9, 14-15)
3. Làm thế nào một người có thể giữ mình trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời? (câu 21)
4. Chủ đề trọng tâm của Giu-đe là gì?
5. Giu-đe liên quan đến II Phi-e-rơ như thế nào?

GIỚI THIỆU LỜI TIÊN TRI CỰU ƯỚC

I. LỜI GIỚI THIỆU

A. Lời mở đầu

1. Cộng đồng tín hữu không đồng ý nhất trí với nhau về cách giải nghĩa lời tiên tri. Những sự thật khác nhau đã được thiết lập như một vị trí chính thống trong suốt nhiều thế kỷ, nhưng không phải là vị trí này.
2. Có một vài giai đoạn được xác định rõ về lời tiên tri trong Cựu Ước
 - a. tiên quân chủ (trước vua Sau-lơ)
 - (1) các cá nhân được gọi là tiên tri
 - a) Áp-ra-ham - Sáng. 20: 7
 - b) Môi-se - Dân. 12: 6-8; Phục. 18:15; 34:10
 - c) A-rôn - Xuất. 7:1 (phát ngôn viên của Môi-se)
 - d) Mi-ri-am - Xuất. 15:20
 - e) Mê-đát và Ên-đát - Dân. 11:24-30
 - f) Đê-bô-ra - Quan Xét. 4:4
 - g) không tên - Quan Xét. 6:7-10
 - h) Sa-mu-ên - I Sam. 3:20
 - (2) đề cập như một nhóm tiên tri - Phục. 13:1-5; 18:20-22
 - (3) các nhóm tiên tri ngoại bang - I Sam. 10:5-13; 19:20; I Vua. 20:35,41; 22:6,10-13; II Vua. 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1, v.v.
 - (4) Đấng Mê-si-a được gọi là tiên tri - Phục. 18:15-18
 - b. các tiên tri trong chế độ quân chủ không có tác phẩm (họ đề cập đến vua)
 - (1) Gát - I Sam. 7:2; 12:25; II Sam. 24:11; I Sứ. 29:29
 - (2) Nathan - II Sam. 7: 2; 12:25; I Vua. 1:22
 - (3) A-hi-gia - I Vua. 11:29
 - (4) Giê-hu - I Vua. 16:1,7,12
 - (5) không tên - I Vua. 18:4,13; 20:13,22
 - (6) Ê-li - I Vua. 18; II Vua. 2
 - (7) Mi-chê - I Vua. 22
 - (8) Ê-li-sê - II Vua. 2:8,13
 - c. các tác phẩm cổ của các nhà tiên tri (họ có đề cập đến quốc gia cũng như vua): Ê-sai - Ma-la-chi (trừ Đa-ni-ên)

B. Các Thuật Ngữ Kinh Thánh

1. *ro'eh* = nhà tiên kiến (seer), I Sam. 9: 9. Sự tham chiếu này cho thấy sự chuyển đổi của thuật ngữ *Nabi*, có nghĩa là “nhà tiên tri” có nguồn gốc từ chữ “gọi”. *Ro'eh* là thuật ngữ Hê-bơ-rơ phổ biến có nghĩa là “thấy”. Người này hiểu đường lối và kế hoạch của Đức Chúa Trời, và thường được hỏi ý kiến để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời về một vấn đề nào đó.
2. *hozeh* = nhà tiên kiến (seer), II Sam. 24:11. Về cơ bản, nó là một từ đồng nghĩa với *ro'eh*. Nó là từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ hiếm hơn từ “thấy”. Dạng từ này được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ về các tiên tri.
3. *nabi'* = nhà tiên tri, động từ cùng nguồn gốc tiếng Akkadian *nabu* = “gọi” và tiếng Ả Rập là *naba* = “thông báo”. Là thuật ngữ phổ biến nhất trong Cựu Ước để chỉ về một nhà tiên tri. Nó được sử dụng hơn 300 lần. Nguyên từ chính xác của nó thì không chắc chắn, nhưng hiện tại có nghĩa là “gọi” có vẻ như là lựa chọn tốt nhất. Để hiểu cách tốt nhất về động từ này chúng ta nên quay về những phân đoạn miêu tả cách YHWH hướng dẫn Môi-se đường đầu với Pha-ra-ôn qua A-rôn (Xuất. 4:10-16; 7:1; Phục. 5:5). Tiên tri là người thay Đức Chúa Trời nói với dân sự của Ngài (A-mốt 3: 8; Giê-rê-mi 1: 7,17; Ê-xê-chi-ên 3: 4).
4. Tất cả ba thuật ngữ này đều được sử dụng chỉ về nhiệm vụ của nhà tiên tri trong I Sứ. 29:29; Samuel - *Ro'eh*; Na-than - *Nabi'*; và Gát - *Hozeh*.

5. Cụm từ ‘*ish ha - ‘ elohim*, “người của Đức Chúa Trời”, cũng là một cách gọi rộng hơn để chỉ về người truyền thông cho Đức Chúa Trời. Nó được sử dụng khoảng 76 lần trong Cựu Ước theo nghĩa là “nhà tiên tri”.
6. Từ “nhà tiên tri” có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp. Nó xuất phát từ (1) *pro* [tiên] = trước; (2) *phemi* [tri] = “để nói”. Tiên tri = biết trước trong tiếng Việt.

II. ĐỊNH NGHĨA VỀ LỜI TIÊN TRI

- A. Thuật ngữ “tiên tri” trong tiếng Do Thái có nghĩa rộng hơn so với tiếng Anh. Người Do Thái dán nhãn các sách lịch sử từ Giô-suê cho đến Các Vua (trừ Ru-tơ) là “các cựu tiên tri”. Cả Áp-ra-ham (Sáng. 20:7; Thi thiên 105:5) và Môi-se (Phục. 18:18) được hàm chỉ như một nhà tiên tri (Mi-ri-am cũng vậy, Xuất. 15:20). Do đó, hãy cẩn thận với định nghĩa của tiếng Anh!
- B. “Chủ nghĩa tiên tri có thể được định nghĩa một cách hợp pháp là sự hiểu biết về lịch sử chấp nhận ý nghĩa của thuật ngữ chỉ liên quan đến những vấn đề thiêng thượng, mục đích thiêng thượng, sự tham gia thiêng thượng” (*Từ Điển Phiên Dịch của Kinh thánh - Interpreter’s Dictionary of the Bible*, tập. 3, tr. 896).
- C. “Tiên tri không phải là một triết gia cũng không phải là một nhà thần học theo hệ thống, mà là một người trung gian giao ước truyền lời của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài để định hình tương lai của họ bằng cách biến đổi hiện tại của họ” (“Nhà tiên tri và lời tiên tri”, *Cuốn Từ Điển Bách Khoa Judaica - Encyclopedia Judaica*, tập 13, trang 1152).

III. MỤC ĐÍCH CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Lời tiên tri là một cách mà Đức Chúa Trời nói với dân sự Ngài, để cung cấp sự hướng dẫn và hy vọng cho hoàn cảnh hiện tại của họ, cho họ biết cuộc đời và mọi sự kiện trong thế gian đều nằm trong tầm kiểm soát của Ngài. Thông điệp cơ bản là kêu gọi sự hợp tác của dân sự. Lời tiên tri thường là quở trách, khích lệ, củng cố đức tin và kêu gọi ăn năn và thông báo cho con dân Đức Chúa Trời biết về Chính Ngài và kế hoạch của Ngài. Thông thường, người phát ngôn được Đức Chúa Trời chọn lựa và bày tỏ cách rõ ràng (Phục. 13:1-3; 18:20-22). Có thể hàm chỉ đến Đấng Mê-si-a, nhà tiên tri cuối cùng tối cao.
- B. Thông thường, nhà tiên tri sử dụng những khủng hoảng lịch sử hoặc khủng hoảng thần học trong thời đại của ông để phản chiếu nó vào bối cảnh mặc thế. Quan điểm về sự cuối cùng của lịch sử (mục đích luận) này là lối tư duy độc nhất đối của người Y-sơ-ra-ên như sự chọn lựa thánh và những lời hứa giao ước.
- C. Nhiệm vụ của nhà tiên tri dường như cân bằng (Giê-rê-mi 18, 18) và thay thế nhiệm vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm để biết ý muốn của Đức Chúa Trời. U-rim và Thu-mim chuyển thành một thông điệp bằng lời nói từ người phát ngôn của Đức Chúa Trời. Nhiệm vụ của nhà tiên tri dường như bị bỏ trôi trong Y-sơ-ra-ên sau Ma-la-chi. Không xuất hiện lời tiên tri nào cho đến 400 năm sau thời Giảng Báp-tít. Không rõ ân tứ trong Tân Ước là “lời nói tiên tri” có liên quan đến Cựu Ước như thế nào. Các tiên tri trong Tân Ước (Công vụ 11:27-28; 13:1; 14:29,32,37; 15:32; I Côr. 12:10,28-29; Êph 4:11) không phải là người tiết lộ mặc khải mới, nhưng là người-hướng-dẫn và người-nói-trước ý muốn của Đức Chúa Trời trong bối cảnh giao ước.
- D. Lời tiên tri không chỉ duy nhất và không chỉ tiên đoán về dấu hiệu trong thiên nhiên. Lời nói trước là một cách để xác nhận nhiệm vụ và thông điệp của nhà tiên tri ấy, nhưng cần phải được ghi chú ý “...ít hơn 2% lời tiên tri trong Cựu Ước là lời tiên tri chỉ về Đấng Mê-si-a. Ít hơn 5% mô tả cụ thể Thời Đại Giao Ước Mới. Chưa đến 1% liên quan đến các sự kiện hầu đến” (Fee & Stuart, *Làm Thế Nào Để Đọc Kinh Thánh Với Hết Tất Cả Giá Trị Của Nó - How To Read The Bible For All It Is Worth*, trang 166).

- E. Các nhà tiên tri đại diện Đức Chúa Trời tương tác với con người, trong khi các Thầy Tế Lễ đại diện con người trình diện trước mặt Đức Chúa Trời. Đây là một câu khẳng định chung. Nhưng vẫn có những trường hợp ngoại lệ như Ha-ba-cus, người đặt các câu hỏi với Chúa.
- F. Một lý do khiến chúng ta khó hiểu các sách tiên tri là vì chúng ta không biết bố cục của sách. Chúng không theo trình tự thời gian. Chúng có vẻ theo chủ đề, nhưng không phải lúc nào cũng như vậy. Thường không có bối cảnh lịch sử, khung thời gian rõ ràng hoặc chia phần giữa các lời sấm truyền cách rõ ràng, thật khó (1) để đọc trọn một sách trong một lần; (2) để phác thảo bố cục của sách theo chủ đề; và (3) để xác định lẽ thật trọng tâm hoặc ý định có thẩm quyền trong mỗi lời sấm truyền.

IV. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Dường như trong Cựu Ước có sự phát triển khái niệm về “nhà tiên tri” và “lời tiên tri”. Vào đầu thời kỳ Y-sơ-ra-ên, mỗi thông công giữa các nhà tiên tri đã được hình thành và phát triển, và họ là những người lãnh đạo đầy ân tứ như Ê-li hoặc Ê-li-sê. Đôi khi, cụm từ “con trai của các nhà tiên tri” được sử dụng để chỉ định nhóm người này (II Vua.2). Đặc điểm của các nhà tiên tri đôi khi là những khoảnh khắc xuất thần (I Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18-24).
- B. Tuy nhiên, thời kỳ này trôi qua nhanh chóng để bước vào thời của mỗi cá nhân tiên tri. Có những tiên tri (cả thật và giả), người thân cận bên Vua và sống trong cung điện (Gát, Na-than). Ngoài ra, có những tiên độc lập, đôi khi họ hoàn toàn không liên quan đến hiện trạng của xã hội Y-sơ-ra-ên (A-mốt). Có cả nam và nữ tiên tri (II Các Vua 22:14).
- C. Tiên tri thường là người mặc khải về tương lai, dựa trên đáp ứng tức thì của con người đối với lời kêu gọi của Đức Chúa Trời. Thường nhiệm vụ của tiên tri là trình bày kế hoạch toàn cầu của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài mà không bị ảnh hưởng bởi đáp ứng của con người. Kế hoạch mặc thể toàn cầu này là độc đáo nhất trong số lời tiên tri của Cận Đông Cổ Đại. Lời tiên tri và lòng trung thành với Giao Ước là hai trọng tâm của các thông điệp tiên tri (xem Fee & Stuart, trang. 150). Điều này ngụ ý rằng các nhà tiên tri chủ yếu tập trung vào tính toàn cầu (toàn thể). Lời tiên tri thường chỉ về sự toàn cầu, không độc quyền duy nhất cho một quốc gia.
- D. Hầu hết các tài liệu lời tiên tri đã được trình bày bằng miệng. Sau đó chúng được kết hợp lại với nhau theo chủ đề hoặc theo niên đại, hoặc theo khuôn mẫu văn học Cận Đông, khiến chúng ta mất rất nhiều thông tin. Bởi vì chúng được truyền bằng miệng, nên không theo cấu trúc như văn xuôi. Điều này khiến chúng trở nên rất khó đọc thẳng một lần và rất khó hiểu nếu không có bối cảnh lịch sử cụ thể.
- E. Các tiên tri sử dụng một vài khuôn mẫu văn học để truyền tải thông điệp của họ
 1. Hiện trường tòa án – Đức Chúa Trời đem dân sự của Ngài ra nơi tòa án; thường đó là một vụ ly hôn mà Đức Giê-hô-va khởi tố vợ của Ngài (Y-sơ-ra-ên) vì không chung thủy (Ô-sê 4; Mi-chê 6).
 2. Bài hát truy điệu trong tang lễ - đặc điểm đặc biệt của loại thông điệp là “khôn” được đặt ở đầu dòng là dấu hiệu cho một thể loại tiên tri đặc biệt (Ê-sai 5; Ha-ba-cúc 2).
 3. Tuyên bố ban phước theo giao ước - bản chất của Giao Ước có điều kiện này được nhấn mạnh phân kết quả và hậu quả, cả tích cực và tiêu cực, sẽ xảy ra trong tương lai (Phục truyền luật lệ ký 27-28).

V. NHỮNG TIÊU CHUẨN THEO KINH THÁNH ĐỂ XÁC MINH MỘT TIÊN TRI THẬT

- A. Phục truyền luật lệ ký 13:1-5 (lời tiên đoán / dấu hiệu)
- B. Phục truyền luật lệ ký 18:9-22 (tiên tri giả / tiên tri thật)
- C. Cả nam và nữ đều được gọi và được chỉ định làm nhà tiên tri hoặc làm nữ tiên tri

1. Mi-ri-am - Xuất. 15
2. Đê-bô-ra - Quan Xét. 4:4-6
3. Hu-đa - II Các Vua 22:14-20; II Sử ký 34:22-28

Trong các nền văn hóa xung quanh, các nhà tiên tri được xác thực bằng phương pháp bói toán. Ở Y-sơ-ra-ên họ xác thực các nhà tiên tri qua

1. thử nghiệm thần học - việc sử dụng tên của Đức Giê-hô-va
2. thử nghiệm lịch sử - lời tiên đoán là chính xác và xảy ra

VI. NHỮNG HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI NGHĨA LỜI TIÊN TRI

- A. Tìm ý định ban đầu của nhà tiên tri gốc (biên tập viên) bằng cách lưu ý bối cảnh lịch sử và ngữ cảnh văn học của mỗi lời sấm truyền, lời tiên tri. Thông thường, nó sẽ liên quan đến việc Y-sơ-ra-ên phá vỡ Giao Ước Môi-se theo một cách nào đó.
- B. Đọc và giải thích toàn bộ lời sấm truyền, lời tiên tri, không chỉ là một phần; phác thảo bố cục nội dung của nó. Xem nó liên quan đến các lời tiên tri xung quanh như thế nào. Cố gắng phác thảo toàn bộ bố cục của cả sách (theo từng đơn vị văn học và đến cấp độ phân đoạn).
- C. Cứ đi theo giả định giải kinh theo nghĩa đen của phân đoạn cho đến khi một chi tiết nào đó trong chính bản văn chỉ cho bạn sử dụng giải kinh theo nghĩa bóng; sau đó đưa ngôn ngữ nghĩa bóng tượng hình vào văn xuôi.
- D. Phân tích hành động tượng trưng dưới ánh sáng của bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương đồng. Hãy nhớ đây là văn học cô đại cận đông, không phải văn học phương tây hay hiện đại.
- E. Đối xử với các lời tiên đoán một cách cẩn thận
 1. Có phải chúng đặc biệt dành riêng cho thời đại của tác giả?
 2. Sau đó, chúng có được ứng nghiệm trong lịch sử Y-sơ-ra-ên chưa?
 3. Chúng có phải là sự kiện trong tương lai không?
 4. Chúng được ứng nghiệm đương thời và sẽ được ứng nghiệm trong tương lai phải không?
 5. Hãy cho phép các tác giả của Kinh Thánh, không phải tác giả hiện đại, hướng dẫn câu trả lời của bạn.

Quan tâm đặc biệt

1. Lời tiên đoán có đủ tiêu chuẩn cho việc đáp ứng có điều kiện không?
2. Có xác định chắc chắn nhóm người được nhắm đến trong lời tiên tri không (và tại sao)?
3. Có khả năng ứng nghiệm cả về mặt kinh thánh và/hoặc lịch sử cho ứng nghiệm nhiều lần không?
4. Các tác giả Tân Ước được thần cảm để có thể nhìn thấy Đấng Mê-si-a ở nhiều phân đoạn trong Cựu Ước mà không rõ ràng đối với chúng ta. Chúng dường như sử dụng kiểu chữ hoặc chơi chữ. Bởi chúng ta không được thần cảm, tốt nhất chúng ta nên để lại phương pháp này cho họ.

VII. NHỮNG SÁCH HỮU ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* bởi Carl E. Armerding và W. Ward Gasque
- B. *How to Read the Bible for All Its Worth* bởi Gordon Fee và Douglas Stuart
- C. *My Servants the Prophets* bởi Edward J. Young
- D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* bởi D. Brent Sandy
- E. *Cracking the Old Testament Code*, D. Brent Sandy and Ronald L. Giese, Jr.

BÀI VIẾT GIỚI THIỆU QUAN TRỌNG – KHẢI HUYỀN

(Tại Sao Cơ Đốc Nhân Có Quá Nhiều Sự Giải Kinh Khải Huyền Độc Đoán)

Qua nhiều năm nghiên cứu về lai thế học, tôi nhận ra rằng hầu hết các Cơ Đốc Nhân không có hoặc không muốn có một niên đại tận-thế phát triển, hệ thống hóa. Có một số Cơ Đốc Nhân tập trung chính hay chuyên ngành chính là lĩnh vực này của Cơ Đốc Giáo bởi các lý do thần học, tâm lý học hoặc hệ phái. Những Cơ Đốc Nhân này dường như bị ám ảnh bởi mọi sự sẽ kết thúc như thế nào, và bằng cách nào đó họ bỏ lỡ sự cấp bách của phúc âm! Các tín hữu không thể ảnh hưởng đến chương trình lai thế (tận-thế) của Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể tham gia vào nhiệm vụ phúc âm dành cho con người (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Hầu hết các tín hữu khẳng định Sự Trở Lại Lần Thứ Hai của Đấng Christ và đỉnh điểm của tận-thế về những lời hứa của Đức Chúa Trời. Các vấn đề giải kinh phát sinh từ cách hiểu đỉnh cao tạm thời này đến từ một số nghịch lý kinh thánh.

1. sự căng thẳng giữa kiểu mẫu lời tiên tri Giao Ước Cũ và kiểu mẫu Sứ đồ Giao Ước Mới
2. sự căng thẳng giữa chủ nghĩa độc thần trong Kinh Thánh (một Đức Chúa Trời cho tất cả) và việc được chọn của Y-sơ-ra-ên (một nhóm người đặc biệt)
3. sự căng thẳng giữa khía cạnh có điều kiện của các giao ước và lời hứa trong Kinh thánh (nếu...thì) và sự cứu chuộc thành tín vô điều kiện của Đức Chúa Trời đối với loài người sa ngã
4. sự căng thẳng giữa thể loại văn học Cận Đông và phương pháp văn học phương Tây hiện đại
5. sự căng thẳng giữa Vương Quốc của Đức Chúa Trời ở hiện tại, sẽ đến trong tương lai (bây giờ và hầu đến)
6. sự căng thẳng giữa niềm tin vào sự sắp trở lại của Đấng Christ và niềm tin rằng một số sự kiện phải xảy ra trước

Hãy cùng nhau thảo luận những căng thẳng từng cái một.

CĂNG THẲNG ĐẦU TIÊN (Các phạm trù như chủng tộc, quốc gia và địa lý trong Cựu Ước so với tất cả các tín hữu trên toàn thế giới)

Các nhà tiên tri của Cựu Ước tiên đoán về sự phục hồi của vương quốc Do Thái ở Pa-lét-tin trung tâm là ở Giê-ru-sa-lem, nơi tất cả các quốc gia trên thế giới sẽ quy tụ về để ca ngợi và phục vụ người thống trị theo dòng vua Đa-vít, nhưng Chúa Giê-su cũng như tất cả các Sứ đồ Tân Ước không tập trung vào phạm trù này. Không phải Cựu Ước được thần cảm (Mat. 5:17-19) sao? Phải chăng các tác giả Tân Ước đã bỏ qua các sự kiện tận-thế quan trọng?

Có một số nguồn thông tin về ngày tận thế:

1. các nhà tiên tri thời Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. các tác phẩm Khải thị trong Cựu Ước (Ê-xê. 37-39; Đan. 7-12; Xa-cha-ri)
3. các nhà văn Do Thái viết theo lối Khải thị, không-kinh-điển và trong giai đoạn giữa hai giao ước (như I Enoch, được nhắc đến trong sách Giu-đe)
4. Chính Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. các tác phẩm của Phao-lô (I Cô-rinh-tô 15; II Cô-rinh-tô 5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; II Tê-sa-lô-ni-ca 2)
6. các tác phẩm của Giăng (I Giăng và Khải Huyền).

Có phải tất cả những tác phẩm trên dạy về tận-thế cách rõ ràng (sự kiện, niên đại, con người) không? Nếu không, tại sao? Không phải tất cả chúng đều được thần cảm (ngoại trừ các tác phẩm Do Thái trong giai đoạn giữa hai giao ước)?

Đức Thánh Linh đã mặc khải những lẽ thật cho các tác giả Cựu Ước trong thuật ngữ và phạm trù mà họ có thể hiểu được. Tuy nhiên, qua tiến trình mặc khải, Đức Thánh Linh đã mở rộng những khái niệm mặc thế của Cựu Ước đến phạm vi toàn cầu (“Sự huyền nhiệm của Đấng Christ”, Ê-phê-sô 2:11-3:13. Xem chủ đề đặc biệt trong 10:7). Dưới đây là một số ví dụ có liên quan:

1. Thành phố Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước được sử dụng như một phép ẩn dụ về dân sự của Chúa (Si-ôn), nhưng khi phản chiếu vào Tân Ước thì là một thuật ngữ thể hiện sự chấp nhận của Đức Chúa Trời đối với tất cả những người ăn năn, và có đức tin nơi Ngài (thành Giê-ru-sa-lem mới trong Khải Huyền 21-22). Sự mở rộng thần học về một thành phố vật chất theo nghĩa đen biến thành dân sự mới của Đức Chúa Trời (tín hữu Do Thái và người Ngoại) là hình bóng cho lời hứa của Đức Chúa Trời cứu chuộc toàn nhân loại trong Sáng. 3:15 trước khi chưa có bất kỳ người Do Thái hay thành phố thủ đô nào của

người Do Thái. Ngay cả sự kêu gọi của Áp-ra-ham (xem Sáng. 12:1-3) cũng có liên quan đến dân Ngoại (xem Sáng. 12:3; Xuất. 19:5).

2. Trong Cựu ước, kẻ thù với dân sự của Đức Chúa Trời là những quốc gia láng giềng vùng Cận Đông Cổ Đại, nhưng trong Tân Ước, chúng đã được mở rộng cho tất cả những người không tin, chống-Chúa, những người bị Satan-cảm-thức. Trận chiến đã chuyển từ xung đột địa lý, khu vực sang xung đột toàn cầu và trên toàn thế giới (Cô-lô-se).
3. Lời hứa về một vùng đất không thể tách rời trong Cựu Ước (Lời hứa cho Tô Phụ trong Sáng thế ký, xem Sáng. 12:7; 13:15; 15:7-15; 17:8) giờ đã trở thành toàn bộ trái đất. Giê-ru-sa-lem mới trở thành trái đất được tái tạo, không chỉ vùng Cận Đông hay độc quyền cho một quốc gia (Khải Huyền 21-22).
4. Một số ví dụ khái niệm tiên tri trong Cựu Ước đang được mở rộng là (1) hạt giống của Áp-ra-ham là bây giờ là phép cắt bì thuộc linh (xem Rô-ma 2:28-29); (2) dân giao ước bây giờ bao gồm người Ngoại (xem Ô-sê 1:10; 2:23, được trích dẫn trong Rô-ma 9:24-26; cũng như Lê-vi. 26:12; Xuất. 29: 45, được trích dẫn trong II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất. 19:5; Phục. 14:2, được trích dẫn trong Tít 2:14); (3) đền thờ bây giờ là Chính Chúa Giê-su và qua Ngài hội thánh địa phương trở thành đền thờ (I Côr.3:16) hay cá nhân mỗi tín hữu (I Côri. 6:19); và (4) ngay cả Y-sơ-ra-ên và các cụm từ Cựu Ước miêu tả đặc trưng của nó bây giờ trở thành toàn thể con dân của Đức Chúa Trời (tức là, “Y-sơ-ra-ên”, Rô. 9: 6; Gal. 6:16, vương quốc thầy tế lễ, I Phi. 2: 5,9-10; Khải huyền 1:6)

Kiểu mẫu tiên tri đã được ứng nghiệm, mở rộng và giờ đây phổ quát toàn cầu hơn. Chúa Giê-su và các tác giả Sứ Đồ không trình bày tận-thể giống như các nhà tiên tri trong Cựu ước (x. Martin Wyngaarden, *The Future Of The Kingdom In Prophecy And Fulfillment - Tương Lai Vương Quốc Trong Lời Tiên Tri Và Sự Ứng Nghiệm*). Những nhà chú giải kinh hiện đại, cố gắng gượng ép mô hình lời tiên tri Cựu Ước là theo nghĩa đen và phải theo quy tắc, họ đã biến Khải Huyền thành một cuốn sách rất Do Thái và biến ý nghĩa của nó thành tiểu tiết, mơ hồ so với các cụm từ được dùng bởi Chúa Giê-su và Phao-lô! Các tác giả Tân Ước không phủ nhận lời tiên tri trong Cựu Ước, nhưng Tân Ước trình bày chúng với cái nhìn toàn cầu tối cao trong áp dụng thực tiễn. Không có một hệ thống lo-gic, có sắp xếp hợp lý về sự dạy dỗ của Chúa Giê-su và Phao-lô về lai thế học . Mục đích chủ yếu của chúng là chương trình cứu chuộc hoặc làm mục vụ chân bày.

Tuy nhiên, ngay cả trong Tân Ước cũng có sự căng thẳng. Không có một hệ thống rõ ràng về các sự kiện sẽ xảy ra trong mạc thế. Thật ngạc nhiên, khi Khải Huyền sử dụng nhiều minh họa trong Cựu Ước để mô tả sự cuối cùng chứ không dùng lời dạy dỗ của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13)! Khải Huyền được viết theo thể loại văn học được khởi xướng bởi Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên và Xa-cha-ri, nhưng thể loại này được phát triển trong thời kỳ giao thời giữa hai giao ước (thể loại văn chương Khải thị Do Thái). Đây có thể là thể loại mà Giảng đã dùng để liên kết các Giao Ước Cũ và Mới. Nó cho thấy mô hình nổi loạn thời-cổ-đại của con người và sự kết ước cứu chuộc lỗi cho con người của Đức Chúa Trời! Nhưng phải lưu ý rằng mặc dù Khải Huyền sử dụng ngôn ngữ, con người và các sự kiện trong Cựu Ước, nhưng chúng ta phải giải nghĩa chúng trong ánh sáng của đế chế La Mã ở thế kỷ thứ nhất.

SỰ CĂNG THẲNG THỨ HAI (chủ nghĩa độc thần so với một dân tộc được tuyển chọn)

Sự nhấn mạnh trong kinh thánh là về một nhân vật, thuộc linh, đấng-tạo-hóa-cứu-chuộc, Đức Chúa Trời (Xuất. 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê. 10:6-7). Sự độc đáo của Cựu Ước đương thời là chủ nghĩa độc thần. Tất cả các quốc gia xung quanh đều thờ đa thần. Sự độc nhất Đức Chúa Trời (duy nhất một thần) là trọng tâm của sự mạc Khải trong Cựu Ước (Phục. 6:4). Tạo hóa là sản phẩm với mục đích cho mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người, được dựng nên theo hình ảnh và đặc điểm của Ngài (Sáng. 1:26-27). Tuy nhiên, loài người đã nổi loạn, phạm tội chống lại tình yêu, sự lãnh đạo và mục đích của Ngài (Sáng. 3). Tình yêu và mục đích của Đức Chúa Trời quá mạnh và vững chắc nên Ngài hứa sẽ cứu chuộc nhân loại (Sáng.3:15)!

Sự căng thẳng nảy sinh khi Chúa chọn sử dụng một người, một gia đình, một quốc gia để vươn đến phần còn lại của toàn bộ nhân loại. Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời trên Áp-ra-ham và người Do Thái như một vương quốc của các thầy tế lễ (Xuất. 19:4-6) đã gây ra niềm tự hào thay từ một dân tộc đó thay vì phục vụ, gây ra tính loại trừ thay vì bao gồm. Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời trên Áp-ra-ham liên quan đến việc chúc phước cho toàn bộ nhân loại (Sáng. 12:3). Cần phải nhớ và cần phải nhấn mạnh rằng sự chọn lựa trong Cựu Ước là để dẫn đến sự phục vụ, không phải là sự cứu rỗi. Tất cả những người Y-sơ-ra-ên không bao giờ tự công chính trước mặt Đức Chúa Trời, không bao giờ được cứu vĩnh viễn chỉ dựa trên quyền được sinh ra trong dòng tộc này (Giăng 8:31-59; Mat 3:9),

nhưng bằng đức tin và sự vâng phục cá nhân (Sáng. 15:6, được trích dẫn trong Rô-ma 4). Y-sơ-ra-ên đánh mất đi sự mạng của mình, biến nhiệm vụ thành đặc quyền, biến việc phục vụ thành một vị thế đặc biệt! Chúa chọn một để chọn tất cả!

SỰ CĂNG THẰNG THỨ BA (giao ước thông thường so với giao ước vô điều kiện)

Có sự căng thẳng thần học hay nghịch lý giữa các giao ước có điều kiện và vô điều kiện. Chắc chắn đúng là mục đích / kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời là vô điều kiện (Sáng. 15:12-21). Tuy nhiên, yêu cầu đáp ứng của con người luôn có điều kiện!

Loại “nếu...thì” xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời là thành tín; con người là bất tín. Sự căng thẳng này đã gây ra nhiều sự rối rắm hiểu lầm. Các nhà giải kinh có xu hướng là chỉ tập trung vào “một cái sừng của song dê” đó là sự thành tín của Đức Chúa Trời hay nỗ lực của con người, sự tể trị của Đức Chúa Trời hay ý chí tự do của con người. Cả hai đều là Kinh thánh và cần thiết.

Điều này liên quan đến lai thế học, với lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước với dân Y-sơ-ra-ên. Nếu Đức Chúa Trời đã hứa, thì điều đó định là như vậy, đúng không? Đức Chúa Trời bị ràng buộc với những lời hứa của Ngài; và danh của Ngài cũng bị liên quan (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Giao Ước vô điều kiện và có điều kiện được tìm thấy trong Đấng Christ (Ê-sai 53), chứ không phải trong dân tộc Y-sơ-ra-ên! Sự thành tín tối cao của Đức Chúa Trời được nằm trong sự cứu chuộc cho tất cả những ai ăn năn và tin, không phải ai là cha/mẹ của bạn! Đấng Christ, không phải dân tộc Y-sơ-ra-ên, là chìa khóa cho tất cả các giao ước và lời hứa của Đức Chúa Trời. Nếu có một dấu ngoặc thần học trong Kinh Thánh, thì đó không phải là Hội Thánh, mà là Y-sơ-ra-ên (Công vụ 7 và Gal. 3).

Sứ mạng toàn cầu về việc loan báo phúc âm đã được giao phó cho Hội Thánh (Mat. 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Nó vẫn là một giao ước có điều kiện! Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã hoàn toàn từ bỏ người Do Thái (Rô. 9-11). Có thể là sẽ có thời điểm và mục đích cuối-cùng cho việc Y-sơ-ra-ên trở lại tin (Xa. 12:10).

SỰ CĂNG THẰNG THỨ TƯ (thể loại văn học Cận Đông so với phương Tây hiện đại)

Thể loại là một yếu tố quan trọng trong việc giải nghĩa chính xác Kinh Thánh. Hội thánh phát triển trong bối cảnh văn hóa phương tây (Hy Lạp). Văn học phương Đông mang nhiều tính tượng hình, ẩn dụ và tượng trưng hơn nhiều so với văn học văn hóa phương Tây. Nó tập trung vào con người, cuộc gặp gỡ và sự kiện nhiều hơn là những sự thật vấn đề xã hội. Cơ Đốc Nhân đã sai lầm khi sử dụng lịch sử và phương pháp văn học của họ để giải nghĩa lời tiên tri trong Kinh Thánh (cả Cựu ước và Tân ước). Mỗi thế hệ và mỗi nơi chốn địa lý đã sử dụng văn hóa, lịch sử của nó để giải nghĩa Khải Huyền theo nghĩa đen. Mỗi người trong số họ đều sai! Thật ngạo mạn khi nghĩ rằng văn hóa phương tây hiện đại là trung tâm của lời tiên tri trong Kinh Thánh!

Thể loại văn học mà ban đầu tác giả được linh cảm để chọn và viết sách này là loại đồng văn học với người đọc. Sách Khải Huyền không phải là truyện kể. Nó là sự kết hợp của các thư gửi cho nhiều hội thánh (chương 1-3), lời tiên tri và chủ yếu là văn chương khái thị. Thật sai lầm khi biến Kinh thánh nói nhiều hơn hay ít hơn ý định ban đầu của tác giả! Người giải kinh kiêu ngạo và theo chủ nghĩa độc đoán thì càng không phù hợp trong việc giải kinh như sách Khải Huyền.

Giáo hội chưa bao giờ đồng ý đưa ra kết luận về sự giải nghĩa sách này cách đúng đắn. Mỗi quan tâm của tôi là nghe và giải quyết toàn bộ Kinh thánh, không phải một số phần được chọn. Lỗi suy nghĩ đông phương trình bày Kinh Thánh trong các cặp lẽ thật đầy-căng-thẳng. Xu hướng phương tây của chúng ta đối với mệnh đề lẽ thật không phải là không đúng, nhưng thiếu cân bằng! Tôi nghĩ rằng có thể loại bỏ ít nhất một số bế tắc trong việc giải nghĩa Khải Huyền bằng cách lưu ý sự chuyển đổi mục đích của nó cho các thế hệ tín hữu kế tiếp. Thật rõ ràng với hầu hết các nhà giải kinh rằng Khải Huyền phải được giải nghĩa trong ánh sáng của lịch sử đương thời và trong thể loại của nó. Phương pháp tiếp cận sách Khải Huyền theo lịch sử phải thấu đáo những gì người đọc đầu tiên đã đối diện, và có thể đã chịu đựng. Theo nhiều cách, các nhà giải kinh hiện đại đã mất đi ý nghĩa của nhiều biểu tượng trong sách. Lực thúc đẩy chính ban đầu của sách Khải Huyền là để khích lệ đức tin của các tín hữu đang bị bắt bớ. Nó trình bày sự tể trị của Đức Chúa Trời trên lịch sử (cũng như các sách tiên tri trong Cựu Ước); và khẳng định lịch sử đang tiến đến bên bờ cuối cùng đã được chỉ định đó là sự phán xét hay ban phước (cũng như các sách tiên tri trong Cựu Ước). Nó khẳng định cho người Do Thái trong thế kỷ thứ nhất trong ngày tận thế về tình yêu, sự hiện diện, quyền năng và sự tể trị của Đức Chúa Trời!

Chức năng thần thọc của nó vận hành giống nhau cho mọi thể hệ tín hữu. Nó mô tả vũ trụ và cuộc chiến giữa thiện và ác. Các chi tiết về thể kỷ đầu tiên có thể đã bị thất lạc, nhưng chúng ta không hề mất đi những lẽ thật an ủi khích lệ mạnh mẽ cho đức tin. Khi các nhà giải kinh hiện đại phương tây cố gắng ép các chi tiết của Khải Huyền vào lịch sử đương đại, và tiếp tục đi trong khuôn mẫu giải kinh sai lầm!

Hoàn toàn có khả năng các chi tiết của sách có thể giải nghĩa theo nghĩa đen (cũng như Cựu Ước khi mặc khải về sự ra đời, sự sống và chết của Đấng Christ) cho thể hệ tín hữu cuối cùng khi họ phải đối mặt với sự tấn công dữ dội của bậc cầm quyền và văn hóa chống-Đức Chúa Trời (II Tê. 2). Không ai biết được những ứng nghiệm theo nghĩa đen của Mặc Khải này là gì cho đến khi Chúa Giê-su giảng dạy (xem Ma-thi-ơ 24; Mác. 13; và Lu-ca 21) và Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 15; I Tê-sa-lô-ni-ca. 4-5; và II Tê-sa-lô-ni-ca. 2) cũng trở thành bằng chứng lịch sử. Đoán đại, suy đoán và giáo điều là tất cả không đúng đắn. Văn chương khải thị cho phép sự linh hoạt này. Cảm ơn Chúa vì những hình ảnh và biểu tượng vượt hơn cả sự tường thuật lịch sử! Đức Chúa Trời đang kiểm soát mọi sự; Ngài tể trị; Ngài đến!

Hầu hết các chú giải kinh hiện đại bỏ qua điểm quan trọng là thể loại văn học! Nhà giải kinh phương Tây hiện đại thường tìm kiếm một hệ thống thần học lô-gic rõ ràng hơn là chấp nhận thể loại văn chương khải thị Do Thái mơ hồ, mang tính biểu tượng, kịch tính. Sự thật này được Ralph P. Martin thể hiện rất rõ trong bài viết của ông, “Các Phương Pháp Tiếp Cận để Giải Kinh Tân Ước” trong sách *New Testament Interpretation - Giải Nghĩa Tân Ước*, do I. Howard Marshall biên soạn:

“Nếu chúng ta không nhận ra bản chất kịch tính của cách viết này và nhớ lại cách mà ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện để trình bày lẽ thật tôn giáo, thì chúng ta sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng việc hiểu thể loại Khải Thị, và một cách sai lầm chúng ta cố gắng giải nghĩa những khải tượng trong sách như thể nó là sách được viết theo kiểu văn xuôi và quá quan tâm đến việc mô tả các sự kiện lịch sử thực nghiệm và có thể truy cập được. Rồi có khuynh hướng bước tiếp vào khóa học thứ hai là cách giải quyết các vấn đề trong việc giải kinh. Nghiêm trọng hơn nó dẫn đến sự biến dạng ý nghĩa thiết yếu của văn chương khải thị và vì vậy nó bỏ lỡ giá trị to lớn của phần này trong Tân Ước là sự khẳng định đầy kịch tính trong ngôn ngữ huyền thoại về sự tể trị của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và nghịch lý của sự cai trị Ngài lại hòa quyện trong sự oai nghi và tình yêu (xem 5:5,6; Sự Tử là Con Chiên)” (trang 235).

W. Randolph Tate trong sách *Biblical Interpretations – Những Giải Nghĩa Kinh Thánh* đã nói:

“Không có thể loại văn học nào trong Kinh Thánh được đọc rất tha thiết nhưng lại có một kết quả thâm trầm như thể loại khải thị, đặc biệt là các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền. Thể loại văn học này đã bị tổn hại rất nhiều từ lịch sử thảm khốc của việc giải nghĩa sai trật chỉ bởi vì sự hiểu lầm cơ bản về hình thức văn học, cấu trúc, và mục đích của nó. Chính vì thế, nó được cho là thể loại mặc khải những gì sắp xảy ra, thể loại khải thị đã được xem như một bản đồ chỉ đường chi tiết cho tương lai. Lỗi hỏng bi thảm trong quan điểm này là giả định rằng người đọc chính là những người hiện đại ngày nay mà không quan tâm gì đến người đọc trong thời đại của tác giả. Cách tiếp cận sai lầm này khiến văn chương khải thị (đặc biệt là Khải Huyền) đối xử với sách như một mật mã mà theo đó các sự kiện đương đại có thể được sử dụng để giải nghĩa biểu tượng trong bản văn... Trước hết, người giải kinh phải nhận ra rằng văn chương khải thị nhằm truyền đạt thông điệp của nó thông qua chủ nghĩa biểu tượng. Và giải nghĩa một biểu tượng theo nghĩa đen khi nó là một ẩn dụ thì đơn giản là giải nghĩa sai. Vấn đề không nằm ở chỗ, các sự kiện trong văn chương khải thị có phải là sự kiện lịch sử hay không. Các sự kiện có thể là sự kiện lịch sử; hay chúng có thể đã xảy ra rồi, hoặc có thể xảy ra trong tương lai, nhưng tác giả trình bày các sự kiện và truyền đạt ý nghĩa thông qua hình ảnh và nguyên hình” (trang 137).

Từ *Dictionary Of Biblical Imager - Từ Điển Hình Ảnh Kinh Thánh*, hiệu đính bởi Ryken, Wilhost và Longman III:

“Các độc giả ngày nay thường rất bối rối và thất vọng bởi thể loại này. Những hình ảnh bất ngờ và những trải nghiệm ngoài-thể-giới-này có vẻ kỳ quái và không đồng bộ với hầu hết Kinh Thánh. Chỉ dựa vào bề mặt nổi của thể loại văn học này sẽ khiến nhiều độc giả tranh giành để xác định ‘chuyện gì sẽ xảy ra và khi nào’, vì thế họ bỏ lỡ ý định ban đầu và mục đích của thông điệp khải thị” (trang 35).

SỰ CĂNG THẲNG THỨ NĂM (Vương Quốc của Đức Chúa Trời bây giờ và hầu đến)

Vương quốc Đức Chúa Trời là ngay ở hiện tại, nhưng cũng sẽ trong tương lai. Nghịch lý thần học này trở nên trọng điểm của lai thế học. Nếu người ta mong đợi sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của tất cả các lời tiên tri trong Cựu Ước cho Y-sơ-ra-ên thì sự phục hồi Vương Quốc trở thành chủ yếu là sự phục hồi cho quốc gia Y-sơ-ra-ên về phương diện địa lý và thần học siêu việt! Điều này đòi hỏi Hội thánh phải được cất lên cách bí mật ở chương 5 và các chương còn lại liên quan đến Y-sơ-ra-ên.

Tuy nhiên, nếu trọng tâm là vương quốc đang được thiết lập bởi Đấng Mê-si-a được hứa trong Cựu Ước, thì chính sự hiện đến lần đầu tiên của Đấng Christ, và trọng tâm sau đó là sự nhập thể, sự sống, sự giảng dạy, sự chết, và phục sinh của Đấng Christ. Sự nhấn mạnh thần học là trên sự cứu rỗi hiện tại. Vương quốc đã đến, lời tiên tri Cựu Ước đã được ứng nghiệm trong lời mời cứu rỗi của Đấng Christ cho tất cả mọi người, chứ không phải triều đại ngàn năm của Ngài như một số người nghĩ!

Điều chắc chắn là Kinh Thánh nói về cả hai lần đến của Đấng Christ, nhưng điểm nhấn mạnh là ở lần đến thứ mấy? Với tôi dường như, hầu hết các lời tiên tri trong Cựu Ước tập trung vào lần đến đầu tiên, việc thiết lập Vương quốc Mê-si-a (xem Đan. 2). Theo nhiều cách, điều này tương tự với triều đại vĩnh cửu của Đức Chúa Trời (xem Đan. 7). Trong Cựu Ước, trọng tâm là sự trị vì đời đời của Đức Chúa Trời, nhưng cơ chế cho sự hiển lộ của triều đại đó là chức vụ của Đấng Mê-si-a (xem I Cô-rinh-tô 15:26-27). Đây không phải là một câu hỏi vậy điều nào là đúng; cả hai đều đúng, nhưng sự nhấn mạnh là ở đâu? Phải nói rằng có một số nhà giải kinh đã trở nên quá tập trung vào sự cai trị ngàn năm của Đấng Mê-si-a (xem Khải Huyền 20) và họ đã bỏ lỡ trọng tâm của Kinh Thánh về vương quốc đời đời của Đức Chúa Cha. Sự cai trị của Đấng Christ là sự kiện chuẩn bị. Vì cả hai lần đến của Chúa Giê-su Christ đều không rõ ràng trong Cựu Ước, nên sự trị vì tạm thời của Đấng Mê-si-a cũng không rõ ràng trong Cựu Ước!

Chìa khóa quan trọng của việc giảng và dạy của Chúa Giê-su là vương quốc Đức Chúa Trời. Vương quốc có ngay ở hiện tại (trong sự cứu rỗi và phục vụ) và cả tương lai (toàn cõi vũ trụ và năng quyền). Khải Huyền, nếu nó chỉ tập trung vào triều đại ngàn năm của Đấng Mê-si-a (xem Khải huyền 20), thì nó chỉ là khởi đầu, không phải là cuối cùng (xem Khải huyền 21-22). Cựu Ước không rõ ràng cho thấy sự cai trị tạm thời là cần thiết; nhưng quan trọng của vấn đề thực tế, là sự cai trị của Đấng Mê-si-a trong Đa-ni-ên đoạn 7 là vĩnh cửu, không phải là ngàn năm.

SỰ CẶNG THĂNG THỨ SÁU (sự trở lại sắp xảy ra của Đấng Christ so với Parousia – Sự Tái Lâm bị trì hoãn)

Hầu hết các tín hữu được dạy rằng Chúa Giê-su sẽ sớm trở lại, đột ngột và bất ngờ (Mat. 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30). Nhưng kỳ vọng của mọi thế hệ tín hữu cho đến nay đều sai! Các sự sớm trở lại (tức thì) của sự tái lâm của Chúa Giê-su là một niềm hy vọng mạnh mẽ được hứa hẹn cho mọi thế hệ, nhưng chỉ có một thế hệ nhận lấy điều này (và đó là thế hệ bị bách hại). Các tín hữu phải sống như thể ngày mai Ngài sẽ trở lại, nhưng hãy lên kế hoạch và thực hiện Đại Mạng Lệnh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20) nếu Ngài chậm đến.

Một số phân đoạn trong Phúc Âm (Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và I và II Tê-sa-lô-ni-ca nói về Sự Trở Lại Thứ Hai bị trì hoãn (*Parousia – Tái Lâm*). Có một số sự kiện lịch sử phải xảy ra trước:

1. truyền giáo toàn-thế-giới (Mat. 24:15; Mác 13:10)
2. sự mặc khải về “con người của sự Gian Ác” (Mat. 24:15; II Tê. 2; Khải. 13)
3. cơn bách hại lớn (Mat. 24:21,24; Khải. 13)

Sự mơ hồ có chủ đích (Mat. 24:42-51; Mác 13:32-36)! Sống mỗi ngày như thể đó là ngày cuối cùng của bạn nhưng lên kế hoạch và đào tạo chức vụ tương lai!

TÍNH NHẤT QUÁN VÀ CÂN BẰNG

Phải nói rằng các trường giải kinh hiện đại khác nhau đều có cách giải nghĩa về văn chương Khải thị chứa một nửa sự thật. Họ giải nghĩa và diễn dịch tốt một số bản văn. Vấn đề nằm ở sự nhất quán và cân bằng. Thường có một tập hợp các tiên giả định sử dụng bản văn kinh thánh để điền vào bộ xương thần học đã được thiết-lập-sẵn. Kinh Thánh không tiết lộ một hệ thống lai thế học lô-gic, theo trật tự thời gian. Nó giống như một album gia đình. Những hình ảnh là thật, nhưng không phải lúc nào chúng cũng theo trật tự, theo bối cảnh, theo một trình tự lô-gic. Một số hình ảnh đã rơi ra khỏi album và các thế hệ thành viên gia đình sau này không biết làm thế nào để đặt chúng vào đúng vị trí chính xác trở lại. Chìa khóa đúng đắn để giải nghĩa Khải Huyền chính là ý định ban đầu của tác giả được tiết lộ trong sự chọn lựa thể loại văn học của ông.

Hầu hết các nhà giải kinh cố gắng mang các công cụ và quy trình giải kinh của họ từ các thể loại khác trong Tân Ước vào để giải nghĩa Khải Huyền. Họ tập trung vào Cựu Ước thay vì cho phép những lời dạy của Chúa Giê-su và Phao-lô thiết lập cấu trúc thần học và để Khải Huyền đóng vai trò minh họa.

Tôi phải thừa nhận rằng tôi tiếp cận chú giải kinh này với một số sợ hãi và lo lắng, không phải vì lời nguyên trong Khải huyền 22:18-19, nhưng vì mức độ tranh cãi cho việc giải nghĩa sách này đã gây tranh cãi và tiếp tục gây tranh cãi và hậu quả giữa vòng những người thuộc về Đức Chúa Trời. Tôi yêu sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Lời Ngài là chân thật trong khi tất cả mọi người đều giả dối (xem Rôm. 3: 4)! Vui lòng sử dụng chú giải kinh này như một nỗ lực để khuấy động lối tư duy chứ không phải là sự dứt khoát, như bảng hiệu chứ không phải là một bản đồ chỉ đường đi, như một “nếu như thế thì sao”, chứ không phải “Chúa vạn quân phán vậy”. Tôi đã phải đối mặt với chương trình thần học, bất cập, sai lệch, thiếu đầy đủ của chính tôi. Tôi cũng đã thấy những điều này trong những nhà giải kinh khác. Nó gần như là mà mọi người tìm thấy trong Khải Huyền những gì họ mong muốn tìm thấy. Thể loại văn học có thể bị lạm dụng! Tuy nhiên, nó là trong Kinh Thánh vì một mục đích nào đó. Vị trí của nó là “tù” kết luận chứ không phải là ngẫu nhiên. Nó có một sứ điệp từ Đức Chúa Trời cho con dân của Ngài ở mỗi thế hệ. Chúa muốn chúng ta hiểu! Chúng ta hãy chung tay chứ không phải tạo ra một cái trại riêng; chúng ta hãy khẳng định những gì rõ ràng và trọng tâm của sách, không đi theo khuynh hướng tất cả đều là có thể, có lẽ, có khả năng là sự thật. Nguyên xin Chúa giúp đỡ tất cả chúng ta!

Sử dụng trang trống này để liệt kê các giả định của riêng bạn về cách giải nghĩa sách Khải Huyền. Tất cả chúng ta đều có định kiến riêng khi chúng ta bước vào việc giải nghĩa sách này. Xác định chúng giúp chúng ta vượt qua sự ảnh hưởng của chúng và vượt qua hạn chế sự độc đoán của chúng ta.

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

GIỚI THIỆU KHẢI HUYỀN

I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Hầu hết cuộc đời học thuật/thần học khi tôi trưởng thành, tôi đã có những giả định rằng những người tin và hiểu Kinh Thánh theo nghĩa đen (thì họ chắc chắn đúng với câu chuyện lịch sử). Tuy nhiên, càng ngày tôi càng nhận ra cách rõ ràng rằng hiểu lời tiên tri, thơ ca, ngụ ngôn và văn chương Khải thị theo nghĩa đen là bỏ lỡ trọng điểm của bản văn được truyền cảm hứng. Ý định của tác giả, không phải chữ viết, là chìa khóa để có một sự hiểu biết đúng đắn về Kinh Thánh. Giải nghĩa Kinh Thánh khiến nó nói nhiều hơn ý định ban đầu trực thần cảm của tác giả (đặc biệt là giáo lý) cũng nguy hiểm và gây định hướng sai giống như giải nghĩa theo cách khiến nó nói ít hơn. Trọng tâm phải trong một ngữ cảnh lớn hơn, bối cảnh lịch sử và ý định ban đầu của tác giả được ông chọn để thể hiện trong chính bản văn và thể loại văn học. Thể loại văn học là một hợp đồng văn học giữa tác giả và người đọc. Bỏ lỡ manh mối này chắc chắn sẽ dẫn đến việc giải kinh sai!

Sách Khải Huyền chắc chắn là thật, nhưng nó không phải là câu chuyện lịch sử, nên không được hiểu theo nghĩa đen. Chính thể loại văn học này đang gào thét với chúng ta nếu chúng ta chỉ nghe nó theo nghĩa đen. Điều này không có nghĩa rằng nó không được thần cảm, hoặc không đúng sự thật; nó chỉ là nghĩa bóng, bí ẩn, biểu tượng, ẩn dụ và giàu trí tưởng tượng. Người Do Thái và tín hữu ở thế kỷ thứ nhất rất quen thuộc với loại văn học này, nhưng chúng ta thì không! Chủ nghĩa biểu tượng Cơ Đốc Giáo trong hai bộ phim *Chúa Tể Những Chiếc Nhẫn - Lord of the Rings* hoặc *Biên Niên Sử Narnia - Chronicles Of Narnia* có thể có thể là những tác phẩm tương đồng hiện đại.

- B. Khải Huyền là một thể loại văn học độc đáo của người Do Thái, văn chương Khải thị. Nó thường chứa-nhiều-căng-thẳng để trình bày niềm tin rằng Đức Chúa Trời đang kiểm soát lịch sử và Ngài sẽ giải cứu dân sự Ngài. Đặc điểm của thể loại văn học này là
1. ý thức mạnh mẽ về sự tể trị toàn cầu của Đức Chúa Trời (chủ nghĩa độc thần và chủ nghĩa kiên quyết)
 2. sự tranh chiến giữa thiện và ác, thời đại gian ác này và thời đại công chính sẽ đến (thuyết nhị nguyên)
 3. sử dụng các từ mật mã bí mật (thường trong Cựu Ước hoặc văn chương Khải thị giao thời Do Thái)
 4. sử dụng màu sắc, con số, động vật, đôi khi động vật/ con người
 5. sử dụng trung gian thiên sứ là phương tiện cho Khải tượng và giấc mơ, nhưng thường thông qua trung gian thiên sứ và giải nghĩa
 6. chủ yếu tập trung vào các sự kiện sắp-xảy-ra, những sự kiện cao trào của thời kỳ cuối (thời đại mới)
 7. sử dụng cố định một bộ các biểu tượng, không thực tế, để truyền đạt thông điệp tâm-thể từ Đức Chúa Trời
 8. Một số ví dụ về loại thể loại văn học này là:
 - a. Cựu Ước
 - (1) Ê-sai 24-27, 56-66
 - (2) Ê-xê-chi-ên 37-48
 - (3) Đa-ni-ên 7-12
 - (4) Giô-ên 2:28-3: 21
 - (5) Xa-cha-ri 1-6, 12-14
 - b. Tân Ước
 - (1) Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 21 và I Cô-rinh-tô 15 (theo một số cách)
 - (2) II Tê-sa-lô-ni-ca 2 (theo hầu hết các cách)
 - (3) Khải Huyền (chương 4-22)
 - c. Đa-ni-ên 7-12 và Khải 4-22 là những ví dụ cổ điển của thể loại này trong Kinh Thánh

9. phi-kinh-điển (lấy từ D. S. Russell, *The Method and Message of Jewish Apocalyptic - Phương Pháp và Sự Điệp của Văn Chương Khải Thị Do Thái*, trang 37-38)
 - a. I Enoch, II Enoch (Những bí mật của Enoch)
 - b. Sách của Jubilees
 - c. Các lời tiên tri của Sibylline III, IV, V
 - d. Di Chúc Của Mười Hai Vị Tổ Phụ
 - e. Thi Thiên của Sô-lô-môn
 - f. Giả Định của Môi-se
 - g. Sự Từ Đạo của Ê-sai
 - h. Văn chương khải thị của Môi-se (Cuộc đời của A-đam và Ê-va)
 - i. Văn chương khải thị của Áp-ra-ham
 - j. Di chúc của Áp-ra-ham
 - k. II Esdras (IV Esdras)
 - l. II & III Baruch

10. Trong thể loại này, thường thấy các cặp đối nghịch nhau. Nó nhìn thực tế như là một chuỗi các cặp song song nhau, tương phản nhau, hay căng thẳng với nhau (rất phổ biến trong các tác phẩm của Giảng) giữa:

- a. thiên đường – trái đất
- b. thời đại gian ác (con người ác và thiên sứ ác) - thời đại mới của sự công chính (người tin kính và thiên sứ tin kính)
- c. sự tồn tại hiện tại - sự tồn tại trong tương lai

Tất cả những điều này đang hướng tới sự cuối cùng của lịch sử khi nước toàn hảo do Đức Chúa Trời mang lại. Thế giới hiện thời không phải là thế giới theo ý định của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài vẫn đang tiếp tục vận hành, tể trị và phản chiếu ý muốn của Ngài để phục hồi mối tương giao mật thiết đã được bắt đầu tại Vườn Ê-đen. Sự kiện Đấng Christ chỉ là khởi đầu của kế hoạch Đức Chúa Trời, nhưng cả hai lần đến của Ngài đều đem lại các cặp đối nghịch đương thời.

C. Những tác phẩm theo văn chương khải thị không bao giờ được trình bày bằng miệng. Chúng có cấu trúc và sự trình bày văn học cao. Cấu trúc rất quan trọng để giải kinh đúng đắn. Phần chính của cấu trúc bố cục sách Khải Huyền là bảy đơn vị văn học, chúng tương đồng với nhau ở mức độ nào đó, ví dụ: bảy dấu ấn, bảy cái kèn và bảy cái bát. Với mỗi chu kỳ đoán xét gia tang cấp độ: con dấu, 1/4 sự hủy diệt; kèn, 1/3 sự hủy diệt; bát, sự hủy diệt hoàn toàn. Trong mỗi đơn vị văn học Sự Trở Lại Lần Thứ Hai của Đấng Christ hoặc một số sự kiện tận thế xảy ra: (1) con dấu thứ sáu, 6:12-17; (2) kèn thổi thứ bảy, 11:15-18; sự phán xét thiên sứ thời-kỳ-cuối-cùng 14:14-20; (3) bát thứ bảy, 16:17-21 và một lần nữa trong 19:11-21 và vẫn một lần nữa trong 22:6-16. Điều này cho thấy sách không theo trình tự thời gian, nhưng một vở kịch có nhiều cảnh hành động để cho thấy trước cùng một khoảng thời gian trong tương lai giống với mô típ phán xét của Cựu Ước (xem James Blevins, *Revelation As Drama - Khải Huyền Như Một Vở Kịch* và “Thể Loại Văn Học của Khải Huyền” trong Đánh giá và Nhà Bình Luận, tháng 9 năm 1980, trang 393-408).

Có bảy phần văn học cộng thêm lời mở đầu và lời kết thúc

1. mở đầu, 1:1- 1
2. chương 1-3 (Đấng Christ và bảy hội thánh)
3. chương 4-8:1 (trên trời và bảy ấn)
4. chương 8:2-11 (bảy thiên sứ với kèn)
5. chương 12-14 (hai nhóm người và các lãnh đạo của họ)
6. chương 15-16 (bảy thiên sứ với bát)
7. chương 17-19 (Ba-by-lôn và sự phán xét của nó)
8. chương 20-22 (phán xét và trời và đất mới)
9. kết thúc, 22:6-21

William Hendriksen tác phẩm *More Than Conquerors- Hơn Cả Những Người Chiến Thắng* bố cục

1. chương 1-3 (Đấng Christ ở giữa Bảy Chân Đền)
2. chương 4-7 (Cuốn Sách có Bảy Đóng Ấn)
3. chương 8-11 (Bảy Kèn của Sự Phán Xét)

4. chương 12-14 (người phụ nữ và con-trai-của người phụ nữ bị đàn áp bởi Con Rồng và Người Giúp Đỡ của Hân [Con Thú và Kỹ Nữ])
5. chương 15-16 (Bảy Bát Phần Nộ)
6. chương 17-19 (sự sụp đổ của Đại Kỹ Nữ và các Con Thú)
7. chương 20-22 (sự phán xét trên Con Rồng (Satan) theo sau là Trời Mới và Đất Mới, Giê-ru-sa-lem Mới), tr.28

Trong *More Than Conquerors*, William Hendriksen nói rằng Khải Huyền có bảy phần: 1-3; 4-7; 8-11; 12-14; 15-16; 20-22 và mỗi phần tương đồng với nhau và chúng bao trùm khoảng thời gian giữa Sự Đến Lần Thứ Nhất và Thứ Hai của Đấng Christ. Mỗi phần kết thúc với một vài khía cạnh liên quan đến sự phán xét và Sự Trở Lại Lần Thứ Hai (trang 22-31).

Mặc dù tôi chắc chắn đồng ý về sự tương đồng kịch tính của các ấn, các kèn và các bát và tôi cũng rất bị thu hút tại những chương 17-19 tương đồng với 20-22 (Sự Trở Lại Lần Thứ Hai ở 19:11-21 và một lần nữa Sự Trở Lại Lần Thứ Hai ở 22:6-16), tôi không thể tìm thấy nơi nào trong cả bảy phần có cái kết là *Parousia – Sự Tái Lâm*, đặc biệt là các chương 1-3, ngoại trừ mỗi phần đều có khía cạnh của sự phán xét và đi đến sự cuối cùng (xem 2:5,7,11,16-17,25-26; 3:5; 10:12,18-21). Ngày càng rõ ràng rằng bảng tóm lược bảy lần này là khả năng để hiểu cấu trúc tương đồng (song song) của toàn bộ sách.

D. Rõ ràng là số “bảy” góp một phần lớn trong cấu trúc của sách, như có thể thấy bảy hội thánh, bảy ấn, bảy kèn và bảy bát. Một số ví dụ khác về số “bảy” là:

1. 7 phước lành, 1: 3; 14:13; 16:15; 19: 9; 20:6; 22:7,14
2. 7 chân đèn, 1:12
3. 7 linh của Đức Chúa Trời, 1: 4; 3:1; 4:5; 5:6
4. 7 ngôi sao, 1:16,20; 2:1
5. 7 ngọn đèn cháy sáng, 4:5
6. 7 dấu ấn trên quyền sách, 5:1
7. 7 sừng, 7 mắt của con chiên, 5:6
8. 7 thuộc tính của Chúa Giêsu được ca ngợi, 5:12
9. 7 dấu hiệu trong tự nhiên, 6: 12-14
10. 7 kiêu đàn ông, 6:15
11. 7 thuộc tính của Đức Chúa Trời được ca ngợi, 7:12
12. 7 thiên sứ trước mặt Đức Chúa Trời, 8:2,6
13. 7 chiếc kèn được giữ bởi bảy thiên sứ, 8:6 (15:1,6,7,8; 17:1; 21:9)
14. 7 dấu lạ, 12:1,3; 13:13,14; 15:1; 16:14; 19:20
15. 7 đầu, 7 vương miện của rồng đỏ, 12:3
16. 7 đầu của con thú từ biển, 13:1; 17:3,8
17. 7 thiên sứ, 14:6-20
18. 7 tai họa, 15:1; 21:9
19. 7 ngọn núi, 17:9
20. 7 vị vua 17:10
21. không còn số 7 nào nữa trong các chương 21-22 (21:1,4 [bốn lần]; 21:25; 22:3)

E. Việc giải nghĩa sách này là việc nhạy cảm nhất với định kiến thần học. Những giả định trước của một người khiến sự giải nghĩa của họ mơ hồ và quá tiêu tiết. Những giả định thần học này có chức năng trên một vài mức độ

1. nguồn gốc của các biểu tượng
 - a. Những ám chỉ trong Cựu Ước
 - (1) các chủ đề của Cựu Ước như sự sáng tạo, sự sa ngã, đại hồng thủy, xuất Ai-cập, phục hồi Giê-ru-sa-lem
 - (2) hàng trăm lời ám chỉ từ các tiên tri (không phải trích dẫn trực tiếp)
 - b. văn học Do Thái giao thời cựu tân (I Enoch, II Baruch, Sibylline Orals, II Esdras)
 - c. thế giới Hy Lạp-La Mã thế kỷ thứ nhất
 - d. các câu chuyện sáng-tạo-vũ-trụ cổ đại gần đông (đặc biệt là Khải Huyền 12)

2. khung thời gian của sách
 - a. thế kỷ thứ nhất
 - b. mỗi thế kỷ
 - c. thế hệ cuối cùng
3. mạng lưới thần học có hệ thống
 - a. quan điểm đã ứng nghiệm
 - b. quan điểm ứng nghiệm theo lịch sử
 - c. quan điểm ứng nghiệm trong tương lai
 - d. quan điểm lý tưởng hóa
4. những quan điểm thần học trong chương 20
 - a. một thiên hy niên
 - b. hậu thiên hy niên năm
 - c. tiền thiên hy niên
 - d. thuyết chế độ tiền-thiên niên kỷ

Trong ánh sáng của sự bất đồng về cách giải kinh chuyên sâu (các cách tiếp cận khác nhau đưa ra các cách giải kinh khác nhau) và chủ nghĩa độc đoán không đúng đắn (với thái độ tôi-biết-tất-cả), làm như thế nào nhà giải kinh này tiến triển?

1. chúng ta hãy thừa nhận rằng các Cơ Đốc Nhân phương Tây hiện đại không hiểu thể loại này và không nhận ra những ám chỉ lịch sử mà các hữu tín ở thế kỷ thứ nhất có thể hiểu ngay lập tức.
2. chúng ta hãy thừa nhận rằng mọi thế hệ Cơ Đốc Nhân đã cưỡng ép sách Khải Huyền vào trong bối cảnh lịch sử cá nhân đương thời của họ và tất cả đều sai nếu làm như vậy.
3. Hãy đọc Kinh Thánh trước khi chúng ta đọc các hệ thống thần học. Tìm ngữ cảnh văn học của mỗi khái tượng / lời tiên tri và viết ra lẽ thật trọng tâm trong một câu khẳng định. Lẽ thật trọng tâm cho mọi thế hệ tín hữu đều sẽ giống nhau, chỉ duy tính cụ thể chính xác của mọi chi tiết trong sách liên quan đến thế hệ tín hữu đầu tiên và / hoặc cuối cùng. Các chi tiết có thể phù hợp, nhưng chỉ với lịch sử, không phải thần học, sẽ tiết lộ mục đích của nó.
4. Chúng ta hãy nhớ sách này chính yếu là một lời an ủi và khuyến khích lòng trung tín của tín hữu giữa cơn bách hại bởi những người không tin. Sách này không có nghĩa để trả lời sự tò mò của mọi thế hệ tín hữu, cũng không vạch ra một kế hoạch chi tiết về các sự kiện tận-thế.
5. An toàn để khẳng định rằng xã hội loài người sa ngã chạm trán với vương quốc của Đức Chúa Trời. Lúc đầu xuất hiện, nó có vẻ thế giới đã chiến thắng (tại đồi Gô-gô-tha), nhưng hãy chờ xem; Đức Chúa Trời vẫn tể trị, Ngài là đáng kiểm soát lịch sử, kiểm soát sự sống và sự chết. Dân sự của Ngài chiến thắng trong Ngài!

F. Mặc dù khó khăn và mơ hồ trong việc giải kinh, sách này vẫn có một sứ điệp và lời thần cảm đến từ Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài trong mọi thời đại. Nó xứng đáng sự nỗ lực cần thiết để nghiên cứu cuốn sách độc đáo này. Vị trí chiến lược của nó trong kinh điển Tân Ước đã nói lên thông điệp vững chắc của nó. Alan Johnson, *The Expositor's Bible Commentary – Chú Giải Kinh của Nhà Bình Luận Kinh Thánh*, tập. 12, nói “Thật vậy, có thể nói chắc chắn như vậy, ngoại trừ các Phúc Âm, thì văn chương Khải Thị chứa đựng những sự dạy dỗ về giáo lý và môn đệ hóa Cơ Đốc sâu sắc và cảm động nhất trong Thánh Kinh. Không bởi sự cuồng tín của một số người cố ý tập chú vào lời tiên tri hơn tập chú vào Đấng Christ, cũng như không bởi sự đa dạng về quan điểm giải kinh khiến chúng ta không theo đuổi chân lý Cơ Đốc trong cuốn sách tuyệt vời này (trang 399).

Hãy nhớ rằng, đây thực sự là những lời cuối cùng của Chúa Giê-su cho hội thánh Ngài! Hội Thánh hiện đại không được bỏ qua hoặc tối giản chúng! Trong ánh sáng về sự tể trị của Đức Chúa Trời (chủ nghĩa độc thân) họ phải chuẩn bị cho tín hữu bước vào sự bất bớ và xung đột mâu thuẫn thực tế của kẻ ác (thuyết nhị nguyên hèn hạp), và những hậu quả của sự sa ngã vẫn còn đang tiếp diễn (sự nổi loạn chống nghịch của con người) và những lời hứa cứu chuộc loài người của Đức Chúa Trời (giao ước vô điều kiện - Sáng. 3:15; 12:1-3; Xuất. 19: 5-6; Giăng 3:16; II Côr. 5:21).

II. TÁC GIẢ

A. Bằng chứng bên trong (nội chứng) về quyền tác giả của Sứ Đồ Giăng

1. Tác giả tự gọi tên mình bốn lần là Giăng (xem 1:1,4,9; 22:8)
 2. Ông cũng tự gọi mình.
 - a. đầy tớ thật (1:1; 22:6)
 - b. người anh em và người cùng chia sẻ hoạn nạn (xem 1:9)
 - c. nhà tiên tri (22:9) và gọi cuốn sách của ông là một lời tiên tri (xem 1:3; 22:7,10,18,19)
 3. Ông biết Cựu Ước (không sử dụng bản LXX, nhưng bản Targums) cũng như nghi thức trong Đền Tạm và Nhà Hội
- B. Bằng chứng bên ngoài về quyền tác giả của Sứ Đồ Giăng từ các tác giả Cơ Đốc đầu tiên
1. Giăng Sứ đồ, con trai của Xê-bê-đê
 - a. Justin Martyr (Rô-ma 110-165 SCN) trong tác phẩm *Dialogue with Trypho* 81.4
 - b. Irenaeus (Lyons 120-202 SCN) trong *Against Heresies - Chống lại Các Dị Giáo* IV.14.2; 17.6; 21.3; V.16.1; 28.2; 30.3; 34.6; 35.2
 - c. Tertullian (Bắc Phi 145-220 SCN) trong *Against Praxeas - Chống lại Praxeas* 27
 - d. Origen (Alexandria 181-252 SCN) tại
 - (1) *On the Soul*, L:8:1
 - (2) *Against Marcion*, II:5
 - (3) *Against Heresies*, III:14, 25
 - (4) *Against Celsus*, VI:6,32; VIII:17
 - e. Kinh Điển của Muratorian Canon (Rô-ma 180-200 SCN)
 2. Các ứng cử viên khác
 - a. Giăng Mác - Lần đầu tiên, điều này được đề cập bởi Dionysius, Giám mục Alexandria (247- 264 SCN), người đã từ chối quyền tác giả của Sứ đồ Giăng nhưng vẫn chấp nhận tính kinh điển của sách. Sự từ chối quyền tác giả của ông dựa trên từ vựng và phong cách cũng như bản chất ẩn danh của Giăng trong các bài viết khác. Ông đã thuyết phục được Eusebius ở Sê-sa-rê.
 - b. Trưởng lão Giăng - Điều này xuất phát từ một trích dẫn trong Eusebius từ Papias (*Lịch Sử Giáo Hội - Eccl. His.* 3.39.1-7). Tuy nhiên, trích dẫn của Papias được sử dụng như là danh hiệu cho Sứ Đồ Giăng chứ không phải là khẳng định tác giả khác.
 - c. Giăng Báp-tít - (với các bổ sung biên tập sau này) đã được đề xuất bởi J. Massyngberde Ford trong chú giải Kinh Thánh Anchor, ông chủ yếu dựa trên việc Giăng Báp-tít đã sử dụng, Chiên Con cho Chúa Giê-su. Danh hiệu xuất hiện duy nhất trong Khải Huyền.
- C. Dionysius, giám mục Alexandria (247-264 SCN) và học trò của Origen, là người đầu tiên bày tỏ sự nghi ngờ của ông (cuốn sách của ông đã bị mất, nhưng nó được trích dẫn bởi Eusebius ở Sê-sa-rê, người đã đồng ý với ông) về quyền tác giả của Sứ Đồ Giăng, dựa trên
1. Sứ đồ Giăng không tự nhận mình là Giăng trong sách Phúc Âm Giăng cũng như trong các thư tín của ông, nhưng trong Khải Huyền là tỏ ra cho “Giăng”
 2. cấu trúc của Khải Huyền khác với sách Phúc Âm Giăng và các thư tín
 3. từ vựng của Khải Huyền khác với sách Phúc Âm Giăng và các thư tín
 4. phong cách ngữ pháp của Khải Huyền có chất lượng kém hơn sách Phúc Âm và các thư tín
- D. Có lẽ là thách thức hiện đại nghiêm trọng nhất đối với quyền tác giả của Sứ Đồ Giăng đến từ R. H. Charles trong tác phẩm *Saint John*, Tập. I trang. xxxixff.
- E. Phần lớn các học giả hiện đại đã từ chối quyền tác giả truyền thống của nhiều sách trong Tân Ước. Một ví dụ điển hình cho xu hướng này liên quan đến quyền tác giả của Khải Huyền có thể là Raymond E. Brown, một học giả Công giáo Johannine nổi tiếng. Phần giới thiệu của loạt bài chú giải kinh trong Anchor Bible Commentary nói rằng, “sách được viết bởi một nhà tiên tri Cơ Đốc Do Thái tên là Giăng, cũng có thể là Giăng, con trai của Xê-bê-đê, cũng không phải là tác giả của các tác phẩm của Giăng, Phúc Âm Giăng và các Thư Tín” (trang 774).

- F. Theo nhiều cách, quyền tác giả là không chắc chắn. Có những sự tương đồng nổi bật với những bài viết của Sứ đồ Giăng và cũng có sự khác biệt nổi bật. Chìa khóa để hiểu sách này không nằm ở trong quyền trước giả con người (tác giả con người), nhưng ở trong Tác Giả Thiên Thượng! Trước giả tin rằng mình là một nhà tiên tri được thần cảm (xem 1:3; 22:7,10,18,19).

III. THỜI GIAN

- A. Thời gian viết sách chắc chắn được hoàn toàn liên kết với quyền tác giả và quan điểm giải kinh (xem Lý Thuyết Lịch Sử C.)
- B. Một số thời gian viết sách có thể:
1. Theo truyền thống thời gian viết sách là vào thời trị vì của Domitian (81-96 SCN) vì nó phù hợp với những bằng chứng bên trong về sự bắt bớ
 - a. Irenaeus (được trích dẫn bởi Eusebius) trong *Chống lại Dị giáo - Against Heresies*, 5.30.3. “Đây là (cuộc bức hại) được nhìn thấy cách đây không lâu, gần như trong thế hệ của chúng ta, vào cuối triều đại trị vì của Domitian”
 - b. Clement ở Alexandria
 - c. Origen ở Alexandria
 - d. Eusebius ở Sê-sa-rê, *Lịch sử Hội thánh - Church History*, iii.23.1
 - e. Victorinus, *Văn Chương Khải Thị - Apocalypse* x.11
 - f. Jerome
 2. Epiphanius, một nhà văn thế kỷ thứ ba, ở *Haer*, 51.12, 32, cho rằng Giăng viết sách sau khi được trở về từ đảo Pát-mô, dưới thời trị vì của Cơ-lốt [Claudius], (41-54 SCN).
 3. Những người khác cho rằng trong triều đại Nê-rô (54-68 SCN) vì:
 - a. bối cảnh rõ ràng về cuộc bách hại từ dị giao thờ lạy Hoàng Đế
 - b. *Sê-sa Nê-rô*, viết trong tiếng Do Thái, giống với số con thú, 666
 - c. Nếu theo quan điểm thần học đã ứng nghiệm là đúng thì Khải Huyền của Giăng nói đến sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, và nếu sách là lời tiên tri, thì nó phải được viết trước 70 SCN.

IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Từ 1:4, rõ ràng là những người nhận ban đầu là bảy hội thánh ở Tỉnh La Mã Châu Á. Những hội thánh này được nhắc đến theo thứ tự mà có thể thấy thuận tiện cho người đưa thư trong tuyến đường.
- B. Sứ điệp Khải Huyền đặc biệt liên quan đến tất cả các hội thánh và tín hữu đang trải nghiệm sự bắt bớ từ một hệ thống thế giới sa ngã.
- C. Theo kết luận của kinh điển cho Tân Ước, sách này là một sứ điệp về sự hoàn hảo cuối cùng của lịch sử cho tất cả các tín hữu ở mọi thời đại.

V. NGUYÊN NHÂN

- A. Bối cảnh là sự bắt bớ nghiêm trọng gây sự tách biệt các hội thánh địa phương ra khỏi luật bảo vệ của Rô-ma. Sự chia rẽ này xảy ra chính thức vào khoảng năm 70 SCN sau khi các thầy ra-bi từ Jamnia đã thiết lập một nghi thức tuyên thệ đòi hỏi các thành viên của nhà hội phải tuyên thệ nguyện rửa Chúa Giê-su thành Na-xa-rét.
- B. Các tài liệu La Mã cho biết rằng việc thờ phượng Hoàng đế đã trở thành một cuộc xung đột lớn với hội thánh từ triều đại của Nê-rô (54-68 SCN) đến Domitian (81-96 SCN). Tuy nhiên, không có tài liệu nào nói về sự bắt bớ chính thức trên toàn-đế-chế. Rõ ràng sách Khải Huyền đã phản ánh sự tràn lan của dị giáo địa phương thờ lạy Hoàng Đế trong các Tỉnh Phía Đông của đế chế La Mã (“Khảo Cổ Học Kinh Thánh Đánh Giá - “Biblical Archaeology Review”, tháng 5/ tháng 6 năm 1993 tr.29-37).

VI. CÚ PHÁP HỌC

- A. Có nhiều vấn đề ngữ pháp trong bản văn Hy Lạp.
- B. Một vài lý do có thể cho những vấn đề này
 1. Khuôn mẫu suy nghĩ trong tiếng A-ram của Giăng.
 2. Ông không có người ghi chép ở Pát-mô để giúp ông viết.
 3. Sự phấn khích về khả tượng là quá sức.
 4. Chúng có mục đích cho tính hiệu quả.
 5. Thể loại (khải thị) có tính tượng hình cao.
- C. Các đặc điểm ngữ pháp tương tự được tìm thấy trong các tác phẩm khải thị khác của người Do Thái. Vì thế, Khải Huyền không được viết trong phong cách ngữ pháp kém, nhưng trong một thể loại có sự khác biệt về ngữ pháp.

VII. SỰ ĐIỀN KINH HÓA

- A. Nó đã bị Giáo Hội Đông phương bác bỏ từ sớm; sách không xuất hiện trong Peshitta (Phiên bản Syriac thế kỷ thứ năm).
- B. Vào đầu thế kỷ thứ tư Eusebius, sau đó Dionysius ở Alexandria vào cuối thế kỷ thứ ba, cho rằng Khải Huyền không được viết bởi Sứ đồ Giăng. Ông đã liệt kê nó như là một trong những cuốn sách tranh cãi nhưng nó được bao gồm trong danh sách kinh điển của ông (xem *Lịch sử Giáo hội - Ecclesiastical History*, III: 24: 18; III: 25: 4; và III: 39: 6).
- C. Hội đồng ở Lao-đi-xê (khoảng 360 SCN) đã bỏ nó khỏi danh sách các sách kinh điển. Jerome từ chối nó là kinh điển, nhưng Hội đồng Carthage (397 SCN) chấp nhận và bao gồm nó. Khải Huyền được thừa nhận là một phương thức thỏa hiệp mà cả Hê-bơ-rơ và Khải huyền đều được chấp nhận vào trong kinh điển giáo hội.
- D. Chúng ta nên thừa nhận một giả định đức tin của các tín hữu rằng Đức Thánh Linh đã hướng dẫn quá trình lịch sử của sự phát triển kinh điển Cơ Đốc.
- E. Hai nhà thần học chính của Cải Cách Tin lành đã bác bỏ vị trí của nó trong giáo lý Cơ Đốc
 1. Martin Luther gọi nó không phải là sách tiên tri hay sứ đồ, về bản chất là từ chối sự thần cảm của nó.
 2. John Calvin, người đã chú giải tác cả các sách trong Tân Ước ngoại trừ Khải huyền, về bản chất đang từ chối sự liên quan của nó.

VIII. NHỮNG GIẢI THUYẾT LỊCH SỬ CHO VIỆC GIẢI KINH

- A. Nó rất khó để giải thích; do đó, chủ nghĩa giáo điều là không phù hợp!
- B. Các biểu tượng được rút ra từ
 1. Các phân đoạn khải thị trong Cựu Ước
 - a. Đa-ni-ên
 - b. Ê-xê-chi-ên
 - c. Xa-cha-ri
 - d. Ê-sai
 2. văn học khải thị Do Thái giao thời cựu tân
 3. bối cảnh lịch sử Hy Lạp-La Mã thế kỷ thứ nhất (đặc biệt là Khải Huyền 17)
 4. các câu chuyện sáng tạo thần thoại cổ đại cận đông (đặc biệt là Khải huyền 12)

- C. Nói chung có bốn quan điểm hay giả định cho việc giải nghĩa
1. ĐẢ ƯNG NGHIỆM [PRETERIST] - nhóm này cho rằng sách chủ yếu hoặc duy chỉ liên quan đến các hội thánh ở thế kỷ thứ nhất trong Tỉnh La Mã của Tiểu Á. Tất cả các chi tiết và lời tiên tri đã được ứng nghiệm trong thế kỷ thứ nhất.
 2. LỊCH SỬ [HISTORICIST]- nhóm này cho rằng sách như một tổng quan về lịch sử, chủ yếu là nền văn minh phương Tây và trong một số ý nghĩa của Giáo hội Công giáo La Mã. Thường thì các thư tín cho bảy hội thánh trong chương 2 và 3 được sử dụng như bảng mô tả về các khoảng thời gian nhất định. Một vài người cho rằng những thư này như là sự đồng bộ thời gian tạm thời và những người khác cho rằng đây là trình tự thời gian.
 3. TƯƠNG LAI [FUTURIST] - nhóm này cho rằng sách như đề cập đến các sự kiện ngay trước khi và sau đó là *Parousia – Sự Tái Lâm* (Sự Trở Lại Lần Thứ Hai của Đấng Christ) sẽ theo nghĩa đen và ứng nghiệm lịch sử.
 4. DUY LÝ [IDEALIST]- nhóm này cho rằng toàn bộ sách hoàn toàn là biểu tượng, tượng trưng cho cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác không có tài liệu tham khảo lịch sử.
- Tất cả những quan điểm này đều có một số giá trị, nhưng họ đã bỏ lỡ sự mơ hồ có chủ ý của sự lựa chọn thể loại và hình ảnh của Giăng. Vấn đề là sự cân bằng, không phải cái nào đúng.

IX. MỤC ĐÍCH CỦA SÁCH

- A. Mục đích của Khải Huyền là trình bày sự tể trị của Đức Chúa Trời trong lịch sử và lời hứa phục hồi tất cả mọi tạo vật cách toàn hảo trong Ngài. Các tín hữu trung tín sẽ giữ vững đức tin và hy vọng khi ở giữa sự bất bớ và công kích của hệ thống thế giới sa ngã này. Trọng tâm của sách là cuộc bức hại (thờ phượng Hoàng Đế ở các tỉnh phía đông) và lòng trung tín (giáo sư giả và văn hóa thỏa hiệp) của các tín hữu trong thế kỷ thứ nhất và trong mọi thế kỷ (xem 2:10). Hãy nhớ rằng, các nhà tiên tri nói về tương lai với nỗ lực để cải thiện hiện tại. Khải Huyền không chỉ nói về nó sẽ kết thúc như thế nào, nhưng còn đề cập nó đang diễn ra như thế nào. Trong bài viết *Chú Giải Kinh Các Nhà Bình Luận - The Expositors Bible Commentary*, Tập 1, tôi đặt tên “Văn Chương Khải Thị của Kinh Thánh”, Robert Robert Sancy cho biết, “các nhà tiên tri trong Kinh Thánh không chính yếu quan tâm tới trình tự thời gian các sự kiện trong tương lai. Đối với họ tình trạng thuộc linh của những người đương thời là điểm quan trọng và sự trở lại cuối cùng trọng đại của Đức Chúa Trời bởi sự phán xét sự bất chính và các phước hạnh ban cho con dân Ngài bị cản trở bởi các tác động gian ác hiện tại” (trang 104).
- B. Mục đích tổng quát của sách được tóm tắt tốt trong phần giới thiệu ngắn gọn trong bản dịch TEV và NJB
1. TEV, tr. 1122, “Khải Huyền của Giăng được viết vào thời điểm các tín hữu đang được bị bắt bớ vì đức tin của họ nơi Giê-su Christ là Chúa. Mỗi quan tâm chính của tác giả là đem đến hy vọng, sự khích lệ cho đọc giả, và thúc giục họ tiếp tục trung tín trong thời gian chịu khổ và bắt bớ.”
 2. NJB, tr. 1416, “Kinh Thánh được tóm tắt trong thông điệp về hy vọng và đầy những biểu tượng trong sách này. Đó là khái tượng Đức Chúa Trời giải cứu dân Ngài khỏi những thử thách bủa vây, và một lời hứa về tương lai vinh hiển. Sứ điệp được thể hiện bằng phương tiện hình ảnh được thu thập trong toàn bộ Kinh Thánh, nên mọi nhân vật, động vật, màu sắc, con số, đều gọi lên rất nhiều ngụ ý Cựu Ước quen thuộc với người đọc. Theo cách này, nó là sự mặc khải bí mật và hàm chỉ về những gì sẽ xảy ra, mặc dù chủ nghĩa biểu tượng tự nhiên về các hành động thờ phượng vĩ đại và khái tượng cuối cùng về sự lộng lẫy sáng ngời của Thành Thánh mới là rất rõ ràng. Có một truyền thống như vậy được viết trong Do Thái Giáo từ Đa-ni-ên trở đi, để làm vững mạnh dân sự của Đức Chúa Trời trong cơn bắt bớ bần sự đảm bảo về sự giải cứu và chiến thắng cuối cùng.”
- C. Điều quan trọng là người giải kinh ưu tiên chủ đề cứu chuộc.
1. Đức Chúa Trời đã cung cấp sự cứu rỗi cá nhân, toàn thể và toàn cầu thông qua Đấng Christ.

2. Sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời là cả về thuộc linh lẫn thuộc thể. Hội thánh được cứu, nhưng không an toàn! Một ngày trong tương lai hội thánh sẽ được an toàn!
3. Đức Chúa Trời vẫn yêu thương con người sa ngã, nổi loạn, chính mình là trọng tâm. Con phần nộ của Đức Chúa Trời trong các án và kèn là để cứu chuộc (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11; 21:7; 22:17).
4. Đức Chúa Trời không chỉ phục hồi loài người sa ngã, nhưng tất cả mọi tạo vật sa ngã (Rô-ma 8:18-25). Mọi cấp độ của sự gian ác đều sẽ bị trừng phạt!

Nỗ lực hiện tại của Đức Chúa Trời để cứu nhân loại hư mất qua phúc âm hiển lộ ân điển như không của Đức Chúa Trời. Các bất của sự phán xét là kết quả của sự gian ác triền miên, không phải là Đức Chúa Trời không có tình yêu thương. Ngài chỉ phán xét và diệt trừ cái ác khi họ hết lần này đến lần khác khước từ sự ăn năn. Sách kết thúc bằng một lời mời gọi đượm chất phúc âm (xem 22:17).

- D. Sách này nhất định không được xem như là biểu đồ theo trình tự thời gian về các sự kiện, thời điểm và cách thức của Sự Trở Lại Lần Thứ Hai. Nó thường được hiểu là một “bí mật” đối với lịch sử phương Tây (bảy hội thánh được cho là bảy thời đại). Mọi thế hệ đều đã gượng ép lịch sử trong thời đại của họ vào các biểu tượng khái thị; mỗi thế hệ đều sai khi làm như vậy.

Chi tiết về những lời tiên tri này sẽ rõ ràng hơn nhiều đối với thế hệ tín hữu cuối cùng, thế hệ chịu khổ nhất dưới thời của Kẻ-Chống-Đáng-Christ. Cách giải kinh theo nghĩa đen của sách này đã khiến nó bị một số người bác bỏ (Calvin), một số khác phản đối (Luther, “nó không phải là sách sứ đồ hay lời tiên tri), và một số khác lại quan trọng hóa (thiên hy niên).

X. NHỮNG CHÌA KHÓA CỦA BOB ĐỀ GIẢI KINH

- A. Chúng ta cần phải xem xét khía cạnh Cựu Ước
1. Thể loại khái thị trong Cựu Ước là một thể loại văn học mang tính biểu tượng cao
 2. Vô số minh họa được rút ra từ Cựu Ước (ước tính rằng trong 404 câu thì 275 chứa các minh họa từ bản văn Cựu Ước); ý nghĩa của những biểu tượng này đã được giải nghĩa lại dưới ánh sáng hình hình của La Mã ở thế kỷ thứ nhất.
 3. Sự báo trước của lời tiên tri trong Khải Huyền đã lấy các sự kiện đương thời để báo trước các sự kiện tận thế. Thường thì những ứng nghiệm lịch sử trong thế-kỷ-thứ-nhất hướng về những ứng nghiệm lịch sử cùng-cuối.
- B. Cấu trúc tổng thể của sách để giúp chúng ta thấy mục đích tác giả
1. Các con dấu, kèn và bát cơ bản nói về cùng một khoảng thời gian (chương 6-16). Khải Huyền là một bộ phim có các cảnh và màn hành động nối tiếp nhau.
 2. Có khả năng các chương 17-19 tương đồng với 20-22. Các phần của chương 19 (19:11-21) là tóm tắt lại trong 20:7-10.
 3. Xem bảy đơn vị văn học ở phần Lời Mở Đầu, C.
- C. Bối cảnh lịch sử phải được suy xét trong bất kỳ giải nghĩa nào của sách
1. Dị giáo thờ lạy Hoàng Đế hiện thời
 2. Con bách hại địa phương ở Các Tỉnh Miền Đông
 3. Kinh Thánh không thể có nghĩa những gì mà nó không bao giờ có ý nghĩa đó. Việc giải kinh Khải Huyền phải liên quan đến thời kỳ của Giảng trước. Nó có thể có nhiều ứng nghiệm hoặc nhiều áp dụng, nhưng chúng phải đặt nền tảng vào bối cảnh ở thế kỷ thứ nhất.
- D. Ý nghĩa của một số thuật ngữ khó hiểu đã bị mất mát nhiều trong văn hóa, ngôn ngữ và bối cảnh hiện đại của chúng ta. Có thể chỉ các sự kiện cuối-cùng của tận thế sẽ giúp cách giải nghĩa các biểu tượng trở nên rõ ràng và đúng đắn. Hãy cẩn thận không nên cưỡng ép mọi chi tiết của bộ phim khái thị này. Nhà giải kinh hiện đại phải tìm lẽ thật chính trong mỗi khái tượng của sách.
- E. Hãy để tôi tóm tắt một vài chìa khóa quan trọng trong giải kinh
1. Nguồn gốc lịch sử của biểu tượng

- a. Các chủ đề và minh họa Cựu Ước
 - b. Thần thoại Cổ Đại Phương Đông
 - c. Văn học khai thị giao thời cựu tân
 - d. Bối cảnh thế kỷ thứ nhất của Hy Lạp-La Mã
2. Các cách của tác giả định nghĩa biểu tượng
 - a. Các cuộc trò chuyện với lời hướng dẫn từ thiên sứ
 - b. Bài thánh ca của đoàn người trên trời
 - c. Chính bản thân tác giả nói rõ ý nghĩa của biểu tượng
 3. Cấu trúc của sách (chủ nghĩ tương đồng gây ấn tượng)

F. Hỗ trợ thêm

1. Hai nhà chú giải kinh yêu thích của tôi về Khải Huyền là George Eldon Ladd và Alan F. Johnson. Họ không đồng ý với nhau. Có rất nhiều sự bất đồng giữa các học giả tin kính, có học thức, chân thành rằng lời cảnh báo là thích hợp. Hãy để tôi trích dẫn Alan Johnson trong *Chú Giải Kinh Khải Huyền - Commentary on Revelation* từ Zondervan:

“Theo quan điểm phân tích mọi hình ảnh và khái tượng cách kỹ lưỡng từ 4:1 đến kết thúc Khải Huyền và các câu hỏi được đặt ra là, làm thế nào tài liệu này liên quan đến các chương 1-3, không có gì ngạc nhiên khi các lời giải kinh khác nhau rất nhiều bởi cách họ xử lý những chương này cách khác nhau. Vấn đề trong việc giải nghĩa là: hình ảnh và khái tượng này có ý nghĩa *GÌ?* Vấn đề khác liên quan đến niên đại thời gian: *Khi nào* những sự kiện này sẽ xảy ra? Hơn nữa, Giảng có giải nghĩa các hình ảnh liên tục trong Cựu Ước của ông chính xác phù hợp với các nguồn trong Cựu Ước của chúng không, hay ông tự do diễn giải lại những hình ảnh này? Tượng trưng là gì và nghĩa đen là gì? Câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ xác định cách tiếp cận của người giải kinh. Vì một vài câu hỏi trên có khả năng dẫn đến việc trả lời cách giáo điều, nên cần có những cách tiếp cận khoan dung khác nhau với hy vọng rằng Đức Thánh Linh có thể sử dụng những cuộc thảo luận với tâm-trí-cởi-mở để đưa chúng ta đi sâu hơn vào ý nghĩa của Văn Chương Khải Thị” (trang 69).
2. Về phần giới thiệu tổng quát mối quan hệ Khải Huyền với Cựu Ước, tôi tiến cử John P. Milton, *Prophecy Interpreted – Giải Nghĩa Lời Tiên Tri* và John Bright, *The Authority of the Old Testament - Thẩm Quyền của Cựu Ước*. Để có một cuộc thảo luận tốt về mối quan hệ Khải Huyền với Phao-lô, tôi gợi ý tác phẩm *A Man In Christ – Con Người trong Đấng Christ* của James S. Stewart.

XI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “những việc sắp phải xảy đến”, 1:1,3
2. “đến với các đám mây”, 1:7
3. A-men, 1:7
4. “An-pha và Ô-mê-ga”, 1:8
5. “từ miệng Ngài lộ ra một thanh gươm hai-lưỡi thật sắc”, 1:16
6. “chìa khóa của sự chết và Âm phủ”, 1:18
7. “con đã bỏ lòng kính mến ban đầu”, 2:4
8. “người nào thắng”, 2:7
9. “cây sự sống trong Pa-ra-đi”, 2:7
10. “nhà hội của Sa-tan”, 2:9, 3:9
11. “sự chết thứ hai”, 2:11
12. “sự thâm hiểm của Sa-tan”, 2:24
13. “sách sự sống”, 3:5
14. “chìa khóa của Đa-vít”, 3:7
15. Giê-ru-sa-lem mới, 3:12
16. “tôi được Thánh Linh cảm hóa”, 4:2

17. biển thủy tin, 4:6
18. quyển sách, 5:1
19. bảy đóng ấn, 5:1
20. “Chiên Con như đã bị giết đang đứng trước ngài”, 5:6
21. “bảy sừng và bảy mắt”, 5:6
22. “con đại nạn”, 7:14
23. “bình hương bằng vàng”, 8:3
24. “vực sâu không đáy”, 9:2
25. Ha-lê-lu-gia, 19:1
26. “tiệc cưới Chiên Con”, 19:9
27. “thùng ép nho của con thịnh nộ của Đức Chúa Trời”, 19:15
28. “xiềng nó lại một nghìn năm”, 20:2
29. Giê-ru-sa-lem mới, 21:2
30. “sao mai sáng chói”, 22:16

XII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “sai thiên sứ Ngài để bày tỏ” 1:1
2. Giảng, 1:1
3. “bảy linh”, 1:4
4. Đáng Toàn Năng, 1:8
5. 1:12-16 miêu tả ai?
Sự miêu tả này từ đâu mà có (xuất thân từ đâu)?
6. Ni-cô-ca, 2:6,15
7. Giê-sa-bên, 2:20
8. các trưởng lão, 4:4,10
9. Sư Tử của bộ tộc Giu-đa, 5:5
10. “kia là một con ngựa trắng người cưỡi ngựa có một cây cung” 6:2
11. “dưới bàn thờ có linh hồn của những người đã bị giết”, 6:9
12. “đã đóng ấn trên trán”, 7:3
13. “một đoàn người rất đông”, 7:9
14. “một ngôi sao từ trời”, 9:1
15. “một thiên sứ khác đầy uy lực”, 10:1
16. “hai chứng nhân”, 11:3
17. một phụ nữ, 12:1
18. “con rồng lớn màu đỏ”, 12:3
19. “một con, đứa bé trai”, 12:5
20. “một con thú từ biển lên”, 13:1
21. “một con thú khác từ đất lên”, 13:11
22. Ba-by-lôn, 14:8
23. đại kỹ nữ, 17:1
24. “một con ngựa trắng, Đáng cưỡi ngựa”, 19:11
25. Gót và Ma-gót, 20:8

XIII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ ĐỂ ĐỊNH VỊ

1. Pát-mô, 1:9
2. Ê-phê-sô, 1:11
3. Si-miêc-nơ, 1:11
4. Pẹt-găm, 1:11
5. Thi-a-ti-rơ, 1:11
6. Sạt-đe, 1:11
7. Phi-la-đen-phi-a, 1:11

8. Lao-đi-xê, 1:11
9. Núi Si-ôn, 14:1

XIV. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Khải huyền thuộc thể loại văn học nào? Liệt kê các đặc điểm của loại văn học đó.
2. Tại sao có bảy hội thánh được đề cập trong chương 2 và 3?
3. Tại sao tất cả các bộ tộc trên trái đất đều thương khóc Ngài? (1:7)
4. Liệt kê tất cả các số “bảy” trong chương 1
5. Chúa Giê-su sẽ loại bỏ chân đèn khỏi hội thánh có nghĩa gì? (2:5)
6. Liệt kê các hạng mục chung được tìm thấy trong các thư cho mỗi hội thánh.
7. Bối cảnh của chương 4-5 là gì?
8. Mối quan hệ giữa bảy ấn, bảy kèn và bảy bát là gì?
9. Bảy người cưỡi ngựa trong chương 6 là ai? Hình ảnh này đến từ đâu?
10. 144.000 là ai? Tại sao các chi phái của người Do Thái bị liệt kê không chính xác?
11. Tại sao các phán xét tăng dần từ 1/4 trong các đầu lên 1/3 trong các kèn, và hủy diệt hoàn toàn trong bát?
12. Trong 9:13-19, đội quân 200.000.000 đề cập đến ai?
13. Mô tả cuộc chiến trên trời trong 12:7-10.
14. Tại sao Đức Chúa Trời cho phép con thú giao chiến với các thánh đồ? (13:7)
15. Con thú bắt chước Đấng Christ như thế nào?
16. Ai sẽ là một phần của sự phục sinh đầu tiên? (2: 4-6) Ai sẽ là một phần của sự phục sinh lần thứ hai?
17. Ý nghĩa trọng tâm của 22:3 là gì?
18. 22:5 liên quan đến 20:4 như thế nào?
19. Giải thích 22:18-19 trong ngôn ngữ của bạn.
20. Chủ đề trọng tâm của Khải Huyền là gì?

PHỤ LỤC MỘT

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism) Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jê-sus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jê-sus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp-têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jê-sus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp-têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jê-sus làm “con” của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ Hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thể) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thể nào Chúa Jê-sus, Đức Chúa Con, đáng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thế nào đó đã tôn vinh Chúa Jê-sus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chí của Đức Chúa Cha.

Trường phái Alexandrian Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

Bản Alexandrinus Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngũ kinh và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là “A,” và bản văn “B,” tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

Ngụ ngôn (Allegory) Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín dấu đằng sau mỗi bản văn của Kinh thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 13 và Phao-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuần ngụ ngôn.

Tự điển phân tích (Analytical lexicon) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

Tính tương đương của Kinh thánh (Analogy of Scripture) Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vậy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

Tính không rõ ràng (Ambiguity) Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giăng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

Hình nhân (Anthropomorphic) Nghĩa là “có đặc tính liên hệ đến con người,” thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có nghĩa rằng

chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng thế ký 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School) Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngụ ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh thánh. Nó giải thích Kinh thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tắc giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

Phép đối chọi (Antithetical) Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

Văn chương Khải thị (Apocalyptic literature) Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tưởng tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, khái tượng, sự hiện thấy, gặp gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

Người biện giải (Apologist, apologetics) Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp “sự biện hộ pháp lý.” Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ-đốc.

Tiên nghiệm (A priori) Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ “phỏng định trước.” Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

Thuyết Arianism Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jê-sus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicaea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

Aristotle Ông là một trong các triết gia Hy Lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhấn mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

Bản viết tay (Autograph) Đây là chữ dùng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ và các bản cổ khác.

Bản Bezae Đây là bản văn bằng tiếng Hy-lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản “D.” Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép

thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản “Textus Receptus,” bản văn Hy-lạp tiêu chuẩn truyền thống đăng sau bản King Gia-cơ.

Thành kiến Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

Thẩm quyền Kinh thánh Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thẩm quyền Kinh thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh thánh là sự hướng dẫn có thẩm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-gữ pháp.

Kinh điển Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric) Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jêsus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jêsus là Chúa trong toàn bộ Kinh thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự THÌ HOÀN THÀNH và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

Giải kinh Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác để ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đối chiếu các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

Thánh kinh phù dẫn (Concordance) Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đăng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy-lạp và Hê-bơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-rơ hay Hy-lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh thánh (xem Walter Clark *How to Use Tân Ước Grek Study Aids*, trang 54-55).

Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls) Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khốc của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên. Chúng được viết tắt với chữ “DSS.”

Suy diễn (Deductive) Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

Biện chứng (Dialectical) Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch lý được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh thánh là những cặp biện chứng như, Tiên định - Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiên trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ-độc nhân- trách nhiệm của Cơ-độc nhân.

Dân lưu đày (Diaspora) Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

Lỗi dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent) Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TECAU*

Chiết trung (Eclectic) Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

Độc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis) Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh thánh (exegesis) là “dẫn ra” từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ ‘eisegesis’ hàm ý “đem vào” trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

Từ nguyên học (Etymology) Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

Giải nghĩa (Exegesis) Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là “dẫn ra” (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

Thể loại văn chương (Genre) Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khái thị và hành pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism) Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phôi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đáng đã dựng nên vũ trụ (*kosmos*); (3) Jê-sus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jê-sus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jê-sus cộng với tri thức đặc biệt, là điều chi có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có tri thức (mã số) để bước vào chôn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một tri thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics) Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương

có trong Kinh thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giả định và tiến trình giải thích tương tự nhau.

Thượng phê bình (Higher criticism) Đây là trình tự giải nghĩa Kinh thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh thánh.

Thành ngữ Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: “Cái đó hay đến nỗi” (that was awefully good), hay là “mày hại tao rồi” (you just kill me). Kinh thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

Sự soi sáng (Illumination) Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Quy nạp (Inductive) Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

Đối chiếu (Interlinear) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ ‘từng chữ’ ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh thánh. Công cụ này, cộng với một ‘từ điển phân tích,’ sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

Sự linh cảm (Inspiration) Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngôn ngữ mô tả (Language of description) Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đung đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

Chủ nghĩa luật pháp (Legalism) Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phô diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

Theo nghĩa đen (literal) Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ốt. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

Thể loại văn chương Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

Đơn vị ngữ văn (literary unit) Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

Hạ phê bình Xin xem “Phê bình bản văn”

Bản văn (Manuscript) Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là ‘MS’ số ít và ‘MSS’ số nhiều.

Masoretic Text Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-rơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là “MT.”

Phép hoán dụ (Metonymy) Đây là hình thức Tân Ước từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng đã đại diện một điều khác có liên hệ. Ví dụ, “nồi nước đang sôi” thì thật ra có nghĩa là “nước trong nồi đang sôi.”

Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments) Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các Hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã ‘trên thực tế’ đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính họp lại vào thế kỷ thứ 4.

Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation) Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2;14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi-thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh thánh và cao nhất là qua Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào “trái đất cũ” giữa vòng các nhà khoa học Cơ-đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

Nestorianism Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jê-sus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu ‘mẹ Đức Chúa Trời’ dành cho Ma-ri. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

Tác giả nguyên thủy Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh thánh.

Giấy chỉ thảo papyrus Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên sông. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

Các đoạn đối chiếu Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh thánh. Điều nó cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh thánh về chủ đề đó.

Diễn ý Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

Đoạn văn Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism) Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lễ thật Kinh thánh và sự ứng dụng của nó.

Nghịch lý Nó chỉ những lễ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lễ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lễ thật Kinh thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lễ thật Kinh thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

Plato ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên Hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sau này đã đặt “dạng thức/ý tưởng” của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

Giả định trước Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

Lấy Kinh thánh chứng minh (Proof-texting) Đây là cách giải thích Kinh thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh thánh.

Do thái giáo theo các Rabi Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng và học Kinh thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Jê-sus “tôn giáo của các thầy dạy luật này” tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

Khải thị Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngữ nghĩa học Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Bản Bảy Mươi (LXX) Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mết-si-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Jê-sus. Nó được viết tắt là “LXX.”

Bản Sinaiticus Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại Tân Ước viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-nai. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là “*aleph*” (a). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

Thiêng liêng hóa (Spiritualizing) Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngụ ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

Đồng nghĩa Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lặp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai hai dòng thơ diễn tả cùng một lễ thật (Thi-thiên 103:3).

Cú pháp Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

Thần học hệ thống Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lễ thật Kinh thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ-đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, câuv...).

Bản Talmud Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition). Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

Phê bình văn bản (Textual criticism) Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là “hạ phê bình.”

Bản chuẩn Textus Receptus Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the Tân Ước* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, “bản Byzantine thực ra là bản Textus Receptus.” Bản Byzantine là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria và Byzantine). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, “bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác.” (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King Gia-cơ năm 1611.

Torah Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “dạy.” Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng thế kỷ đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

Hình bóng học Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lễ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

Bản Vaticanus Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngũ kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng thế kỷ,

Thi-thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là “B.”

Bản Vulgate Đây là tên của bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay “thông dụng” cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

Văn chương khôn ngoan Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó chuyển tải các lẽ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu văn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview) Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ “thế giới hình” chỉ “cách thức” của tạo hóa trong khi chữ “thế giới quan” chỉ “Chủ thể là ai.” Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng thế ký 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

Đức Giê-hô-va (Gia-vê) Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thể chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác “Adonai,” nghĩa là “Chúa.” Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

PHỤ LỤC HAI

PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh

A. Cựu ước

B. Tân ước

II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” cũng gọi là “phê bình văn bản”

III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh:

A. Cựu ước

1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta và Vulgate.
2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
 - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
 - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kinh ngạc về người”
 - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
 - (a) Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
 - (b) Bản MT, “và người sẽ vấy rửa trên các nước”
 - b. Bản Cuộc biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
 - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
 - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
 - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
 - (2) MT, “người sẽ thấy...sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”

B. Tân ước

1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).
2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép

rất hồi hã để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).

3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ a (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại Tân Ước viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King Gia-cơ.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
 - a. Bản Alexandria từ Ai cập
 - (1) P⁷⁵, P⁶⁶ (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
 - (2) P⁴⁶ (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
 - (3) Bản P⁷² (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
 - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
 - (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
 - (6) Các văn bản khác có loại văn bản a, C, L, W, 33
 - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
 - (1) những câu trích từ các hội thánh mẹ tại Bắc Phi, Tertullian, Cyprian và bản dịch cổ La-tin
 - (2) những câu trích từ Irenaeus
 - (3) những câu trích từ Tatian và bản dịch cổ Syriac
 - (4) Codex D “BExae” theo phong cách bản văn này
 - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
 - (1) phong cách bản văn này phản chiếu hơn 80% của 5,300 MSS
 - (2) được trích tại các hội thánh mẹ tại An-ti-ốt xứ Sy-ri, Cappadoceans, Chrysostom, and Therodoret
 - (3) Codex A, chỉ trong các sách Phúc Âm
 - (4) Codex E (thế kỷ thứ 8) toàn bộ Tân Ước
 - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
 - (1) chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
 - (2) các bằng chứng cho nó là bản P⁴⁵ và W

II. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
 - a. trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
 - (1) trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
 - (2) trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
 - b. nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
 - c. các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
2. do chủ ý
 - a. thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
 - b. thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)
 - c. thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)

- d. thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
 - e. một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)
- B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện)
1. bản văn vụng về, ngượng ngịu, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
 2. bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
 3. bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
 4. các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
 5. các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
 6. bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
 7. có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
 - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ-đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
 - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”

Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jê-sus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tự tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

III. Các vấn đề về bản văn

A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy và Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the Tân Ước : Its Transmission, Corruption và Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* của J. H. Greenlee

PHỤ LỤC BA

CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

ẢNH HƯỞNG VIỆC GIẢI KINH

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất ‘lỏng’ (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vé câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence hoặc morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

I. THÌ (TENSE)

A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là “hoàn thành” hay “chưa hoàn thành.”

1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...

B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao

1. Đã xảy ra = QUÁ KHỨ (AORIST)
2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại = HOÀN THÀNH (PERFECT)
3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại = HON HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)
4. Đang diễn ra = HIỆN TẠI (PRESENT)

5. Đang diễn ra trong quá khứ = CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)

6. Sẽ diễn ra = TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ “cứu.” Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ - ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)

2. HOÀN THÀNH - ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại’ (Ê-phê-sô 2:5, 8)

3. HIỆN TẠI - “được cứu” (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)

4. TƯƠNG LAI - ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì quá khứ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong lối chỉ định (indicative mood). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của thì quá khứ và thì hiện tại. Thông thường trọng tâm của nó xoay vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê-sô 2:5 và 8, “các ngươi đã và vẫn tiếp tục được cứu.”

2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) thì này giống như thì hoàn thành nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).

3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).

4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) trong thì này mối liên hệ với thì hiện tại cũng gần giống với mối liên hệ giữa thì hoàn thành và hơn hoàn thành (pluperfect). Thì chưa hoàn thành nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).

5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho...họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ablative case) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).

2. tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ablative case) (Matt 1:22)

3. tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (instrumental case).

4. tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (instrumental case).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một cách nào đó. Cấu

trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “từ treo cổ hấn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

III. LỐI (MOOD)

A. Có bốn lối trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lối này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH-INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI - SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).

B. LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lối thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lối duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.

C. LỐI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với lối chỉ định tương lai (future indicative). Điều khác nhau là lối bàn thái diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”

D. LỐI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với lối bàn thái. Lối mong mỏi bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. Lối mong mỏi rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31: 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Tê 3:11.

E. LỐI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của lối mệnh lệnh trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì hiện tại và thì quá khứ trong Tân ước.

F. Một số sách ngữ pháp xếp loại PHÂN TỬ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lối trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.

G. Chỉ định chủ động quá khứ (aorist active indicative) là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng và lối khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

A. Friberg, Barbara và Ti-mô-thê. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.

B. Marshall, Alfred. *Interlinear Hy-lạp-English Tân Ước*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.

C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament* . Grand Rapids: Zondervan, 1993.

D. Summer, Ray. *Essentials of Tân Ước Hy-lạp*. Nashville: Broadman, 1950.

E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

V. DANH TỪ (NOUNS)

A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.

B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:

1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nội “là” hay “trở thành.”
2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như sở hữu cách, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from”
4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như tặng cách, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với tặng cách và vị trí cách. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
8. XUNG HỘ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (vế câu, câu và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.

B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được gộp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).

1. Từ nối chỉ thời gian
 - a. *epei, epeidē, hopote, hōs, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
 - b. *heōs* - “trong khi”
 - c. *hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
 - d. *heōs, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
 - e. *priv* (nguyên mẫu)- “trước”
 - f. *hōs* - “từ khi” “khi”
2. Từ nối chỉ sự lô-gích

- a. Chỉ mục đích
 - (1) *hina, hopōs, hōs* (bàn thái cách)- “để mà”
 - (2) *hōste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - (3) *pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
 - (1) *hōste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
 - (2) *hiva* (bàn thái)- “để mà”
 - (3) *ara*- “thì”
 - c. Chỉ hệ quả hay lý do
 - (1) *gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
 - (2) *dioti, hotiy*- “bởi vì”
 - (3) *epei, epeidē, hōs* - “vì”
 - (4) *Dia* (với đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
 - d. Hàm ý, ám chỉ
 - (1) *ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
 - (2) *dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
 - (3) *oun*- “vì vậy” “kết quả là”
 - (4) *toinoun*- “do vậy”
 - e. Tương phản
 - (1) *alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
 - (2) *de*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
 - (3) *kai*- “nhưng”
 - (4) *mentoi, oun*- “tuy nhiên”
 - (5) *plēn* - “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
 - (6) *oun*- “tuy nhiên”
 - f. So sánh
 - (1) *hōs, kathōs* (giới thiệu các vế câu so sánh)
 - (2) *kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
 - (3) *hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
 - (4) *ē* - “hơn”
 - g. Tiếp diễn
 - (1) *de*- ‘và’ “bây giờ”
 - (2) *kai*- ‘và’
 - (3) *tei*- ‘và’
 - (4) *hina, oun*- ‘rằng’
 - (5) *oun*- ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
3. Các cách nhấn mạnh
 - a. *alla*- “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
 - b. *ara*- “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
 - c. *gar*- “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
 - d. *de*- “thực sự”
 - e. *ean*- “ngay cả”
 - f. *kai*- “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
 - g. *mentoi*- “thực sự”
 - h. *oun*- “thật sự”

VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

A. CÂU ĐIỀU KIỆN là câu chứa đựng một hay nhiều vế câu điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.

- B. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là ‘vì’ (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các BẬC MỘT đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).
- C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
 2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
 3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).
- D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong về câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.
- E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. nó rất hiếm trong Tân Ước. thật sự, không có một câu điều kiện bậc bốn hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. một ví dụ về một phần của câu điều kiện bậc bốn là về câu mở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về câu điều kiện bậc bốn là về câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

VIII. LỐI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

- A. **CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với tiền tố **mē** thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).
- B. **LỐI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với **TIỀN TỐ MĒ** nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).
- C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỐI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ ném sự chết” (Giăng 8:51); “Ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

IX. MẠO TỪ

- A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân Ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:
1. một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
 2. một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;
 3. một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nói. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.
- B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:

1. tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
2. tập trung vào phân loại của một điều gì đó

C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng lối chỉ định chủ động quá khứ (aorist active indicative) là lối tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lối nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là lối chỉ định chủ động quá khứ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. (Ví dụ: Rô-ma 6:10 [hai lần])

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine

1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:

- a. điều trước giả muốn nhấn mạnh
- b. điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
- c. điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa

2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

- a. Đối với động từ liên kết:
 - (1) động từ
 - (2) chủ từ
 - (3) bổ ngữ (complement)
- b. Đối với ngoại động từ:
 - (1) động từ
 - (2) chủ từ
 - (3) bổ ngữ (object)
 - (4) bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
 - (5) cụm giới từ (prepositional phrase)
- c. Đối với các cụm danh từ:
 - (1) danh từ
 - (2) từ bổ nghĩa (modnérieur)
 - (3) cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:

- a. “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
- b. “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- c. “Từng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

1. Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
2. Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
 - a. Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
 - b. Giăng 14:1 (chủ đề mới)

- c. Rô-ma 9:1 (phần mới)
- d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
- 3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
- 4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
 - a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
 - b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
 - c. Các hình thái Tân Ước từ:
 - (1) sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
 - (2) các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
 - (3) nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
 - (4) mỉa mai (Ga-la-ti 5:12)
 - (5) đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
 - (6) chơi âm của các từ
 - (a) “hội thánh”
 - (i) “hội thánh” (Ê-phê-sô 3:21)
 - (ii) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - (iii) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - (b) “tự do”
 - (i) “người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
 - (ii) “sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - (iii) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - d. các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
 - (1) đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
 - (2) đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
 - (3) đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
 - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
- 5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jêsus Christ”
- 6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
 - a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
 - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tỉnh nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”

E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lỗi nhấn mạnh qua các cách sau:

- 1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
- 2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo “từng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
- 3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).
- 4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen
 - a. *The American Standard Version* năm 1901
 - b. *Young’s Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân Ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu

được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ và các đoạn văn đối xứng nhau.